NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo

(Giai đoạn đánh giá: 2017-2021)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 2022

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá: 2017-2021)

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 9 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC 1
1. Khái quát về cơ sở giáo dục.....1
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....1
1.2. Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục 2
1.3. Cơ cấu tổ chức.....4
2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục.....4
2.1. Mô tả quy định pháp lý của các hoạt động của CSGD và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của CSGD. 4
2.2. Mô tả những thách thức chính mà CSGD gặp phải và kế hoạch của CSGD để khắc phục những thách thức đó. 5
2.3. Mô tả các điểm mạnh và cơ hội của CSGD và cách mà CSGD tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó. 7
3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (Xem Phụ lục 3).....9
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC.....10
TIÊU CHUẨN 1: TẦM NHÌN, SỨ MẠNG VÀ VĂN HÓA.....10
TIÊU CHUẨN 2: QUẢN TRỊ 17
TIÊU CHUẨN 3: LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ.....26
TIÊU CHUẨN 4: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC 32
TIÊU CHUẨN 5: CÁC CHÍNH SÁCH VỀ ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG 38
TIÊU CHUẨN 6: QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC 43
TIÊU CHUẨN 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT.....60
TIÊU CHUẨN 8: CÁC MẠNG LƯỚI VÀ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI.....77
TIÊU CHUẨN 9: HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG.....88
TIÊU CHUẨN 10: TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI 102
TIÊU CHUẨN 11: HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG.....110
TIÊU CHUẨN 12: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG.....118
TIÊU CHUẨN 13: TUYỂN SINH VÀ NHẬP HỌC 129
TIÊU CHUẨN 14: THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC..136
TIÊU CHUẨN 15: GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP 151
TIÊU CHUẨN 16: ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC.....162
TIÊU CHUẨN 17: CÁC HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC 168
TIÊU CHUẨN 18: QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 179
TIÊU CHUẨN 19: QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ 191
TIÊU CHUẨN 20: HỢP TÁC VÀ ĐỐI TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC.....198

TIÊU CHUẨN 21: KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG 208
TIÊU CHUẨN 22: KẾT QUẢ ĐÀO TẠO 219
TIÊU CHUẨN 23: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC 227
TIÊU CHUẨN 24: KẾT QUẢ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG.....247
TIÊU CHUẨN 25: KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ THỊ TRƯỜNG 255
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD 269
PHỤ LỤC 275
Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các tổ chuyên trách công tác Tự đánh giá cơ sở giáo dục.....275
Phụ lục 2: Kế hoạch tự đánh giá Cơ sở giáo dục.....282
Phụ lục 3: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD 294

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. 1 - So sánh sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường giai đoạn trước năm 2020 và giai đoạn 2021-2030 13
Bảng 6. 1 - Số lượng và chất lượng giảng viên, viên chức của HUB (tính đến ngày 30/6/2022) 44
Bảng 6. 2 - Các loại hình và kết quả đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2017-2021 49
Bảng 6. 3 - Kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2017-2021 50
Bảng 6. 4 - Kết quả khen thưởng trong giai đoạn từ năm 2017 2021 52
Bảng 7. 1 - Chi tiết các khoản mục thu năm 2018-2021 61
Bảng 7. 2 - Chi tiết các khoản mục chi năm 2018 - 2021 61
Bảng 7. 3 - Mức độ tự đảm bảo năm 2022 (không bao gồm NSNN cấp) 62
Bảng 7. 4 - Mức độ tự đảm bảo giai đoạn 2023 - 2025 63
Bảng 7. 5 - Tỷ trọng dự toán ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên 63
Bảng 7. 6 - Hệ thống công nghệ thông tin hiện nay của HUB [H7.07.03.10] 68
Bảng 7. 7 - Chi cho các hoạt động về môi trường, sức khỏe, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy giai đoạn 2017-2021 70
Bảng 7. 8 - Số lượng cán bộ, sinh viên khám sức khỏe định kỳ giai đoạn 2017-2021 . 71
Bảng 8. 1 - Số lượng MOU đã ký qua từng năm 78
Bảng 8. 2- Số lượng sinh viên quốc tế tham gia các chương trình thạc sĩ trong nước năm 2018 80
Bảng 8. 3 - Số lượng sinh viên quốc tế tham gia các chương trình thạc sĩ quốc tế Bolton theo từng năm 80
Bảng 8. 4 - Danh sách chương trình liên kết đào tạo đang được triển khai tại HUB 82
Bảng 8. 5 - Tổng hợp các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ năm 2015-2021 83
Bảng 8. 6 - Số lượng đơn vị tài trợ và tham gia Ngày hội việc làm hàng năm 84
Bảng 9. 1 - Các khóa đào tạo về ĐBCL viên chức nhà trường đã tham gia 90
Bảng 9. 2 - Các giai đoạn thực hiện chương trình hành động của chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 98
Bảng 17. 1 - Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV chính quy giai đoạn 2017-2021 175
Bảng 17. 2 - Tỷ lệ SV chính quy bị cảnh báo, buộc thôi học 175
Bảng 18. 1 - Tổng thu cho các hoạt động KHCN giai đoạn 2017-2021 182
Bảng 18. 2 - Danh mục sản phẩm NCKH được thương mại hoá từ năm 2017-2021 . 182
Bảng 20. 1 - Thống kê số lượng đoàn ra, đoàn vào trong chu kỳ đánh giá 200
Bảng 20. 2 - Thống kê nguồn thu do đối tác tài trợ giai đoạn 2017-2021 202
Bảng 20. 3 - Hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu trong giai đoạn 2017-2021 204
Bảng 21. 1 - Số lượng học viên tham gia các chương trình đào tạo chương trình Saving Games 210
Bảng 23. 1 - Các đề tài cấp Bộ hoàn thành giai đoạn 2017-2021 229

Bảng 23. 2 - Các hoạt động KH&CN giai đoạn 2017-2021.....230
Bảng 23. 3 - Bảng Tổng hợp số lượng đề tài hoàn thành của sinh viên giai đoạn 2017-2021 234
Bảng 23. 4 - Số lượng đề tài sinh viên đạt giải giai đoạn 2017-2021 234
Bảng 23. 5 - Số lượng giải thưởng NCKH của sinh viên GĐ 2017-2021.....235
Bảng 23. 6 - Thống kê các công bố khoa học giai đoạn 2017-2021 237
Bảng 23. 7 - Số lượng công bố quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS giai đoạn 2017-2021 242
Bảng 23. 8 - Số lượng đề tài sinh viên đạt giải giai đoạn 2017-2021 243
Bảng 24. 1 - Chương trình tình nguyện do Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên thực hiện 249
Bảng 24. 2 - Tổng số tiền cán bộ, viên chức, NLĐ ủng hộ các Quỹ do Công Đoàn phát động 249
Bảng 24. 3 - Số lượng sinh viên tham gia hoạt động Mùa hè xanh và Xuân tình nguyện 250
Bảng 24. 4 - Tổng kết “Mùa hè xanh”.....250
Bảng 25. 1 - Tổng hợp nguồn thu, chi của Trường từ năm 2017-2021 255
Bảng 25. 2 - Tổng hợp một số mục chi của Trường từ năm 2017-2021.....255
Bảng 25. 3 - Cơ cấu một số mục chi của Trường từ năm 2017-2021 256
Bảng 25. 4 - Số sinh viên và chương trình đào tạo chính quy giai đoạn 2017-2021 ..257
Bảng 25. 5 - Thông tin tuyển sinh giai đoạn 2017-2021 hệ chính quy 257
Bảng 25. 6 - Thông tin tuyển sinh giai đoạn 2017-2021 hệ cao học.....258
Bảng 25. 7 - Thông tin tuyển sinh giai đoạn 2017 - 2021 trình độ tiến sĩ.....258
Bảng 25. 8 - Thông tin tốt nghiệp giai đoạn 2017 - 2021 hệ chính quy.....259
Bảng 25. 9 - Thông tin tốt nghiệp giai đoạn 2017-2021 hệ sau cao học.....259
Bảng 25. 10 - Thông tin tốt nghiệp giai đoạn 2017-2021 hệ tiến sĩ.....260
Bảng 25. 11 - Số lượng đề tài NCKH, chuyển giao công nghệ, sáng kiến được nghiệm thu trong vòng 05 năm gần đây 260
Bảng 25. 12 - Số lượng bài tạp chí của cán bộ cơ hữu Trường đăng giai đoạn 2017-2021 260
Bảng 25. 13 - Số lượng CCVC, NLĐ của Trường tham gia viết bài đăng tạp chí giai đoạn 2017-2021 261
Bảng 25. 14 - Số lượng giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo của Trường nghiệm thu giai đoạn 2017-2021.....261
Bảng 25. 15 - Số lượng báo cáo khoa học do CCVC, NLĐ của Trường báo cáo tại Hội thảo được đăng trong giai đoạn 2017-2021.....261
Bảng 25. 16 - Số lượng CCVC, NLĐ của Trường có báo cáo khoa học tại Hội thảo được đăng bài trong giai đoạn 2017-2021.....262
Bảng 25. 17 - Số lượng danh mục sáng kiến được thông qua, ban hành trong giai đoạn 2017-2021 của người lao động Trường.....262

Bảng 25. 18 - Tổng hợp khen thưởng từ năm 2017 - 2021 262
Bảng 25. 19 - Tổng hợp khen thưởng công tác Đoàn Hội sinh viên từ năm 2017 - 2021 263

DANH MỤC HÌNH

Hình 9. 1 - Sơ đồ tổ chức vận hành hệ thống ĐBCL bên trong của HUB 88
Hình 18. 1- Sơ đồ tổ chức về quản lý, điều hành hoạt động NCKH của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM 179
Hình 24. 1 - Kết quả khảo sát sinh viên về các hoạt động Đoàn – Hội giai đoạn 2017-2020 251

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Từ viết tắt	Diễn giải
AUN-QA	Mạng lưới chuyên trách về đảm bảo chất lượng giáo dục đại học của AUN (ASEAN University Network)
BCH	Ban Chấp hành
BGH	Ban Giám hiệu
CB	Cán bộ
CB-GV-NV	Cán bộ - Giảng viên - Nhân viên
CĐ	Công đoàn
CĐR	Chuẩn đầu ra
CLC	Chất lượng cao
CNTT	Công nghệ thông tin
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSVC	Cơ sở vật chất
CTĐT	Chương trình đào tạo
CTSV	Công tác sinh viên
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐCMH	Đề cương môn học
ĐHCQ	Đại học chính quy
ĐHNH	Đại học Ngân hàng
ĐT	Đào tạo
ĐT&HTQT	Đào tạo và Hợp tác Quốc tế
ĐTN	Đoàn Thanh niên
ĐU	Đảng ủy
FIBAA	Quỹ Kiểm định Các chương trình Quản trị Kinh doanh Quốc tế (Foundation for International Business Administration Accreditation)
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GV	Giảng viên
HĐT	Hội đồng trường
HTQLCL	Hệ thống quản lý chất lượng
HTSV	Hỗ trợ sinh viên
HTTT	Hệ thống thông tin
HUB	Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KH&CN	Khoa học và Công nghệ
KHCN	Khoa học Công nghệ
KT&ĐBCL	Khảo thí và Đảm bảo chất lượng

KTHP	Kết thúc học phần
KT-KT	Kế toán - Kiểm toán
KTQT	Kinh tế Quốc tế
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NCKH&CGCN	Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ
NCKH&CNNH	Nghiên cứu khoa học và Công nghệ ngân hàng
NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NLĐ	Người lao động
NSNN	Ngân sách Nhà nước
NV	Nhân viên
PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
QLCNTT	Quản lý Công nghệ thông tin
QLKH&XB	Quản lý khoa học và Xuất bản
QTKD	Quản trị kinh doanh
QTTS	Quản trị tài sản
SĐH	Sau Đại học
SHTT	Sở hữu trí tuệ
SV	Sinh viên
TCCB	Tổ chức Cán bộ
TC-KT	Tài chính - Kế toán
TC-NH	Tài chính - Ngân hàng
TP. HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TSTT	Tài sản trí tuệ
TVTS&PTTH	Tư vấn tuyển sinh và Phát triển thương hiệu
UBKT ĐU	Ủy ban kiểm tra Đảng ủy
VC	Viên chức

PHẦN I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Khái quát về cơ sở giáo dục

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Ngày 16/12/1976, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Ngân hàng Trung ương) ban hành Quyết định số 1229/NH-TCCB thành lập Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng - Cơ sở II TP. Hồ Chí Minh với nhiệm vụ đào tạo hệ đại học chuyên tu và tại chức cho ngành. Ngày 03/05/1980, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 149/QĐ-TTg cho phép đào tạo đại học hệ chính qui tập trung chuyên ngành ngân hàng tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29/11/1986, Tổng Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ký Quyết định 169/NH-QĐ quy định về cơ cấu tổ chức bộ máy và đổi tên Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng - Cơ sở II Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng - Thành phố Hồ Chí Minh, với nhiệm vụ tiếp tục đào tạo hệ đại học chuyên tu, tại chức và đại học chính quy cho ngành khu vực phía Nam.

Ngày 23/03/1993, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 112/QĐ-TTg thành lập Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu Khoa học Ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, với mục tiên đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành. Trường Trung học Ngân hàng III Trung ương sáp nhập với Trường Cao cấp Nghiệp vụ Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh và đổi tên thành Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu Khoa học Ngân hàng - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày 09/02/1998, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 30/1998/QĐ-TTg thành lập Học viện Ngân hàng trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trung tâm Đào tạo và Nghiên cứu Khoa học Ngân hàng - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được đổi tên thành Học viện Ngân hàng - Phân viện Tp. Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ đào tạo cao đẳng, đại học tại chức, đại học chính quy tập trung và sau đại học chuyên ngành Ngân hàng khu vực phía Nam.

Ngày 20/08/2003, Thủ tướng Chính phủ ký quyết định số 174/2003/QĐ-TTg thành lập Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, với nhiệm vụ đào tạo đại học và sau đại học (chuyển Học viện Ngân hàng - Phân viện TP. Hồ Chí Minh thành Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh).

Trường có tổng cộng 3 cơ sở: Trụ sở chính của Trường tại 36 Tôn Thất Đạm, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1; Cơ sở 56 Hoàng Diệu 2, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức và tại 39 Hàm Nghi, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM với tổng diện tích đất là 110.000 m2 và diện tích sàn đã xây dựng là 46.412 m2. Trong đó, gồm:

39.890 m2 hội trường, phòng học; 1.936 m2 phòng làm việc cho giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu; 3,402 m2 thư viện, trung tâm học liệu; 1.184 m2 dành cho thực hành, thực tập, luyện tập.

Hiện nay, Trường đang đào tạo hơn 14.000 học viên và sinh viên các bậc, hệ đào tạo thuộc 7 ngành đào tạo cử nhân: Tài chính - Ngân hàng, Kế toán, Quản trị Kinh doanh, Hệ thống Thông tin Quản lý, Ngôn ngữ Anh, Luật kinh tế và Kinh tế quốc tế; 3 ngành đào tạo Thạc sĩ: Tài chính – Ngân hàng, Quản trị kinh doanh và Luật Kinh tế; 2 ngành đào tạo Tiến sĩ: Tài chính – Ngân hàng và Quản trị kinh doanh. Trường cung cấp các khóa bồi dưỡng kiến thức và cấp chứng chỉ nghiệp vụ thuộc thuộc lĩnh vực TC – NH, chứng chỉ Ngoại ngữ, Tin học. Trường đã và đang triển khai các chương trình đào tạo đại học và sau đại học với Đại học Bolton (Anh), Đại học Toulon (Pháp), Đại học Griffith (Úc), Đại học Adelaide (Úc),…

Trong hơn 45 năm phát triển, Trường đã không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và mở rộng hợp tác với cộng đồng doanh nghiệp, đối tác quốc tế, từng bước khẳng định vị thế là một trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực kinh tế, kinh doanh quốc tế, quản trị kinh doanh, tài chính - ngân hàng cho khu vực phía Nam.

1.2. Sứ mạng, Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi và Triết lý giáo dục

1.2.1. Sứ mạng:

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh cung cấp cho xã hội và ngành ngân hàng nguồn nhân lực chất lượng cao, các nghiên cứu có tầm ảnh hưởng, cùng với dịch vụ tư vấn và hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh kiến tạo hệ sinh thái giáo dục, mang đến cơ hội và kỹ năng học tập suốt đời; phát triển con người toàn diện, sáng tạo, với tinh thần phụng sự.

1.2.2. Tầm nhìn:

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh định hướng trở thành đại học đa ngành và liên ngành nằm trong nhóm các đại học có uy tín ở khu vực Đông Nam Á. Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh tiên phong ứng dụng công nghệ số trong đào tạo, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên ngành.

1.2.3. Giá trị cốt lõi :

“**Chính trực – Đoàn kết – Tiên phong**”

Chính trực: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh đề cao tính chính trực và trung thực trong mọi hành động; luôn nhất quán giữa tư duy – lời nói – hành động.

Đoàn kết: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh lấy phương châm đoàn kết để có sức mạnh tổng hợp; đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa các bên có liên quan để cùng phát triển.

Tiên phong: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh tiên phong trong ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, quản lý, điều hành; sáng tạo và dẫn dắt xu hướng.

1.2.4. Triết lý giáo dục:

"Khai phóng – Liên ngành – Trải nghiệm"

Khai phóng: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh tạo môi trường giáo dục giúp người học tự khai phá tiềm năng của bản thân; lĩnh hội kiến thức chuyên môn sâu của ngành học trên nền tảng kiến thức tổng quát toàn diện; phát triển năng lực trí tuệ và kỹ năng cá nhân; định hình các giá trị sống tích cực hướng tới giáo dục con người tự chủ, sáng tạo, công dân có trách nhiệm.

Liên ngành: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh hướng đến đào tạo người học có hiểu biết liên ngành nhằm tránh được những thiên kiến trong việc ra quyết định, tăng khả năng kết nối các chuyên gia, mở rộng cơ hội việc làm.

Trải nghiệm: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh triển khai mô hình đào tạo "trưởng thành qua trải nghiệm". Qua trải nghiệm, người học sẽ hiểu biết sâu sắc hơn về lý thuyết, hình thành tư duy thực tiễn, năng lực thực thi, từ đó thích nghi và cải tạo với môi trường.

1.3. Cơ cấu tổ chức

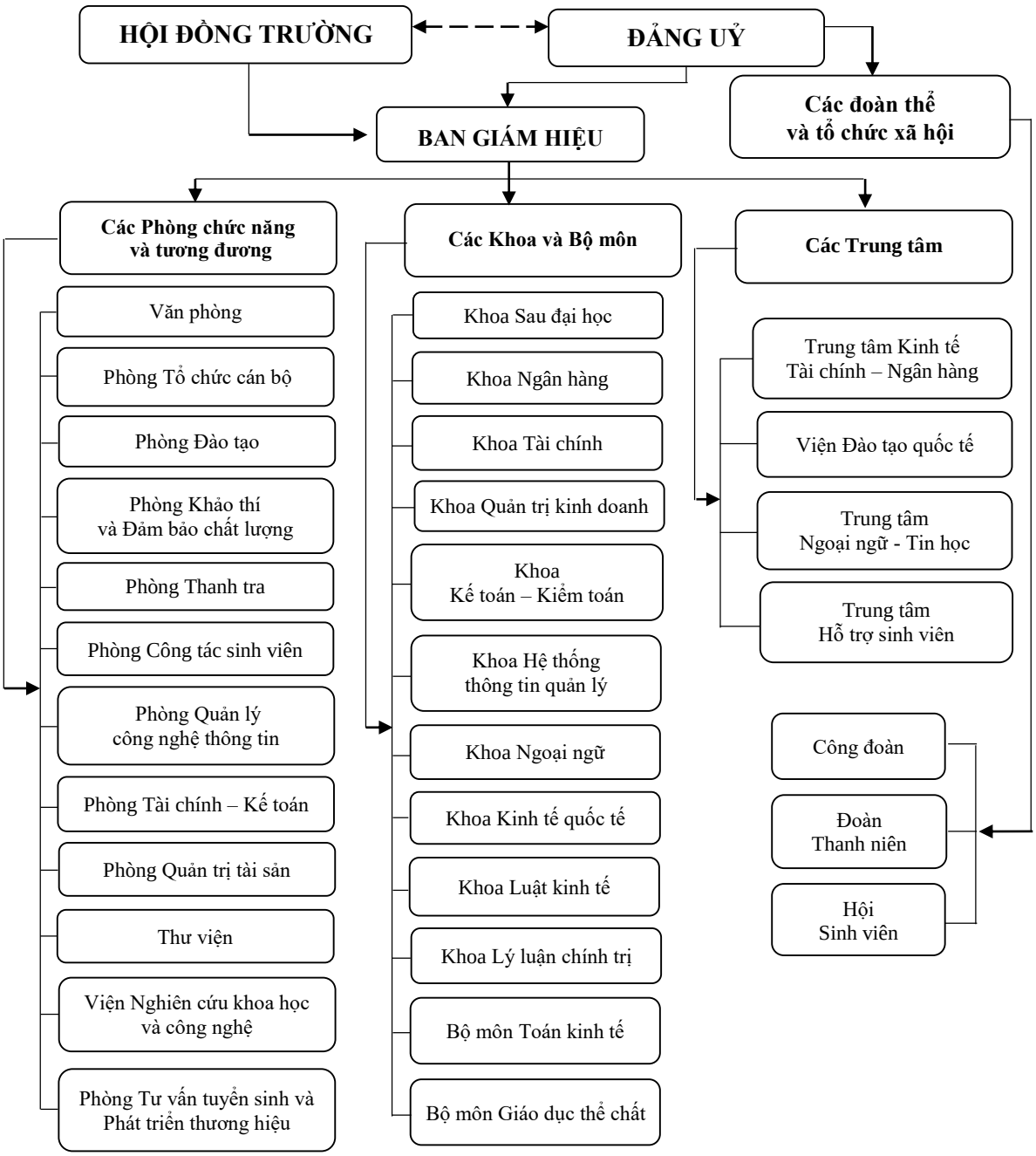

2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục

2.1. Mô tả quy định pháp lý của các hoạt động của CSGD và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của CSGD.

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh là trường Đại học công lập trực thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được thành lập theo quyết định số 174/2003/QĐ-TTg ngày 20/08/2003 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở Học viện Ngân hàng - Phân viện TP. Hồ Chí Minh. Trường hoạt động trên cơ sở Luật Giáo dục Đại học; Quyết định số 1650/QĐ-NHNN ngày 20/8/2018 của Thống đốc NHNN về việc Quy

định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường ĐHNH TP. HCM; Nghị quyết số 20/NQ-ĐHNH-HĐT ngày 29/4/2022 của Hội đồng Trường về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường ĐHNH TP. HCM và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Đảng, Chính phủ và Bộ GD&ĐT, NHNN Việt Nam.

Trường có Đảng bộ Trường trực thuộc Đảng bộ khối Đại học, Cao Đẳng TP. HCM, hoạt động theo Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo hướng dẫn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Trường có tổ chức Công đoàn, ĐTN Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên, Ban Nữ công. Các tổ chức này hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức, có trách nhiệm góp phần thực hiện mục tiêu của Trường, phù hợp với tôn chỉ mục đích, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đoàn thể trong Nhà trường. Trường tôn trọng vai trò, nguyên tắc hoạt động của tổ chức Đoàn thể, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các tổ chức trên tham gia đầy đủ vào các hoạt động chung của Nhà trường.

Trường thực hiện quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm đối với đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật nhằm khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực để đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, phấn đấu trở thành một trường đại học định hướng nghiên cứu theo các chuẩn mực khu vực và quốc tế; đồng thời bảo đảm mọi đối tượng người học có cơ hội tiếp cận các chương trình đào tạo của Trường.

2.2. Mô tả những thách thức chính mà CSGD gặp phải và kế hoạch của CSGD để khắc phục những thách thức đó.

Trải qua quá trình hơn 45 năm hình thành và phát triển, Trường ĐHNH TP. HCM xác định rõ các yếu tố bên ngoài và bên trong tác động đến sự phát triển của Trường, từ đó đưa ra kế hoạch khắc phục những thách thức, biến thách thức thành cơ hội. Cụ thể như sau:

Thứ nhất, cạnh tranh mạnh mẽ trong lĩnh vực giáo dục đại học. Nhiều trường đại học đào tạo các ngành, chuyên ngành tương tự với các ngành, chuyên ngành mà ĐHNH đang đào tạo. Điều này tạo ra thách thức trong công tác tuyển sinh, phát triển chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đối mặt thách thức này, chất lượng là yếu tố then chốt giúp Trường vượt qua thách thức. Để duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường, trong Chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045, Trường đã xây dựng các chiến lược thành phần bao gồm mục tiêu, lộ trình và giải pháp thực hiện trong mỗi lĩnh vực: Tổ chức nhân sự, Đào tạo, Tài chính, Chuyển đổi số, cơ sở vật chất, khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế, khảo thí và đảm bảo chất lượng. Chất lượng được xây dựng trở thành văn hóa trong mọi hoạt động: Mỗi đơn vị và cá nhân đều ý thức được duy trì, cải tiến công việc một cách liên tục đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan; Mỗi đơn vị đều có lãnh đạo và chuyên viên kiêm nhiệm

công tác đảm bảo chất lượng; Lấy ý kiến các bên liên quan về các hoạt động đào tạo của Nhà trường được thực hiện định kỳ và dựa trên kết quả phản hồi để đưa ra những kế hoạch khắc phục, duy trì, cải tiến liên tục các hoạt động; Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 được xây dựng, vận hành và được duy trì, cải tiến hàng năm trong mọi quá trình công việc của Trường.

Thứ hai, cách mạng công nghiệp 4.0 đặt ra vấn đề cần phải chuyển đổi số trong công tác quản trị đại học và hoạt động đào tạo, tạo ra thách thức về cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ trong quản lý và thay đổi chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu của xã hội. Một trong những mục tiêu chiến lược của Trường được nêu trong chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 đó là: Phát triển các CTĐT theo hướng chuyển đổi số và liên ngành nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong điều kiện mới phù hợp với triết lý giáo dục "Khai phóng– Liên ngành – Trải nghiệm"; Xây dựng không gian HUB xanh và hiện đại với cơ sở vật chất hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo với phòng học thông minh, phòng nghiên cứu trí tuệ nhân tạo, phòng thực hành mô phỏng, đồng thời phát triển hệ thống thông tin quản lý đồng bộ, tích hợp đảm bảo quản lý số hóa và phát triển thư viện điện tử hiện đại. Bước đầu thực hiện chiến lược này, trường đã xây dựng và triển khai đào tạo các chương trình đào tạo theo hướng hiện đại như Công nghệ tài chính (Fintech), Kế toán kỹ thuật số (Digital Accounting), Marketing kỹ thuật số (Digital Marketing), Quản trị kinh doanh định hướng kinh doanh số (E-business) đồng thời với hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị, đáp ứng vận hành các chương trình đào tạo hiện đại.

Thứ ba, thực hiện tự chủ đại học theo yêu cầu của pháp luật. Thách thức này yêu cầu Trường phải xây dựng bộ máy quản trị hiệu quả, nâng cao chất lượng đào tạo, khai thông nguồn thu từ các hoạt động hoạt động về nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức, kết nối, phục vụ cộng đồng. Để thực hiện tự chủ đại học, trường xây dựng chiến lược có liên quan làm căn cứ lên kế hoạch triển khai: Áp dụng mô hình quản trị đại học theo tinh thần của Luật Giáo dục đại học theo đó cơ cấu lại các đơn vị theo hướng tinh giảm; Đổi mới chương trình đào tạo và phát triển các chương trình tiên tiến, chất lượng cao, có tính kết nối, liên thông, liên ngành và hội nhập quốc tế; Phát triển khoa học và công nghệ theo chiều sâu, tham gia các đề tài/ đề án trọng điểm, phục vụ cộng đồng, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong NCKH.

2.3. Mô tả các điểm mạnh và cơ hội của CSGD và cách mà CSGD tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó.

2.3.1. Điểm mạnh:

Đã thành lập Hội đồng trường và đang tiếp tục hoàn thiện bộ máy quản trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Đề án tự chủ về tài chính nhận được sự ủng hộ của Ngân hàng Nhà nước và đang trong quá trình xem xét phê duyệt.

Hệ thống cơ sở vật chất được mở rộng và hiện đại hóa đáp ứng nhu cầu giảng dạy, học tập và nghiên cứu của Trường.

Công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng được chú trọng, thực hiện nghiêm túc, có mục tiêu, chính sách và lộ trình rõ ràng.

Bước đầu thực hiện chuyển đổi số với các chương trình đào tạo, ứng dụng công nghệ trong công tác quản lý đào tạo, phù hợp với xu hướng phát triển của xã hội.

2.3.2. Cơ hội:

Bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập khu vực và thế giới, tạo cơ hội cho Trường mở rộng và đẩy mạnh các hoạt động hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học với các trường ngoài nước.

Chủ trương của Nhà nước về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học hướng đến giao quyền tự chủ cho các trường đại học tạo ra cơ hội để Trường nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc thực hiện trách nhiệm giải trình, giúp trường chủ động và linh hoạt trong các hoạt động.

Với vị trí địa lý nằm ở phía Nam, nơi có nhu cầu rất cao về nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ phát triển kinh tế, Trường có cơ hội rất lớn trong việc thu hút người học tham gia các chương trình đào tạo cũng như tham gia những đề tài nghiên cứu trọng điểm.

Xu hướng chuyển đổi số tạo cơ hội cho Trường ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động, hiện đại hóa hệ thống quản trị, quản lý, phát triển theo mô hình đại học số.

2.3.3. Giải pháp để tận dụng những điểm mạnh và cơ hội

Với những cơ hội và điểm mạnh của Nhà trường, một số giải pháp đã được Trường thực hiện để tận dụng cơ hội và phát huy điểm mạnh như sau:

Về phát triển đội ngũ cán bộ hỗ trợ, giảng viên:

- Thực hiện chính sách ưu tiên tuyển dụng giảng viên có trình độ Tiến sĩ và các ứng viên có khả năng sử dụng Tiếng Anh thành thạo. Đồng thời tạo điều kiện, khuyến khích giảng viên cơ hữu nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu phát triển chương trình đào tạo.

- Khuyến khích cán bộ, giảng viên nâng cao trình độ Tiếng Anh bằng việc hỗ trợ một phần chi phí học tập.

- Ban hành quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, giảng viên để đánh giá một cách công bằng, khách quan kết quả thực hiện công việc, từ đó là cơ sở phân phối thu nhập.

Về tuyển sinh:

- Đẩy mạnh công tác tuyển sinh và tư vấn tuyển sinh: Lập kế hoạch tuyển sinh cụ thể hàng năm với phương án và phương thức tuyển sinh phù hợp với quy định và thực tiễn.; thực hiện đa dạng phương thức tư vấn tuyển sinh như tư vấn trực tuyến, tư vấn qua điện thoại, trên phương tiện thông tin đại chúng, định hướng nghề nghiệp tại các Trường THPT,…

- Chú trọng đến công tác phát triển thương hiệu, truyền thông đại chúng, marketing để xây dựng hình ảnh Nhà trường trong cộng đồng, tạo thuận lợi cho công tác tuyển sinh.

Về chương trình đào tạo, phương pháp dạy và học:

- Định kỳ tổ chức rà soát, điều chỉnh các chương trình đào tạo theo hướng chuyển đổi số; Rà soát, xây dựng chuẩn đầu ra chương trình đào tạo phù hợp yêu cầu của các bên liên quan và tầm nhìn, sứ mạng, triết lý giáo dục của Nhà trường.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng giảng viên về phương pháp dạy và học tích cực; phương pháp xây dựng chương trình đào tạo, đề cương môn học đáp ứng chuẩn đầu ra; phương pháp kiểm tra, đánh giá sinh viên.

Về hỗ trợ người học:

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý người học. Đổi mới cơ chế và hình thức quản lý người học theo hướng người học là người được phục vụ và người học có trách nhiệm thực hiện và tuân thủ.

- Bổ sung và nâng cao chất lượng các hoạt động ngoại khóa cho người học, hướng đến môi trường học tập năng động, người học có cơ hội tham gia đa dạng các hoạt động.

- Đa dạng hóa và tăng quy mô các quỹ học bổng, giải thưởng cho người học để khuyến khích nâng cao thành tích học tập.

- Tổ chức thực hiện công tác tư vấn học tập, nghề nghiệp, hỗ trợ thực tập và việc làm cho người học khi học tập và tốt nghiệp. Tổ chức tốt công tác y tế trường học, chăm sóc và bảo đảm sức khỏe cho người học.

Về cơ sở vật chất:

- Xây dựng mới và hoàn thiện, chỉnh trang phòng làm việc, phòng học, phòng thực hành, khu liên hợp thể thao theo kế hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo không gian học tập, giảng dạy.

- Triển khai dự án đầu tư, nâng cấp hệ thống CNTT: đầu tư hệ thống mạng thông tin, wifi, website hiện đại, chuyên nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu của công tác quản lý và người học.

- Xây dựng nguồn học liệu mở được kết nối qua website Thư viện, liên kết nguồn học liệu với các đơn vị bên ngoài để đáp ứng nhu cầu tra cứu dữ liệu, liên kết cơ sở dữ liệu của người đọc, phục vụ học tập và nghiên cứu của SV và GV.

Về quản lý khoa học và hợp tác quốc tế:

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý nghiên cứu khoa học. Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường liên tục được cập nhật sửa đổi theo quy định của nhà nước và phù hợp tình hình thực tế của Trường.

- Rà soát, cải tiến quy định về hỗ trợ các công bố quốc tế, thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh, xây dựng và ban hành quy chế về liêm chính học thuật trong nhà trường.

- Mở rộng mối quan hệ với các trường đại học trong nước và ngoài nước cả chiều rộng lẫn chiều sâu bằng việc ký kết MOU về hợp tác triển khai các hoạt động giao lưu sinh viên, giảng viên và trao đổi học thuật, công nhận tín chỉ, … với nhiều trường đối tác, nhập khẩu chương trình đào tạo.

3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (Xem Phụ lục 3)

PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

TIÊU CHUẨN 1: TẦM NHÌN, SỨ MẠNG VÀ VĂN HÓA

Tiêu chí 1.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (HUB) xác định sứ mạng của mình là "cung cấp cho xã hội và ngành ngân hàng nguồn nhân lực chất lượng cao, các nghiên cứu có tầm ảnh hưởng, cùng với dịch vụ tư vấn và hoạt động phục vụ cộng đồng. HUB kiến tạo hệ sinh thái giáo dục, mang đến cơ hội và kỹ năng học tập suốt đời hướng đến phát triển con người toàn diện, sáng tạo, với tinh thần phụng sự tổ quốc, phụng sự nhân dân" [H1.01.01.01].

Sứ mạng này được công bố rộng rãi trong và ngoài trường, được đánh giá rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, năng lực của Trường nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực có chất lượng cho xã hội [H1.01.01.02].

Sứ mạng của Trường đã được phổ biến để lấy ý kiến rộng rãi trong nội bộ Trường trước khi ban hành, được Đảng ủy, Hội đồng Trường thông qua [H1.01.01.03] và được công bố rộng rãi trong và ngoài Trường qua trang tin điện tử www.hub.edu.vn [H1.01.01.04]. Sứ mạng này phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Trường đã được NHNN công nhận vào năm 2018 [H1.01.01.05], được Trường cụ thể hóa trong từng giai đoạn phát triển. Để đáp ứng sự phù hợp với sứ mạng của Trường, hàng năm Trường có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ CBQL, GV, NV cả về số lượng lẫn chất lượng, tăng cường CSVC, hệ thống giáo trình [H1.01.01.06].

Để đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, hàng năm Trường đã tổ chức đào tạo bậc ĐH và sau ĐH, cung ứng nguồn nhân lực CLC cao cho ngành TC - NH và cho xã hội; nỗ lực nâng cao chất lượng; tích cực xây dựng, ban hành Quy chế hoạt động và tổ chức thực hiện đúng với chức năng nhiệm vụ, phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển của Ngành cũng như cả nước theo định hướng chủ động hội nhập quốc tế [H1.01.01.07].

Trong lĩnh vực NCKH, Trường đã tích cực tham gia đề xuất, đấu thầu, chủ trì đề tài các cấp phục vụ cho hoạt động giảng dạy, giải quyết các vấn đề thực tiễn của ngành NH, trên địa bàn TP. HCM và các địa phương khác [H1.01.01.08].

Sự liên kết đào tạo của Trường với nhiều địa phương trong nước, từ các tỉnh khu vực miền Trung, Tây Nguyên đến các tỉnh Nam Bộ; từ việc bồi dưỡng ngắn hạn cho các NH, tổ chức tín dụng đến các lớp dài hạn bậc ĐH, sau ĐH, hình thức VLVH, LT và VB2 đã đáp ứng được nhu cầu học tập đa dạng của các đơn vị trong và ngoài Ngành, góp phần phát triển nguồn nhân lực cho TP.HCM và các địa phương [H1.01.01.09].

Sứ mạng của Trường tương đối phù hợp với nguồn đầu tư kinh phí của NN, NHNN VN cho một trường đại học và các nguồn thu khác. Trường luôn là nguồn cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp cho ngành trong việc xây dựng chính sách, chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp đặc biệt là các định chế tài chính [H1.01.01.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

Trong chiến lược phát triển giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030, HUB xác định rõ Giá trị cốt lõi" Sáng tạo – Đạo đức – Trách nhiệm". Trong chiến lược phát triển giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn 2045, HUB xác định giá trị cốt lõi "Chính trực – Đoàn kết – Tiên phong" và được phổ biến tới các đơn vị, tổ chức, viên chức, giảng viên, người lao động của Trường: "Sự chính trực luôn hàm chứa sự trung thực trong mọi hành động. HUB luôn nhất quán giữa tư duy - lời nói - hành động. Đoàn kết tạo nên sự thống nhất để có sức mạnh tổng hợp. HUB lấy phương châm đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa các bên có liên quan để cùng nhau phát triển. Tiên phong để tạo ra và dẫn dắt xu hướng. HUB tiên phong trong ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, quản lý, điều hành". Lãnh đạo Nhà trường chủ trương xây dựng kế hoạch lan tỏa giá trị này thông qua xây dựng đề án, quy chế hoạt động của Trường, các đề án chiến lược phát triển Trường, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm [H1.01.02.01].

Giá trị văn hóa của HUB đưa vào văn hóa ứng xử, đạo đức của cán bộ, giảng viên và sinh viên [H1.01.02.02]. Giá trị văn hóa và tầm nhìn sứ mạng của Nhà trường đi liền nhau. Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn các đơn vị xây dựng văn bản, quy chế theo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn [H1.01.02.03]. Căn cứ vào đề án chiến lược phát triển Trường, Văn phòng đã xây dựng kế hoạch công tác năm phù hợp với từng đơn vị thuộc, trực thuộc Trường [H1.01.02.04].

Giá trị cốt lõi của Trường có sự thống nhất cao giữa các cấp Đảng ủy, chính quyền và đoàn thể. Đây là điều kiện tiên quyết để thực hiện các mục tiêu đề ra. Giá trị cốt lõi cũng được phổ biến, tuyên truyền rộng rãi trong trong các đơn vị, tổ chức, viên chức, giảng viên, người lao động, học viên, sinh viên, nhà tuyển dụng thông qua công tác tuyên truyền trên website, các bảng thông báo trong khuôn viên trường, sinh hoạt đầu khóa, các tài liệu giới thiệu về Trường [H1.01.02.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.3: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện.

Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của HUB đã được quán triệt, giải thích rõ ràng để mọi người thực hiện, thông qua các nội dung sinh hoạt của Trường, trong Hội nghị triển khai chiến lược, các cuộc họp giao ban, các ngày lễ, Hội nghị viên chức, người lao động (Kế hoạch tổ chức khai giảng, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11...), thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cho tân sinh viên [H1.01.03.01].

Chiến lược phát triển HUB được đề cập trong Hội nghị tổng kết công tác năm [H1.01.03.02], Nhà trường có chiến lược phát triển đội ngũ viên chức, giảng viên đủ về số lượng, chất lượng, đồng bộ về cơ cấu, phù hợp với ngành nghề đào tạo, đạt tiêu chuẩn về chuyên môn, trình độ tin học, ngoại ngữ, năng lực, phương pháp giảng dạy, phương pháp nghiên cứu khoa học đáp ứng yêu cầu. Đến năm 2030, giảng viên cơ hữu đạt 450 người, trong đó 100% giảng viên từ trình độ thạc sĩ trở lên; giảng viên có học hàm phó giáo sư đạt 10% - 15%; giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 70% - 80%. Chuyên môn hóa nghiệp vụ đối với viên chức hành chính, đảm bảo tỷ lệ viên chức hành chính từ 25% - 30% trên tổng số viên chức, người lao động của Trường.

- Đối với sinh viên, học viên: Tầm nhìn, sứ mạng của Trường cũng được quán triệt và giải thích rõ ràng thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, nội dung buổi gặp mặt tân sinh viên của các Khoa, phổ biến rộng rãi trên Website Trường, sổ tay sinh viên [H1.01.03.03].

- Đối với các tổ chức, nhà tuyển dụng, liên kết đào tạo với Nhà trường: Tầm nhìn, sứ mạng được truyền tải thông qua tờ rơi tuyển sinh giới thiệu về Trường [H1.01.03.04].

Đối với viên chức, giảng viên, người lao động: Tầm nhìn, sứ mạng thể hiện qua văn hóa công sở, quy chế, quy định của Nhà trường như Quy chế tổ chức hoạt động, Quy định về chế độ làm việc của GV , Nghiên cứu viên, Quy chế về văn hóa ứng xử của Viên chức, NLĐ [H1.01.03.05].

Ngoài ra, để quảng bá và truyền thông các hoạt động của Trường, Phòng TVTS&PTTH đã được thành lập [H1.01.03.06]. Phòng TVTS&PTTH là đơn vị đầu mối truyền thông các hoạt động của Nhà trường, trong đó có nhiệm vụ phổ biến các thông tin, hình ảnh về tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa đến các bên liên quan để biết và thực hiện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.4: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Viện NCKH&CNNH là đơn vị đầu mối trong việc xây dựng, rà soát tầm nhìn, sứ mạng của Trường [H1.01.04.01].

Năm 2021, sau giai đoạn triển khai thực hiện Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030, Nhà trường đã tiến hành xây dựng Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045, trong đó sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường đã được rà soát lại cho phù hợp với bối cảnh và yêu cầu của các bên liên quan [H1.01.04.02]. Trong quá trình rà soát tầm nhìn, sứ mạng, quy chế tổ chức và hoạt động, chiến lược phát triển, Viện NCKH&CNNH đã tổ chức lấy ý kiến của viên chức, người lao động trong Trường [H1.01.04.03]. Sau khi lấy ý kiến, Viện NCKH&CNNH tiến hành phân tích, tổng hợp ý kiến để trình Hội đồng trường, Ban Giám hiệu [H1.01.04.04]. Sau khi tiếp thu các ý kiến và thực hiện điều chỉnh, Ban soạn thảo tiếp tục xin ý kiến Đảng ủy, Hội đồng trường để hoàn thiện dự thảo và ban hành [H1.01.04.05].

Bảng 1. 1 - So sánh sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường giai đoạn trước năm 2020 và giai đoạn 2021-2030

Nội dung	Giai đoạn 2016 - 2020	Giai đoạn 2021 - 2030
Sứ mạng	Tạo dựng môi trường giáo dục đào tạo hiện đại, duy trì bản sắc dân tộc đểngười học phát huy tiềm năng, tính sáng tạo và năng lực tư duy; đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho xã hội; sáng tạo và chuyển giao tri thức khoa học đáp ứng yêu cầu hội nhập; thu nhận, nghiên cứu, phát triển và chuyển giao các thành tựu khoa học -công nghệ trong các lĩnh vực đào tạo của Trường.	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh cung cấp cho xã hội và ngành ngân hàng nguồn nhân lực chất lượng cao, các nghiên cứu có tầm ảnh hưởng, cùng với dịch vụ tư vấn và hoạt động phục vụ cộng đồng. Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh kiến tạo hệ sinh thái giáo dục, mang đến cơ hội và kỹ năng học tập suốt đời; phát triển con người toàn diện, sáng tạo, với tinh thần phụng sự.
Tầm nhìn	Trường Đại học Ngân hànglà trường đại học định hướng ứng dụng đa ngành khối kinh doanh - quản lý, trong đó ngành mũi nhọn là tài chính - ngân hàng, thực hiện giáo dục - đào tạo con người phát triển toàn diện về tri thức - đạo đức - sáng tạo, là công dân toàn cầu.	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh định hướng trở thành đại học đa ngành và liên ngành nằm trong nhóm các đại học có uy tín ở khu vực Đông Nam Á. Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh tiên phong ứng dụng công nghệ số trong đào tạo, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề liên ngành.
Giá trị cốt lõi	***"Sáng tạo – Đạo đức – Trách nhiệm – Phát triển"***	**"Chính trực – Đoàn kết – Tiên phong"**

	Sáng tạo: Trường Đại học Ngân hàng thực hành giá trị "sáng tạo" trong mọi mặt hoạt động giáo dục - đào tạo của Trường, vận hành các hoạt động của mình bằng tri thức mới để các hoạt động diễn ra thành công và kết quả gia tăng về giá trị. ***Đạo đức***: Trường Đại học Ngân hàngcoi trọng giá trị "đạo đức" trong mọi mặt hoạt động giáo dục - đào tạo của Trường. Thể hiện ở sự cam kết hành xử của đội ngũ giảng viên, viên chức trong việc tuân thủ quy chuẩn nghề nghiệp được luật pháp và xã hội quy định, phù hợp với truyền thống dân tộc vàtiếp thu tinh hoa nhân loại. ***Trách nhiệm***: Trường Đại học Ngân hàng đề cao giá trị "trách nhiệm" trong mọi hoạt động giáo dục - đào tạo của Trường. Đó là trách nhiệm quan tâm đến người học, giúp họ phát triển nhân cách và kỹ năng; trách nhiệm với xã hội - cộng đồng trong việc cam kết duy trì chất lượng giáo dục - đào tạo; trách nhiệm với quốc gia thể hiện qua việc thực hiện tốt mục tiêu chung của giáo dục đại học; trách nhiệm tự thân phát triển thể hiện qua việc không ngừng nâng cao vị thế của Trường. ***Phát triển***: Trường Đại học Ngân hàng luôn hướng đến giá trị "phát triển" trong mọi hoạt động giáo dục - đào tạo. Giá trị "phát triển" ấy được thể hiện ở sự đổi mới thường xuyên toàn bộ hoạt động theo hướng không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.	***Chính trực***: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh đề cao tính chính trực và trung thực trong mọi hành động; luôn nhất quán giữa tư duy – lời nói – hành động. ***Đoàn kết***: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh lấy phương châm đoàn kết để có sức mạnh tổng hợp; đảm bảo sự hài hòa lợi ích giữa các bên có liên quan để cùng phát triển. ***Tiên phong***: Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh tiên phong trong ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, quản lý, điều hành; sáng tạo và dẫn dắt xu hướng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 1.5: Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của cơ sở giáo dục cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Để đảm bảo sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi phù hợp với bối cảnh, và yêu cầu của các bên liên quan ở từng giai đoạn phát triển, năm 2021, Nhà trường đã thành lập Ban soạn thảo Chiến lược phát triển Trường nhằm xây dựng chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021 - 2030 trong đó bao gồm việc rà soát, điều chỉnh sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi phù hợp với bối cảnh mới [H01.01.05.01].

Quá trình xây dựng Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045 được thực hiện theo các bước như sau:

- Xin ý kiến Tập thể lãnh đạo, Đảng ủy, Hội đồng Trường về rà soát sứ mạng, tầm nhìn và phương hướng xây dựng Chiến lược [H01.01.05.02].
- Triển khai xây dựng Chiến lược [H01.01.05.03].
- Tổ chức lấy ý kiến xây dựng Chiến lược: Viện NCKH gửi dự thảo Chiến lược để tổ chức góp ý tại các đơn vị trong trường [H01.01.05.04].
- Hoàn thiện và ban hành Chiến lược: Bản dự thảo được trình Đảng ủy, Hội đồng trường thông qua và ban hành chính thức [H01.01.05.05].
- Rà soát và cải tiến: Sau khi ban hành chính thức về tầm nhìn sứ mạng và Chiến lược phát triển, Nhà trường trường công bố trên website và tổ chức các hoạt động phổ biến, tuyên truyền về tầm nhìn, sứ mạng của Trường đến các bên liên quan [H01.01.05.06]. Bên cạnh đó, Trường phân công Viện NCKH&CNNH là đơn vị đầu mối trong việc giám sát, rà soát, báo cáo về việc thực hiện chiến lược của Nhà trường [H01.01.05.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 1:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trải qua 45 năm xây dựng và phát triển, Trường đã có nhiều đúng góp to lớn trong việc đào tạo nhân lực chất lượng cao và nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực của nền kinh tế tri thức.

Trường có sứ mạng rõ ràng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của mình, gắn kết chặt chẽ với chiến lược phát triển kinh tế của Ngành cũng như cả nước và được công bố chính thức trên trang tin điện tử của Trường.

Mục tiêu của Trường được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu giáo dục ĐH và sứ mạng của Trường đã tuyên bố, được thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh, triển khai theo tình hình thực tế của Trường và sự phát triển của xã hội.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc hiện thực hóa sứ mạng của Trường còn hạn chế do giới hạn về nguồn lực tài chính bổ sung từ các khoản thu dịch vụ ĐT, NCKH - chuyển giao công nghệ.

Hoạt động quảng bá sứ mạng của Trường chưa đạt hiệu quả như kỳ vọng, đặc biệt là trong các hoạt động HTQT.

Trường chưa xây dựng được quy định và quy trình để kiểm soát hiệu quả việc thực hiện mục tiêu.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Nguồn lực tài chính hạn chế	BGH, Viện NCKH&CN, các Khoa, Trung tâm	Hằng năm	
2	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường hoạt động quảng bá, phổ biến sứ mạng, tầm nhìn	VP, Phòng TVTS&PTTH	Hằng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 1	***5***
Tiêu chí 1.1	5/7
Tiêu chí 1.2	5/7
Tiêu chí 1.3	5/7
Tiêu chí 1.4	5/7
Tiêu chí 1.5	5/7

TIÊU CHUẨN 2: QUẢN TRỊ

Tiêu chí 2.1: Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của cơ sở giáo dục.

Hệ thống quản trị của HUB gồm: BCH Đảng bộ (ĐU), HĐT, CĐ, ĐTN. Hệ thống quản trị của HUB được thiết lập theo quy định của Luật Giáo dục đại học, Điều lệ Trường đại học, Quy định của NHNNVN về quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường và các quy định của pháp luật, bao gồm: Hội đồng trường, Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên và các hội đồng tư vấn như Hội đồng khoa học và đào tạo; Hội đồng tuyển dụng; Hội đồng lương; Hội đồng thi đua, khen thưởng, các Hội đồng được thành lập thực hiện các nhiệm vụ cụ thể.

Đảng bộ HUB là tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc Đảng ủy khối các trường Đại học, Cao đẳng TP. HCM. BCH Đảng bộ (ĐU) hiện nay được bầu tại Đại hội Đảng bộ trường lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020 – 2025, gồm 13 thành viên [H2.02.01.01]. ĐU là cơ quan lãnh đạo cao nhất giữa hai kỳ đại hội của Đảng bộ Trường, thực hiện lãnh đạo dựa trên Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ Trường [H2.02.01.02], là hạt nhân chính trị lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Thành ủy TP.HCM, Đảng ủy Khối Đại học, Cao đẳng Thành phố Hồ Chí Minh, của NHNN và của Đại hội Đảng bộ Trường; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các chủ trương, nhiệm vụ, công tác của Trường; hoàn thành nghĩa vụ đối với Nhà nước; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của viên chức, người lao động trong Trường. ĐU đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động để lãnh đạo, chỉ đạo toàn hệ thống chính trị Trường triển khai các chỉ thị, nghị quyết của cấp ủy cấp trên, việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng và các định hướng lớn của Trường [H2.02.01.03].

HĐT được thành lập vào tháng 6 năm 2020, gồm 17 thành viên theo quy định của Luật giáo dục đại học và Điều lệ trường đại học [H2.02.01.04]. HĐT là tổ chức quản trị, thực hiện quyền đại diện của chủ sở hữu và các bên có lợi ích liên quan đến HUB. HĐT có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật giáo dục đại học, đặc biệt là quyết định chủ trương, chiến lược, kế hoạch phát triển của HUB; quyết định phương hướng về các lĩnh vực hoạt động của HUB; HĐT hoạt động theo Quy chế làm việc của HĐT, làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số và được thể hiện bằng hình thức nghị quyết [H2.02.01.05].

BGH gồm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng. Hiệu trưởng là người đại diện cho Trường trước pháp luật, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động

của Trường trước Thống đốc NHNN, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và trước pháp luật về việc thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao của Trường; các Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng quản lý, điều hành các hoạt động của Trường; được Hiệu trưởng phân công trực tiếp phụ trách một số lĩnh vực công tác; chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lĩnh vực công tác được phân công [H2.02.01.06]. Hiệu trưởng quản lý chung và trực tiếp phụ trách quy hoạch, kế hoạch phát triển Trường, công tác tổ chức cán bộ, tài chính, hợp tác quốc tế; 01 Phó Hiệu trưởng thường trực phụ trách quản lý đào tạo, xây dựng, phát triển chương trình đào tạo, truyền thông và phát triển thương hiệu, hợp tác quốc tế và NCKH; 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng, công nghệ thông tin, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, công tác sinh viên và hỗ trợ sinh viên, thư viện, công tác an ninh – trật tự - phòng cháy chữa cháy; 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách tài chính, quản trị tài sản [H2.02.01.06]. Công tác quy hoạch Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng được đảm bảo tính liên tục và có tính kế thừa [H2.02.01.07].

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCSHCM của HUB đều được thành lập theo quy định của pháp luật và hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Công đoàn Ngành Ngân hàng, Thành Đoàn Thành phố Hồ Chí Minh [H2.02.01.08]. Các tổ chức đoàn thể đều xây dựng chương trình công tác/kế hoạch công tác hàng năm [H2.02.01.09].

Các hội đồng tư vấn gồm:

Hội đồng khoa học và đào tạo có nhiệm vụ tư vấn cho Hiệu trưởng về công tác đào tạo, hoạt động KHCN, phát triển đội ngũ [H2.02.01.10]. Hội đồng tuyển dụng tư vấn cho Hiệu trưởng tuyển chọn người có phẩm chất, có năng lực và chuyên môn đáp ứng nhu cầu của các vị trí việc làm [H2.02.01.11]. Hội đồng tuyển sinh được Hiệu trưởng thành lập, căn cứ các quy định pháp luật về công tác tuyển sinh để quyết định kết quả tuyển sinh theo thẩm quyền [H2.02.01.12]. Hội đồng thi đua, khen thưởng căn cứ vào các quy định, thảo luận và bỏ phiếu quyết định các danh hiệu thi đua khen thưởng theo quy định của pháp luật [H2.02.01.13]. Các Hội đồng này đề được thành lập theo quy định của Luật giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và nhu cầu giải quyết công việc trên thực tế. Ngoài các Hội đồng trên, khi cần thiết, Hiệu trưởng có thể thành lập các Hội đồng tư vấn khác căn cứ vào tình hình thực tế và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ [H2.02.01.14].

Vai trò và trách nhiệm của hệ thống quản trị được thể hiện rõ trong các quy định được ban hành theo các quyết định có liên quan của Hiệu trưởng. Cơ cấu tổ chức của HUB được cụ thể hóa trong Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của HUB, Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc HUB [H2.02.01.15]. Cơ cấu tổ chức này đã phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng đơn vị, thể hiện trách nhiệm thông tin, báo cáo, minh

bạch và trách nhiệm giải trình, tính bền vững và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của HUB.

Các hoạt động của HUB được tổ chức, quản lý hiệu quả thông qua hệ thống văn bản của từng thành tố trong hệ thống quản trị, cho thấy trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị. Đảng ủy ban hành Chương trình hành động, chương trình làm việc toàn khóa [H2.02.01.16], phân công nhiệm vụ cho các Đảng ủy viên [H2.02.01.17], các Kế hoạch, chương trình công tác hàng năm [H2.02.01.18]. ĐU đã ban hành các nghị quyết lãnh đạo sau các kỳ họp hàng tháng để lãnh đạo toàn diện hoạt động của HUB [H2.02.01.19]. Sau khi thành lập, HĐT đã ban hành chương trình làm việc năm học, các nghị quyết phiên họp để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật giáo dục đại học [H2.02.01.20]. Hiệu trưởng (và các Phó Hiệu trưởng khi được Hiệu trưởng ủy quyền) ban hành các kết luận tại các cuộc họp giải quyết các công việc ở các mặt hoạt động của HUB [H2.02.01.21]. ĐU, HĐT, BGH, Công đoàn, Đoàn Thanh niên đều thực hiện công tác sơ/tổng kết về tình hình công tác của thời kỳ trước (tháng/quý/6 tháng/năm) và xây dựng rõ phương hướng công tác của thời kỳ tiếp theo [H2.02.01.22]. Hoạt động tham mưu cho Hiệu trưởng của các Hội đồng tư vấn về các lĩnh vực hoạt động của Trường cũng góp phần đảm bảo tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của HUB.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.2: Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Hệ thống quản trị của HUB luôn kịp thời đưa ra các quyết định và được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, các văn bản thể chế và các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

ĐU ban hành Chương trình hành động, chương trình làm việc toàn khóa và chương trình công tác cho từng năm [H2.02.02.01]. Triển khai chương trình hành động/công tác của cả nhiệm kỳ, ĐU họp định kỳ hàng tháng và họp đột xuất khi có nhu cầu; các chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo của ĐU đã thông qua trong các cuộc họp được ban hành nghị quyết để triển khai đến BGH, CĐ, ĐTN, các chi bộ trực thuộc [H2.02.02.02]. Các nghị quyết này được các chủ thể khác trong hệ thống quản trị triển khai cụ thể theo phạm vi trách nhiệm.

Thực thi nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo của ĐU, HĐT chỉ đạo công tác xây dựng, thẩm định để quyết định Chiến lược phát triển Trường [H2.02.02.03]. Trên cơ sở nghị quyết của Đảng ủy và quy định của pháp luật, HĐT thực hiện thẩm quyền quyết định về công tác tuyển dụng [H2.02.02.04], tài chính [H2.02.02.05]; ban hành Quy chế dân chủ

trong hoạt động của Trường [H2.02.02.06], Quy chế chi tiêu nội bộ [H2.02.02.07], ban hành chương trình/kế hoạch giám sát [H2.02.02.08], thông qua và trình cấp có thẩm quyền quyết định về cơ cấu tổ chức của HUB [H2.02.02.9].

Thực thi nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo của ĐU, nghị quyết của HĐT, BGH tổ chức xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển trường [H2.02.02.10], sơ kết công tác năm trước và xây dựng phương hướng công tác hàng năm [H2.02.02.11]. BGH đã triển khai các nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo của ĐU, nghị quyết của HĐ thông qua các quyết định quản lý, các kế hoạch công tác theo các mảng công tác như đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, quản lý tài sản, tổ chức cán bộ, công tác sinh viên, biểu hiện cụa thể qua việc xây dựng và ban hành các văn bản cốt lõi phục vụ công tác quản lý, điều hành các mặt hoạt động của HUB như: Quy chế tổ chức và hoạt động [H2.02.02.12], Quy chế quản lý hoạt động khoa học, công nghệ [H2.02.02.13], Quy chế chi tiêu nội bộ (khi HUB chưa có HĐT) [H2.02.02.14], Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với công chức, viên chức, người lao động [H1.02.02.15], Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức, người lao động [H2.02.02.16], Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công [H2.02.02.17], Quy định về chế độ làm việc đối với nghiên cứu viên [H2.02.02.18], Quy chế làm việc đối với giảng viên [H2.02.02.19].

CĐ triển khai thông qua các kế hoạch hoạt động, phong trào của công đoàn cơ sở Trường [H2.02.02.20]. ĐTN triển khai thông qua các kế hoạch công tác Đoàn và phong trào thanh niên sinh viên [H2.02.02.21].

Các hội đồng tư vấn: Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng xét tốt nghiệp... họp định kỳ và họp thường xuyên khi có nhu cầu. Các cuộc họp đều được ghi biên bản, ra các kết luận để tư vấn cho Hiệu trưởng xem xét, ra quyết định [H2.02.02.22].

Các chi bộ, các đơn vị trực thuộc Trường triển khai các chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo của ĐU, BGH thông qua các kế hoạch công tác năm [H2.02.02.23], báo cáo về ĐU, BGH theo yêu cầu [H2.02.02.24]. Trong quá trình điều hành, các nghị quyết và quyết định có thể kèm theo các hướng dẫn triển khai khi cần thiết [H2.02.02.25].

Tóm lại, các quyết định của các chủ thể trong hệ thống quản trị đã được truyền tải vào kế hoạch hành động, chính sách và văn bản hướng dẫn để đảm bảo hiệu quả quản trị về mặt tổ chức cũng như tất cả các mặt hoạt động của HUB, giúp duy trì hệ thống quản trị vận hành hợp pháp, thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.3: Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.

Hệ thống quản trị của HUB được tiến hành rà soát thường xuyên theo kế hoạch của Trường và theo yêu cầu của NHNN (khi cần thiết).

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động [H2.02.03.01], ĐU, UBKT ĐU xây dựng Chương trình, Kế hoạch kiểm tra, giám sát theo nhiệm kỳ, theo năm [H2.02.03.02]. Các đợt kiểm tra, giám sát theo các chương trình, kế hoạch đã ban hành là dịp để ĐU rà soát, giám sát, kiểm tra các công tác mà mỗi tổ chức đảng, đảng viên đã chấp hành, triển khai theo chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo của ĐU.

Hàng năm, ĐU thực hiện kiểm điểm, đánh giá đối với tập thể ĐU và đánh giá đối với các đảng ủy viên [H2.02.03.03], từ đó có những điều chỉnh kịp thời đối với hiệu quả, hiệu lực hoạt động, tăng cường vai trò của các đảng ủy viên. Tiêu chí để kiểm điểm, đánh giá Ban Thường vụ Đảng ủy, tập thể Đảng ủy, các đảng ủy viên được thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Đảng ủy Khối Đại học, Cao đẳng Thành phố Hồ Chí Minh [H2.02.03.04]. Định kỳ hàng năm, ĐU thực hiện tổng kết công tác Đảng trong năm [H2.02.03.05].

Trong các nhiệm kỳ, ĐU luôn thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch nhân sự BCH Đảng bộ và được cấp có thẩm quyền phê duyệt [H2.02.03.06]. Nhân sự đảng ủy viên được rà soát, cập nhật để phù hợp với yêu cầu công tác thực tế và thay thế khi có biến động về nhân sự đảng ủy viên do chuyển công tác hoặc nghỉ chế độ theo quy định [H2.02.03.07].

HĐT đã kịp thời triển khai việc rà soát, tổng kết hoạt động trong năm học 2020-2021 (năm học đầu tiên sau khi HĐT được thành lập vào tháng 6/2020 và đi vào hoạt động) [H2.02.03.08] nhằm kịp thời điều chỉnh, bổ sung các hoạt động cần thiết của HĐT cho các năm tiếp theo trong nhiệm kỳ.

BGH chỉ đạo các bộ phận chức năng báo cáo tổng kết năm học, tổng kết 6 tháng, tổng kết cuối mỗi năm nhằm đánh giá việc thực hiện kế hoạch, các kết quả đã đạt được theo các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch [H2.02.03.09]. Tất cả các mặt hoạt động của Trường (đào tạo, sinh viên, nghiên cứu khoa học, tổ chức, nhân sự, hành chính, hợp tác quốc tế…) trong một năm học thường được tổng kết, thảo luận, phân tích thấu đáo tại tại Hội nghị công chức, viên chức, người lao động hàng năm nhằm xác định rõ nhiệm vụ chưa hoàn thành, chỉ rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các đơn vị có liên quan, từ đó thống nhất phương hướng khắc phục [H2.02.03.10]. Cuối năm công tác, tập thể BGH và từng cá nhân BGH thực hiện báo cáo kiểm điểm, đánh giá các lĩnh vực được giao phụ trách [H2.02.03.11].

Các chủ thể còn lại trong hệ thống quản trị như CĐ, ĐTN, các Hội đồng tư vấn cũng được rà soát thường xuyên. CĐ đã triển khai công tác rà soát, bổ sung quy hoạch nhân sự BCH CĐCS trong nhiệm kỳ [H2.02.03.12], tổng kết hoạt động trong năm học [H2.02.03.13], kiểm tra, giám sát các công đoàn bộ phận trực thuộc [H2.02.03.14]. ĐTN thực hiện triển khai công tác rà soát, bổ sung quy hoạch nhân sự BCH ĐTN Trường trong nhiệm kỳ [H2.02.03.15], tổng kết hoạt động trong năm học [H2.02.03.16]. Các hội đồng tư vấn được rà soát, kiện toàn kịp thời khi có biến động nhân sự nhằm đảm bảo có đầy đủ nhân sự đúng thành phần cần thiết theo quy định để thực hiện đúng chức năng, hoạt động của từng hội đồng tư vấn [H2.02.03.17].

Hệ thống văn bản quản lý được rà soát khi có văn bản của cấp trên mới ban hành hoặc xuất phát từ nhu cầu thực tiễn công tác quản trị Trường. Trong giai đoạn 2017-2021, các quy chế, quy định cốt lõi phục vụ công tác quản trị, điều hành các mặt hoạt động của HUB đã được rà soát, cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung kịp thời [H2.02.03.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 2.4: Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn.

Hệ thống quản trị của HUB sau khi rà soát thì được xem xét tiến hành cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động.

Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của HUB được rà soát nên đã có điều chỉnh, cải tiến. Cụ thể là trước năm 2018, HUB thực hiện theo Quyết định số 330/QĐ-NHNN ngày 26/02/2014 và Quyết định số 1040/QĐ-ĐHNH ngày 18/06/2014 của NHNN quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và mô hình tổ chức, cơ cấu của Trường, theo đó cơ cấu tổ chức của HUB gồm 35 chủ thể/đơn vị đầu mối/tổ chức đoàn thể; đến năm 2018, HUB thực hiện chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và mô hình tổ chức, cơ cấu theo quyết định mới - Quyết định số 1650/QĐ-NHNN ngày 20/08/2018 của NHNN, theo đó cơ cấu tổ chức của HUB gồm 34 chủ thể/đơn vị đầu mối/tổ chức đoàn thể. Cơ cấu tổ chức được thay đổi như sau: sáp nhập 02 đơn vị quản lý đào tạo thành 01 đơn vị, thành lập mới 01 đơn vị, đổi tên 01 đơn vị, thay đổi hình thức 01 đơn vị từ phòng thành khoa, đổi tên 01 trung tâm, thay đổi hình thức 01 trung tâm thành viện, đổi tên 01 viện, trong cơ cấu mới không còn các cơ sở, chi nhánh đào tạo [H2.02.04.01].

Cùng với việc hệ thống quản trị được rà soát, điều chỉnh, cải tiến như trên, nhân sự tham gia các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường cũng được điều chỉnh như: điều động các viên chức từ đơn vị bị sáp nhập, xóa tên đến đơn vị mới, bổ nhiệm 01 viên chức quản lý và các viên chức thừa hành tại đơn vị mới thành lập, bổ nhiệm chức danh quản lý mới cho các viên chức quản lý tại 02 đơn vị thay đổi hình thức [H2.02.04.02].

Hội đồng KH&ĐT được thành lập năm 2018 theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng (Hiệu trưởng được bổ nhiệm vào tháng 3/2018), được rà soát, kiện toàn, thay thế năm 2021 do có nhân sự nghỉ hưu, chuyển công tác [H2.02.04.03].

Hệ thống văn bản quản lý cũng được rà soát nên đã có những điều chỉnh, cải tiến. Các quy chế, quy định quan trọng phục vụ công tác quản trị, điều hành Trường được sửa đổi, cập nhật, ban hành mới sau khi rà soát, phù hợp với sự cải tiến của hệ thống quản trị. Quy chế quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc HUB ban hành năm 2014 được thay thế bằng Quy chế mới, ban hành năm 2019 [H2.02.04.04]; Quy chế chi tiêu nội bộ ban hành năm 2017 được rà soát, điều chỉnh bổ sung ở các năm 2018, 2019, 2020 và đang chỉnh sửa trong năm 2021 [H2.02.04.05]; Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Khoa học và đào tạo được ban hành [H2.02.04.06]; Quy chế làm việc đối với giảng viên ban hành năm 2015 được rà soát, sửa đổi năm 2020 [H2.02.04.07]. Các quy chế quan trọng như: Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy chế tài chính của Trường tiếp tục được rà soát, sửa đổi, xây dựng mới trong năm 2020 và đang trình, chờ NHNN cho ý kiến [H2.02.04.08].

Do hệ thống quản trị của Trường thường xuyên được rà soát kịp thời, sửa đổi, bổ sung, cải tiến nên đã hạn chế được các rủi ro xảy ra.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 2:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trong giai đoạn vừa qua, HUB có hệ thống quản trị ngày càng hoàn thiện với sự thành lập HĐT, sự rà soát, cải tiến liên tục. Hệ thống quản trị của HUB và đã phát huy được vai trò, trách nhiệm, quyết định những chủ trương lớn của Trường và giám sát việc thực hiện các chủ trương đó. ĐU Trường ban hành nghị quyết lãnh đạo, chỉ đạo; HĐT quyết nghị các vấn đề quản trị Trường theo thẩm quyền; BGH triển khai thành kế hoạch, chương trình công tác và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Hệ thống văn bản quản trị thường xuyên được rà soát, cải tiến, các quyết định quản trị được kịp thời chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện, giúp HUB hoàn thành mục tiêu phát triển, đáp ứng tốt nhiệm vụ được NHNN giao, thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển Trường trong giai đoạn vừa qua.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Các Quy chế quan trọng như Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy chế tài chính của Trường đã được Hội đồng trường rà soát, sửa đổi, xây dựng mới ngay sau khi Hội đồng trường được thành

lập vào tháng 6 năm 2020, hiện nay đang trình, chờ NHNN cho ý kiến nên cơ sở pháp lý cho các hoạt động của Hội đồng trường chưa được ban hành đầy đủ; các chương trình giám sát chuyên đề của Hội đồng trường chưa triển khai đầy đủ (chủ yếu vẫn còn thực hiện giám sát thông qua văn bản).

3. Kế hoạch cải tiến:

HUB tiếp tục phát huy những thế mạnh của hệ thống quản trị và phát huy hoạt động của Hội đồng trường, cụ thể:

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Kiên trì tác động, đề nghị NHNN sớm cho ý kiến về các Quy chế quan trọng	Tập thể Lãnh đạo Trường, Hội đồng trường	2022
2	Khắc phục tồn tại 2	Hội đồng trường khoá I ban hành một số quyết nghị tăng cường thực hiện chức năng giám sát theo luật định	Hội đồng trường	2022 và các năm tiếp theo
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục phát huy vai trò, trách nhiệm của ĐU, HĐT, quyết nghị, lãnh đạo, chỉ đạo những chủ trương lớn của Trường và giám sát việc thực hiện các chủ trương đó.	Đảng ủy, Hội đồng trường	2022 và các năm tiếp theo
4	Phát huy điểm mạnh 2	Đảng ủy tiếp tục ban hành chủ trương lãnh đạo, HĐT thực hiện vai trò quản trị, BGH triển khai thành kế hoạch và các văn bản hướng dẫn thực hiện	Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH	2022 và các năm tiếp theo

5	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục rà soát hệ thống quản trị; xây dựng cụ thể lộ trình rà soát theo từng mảng công tác	Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH	2022 và các năm tiếp theo
6	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục cải tiến hệ thống quản trị của HUB để nâng cao hiệu quả quản lý và đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển của Trường	Đảng ủy, Hội đồng trường, BGH	2022 và các năm tiếp theo

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	**Mức đánh giá**
Tiêu chuẩn 2	**5**
Tiêu chí 2.1	5/7
Tiêu chí 2.2	5/7
Tiêu chí 2.3	5/7
Tiêu chí 2.4	5/7

TIÊU CHUẨN 3: LÃNH ĐẠO VÀ QUẢN LÝ

Tiêu chí 3.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Cơ cấu quản lý của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh được quy định rõ ràng với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo Quyết định số 1650/QĐ-NHNN ngày 20/8/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam [H3.03.01.01], cơ quan chủ quản của Trường. Theo đó, cơ cấu tổ chức của Trường bao gồm: Đảng uỷ, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, 03 Tổ chức chính trị - xã hội, 11 phòng chức năng và tương đương, 12 Khoa và Bộ môn, 05 Trung tâm và Viện. Cơ cấu tổ chức này nhằm đáp ứng việc thực hiện mục tiêu chiến lược của trường về tự chủ đại học, xây dựng mô hình quản trị hiện đại và các mục tiêu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và hỗ trợ cộng đồng [H3.03.01.02:Chiến lược phát triển HUB giai đoạn 2021-2030]. Trong đó: Hội đồng trường gồm 17 thành viên được công nhận theo Quyết định số 1068/QĐ-NHNN ngày 09/6/2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam [H3.03.01.03]. Đảng uỷ gồm 13 đồng chí, theo Quyết định chuẩn y số 62-QĐ/ĐUK, ngày 17 tháng 2 năm 2021 của Đảng uỷ Khối các trường đại học, cao đẳng thành phố Hồ Chí Minh [H3.03.01.04]. Ban Giám hiệu gồm 01 Hiệu trưởng và 03 Phó Hiệu trưởng thực hiện các nhiệm vụ theo quyết định về việc phân công nhiệm vụ thành viên Ban Giám hiệu Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh [H3.03.01.05].

Nhân sự tham gia các ví trị quản lý của trường cũng được phân định rõ vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo. Cụ thể, nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng, Phó các đơn vị Khoa, Phòng, Ban, Viện, Trung tâm được quy định rõ và đầy đủ tại Quyết định số 547/QĐ-ĐHNH ngày 01/3/2019 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh [H3.03.01.06]. Quan hệ phối hợp để giải quyết công việc giữa các đơn vị trong Trường được quy định theo Quy chế phối hợp công tác của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 2273/QĐ-ĐHNH ngày 15/10/2019 của Hiệu trưởng [H3.03.01.07].

Việc bổ nhiệm các vị trí quản lý của Trường được thực hiện theo đúng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước theo Quyết định số 2606/QĐ-NHNN ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về Quy chế Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm, điều động, biệt phái đối với công chức, viên chức và người quản lý doanh nghiệp thuộc Ngân hàng Nhà nước quản lý [H3.03.01.08]. Các viên chức được bổ nhiệm đều nằm trong diện được quy hoạch, đảm bảo điều kiện theo quy định. Về thẩm quyền bổ nhiệm, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ký quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, quyết định công nhận Hội đồng trường và Chủ tịch Hội đồng trường,

Chủ tịch Hội đồng trường ký quyết định bổ nhiệm Phó Hiệu trưởng, Kế toán trưởng, Hiệu trưởng ký quyết định bổ nhiệm các chức danh quản lý các đơn vị của Trường [H3.03.01.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.2: Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, hệ giá trị và các mục tiêu trong chiến lược phát triển của Nhà trường sau khi được phê duyệt, ban hành [H3.03.02.01] được Đảng uỷ, Hội đồng trường, Ban Giám hiệu tổ chức triển khai các hoạt động nhằm kết nối, tuyên truyền, sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, hệ giá trị và các mục tiêu của chiến lược phát triển của Nhà trường đến toàn bộ viên chức, người lao động và người học trong toàn trường [H3.03.02.02]. Bên cạnh đó, sứ mạng, tầm nhìn, triết lý, giá trị cốt lõi và các mục tiêu của chiến lược phát triển còn được phổ biến trên trang thông tin điện tử của Trường, tài liệu tư vấn tuyển sinh, nhiều địa điểm trong khuôn viên Trường [H3.03.02.03] nhằm lan tỏa không chỉ đối với công chức, viên chức, người lao động, học viên, sinh viên trong Trường mà còn đối với các bên có liên quan bao gồm: các cựu sinh viên, người thân và các đối tác, cơ quan, đơn vị có công tác với Trường. Thông qua các hình thức tuyên truyền, phổ biến đó, tập thể Lãnh đạo Nhà trường và toàn thể viên chức, người lao động, học viên, sinh viên đều biết được sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, hệ giá trị và các mục tiêu của chiến lược phát triển của Nhà trường để từ đó cùng triển khai thực hiện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.3: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.

Cơ cấu lãnh đạo, quản lý của Trường được xây dựng dựa trên Quyết định số 174/2003/QĐ-TTg ngày 20/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh [H3.03.03.01]; Quyết định số 1650/QĐ-NHNN ngày 20/8/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh [H3.03.03.02]; Quyết định số 547/QĐ-ĐHNH ngày 01/3/2019 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh [H3.03.03.03]. Trong quá trình hoạt động, Trường tiến hành rà soát cơ cấu quản lý của từng đơn vị để thực hiện công tác quy hoạch, bồ dưỡng, bổ nhiệm đội ngũ quản lý nhằm đảm bảo yêu cầu theo đúng quy định về bộ máy quản lý. Sau khi có kết quả rà soát đội ngũ lãnh đạo và quản lý, Nhà trường tiến hành quy hoạch đội ngũ cán bộ, lãnh đạo quản lý và xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đảm

bảo nguồn nhân sự cho vị trí lãnh đạo, quản lý của Trường. Công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo quản lý của Trường được thực hiện theo Hướng dẫn số 424/HD-BCS Hướng dẫn công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý trong Ngành ngân hàng, ngày 14/8/2013 của Ban cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước Việt Nam [H3.03.03.04]. Công tác rà soát, quy hoạch đươc thực hiện theo quy trình 06 bước [H3.03.03.05], gồm: Bước 1: Hội nghị tập thể Ban lãnh đạo (Ban Giám hiệu và BCH Đảng bộ), Trên cơ sở danh sách lãnh đạo thuộc diện Ban cán sự Đảng quản lý đã được phê duyệt, căn cứ đánh giá cán bộ hàng năm, P.TCCB thực hiện việc rà soát và báo cáo tập thể Ban lãnh đạo xem; Bước 2: Hội nghị tập thể cán bộ chủ chốt (Ban Giám hiệu, Đảng uỷ viên, Trưởng - Phó các đơn vị và tương đương, BCH Công đoàn, BCH Đoàn TN), trên cơ sở danh sách nhân sự dự kiến bổ sung quy hoạch đã được tập thể lãnh đạo thống nhất tại Bước 1, tập thể cán bộ chủ chốt bỏ phiếu: danh sách nhân sự dự kiến bổ sung vào quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; Bước 3: Hội nghị tập thể lãnh đạo mở rộng (Ban Giám hiệu, Đảng uỷ viên, Trưởng phòng và tương đương), Trên cơ sở bỏ phiếu của Hội nghị CBCC, tập thể lãnh đạo xem xét, thống nhất danh sách nhân sự đưa ra bỏ phiếu tại Hội nghị lãnh đạo mở rộng; Bước 4: Hội nghị tập thể Ban lãnh đạo - lần 2, trên cơ sở kết quả bỏ phiếu tại các Hội nghị (bước 2, bước 3), đồng thời căn cứ vào tiêu chuẩn, cơ cấu, số lượng theo quy định, P.TCCB thực hiện rà soát, tổng hợp, báo cáo tập thể BLĐ để thảo luận, thống nhất danh sách đưa ra bỏ phiếu; Bước 5: Xin ý kiến của cấp uỷ Đảng đối với những nhân sự được đề nghị bổ sung vào quy hoạch các chức danh lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Cán sự Đảng. Vụ TCCB có văn bản xin ý kiến Ban Thường Vụ Đảng uỷ Khối Đại học, Cao đẳng TP.HCM về danh sách quy hoạch của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM; Bước 6: Phê duyệt quy hoạch, sau khi có ý kiến của cấp uỷ liên quan (bước 5) [H3.03.03.06: Một số biên bản các cuộc họp liên quan đến công tác cán bộ; Một số quyết định điều động, bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ quản lý].

Nhân sự tham gia vào cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường được tiến hành đánh giá vào tháng hằng năm và theo nhiệm kỳ. Căn cứ pháp lý để đánh giá gồm: Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 và Nghị định số 88/2017/NĐ-CP ngày 27/7/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 56/2015/NĐ-CP ngày 9/6/2015 về đánh giá và phân loại cán bộ, công chức, viên chức [H3.03.03.07]; Quyết định số 2161/QĐ-NHNN, ngày 17/12/2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về Quy chế đánh giá, xếp loại viên chức, người lao động thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam [H3.03.03.08]. Thông tư số 17/2019/TT-NHNN, ngày 31/10/2019 Hướng dẫn thi đua, khen thưởng Ngành ngân hàng [H3.03.03.09]. Quyết định số 2647/QĐ-ĐHNH, ngày 27/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh về Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với công chức, viên chức, người lao động Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh [H3.03.03.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 3.4: Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn.

Kể từ năm 2019, do có nhiều thay đổi trong hệ thống pháp lý nhằm đẩy mạnh cơ chế tự chủ đối với các cơ sở giáo dục đại học, bao gồm: các quy định tại Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 [H4.03.04.01]; Nghị định 99/2019/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Giáo dục Đại học [H4.03.04.02] đã đặt ra cho Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM cần phải xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường cũng như Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường phù hợp với các yêu cầu theo quy định. Theo đó, Trường đã xây dựng đề án có 2 nội dung cần thay đổi trong cơ cấu tổ chức so với Quyết định 1650/QĐ-NHNN ngày 20/8/2018 [H4.03.04.03], gồm: (1) Thay đổi trong nhiệm vụ, quyền hạn và (2) Thay đổi về cơ cấu tổ chức của Trường. Việc thay đổi cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ trong cơ cấu tổ chức nhằm đáp ứng yêu cầu của thực tiễn hoạt động và đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Theo đó, trường đã xây dựng Đề án thành lập, tổ chức lại một số đơn vị và sửa đổi quy định về chức năng, nhiệm vụ của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM [H4.03.04.04] trình Ngân hàng Nhà nước phê duyệt. Theo Đề án, cơ cấu tổ chức của trường sẽ có một số thay đổi, cụ thể: tách tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á từ Viện nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Ngân hàng thành đơn vị trực thuộc trường; Đổi tên khoa Lý luận chính trị thành Khoa Chính trị và xã hội học. Đổi tên "Bộ môn Giáo dục thể chất" (đang là Bộ môn trực thuộc Trường) thành "Khoa Giáo dục Thể chất và Quốc phòng"; Đổi tên "Bộ môn Toán kinh tế" (đang là Bộ môn trực thuộc Trường) thành "Khoa Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu trong kinh doanh"; Thành lập Văn phòng Hội đồng trường.

Mô hình tổ chức dự kiến, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn điều chỉnh theo tinh thần của Luật Giáo dục Đại học mới của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM, gồm: Tổ chức Đảng CSVN (Ban chấp hành Đảng bộ); Hội đồng trường (gồm Chủ tịch, các thành viên và Văn phòng Hội đồng trường); Ban Giám hiệu (gồm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng); Hội đồng Khoa học và đào tạo. 12 Phòng chức năng và tương đương, gồm: Văn phòng; Phòng Tổ chức cán bộ; Phòng Đào tạo; Phòng Công tác sinh viên; Phòng Tư vấn tuyển sinh và truyền thông; Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng; Phòng Thanh tra; Phòng Quản lý Công nghệ thông tin; Phòng Tài chính – Kế toán; Phòng Quản trị tài sản; Tạp chí Kinh tế - Ngân hàng Châu Á; Thư viện. 12 khoa, gồm: Khoa Ngân hàng; Khoa Tài chính; Khoa Quản trị kinh doanh; Khoa Kế toán – Kiểm toán; Khoa Hệ thống thông tin quản lý; Khoa Ngoại ngữ; Khoa Kinh tế Quốc tế; Khoa Luật kinh tế; Khoa Chính trị và Xã hội học; Khoa Sau Đại học; Khoa Trí tuệ nhân tạo

và Khoa học dữ liệu trong kinh doanh; Khoa Giáo dục thể chất và Quốc phòng. 05 đơn vị trực thuộc và sự nghiệp có thu, gồm: Viện Đào tạo Quốc tế; Viện Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Ngân hàng; Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học; Trung tâm Đào tạo kinh tế, Tài chính – Ngân hàng; Trung tâm Hỗ trợ sinh viên. 03 tổ chức đoàn thể - CTXH, gồm: Công đoàn cơ sở; Đoàn thanh niên; Hội sinh viên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 3:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh có cơ cấu quản lý rõ ràng, các đơn vị được thành lập và quy định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị. Cơ cấu quản lý, các văn bản quy định về vai trò, chức năng, nhiệm vụ được định kỳ rà soát. Nhân sự tham gia vào cơ cấu quản lý được đánh giá hằng năm và theo nhiệm kỳ. Sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược được lãnh đạo Nhà trường thông tin, phổ biến với nhiều hình thức khác nhau góp phần tạo dựng niềm tin và quyết tâm thực hiện ở mỗi cá nhân, đáp ứng tốt yêu cầu công tác quản lý, điều hành của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Công tác luân chuyển viên chức để bồi dưỡng năng lực thực tiễn còn hạn chế. Công tác tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược đến các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng chưa đạt hiệu quả cao.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1.	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền về sứ mạng, tầm nhìn, các giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược đến các doanh nghiệp, nhà tuyển dụng	Văn phòng; Phòng Tư vấn tuyển sinh và PTTH và các đơn vị liên quan	2022
2.	Khắc phục tồn tại	– Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng năng lực đối với một số vị trí lãnh đạo, quản lý theo từng năm và theo từng giai đoạn. – Lập kế hoạch luân chuyển viên chức để bồi dưỡng năng lực thực tiễn trong nội bộ của Trường	Ban Giám hiệu; Phòng Tổ chức cán bộ; Các đơn vị trong Trường	2022

3.	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát và quy định rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị	Ban Giám hiệu; Phòng Tổ chức cán bộ; Các đơn vị trong Trường	Năm 2022 và các năm tiếp theo

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 3	***5***
Tiêu chí 3.1	5/7
Tiêu chí 3.2	5/7
Tiêu chí 3.3	5/7
Tiêu chí 3.4	5/7

TIÊU CHUẨN 4: QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC

Tiêu chí 4.1: Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh xác định rõ công tác quản trị chiến là bản đồ định hướng, là trụ cột trong công tác quản trị điều hành để hiện thực hóa tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi của tổ chức, đạt đến các mục tiêu trọng tâm của cơ sở giáo dục đại học về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Viện Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Ngân hàng là đơn vị đầu mối được Nhà trường giao thực hiện công tác xây dựng, theo dõi kế hoạch chiến lược của Trường [H4.04.01.01]. Công tác Quản trị chiến lược của Nhà trường được phân chia thành 3 giai đoạn bao gồm: xây dựng chiến lược, thực thi chiến lược, kiểm soát, đánh giá và điều chỉnh chiến lược [H4.04.01.02].

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam, chiến lược phát triển ngành ngân hàng, luật giáo dục và các văn bản pháp lý liên quan; căn cứ vào tình hình thực tế và xu hướng của nền kinh tế, bối cảnh của môi trường giáo dục đại học để xây dựng chiến lược phát triển Nhà trường theo từng giai đoạn cụ thể và tầm nhìn định hướng trong tương lai dài hạn hơn. Năm 2008, Trường đã xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh từ 2008 đến năm 2020 [H4.04.01.03]. Sau đó, Trường điều chỉnh xây dựng chiến lược cho từng giai đoạn ngắn hơn là 05 năm bao gồm: Chiến lược phát triển Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM giai đoạn 2011 – 2016 tầm nhìn đến năm 2020 [H4.04.01.04]; Chiến lược phát triển Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM giai đoạn 2016 – 2020 tầm nhìn đến năm 2030 [H4.04.01.05]. Năm 2021, Trường tiếp tục xây dựng Chiến lược phát triển Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM đến năm 2030 và tầm nhìn 2045. Trên cơ sở định hướng phát triển của hệ thống giáo dục đại học, ngành ngân hàng, sứ mạng, tầm nhìn, phân tích thực trạng và bối cảnh, Nhà trường xây dựng mục tiêu tổng thể/mục tiêu chiến lược và cụ thể hóa thành chiến lược thành phần và các giải pháp thực hiện bao quát các mảng hoạt động của Trường bao gồm: Tổ chức và nhân sự, Đào tạo, Khoa học và công nghệ, Cơ sở vật chất, Tài chính, Đảm bảo chất lượng, Hợp tác quốc tế. Đặc biệt, chiến lược phát triển Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 còn đề cập và nhấn mạnh chiến lược chuyển đổi số [H4.04.01.06]**.**

Quy trình xây dựng chiến lược gồm: (1) Thành lập Ban soạn thảo chiến lược [H4.04.01.07] (2) Xây dựng dự thảo chiến lược [H4.04.01.08] (3) Tổ chức lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, cá nhân có liên quan [H4.04.01.09] (4) Tổng hợp các ý kiến góp

ý và hoàn thiện dự thảo [H4.04.01.10] (5) Xin ý kiến của cơ quan chủ quản (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) [H4.04.01.11] (6) Chính thức phê duyệt và công bố chiến lược. Ngoài thành viên Ban soạn thảo chiến lược là các chuyên gia, nhà quản lý am hiểu về quản trị chiến lược, quản trị đại học, am hiểu các hoạt động của Trường, quá trình xây dựng chiến lược còn có sự tham gia của các đơn vị căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và từng mảng công việc của các đơn vị và sự tham gia, đóng góp ý kiến của toàn bộ cán bộ, giảng viên, viên chức người lao động trong toàn Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.2: Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Sau khi chính thức được phê duyệt, tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và chiến lược phát triển của Nhà trường được truyền thông rộng rãi đến toàn thể các bên liên quan và xã hội; được phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động để triển khai thực hiện. Chiến lược phát triển nhà trường đặc biệt là các mục tiêu tổng thể được truyền thông rộng rãi trên website và các phương tiện truyền thông nội bộ; cán bộ, giảng viên, nhân viên có trách nhiệm nghiên cứu toàn văn chiến lược và được quán triệt cụ thể tại các hội nghị triển khai cấp trường và các đơn vị [H4.04.02.01].

Kế hoạch chiến lược quy định cụ thể chỉ tiêu phấn đấu thực hiện mỗi giai đoạn 5 năm. Căn cứ vào các chỉ tiêu này, Trường sẽ cụ thể hóa chiến lược phát triển thành phương hướng hoạt động và chỉ tiêu theo từng năm học bao gồm các mảng: đào tạo, nghiên cứu khoa học, tổ chức và nhân sự, cơ sở vật chất, tài chính, hợp tác quốc tế, khảo thí và đảm bảo chất lượng, hỗ trợ sinh viên, công tác Đảng, Đoàn thể ... . Kế hoạch và các chỉ tiêu phấn đấu được thông qua tại Hội nghị Cán bộ, viên chức, người lao động được tổ chức theo năm học nhằm tổng kết công tác năm và đề ra phương hướng nhiệm vụ trong năm học mới. Các văn kiện và kết luận của Hội nghị đều được gửi cho các đơn vị trong Trường [H4.04.02.02]. Các kế hoạch này sẽ tiếp tục được chi tiết hóa trong kế hoạch công tác tháng, quý của Trường và của từng đơn vị [H4.04.02.03]. Nhà trường giao kế hoạch công tác năm, quý, tháng cho các đơn vị trong toàn Trường theo chức năng, nhiệm vụ và từng mảng công tác của đơn vị và kiểm soát việc thực hiện các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn của các đơn vị thông qua: các báo cáo công tác định kỳ, báo cáo chuyên đề, báo cáo sơ kết, tổng kết, họp giao ban, hội nghị chuyên đề… [H4.04.02.04]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.3: Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Từ các mục tiêu chiến lược, Nhà trường thực hiện việc xây dựng các chỉ số thực hiện chính [H4.04.03.01], xây dựng các chỉ tiêu phấn đấu cụ thể trong khung thời gian của chiến lược cũng như phân bổ cụ thể cho từng năm trong kế hoạch hàng năm của Nhà trường của các mảng hoạt động chính [H4.04.03.02] như:

- **Công tác đào tạo:** Quy mô đào tạo, quy mô tuyển sinh hằng năm, số lượng ngành/chuyên ngành/chương trình đào tạo mới phát triển, số chương trình được kiểm định chất lượng, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn …
- **Nhân sự :** quy mô giảng viên, người lao động, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ, tỷ lệ giảng viên có trình độ phó giáo sư, giáo sư…
- **Khoa học và công nghệ:** Số lượng đề tài NCKH cấp cơ sở, cấp ngành, số lượng bài báo trong nước, số lượng bài báo quốc tế, tỷ lệ giảng viên tham gia hoạt động NCKH, đóng góp của doanh thu khoa học công nghệ trên tổng doanh thu…
- **Cơ sở vật chất:** Các công trình, dự án mới được xây dựng, hoàn thiện, diện tích trên/1 sinh viên, số lượng phòng lab, diện tích và tiện ích của thư viện, số chỗ ở trong KTX …
- **Tài chính:** Tổng doanh thu, tỷ trọng cơ cấu nguồn thu đặc biệt là thu từ hoạt động khoa học công nghệ, dịch vụ, cơ chế tự chủ (nhóm 1,2,3), thu nhập bình quân của khối giảng viên, cán bộ quản lý …
- **Hợp tác quốc tế:** Số lượng chương trình dự án hợp tác đào tạo, định hướng đối tác, số chương trình trao đổi giảng viên, sinh viên
- **Đảm bảo chất lượng:** Các chương trình đào tạo được đánh giá, kiểm định theo các bộ tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, đánh giá và kiểm định cơ sở giáo dục, hệ thống đảm bảo chất lượng …

Cuối mỗi năm học, Trường thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các mảng hoạt động, từ đó đánh giá mức độ thực hiện các chỉ tiêu phấn đấu đã đề ra trong năm học trước [H4.04.03.03].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.4: Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Hàng năm Nhà trường tổng kết đánh giá các mặt hoạt động đào tạo, nguồn nhân lực, tài chính, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, cơ sở vật chất, hỗ trợ sinh viên,

phục vụ cộng đồng … đồng thời rà soát, đánh giá việc đạt hay không đạt từng chỉ tiêu phấn đấu, nêu rõ nguyên nhân, trách nhiệm trong trường hợp không đạt các chỉ tiêu phấn đầu từ đó điều chỉnh kịp thời những tồn tại, và tiếp tục đề ra các chỉ tiêu phấn đấu cho kỳ tới [H4.04.04.01]. Từ đó, kế hoạch phát triển dài hạn có sự điều chỉnh bổ sung, để phù hợp với điều kiện và tính hình thực tế.

Sau mỗi giai đoạn thực hiện chiến lược, Nhà trường tổ chức đánh giá, tổng kết kết quả thực hiện chiến lược để có căn cứ thực hiện xây dựng chiến lược cho giai đoạn tiếp theo. Nội dung đánh giá bao gồm: (1) xem xét việc thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu phấn đấu, đối chiếu so sánh với chỉ tiêu phấn đấu của giai đoạn và các thời kỳ trước (2) Cập nhật những điểm mới trong chiến lược của ngành Ngân hàng, ngành Giáo dục và những thay đổi của luật pháp liên quan (3) Đánh giá lại thực trạng của Trường và bối cảnh cạnh tranh của hệ thống giáo dục đại học. Trên cơ sở đó, sẽ có những điều chỉnh về mục tiêu, chỉ tiêu phấn đấu, giải pháp thực hiện trong giai đoạn tiếp theo [H4.04.04.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 4:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM xác định rõ tầm quan trọng của công tác quản trị chiến lược. Trong suốt nhiều năm qua, nhiều bản chiến lược đã được xây dựng và triển khai thực thi đem lại những hiệu quả tích cực cho Nhà trường trên nhiều mặt.

Các kế hoạch chiến lược của Nhà trường được truyền thông đến tất cả các bên liên quan, được quán triệt đến tất cả cán bộ, giảng viên, viên chức người lao động trong toàn trường để triển khai thực hiện. Các đơn vị trực thuộc trường đặc biệt là các đơn vị đào tạo, khoa học công nghê xây dựng chiến lược riêng của mình trên cơ sở chiến lược chung của Trường.

Chiến lược có các chỉ tiêu phấn đấu chính được tiếp tục phân bổ cụ thể trong các kế hoạch hàng năm, nhằm đảm bảo các mục tiêu chiến lược là có tính đo lường được.

Các chỉ số thực hiện, chỉ tiêu phấn đấu cũng như toàn bộ chiến lược được đánh giá định kỳ và điều chỉnh kịp thời..

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Chưa chuyển tải được các chỉ tiêu phấn đấu của toàn trường thành KPIs cụ thể của từng đơn vị và cán bộ, giảng viên, viên chức, người lao động. Việc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị, cá nhân, chưa theo sát việc đánh giá mức độ hoàn thành KPIs.

Trường chưa thực hiện đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện chiến lược giữa giai đoạn để làm cơ sở điều chỉnh chiến lược.

Trường chưa áp dụng hệ thống đồng bộ và được tin học hóa trong Quản trị chiến lược.

3. Kế hoạch cải tiến:

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Chuyển các mục tiêu chiến lược, chỉ số thực hiện chính, chỉ tiêu phấn đấu thành KPIs của các cá nhân, đơn vị; đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị và cá nhân theo KPIs đã được giao	Hội đồng trường, BGH, P.TCCB	12/2023
2	Khắc phục tồn tại 2	Thực hiện đánh giá kết quả thực hiện chiến lược giữa giai đoạn để có những điều chỉnh kịp thời	BGH Viện NCKH&CNNH	06/2023
3	Khắc phục tồn tại 2	Tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác quản chiến lược của Trường và các cán bộ có liên quan tại các đơn vị	P. TCCB	12/2022
4	Khắc phục tồn tại 3	Nghiên cứu ứng dụng hệ thống quản trị chiến lược đồng bộ, được tin học hóa	Hội đồng trường, BGH, Phòng QLCNTT	06/2024

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 4	***5***
Tiêu chí 4.1	5/7
Tiêu chí 4.2	5/7
Tiêu chí 4.3	5/7
Tiêu chí 4.4	5/7

TIÊU CHUẨN 5: CÁC CHÍNH SÁCH VỀ ĐÀO TẠO, NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 5.1: Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh xác định các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng là những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường. Do vậy, quy trình triển khai xây dựng chính sách về các hoạt động này luôn được Nhà trường quan tâm. Trên cơ sở thực hiện tuân thủ theo hệ thống văn bản pháp quy của Nhà nước, của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, của Bộ GD&ĐT cùng như tham chiếu, bám Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, hệ giá trị và các mục tiêu của chiến lược phát triển của Nhà trường. Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh đã thiết lập quy trình xây dựng hệ thống văn bản quy chế, quy định nội bộ phục vụ cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, để từng bước chuẩn hóa hoạt động quản lý của Nhà trường, cụ thể như sau:

Các đơn vị trực tiếp chịu trách nhiệm xây dựng dự thảo các quy chế, quy định theo chức năng, nhiệm vụ được phân công [H1.05.01.01]. Cụ thể, Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm và là đầu mối trong xây dựng các quy định, quy chế về quản lý hoạt động đào tạo đại học; Khoa Sau đại học chịu trách nhiệm và là đầu mối trong xây dựng các quy định, quy chế về đào tạo sau đại học bao gồm đào tạo thạc sĩ và đào tạo tiến sĩ; Phòng Khảo thí và ĐBCL chịu trách nhiệm và là đầu mối trong xây dựng các quy định, quy chế về quản lý hoạt động khảo thí và đảm bảo chất lượng; Phòng Tổ chức cán bộ chịu trách nhiệm và là đầu mối trong xây dựng các quy định, quy chế về. Viện NCKH&CNNH chịu trách nhiệm và là đầu mối trong xây dựng các quy định, quy chế về quản lý khoa học; Phòng Công tác công tác sinh viên chịu trách nhiệm và là đầu mối trong xây dựng các quy định, quy chế đối với sinh viên, Phòng Tài chính kế toán chịu trách nhiệm và là đầu mối trong xây dựng các quy định, quy chế về quy trình, lộ trình thu – chi tài chính cho viên chức, giảng viên và sinh viên. Đảng ủy, Ban Giám hiệu chỉ đạo các đơn vị soạn thảo luôn bám sát các yêu cầu quy định của hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật như Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Khoa học và Công nghệ và các thông tư, Quy chế, quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Khoa học và Công nghệ; và trên cơ sở thực tế của Nhà trường để xây dựng các quy định, quy chế phù hợp. Các quy định, quy chế trong quá trình xây dựng được tổ chức lấy ý kiến của các bên có liên quan và trong toàn trường [H5.05.01.02], trên cơ sở các góp ý, đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng quy định, quy chế, tiếp nhận, giải trình các góp ý, hoàn thiện các dự thảo [H5.05.01.03],trước khi trình Ban giám hiệu ký, ban hành [H5.05.01.04].

- Chính sách về đào tạo: Công tác quản lý đào tạo của Nhà trường tuân thủ các quy

định, quy chế đào tạo đại học và sau đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Các đơn vị chức năng dựa trên chức năng, nhiệm vị được phân công, chủ trì triển khai xây dựng hệ thống các văn bản quản lý về đào tạo như Phòng Đào tạo như quy chế đào tạo đại học các hệ [H5.05.01.05], Khoa Sau đại học xây dựng các quy chế, quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ, [H5.05.01.06] , tiến sĩ [H5.05.01.07]; Phòng Khảo thí và ĐBCL có quy định về kiểm tra đánh giá [H5.05.01.08], Phòng Công tác sinh viên có quy định về thực hiện chế độ chính sách đối với sinh viên hệ [H5.05.01.09]. Bên cạnh đó, các chính sách tăng cường thu hút học sinh giỏi cũng được Phòng Đào tạo nghiên cứu xây dựng, trình Ban Giám hiệu phê duyệt và triển khai áp dụng chính sách đó trong các kỳ thi tuyển sinh hằng năm hệ [H5.05.01.10].

– Chính sách về nghiên cứu khoa học. Hoạt động quản lý nghiên cứu khoa học của Nhà trường theo quy định của Nhà nước và các Bộ ngành như Bộ KH&CN, Ngân hàng Nhà nước, cụ thể hóa và ban hành các quy chế, quy định quản lý khoa học và công nghệ của trường hệ [H5.05.01.11]. Nhà trường có chính sách khen thưởng, động viên thành tích nghiên cứu khoa học đối với viên chức, người lao động của Trường hệ [H5.05.01.12]. Có chính sách thu hút cán bộ trẻ có trình độ tiến sĩ về làm việc tại trường [H5.05.01.13] và tận dụng tài năng của các nhà khoa học uy tín sau tuổi nghỉ hưu [H5.05.01.14]; Có chính sách khích lệ đội ngũ viên chức tham gia học tập nâng cao trình độ nhằm nâng cao cả về số lượng và chất lượng đội ngũ nguồn nhân lực của trình độ tiến sĩ và chính sách hỗ trợ, khen thưởng đối với các cá nhân hoàn thành xuất sắc, đúng hạn nghiên cứu sinh của Nhà trường [H5.05.01.15];

– Chính sách về phục vụ cộng đồng. Trường triển khai thực hiện các hoạt động liên quan đến chính sách tư vấn hướng nghiệp cho học sinh trung học phổ thông khi tiếp cận lựa chọn ngành đào tạo ở trình độ đại học. Chính sách hỗ trợ tài chính và các điều kiện để các tổ chức đoàn thể như Công Đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên thực hiện các hoạt động công ích phục vụ cộng đồng. Công đoàn Trường hàng năm đã tổ chức quyên góp ủng hộ đồng bào vùng ảnh hưởng của bão, lụt; hoàn cảnh, điều kiện khó khăn; ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa, hoạt động tình nguyện, hiến máu nhân đạo [H5.05.01.16]. Đoàn thanh niện, Hội sinh viên Trường tích cực hưởng ứng các phong trào thanh niên tình nguyện, chiến dịch mùa hè xanh đạo [H5.05.01.17]. Đặc biệt, trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp trên đại bàn thành phố Hồ Chí Minh, Trường đã tích cực cùng chính quyền Thành phố triển khai các biện pháp, phương án phòng chống dịch. Cụ thể, Trường đã gia ký túc xá của trường cho Thành phố đề lập Trung tâm thu dung, điều trị bệnh nhân nhiễm Covid-19 [H5.05.01.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.2: Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện.

Cùng với việc xây dựng, ban hành và triển khai các chính sách, việc phân công theo dõi và giám sát việc thực hiện về chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thực hiện bằng nhiều kênh khác nhau, trong đó có vai trò giám sát của Hội đồng trường [H5.05.02.01], giám sát của bộ phận chuyên trách là phòng Thanh tra và Văn phòng là các đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi việc thực hiện chính sách đã ban hành. Đồng thời, đơn vị chức năng là Phòng Thanh tra thực hiện nhiệm vụ giám sát, thanh kiểm tra các thực thi chính sách của các đơn vị chuyên trách [H5.05.02.02]. Bên cạnh đó, vai trò giám sát của Ban Thanh tra nhân dân trong các báo cáo hàng năm về thực hiện giám sát các hoạt động về đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác trong Trường [H5.05.02.03]. Nhà trường có truyền thông, phổ biến kết quả giám sát tới các cán bộ, giảng viên tại Hội nghị CBVC hàng năm và thông qua hệ thống thông báo bằng văn bản đến các đơn vị thuộc và trực thuộc trường [H5.05.02.04]. Nhà trường có quy định về nội dung và quy trình hoạt động của tổ thanh tra trong việc theo dõi, giám sát thực hiện quy định, quy chế về đào tạo, nghiên cứu khoa học [H5.05.02.05].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.3: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.

Hệ thống xây dựng chính sách được Nhà trường phân công và triển khai xây dựng đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, có sự lấy ý kiến các bên liên quan trong quá trình xây dựng và được rà soát thông qua phản hồi từ các bên liên quan trong quá trình áp dụng [H5.05.03.01]. Bên cạnh đó, trường còn đánh giá việc thực hiện các chính sách thông qua kết quả hoạt động trên các lĩnh vực được các đơn vị chức năng báo cáo định kỳ [H5.05.03.02]. Trên cơ sở đó, các đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức rà soát, cập nhật các văn bản, quy chế, quy định do các quy định của Nhà nước thay đổi và nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 5.4: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Trên cơ sở phản hồi từ các bên liên quan trong quá trình áp dụng chính sách; sự thay đổi về chính sách của Nhà nước và việc đánh giá kết quả của các lĩnh vực, các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được Nhà trường sửa đổi, bổ sung để cải tiến, thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Trường. Cụ thể: Trường sửa đổi, bổ sung, hợp nhất nội dung của các Quy chế liên quan đến NCKH thành văn bản

hợp nhất về Quy chế quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ, bổ sung một số nội dung liên quan đến nhóm nghiên cứu mạnh trong quy chế về nghiên cứu khoa học để nâng cao số lượng và chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học [H5.05.04.01]; Xây dựng và Ban hành quy chế đào tạo Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ thay thế các quy chế trước đây để phù hợp với quy định mới của Bộ GD&ĐT [H5.05.04.02]; Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh vào các năm 2018, 2019, 2020 và đang được tiếp tục điều chỉnh để phù hợp với định hướng tự chủ của Trường [H5.05.04.03];…

Trong quá trình triển khai chính sách, trường cũng thực hiện các khảo sát để thu thập phản hồi về sự hài lòng đối với các chính sách. Kết quả các khảo sát được gửi đến các đơn vị có liên quan cũng là một cơ sở cho việc điều chỉnh, cải tiến chính sách, nâng cao hiệu quả hoạt động của các lĩnh vực [H5.05.04.04]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 5:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường đã ban hành các quy định, văn bản, chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng phù hợp với các hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược phát triển của Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh.

Hệ thống chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được chú trọng, quan tâm và chỉ đạo từ quá trình phân công xây dựng, quá trình giám sát thực hiện và quá trình tiếp nhận các thông tin phản hồi để sửa đổi, bổ sung phù hợp với xu thế phát triển giáo dục đại học nói chung và các ngành/lĩnh vực đào tạo của Nhà trường nói riêng.

Đã xây dựng được các văn bản và phân công các bộ phận giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thực hiện rà soát thường xuyên và đổi mới hàng năm cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Trong quy trình ban hành các chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng hoạt động lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan còn hạn chế;

Hoạt động giám sát sự tuân thủ các chính sách còn nhiều hạn chế.

Trường chưa ban hành quy định, quy trình liên quan đến việc rà soát các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

3. Kế hoạch cải tiến:

Tăng cường sự tham gia của các bên liên quan khi ban hành chính sách đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, trên cơ sở góp ý, phản hồi của các bên liên quan là căn cứ để phân tích, tiếp thu và cải tiến các chính sách hiện hành

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1.	Khắc phục tồn tại	– Thay đổi phương thực lấy ý kiến trong ban hành chính sách – Tăng cường hơn nữa sự tham gia của các bên liên quan trong các hoạt động ĐT của Nhà trường	Phòng chức năng, Khoa chuyên môn	2022
3.	Khắc phục tồn tại	– Xây dựng quy định, kế hoạch rà soát và ban hành những chính sách mới nhằm thúc đẩy hơn nữa các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng – Tăng cường vai trò giám sát của Hội đồng trường và phòng chức năng trong ban hành và thực hiện chính sách	HĐT, phòng Tổ chức cán bộ, phòng Thanh tra, Ban thanh tra Nhân dân	2022

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 5	***5***
Tiêu chí 5.1	5/7
Tiêu chí 5.2	5/7
Tiêu chí 5.3	5/7
Tiêu chí 5.4	5/7

TIÊU CHUẨN 6: QUẢN LÝ NGUỒN NHÂN LỰC

Tiêu chí 6.1: Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (Trường) xác định việc quy hoạch đội ngũ cán bộ quản lý, phát triển nguồn nhân lực là cơ sở quan trọng, là mục tiêu tiên quyết nhằm đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Tầm quan trọng của việc quy hoạch nguồn nhân lực được xác định rõ trong Chiến lược phát triển Trường [H6.06.01.01] trong đó xác định việc xây dựng, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao với chuyên môn vững, phẩm chất tốt, kỹ năng chuyên nghiệp ở tất cả các đối tượng cán bộ quản lý, giảng viên, chuyên viên, nhân viên phục vụ mà trọng tâm là đội ngũ giảng viên cơ hữu giữ vai trò quyết định về chất lượng đào tạo, vị thế và thương hiệu của Trường.

Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 tiếp tục nhấn mạnh mục tiêu quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực hợp lý, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển. Chú trọng phát triển đội ngũ giảng viên, nâng cao tính hiệu quả, chuyên nghiệp của đội ngũ viên chức khối quản lý, phục vụ. Trường nhận thức rõ tầm quan trọng đặc biệt của nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là đội ngũ giảng viên đối với hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, vì vậy, chiến lược nhấn mạnh: Phát triển ổn định nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là phát triển đội ngũ viên chức giảng dạy đạt năng lực, trình độ quốc tế ở các lĩnh vực, chuyên ngành đào tạo [H6.06.01.02].

Công tác tổ chức cán bộ là công tác trọng tâm của Đảng, chính vì vậy Đảng ủy Trường lãnh đạo toàn diện công tác cán bộ nói chung và công tác phát triển nguồn nhân lực nói riêng thông qua các văn kiện, chủ trương, nghị quyết [H6.06.01.03]. Ban Giám hiệu, trực tiếp là Hiệu trưởng phụ trách chỉ đạo công tác nhân sự [H6.06.01.04]. Phòng Tổ chức cán bộ là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu và tổ chức thực hiện [H6.06.01.05]

Căn cứ vào chiến lược phát triển của Trường đã được ban hành, Nhà trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm để làm cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực [H6.06.01.06], theo đó tiêu chí tuyển dụng, phát triển nguồn nhân lực được xác định cụ thể cho từng vị trí từ Chủ tịch Hội đồng trường, Ban giám hiệu, Trưởng, Phó đơn vị, Trưởng bộ môn, giảng viên, chuyên viên và nhân viên phục vụ [H6.06.01.07]. Nhằm đáp ứng các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về xác định chỉ tiêu tuyển sinh, cụ thể là quy định về cách tính quy đổi tỉ lệ giảng viên trên sinh viên để xác định năng lực đào tạo, Nhà trường đã chủ động đề xuất cơ quan chủ quản phê duyệt kế hoạch phát triển đội ngũ hằng năm [H6.06.01.08] và triển khai công tác tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên của Trường bằng nhiều hình thức như tuyển dụng, tiếp nhận công tác [H6.06.01.09]; đồng thời tăng cường đào tạo, bồi dưỡng để không ngừng tăng số lượng

và nâng cao chất lượng đội ngũ của Trường [H6.06.01.10]. Hiện nay, nguồn nhân lực của Trường đã đáp ứng tốt nhu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đối với đội ngũ giảng viên đảm bảo tỉ lệ sinh viên/giảng viên theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Số lượng và chất lượng giảng viên, viên chức được tổng hợp qua bảng số liệu sau (tính đến thời điểm 30/6/2022) và là căn cứ để xác định chỉ tiêu tuyển sinh:

Bảng 6. 1 - Số lượng và chất lượng giảng viên, viên chức của HUB (tính đến ngày 30/6/2022)

Tổng số VC, NLĐ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Cử nhân	Trình độ khác
461	15	124	234	49	59

Nguồn: Phòng Tổ chức Cán bộ

Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Trường còn quan tâm xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là những chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý có học hàm, học vị cao, có nhiều kinh nghiệm thực tiễn từ các các cơ quan, ngân hàng, tổ chức tài chính, các trường đại học trong và ngoài nước tham gia hợp tác giảng dạy cho Trường [H6.06.01.11].

Cùng với việc quy hoạch nguồn nhân lực nói chung, Trường còn chú trọng công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý cả nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp để luôn chủ động tạo nguồn cán bộ phục vụ cho nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm. Công tác quy hoạch mới và rà soát, bổ sung quy hoạch được thực hiện hàng năm, đúng quy trình, quy định [H6.06.01.12], với cả hai nhóm đối tượng là cán bộ lãnh đạo, quản lý diện cơ quan chủ quản quản lý (Chủ tịch Hội đồng trường, Ban giám hiệu) [H6.06.01.13] và cán bộ lãnh đạo, quản lý thuộc diện Trường quản lý (Trưởng, phó các đơn vị trực thuộc và tương đương) [H6.06.01.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 6.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến.

Tuyển dụng được hiểu là quá trình tìm kiếm và lựa chọn nhân sự nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng, bổ sung đội ngũ viên chức và người lao động cần thiết cho hoạt động của Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh (Trường). Tuyển dụng nhân sự là một trong những khâu trọng yếu nhất của chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Chính vì vậy, Trường đã xây dựng và xác định rõ các điều kiện, tiêu chuẩn, tiêu chí, bao gồm cả tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật trong tất cả các nội dung liên quan của công tác

cán bộ, từ tuyển dụng, bố trí, sắp xếp nhân sự, đến quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

Công tác tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm tại Trường tuân thủ nghiêm túc theo quy định của Luật viên chức, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn về công tác tuyển dụng viên chức và người lao động. Cụ thể hoá các quy định của Nhà nước, Trường đã xây dựng đề án vị trí việc làm để làm cơ sở cho việc tuyển dụng và lựa chọn tuyển dụng nhân sự phù hợp với yêu cầu của từng vị trí việc làm [H6.06.02.01]. Theo đó, các tiêu chí về khung năng lực của mỗi vị trí việc làm đều được xác định rõ và được phổ biến công khai.

Căn cứ Đề án vị trí việc làm và nhu cầu của các đơn vị tại từng thời điểm, Trường xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức và người lao động, trong đó xác định rõ các tiêu chuẩn chung và điều kiện, tiêu chuẩn cụ thể đối với từng vị trí tuyển dụng [H6.06.02.02]. Kế hoạch tuyển dụng hằng năm được thông qua Đảng uỷ, Hội đồng trường và được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện. Thông báo tuyển dụng được đăng ít nhất 02 số trên báo giấy, đăng công khai trên website Trường, trong đó nêu rõ số lượng chỉ tiêu tuyển dụng, tiêu chuẩn, điều kiện về trình độ chuyên môn, kỹ năng, kinh nghiệm; nội dung và hình thức tuyển dụng [H6.06.02.03]. Trường thành lập Hội đồng tuyển dụng và các Ban giúp việc: Ban ra đề, Ban phỏng vấn, sát hạch, Ban chấm thi, Ban thanh tra, giám sát…theo quy định để thực hiện các nội dung, quy trình tuyển dụng đúng theo Luật viên chức và các Nghị định, Thông tư, Văn bản hướng dẫn [H6.06.02.04]. Kết quả thi tuyển được công khai toàn Trường trên website và thông báo đầy đủ đến các ứng viên dự tuyển [H6.06.02.05]

Ứng viên trúng tuyển được Hiệu trưởng ký hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động theo đúng Luật và các quy định của Nhà nước [H6.06.02.06]. Ngoài việc tuyển dụng mới viên chức, người lao động, Nhà trường còn thực hiện việc tiếp nhận công tác đối với các viên chức có trình độ cao, kỹ năng, kinh nghiệm đáp ứng tốt yêu cầu công tác tại trường thông qua các Hội đồng xét chuyển công tác đối với viên chức [H6.06.02.07].

Công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại viên chức quản lý và điều động, luân chuyển viên chức, người lao động tại Trường được thực hiện theo các quy định của Đảng và Nhà nước, quy chế của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của Trường [H6.06.02.08]. Các tiêu chí, tiêu chuẩn bổ nhiệm, bổ nhiệm lại được thông báo công khai đến toàn thể viên chức của Trường tại các văn bản và Hội nghị về nhân sự liên quan [H6.06.02.09]. Điều kiện, tiêu chuẩn đề bạt, bổ nhiệm đối với các chức vụ, chức danh, bao gồm cả tiêu chuẩn về chuyên môn, năng lực quản lý lẫn tiêu chí về đạo đức, lối sống, tự do học thuật… được quy định cụ thể trong Luật Viên chức, Điều lệ Trường đại học, Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại của Ngân hàng Nhà nước, Quy chế bổ nhiệm của Trường [H6.06.02.10],

[H6.06.02.11]

Quy trình bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo và viên chức quản lý được thực hiện đầy đủ 5 bước theo quy định của Đảng, Nhà nước và đặt dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng, từ bước đầu tiên phê duyệt chủ trương đến bước ra nghị quyết bổ nhiệm và giao chính quyền thực hiện. Các bước giới thiệu nhân sự bằng phiếu kín của Tập thể lãnh đạo Trường, lấy phiếu tín nhiệm nhân sự dự kiến bổ nhiệm tại đơn vị…đều được thực hiện nghiêm túc, dân chủ, công khai, minh bạch, đúng quy định [H6.06.02.12]

Đối với việc bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cho các viên chức đủ điều kiện đều được Trường quan tâm, thông báo rộng rãi trên website và gửi qua emai, hướng dẫn viên chức hoàn thiện hồ sơ để thực hiện thủ tục bổ nhiệm theo phân cấp quản lý hoặc đề nghị Ngân hàng Nhà nước, Bộ Nội vụ bổ nhiệm theo quy định [H6.06.02.13]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 6.3: Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau.

Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (Trường) xác định tiêu chuẩn năng lực (bao gồm kỹ năng) của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên chính là yếu tố quan trọng để làm cơ sở cho việc lựa chọn và xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao, giỏi chuyên môn, thạo nghiệp vụ và có phẩm chất đạo đức tốt, phục vụ nhu cầu phát triển Nhà trường.

Để có cơ sở tuyển dụng, sử dụng hiệu quả nhất nguồn nhân lực, bố trí đúng người đúng việc nhằm thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị và của Trường, Trường đã xây dựng Đề án vị trí việc làm với khung năng lực và tiêu chuẩn cho từng vị trí việc làm cụ thể, bao gồm cả tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn, phẩm chất đạo đức, kinh nghiệm, kỹ năng mềm (gồm cả kỹ năng lãnh đạo) [H6.06.03.01]. Việc xây dựng các tiêu chuẩn năng lực cho các nhóm nhân sự và các vị trí việc làm cụ thể như Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, Trưởng khoa, Phó trưởng khoa, Trưởng phòng, Phó trưởng phòng, Trưởng bộ môn, giảng viên, chuyên viên, nhân viên được căn cứ vào tiêu chuẩn năng lực của các chức danh nghề nghiệp do Bộ Giáo dục Đào tạo, Bộ nội vụ, Ngân hàng Nhà nước ban hành; đồng thời căn cứ yêu cầu cụ thể của vị trí việc làm đó tại Trường [H6.06.03.02].

Trên cơ sở văn bản hướng dẫn của các Bộ, Ngành liên quan, đồng thời căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường, Trường đã thống kê và phân thành 4 nhóm danh mục vị trí việc làm như sau: Nhóm lãnh đạo, quản lý; nhóm chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy; nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung và nhóm hỗ trợ, phục vụ [H6.06.03.03]. Trong mỗi nhóm danh mục vị trí việc làm chia ra các vị trí việc làm cụ thể, mỗi vị trí việc làm được mô tả đầy đủ, chi tiết nội

dung, khối lượng công việc, và xác định tiêu chuẩn năng lực cụ thể [H6.06.03.04].

Đối với nhóm lãnh đạo, quản lý yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: nhóm năng lực chung (đạo đức, bản lĩnh, tổ chức thực hiện công việc…), nhóm năng lực chuyên môn (Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện công việc, khả năng kiểm tra, giám sát và đánh giá kết quả hoạt động các công tác được giao phụ trách, thuyết trình, giảng dạy, hướng dẫn,…), và nhóm năng lực quản lý (tư duy chiến lược, quản lý sự thay đổi, ra quyết định, quản lý nguồn lực,…) [H6.06.03.05].

Đối với nhóm chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: nhóm năng lực chung (đạo đức, bản lĩnh, tổ chức thực hiện công việc…), nhóm năng lực chuyên môn (kiến thức và kỹ năng chuyên môn, hỗ trợ phát triển năng lực người học, xây dựng mục tiêu, kế hoạch dạy học, tài liệu dạy học, phát triển chương trình đào tạo, thuyết trình, giảng dạy, hướng dẫn,…) và nhóm năng lực quản lý (tư duy chiến lược, quản lý sự thay đổi, ra quyết định, quản lý nguồn lực,…)[H6.06.03.06].

Đối với nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung, yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: nhóm năng lực chung (đạo đức, bản lĩnh, tổ chức thực hiện công việc…), nhóm năng lực chuyên môn (khả năng thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, khả năng hướng dẫn VC-NLĐ thực hiện các văn bản quy phạm, quy định, quy trình trong lĩnh vực chuyên môn, khả năng kiểm tra việc thực hiện các văn bản, quy định, quy trình,…), và nhóm năng lực quản lý (tư duy chiến lược, quản lý sự thay đổi, ra quyết định, quản lý nguồn lực,…) [H6.06.03.07].

Đối với nhóm hỗ trợ, phục vụ yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: nhóm năng lực chung (đạo đức, bản lĩnh, tổ chức thực hiện công việc…), nhóm năng lực chuyên môn (am hiểu quy trình nghiệp vụ, xử lý tình huống trong công việc,…), và nhóm năng lực quản lý (tư duy chiến lược, quản lý sự thay đổi, ra quyết định, quản lý nguồn lực,…) [H6.06.03.08].

Căn cứ vào Đề án vị trí việc làm đã xây dựng và kế hoạch phát triển đội ngũ nhân sự hằng năm [H6.06.03.09], Nhà trường tổ chức thực hiện việc tuyển dụng, bố trí sử dụng và điều động, bổ nhiệm cán bộ quản lý theo nhu cầu thực tế của Trường [H6.06.03.10]. Để việc tuyển dụng đạt hiệu quả cao, tuyển chọn được nguồn nhân lực cần thiết, phù hợp với nhu cầu phát triển Trường, thông báo tuyển dụng luôn nêu rõ các yêu cầu về tiêu chuẩn chuyên môn, bằng cấp, kỹ năng, kinh nghiệm cho từng vị trí việc làm cần tuyển.

Riêng đối với các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp cao của Trường (Chủ tịch Hội đồng trường, Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng), ngoài các tiêu chuẩn về năng lực lãnh đạo quản lý do Đảng, Nhà nước quy định, Trường còn bổ sung và cụ thể hóa trong Quy chế tổ chức và hoạt động của trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Trường…

[H6.06.03.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 6.4: Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó.

Xác định đội ngũ viên chức, giảng viên là nguồn lực chủ yếu quyết định chất lượng đào tạo và sự phát triển của Nhà trường, trong thời gian vừa qua, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (Trường) luôn quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ viên chức, giảng viên và nhân viên. Để quản lý và triển khai công tác đào tào, bồi dưỡng CBVC, căn cứ vào các văn bản quy định của Nhà nước, Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức Ngân hàng Nhà nước [H6.06.04.01], Trường đã ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức và người lao động của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh [H6.06.04.02]. Theo đó, Quy chế quy định về mục tiêu, nguyên tắc, nội dung đào tạo, bồi dưỡng; quy định điều kiện, trách nhiệm, quyền lợi của người được cử đi đào tạo, bồi dưỡng; quy trình, thủ tục và xử lý bồi hoàn về đào tạo, bồi dưỡng viên chức người lao động Trường.

Ngoài các điều kiện chung theo quy định của Nhà nước thì viên chức, giảng viên của Trường khi được cử đi đào tạo sau đại học phải đảm bảo các điều kiện về độ tuổi (đối với đào tạo Tiến sĩ: không quá 50 tuổi đối với Nam và 45 tuổi đối với nữ và đối với đào tạo Thạc sĩ là: không quá 45 tuổi đối với nam và 40 tuổi đối với nữ), chuyên ngành đăng ký đi đào tạo phù hợp với vị trí việc làm, cam kết thực hiện nhiệm vụ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo (trong thời gian ít nhất gấp 02 lần thời gian đào tạo và không thấp hơn 08 năm đối với đào tạo Tiến sĩ, 04 năm đối với thạc sĩ) [H6.06.04.03].

Song song với việc cử đi đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ trong nước, [H6.06.04.04] Trường luôn khuyến khích giảng viên đăng ký học tập tại các Trường Đại học uy tín trên thế giới [H6.06.04.05]. Ngoài ra, các đơn vị trực thuộc Trường căn cứ vào tình hình nhiệm vụ thực tế tại đơn vị, nhu cầu về việc cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ có thể chủ động đề xuất cử cán bộ tham dự các khóa học, các chương trình tập huấn, hội thảo [H6.06.04.06].

Để khuyến khích đội ngũ viên chức, giảng viên đi học tập, nâng cao trình độ, Nhà trường đã có chế độ đối với giảng viên đi học nghiên cứu sinh: hỗ trợ về thời gian, kinh phí đào tạo, giảm trừ khối lượng giờ giảng, khen thưởng sau khi bảo vệ thành công luận án tiến sĩ [H6.06.04.07]. Ngoài ra, khuyến khích viên chức, người lao động nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, Trường còn có chính sách khen thưởng khi viên chức, người lao động hoàn thành văn bằng đại học ngoại ngữ và tin học [H6.06.04.08].

Việc triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng được Trường căn cứ thực hiện như

sau: Thứ nhất, xuất phát từ nhu cầu công việc của Nhà trường và các đơn vị [H6.06.04.09]: căn cứ vào chiến lược phát triển đội ngũ nhân sự, xây dựng đội ngũ nhân sự kế cận, tình hình thực tế của Trường mở ngành học mới. Thứ hai, xuất phát từ các văn bản mới quy định của Nhà nước yêu cầu đối với các chức danh phải được bồi dưỡng chương trình theo quy định. Từ việc căn cứ vào yêu cầu đào tạo, bồi dưỡng nêu trên, Nhà trường xem xét tính cấp thiết trên cơ sở quy hoạch chiến lược phát triển đội ngũ, lựa chọn các khóa đào tạo, bồi dưỡng phù hợp để tổ chức, cử tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng. Việc cử tham dự các khóa đào tạo bồi dưỡng không chỉ tập trung vào việc nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ các khóa học triển khai trong nước mà còn mở rộng triển khai, kết nối các khóa đào tạo, bồi dưỡng tại nước ngoài, các khóa học do các tổ chức uy tín lớn trên thế giới [H6.06.04.10].

Bảng 6. 2 - Các loại hình và kết quả đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2017-2021

Stt	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng	Số lượt
1	**Các lớp đào tạo**	
1.1	Cử đi học Tiến sĩ	41
1.2	Cử đi học Thạc sĩ	02
1.3	Cử đi học Cao cấp Lý luận chính trị	06
2	**Các lớp bồi dưỡng**	
2.1	Tiếng Anh	44
2.2	Chương trình Bồi dưỡng giảng viên	95
2.3	Chương trình bồi dưỡng giảng viên chính	167
2.4	Chương trình bồi dưỡng giảng viên cao cấp	27
2.5	Chương trình bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ khác	610
2.6	Chương trình bồi dưỡng An ninh – Quốc phòng	247
2.7	Chương trình bồi dưỡng kiến thức về Đảm bảo chất lượng	43

Nguồn: Phòng Tổ chức Cán bộ

Kết quả đào tạo, bồi dưỡng đều được Trường tổng hợp, báo cáo với Ngân hàng Nhà nước hàng năm [H6.06.04.11]

Nguồn kinh phí chi cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chủ yếu từ nguồn tự có của Trường, phù hợp với mục tiêu và chiến lược phát triển Nhà trường. Kinh phí cụ thể đã chi cho các khóa đào tạo, bồi dưỡng trong 05 năm vừa qua như sau:

Bảng 6. 3 - Kinh phí dành cho đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2017-2021

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Số tiền (đồng)	1.304.950.000	1.666.078.000	2.268.567.000	782.320.000	796.628.000

Nguồn: Phòng Tổ chức Cán bộ

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 6.5: Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ là một quá trình gồm các bước từ xác định nội dung, mục tiêu công việc đến theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện công việc giữa cán bộ quản lý và nhân viên nhằm đảm bảo các nhiệm vụ và mục tiêu công việc được thành công, đóng góp vào mục tiêu chung của Nhà trường.

Phòng Tổ chức Cán bộ (TCCB) là đơn vị tham mưu thực hiện công tác đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, đề xuất thi đua khen thưởng và lên kế hoạch, tổ chức thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.05.01].

Căn cứ pháp lý để đánh giá gồm các văn bản quy định của Nhà nước, Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức, người lao động thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam [H6.06.05.02] và Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với công chức, viên chức, người lao động Trường [H6.06.05.03]. Việc đánh giá hiệu quả công việc của viên chức, người lao động (VC-NLĐ) được thực hiện hàng tháng, 6 tháng 1 lần và đánh giá theo năm tài chính được tiến hành vào tháng 1 hàng năm của năm tiếp theo kỳ đánh giá.

* Đối với công tác đánh giá, xếp loại chất lượng VC-NLĐ (theo năm học): Quy trình và tiêu chí đánh giá được Trường áp dụng quy định cụ thể trong Quy chế đánh giá, xếp loại chất lượng công chức, viên chức, người lao động thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam [H6.06.05.04]. Theo đó, tiêu chí để đánh giá phân loại ở 4 mức: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành tốt nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ được quy định tại Quy chế đánh giá của Ngân hàng Nhà nước. Mỗi đối tượng được quy định tiêu chí đánh giá riêng. Nội dung đánh giá được quy định tại Quy chế gồm: thẩm quyền, trình tự, thủ tục, sử dụng kết quả, lưu giữ tài liệu, xếp loại chất lượng công chức, viên chức, người lao động.

Quy trình đánh giá, xếp loại chất lượng VC-NLĐ được thực hiện như sau: Trưởng đơn vị chủ trì, tổ chức cuộc họp toàn thể VC-NLĐ trong đơn vị để nhận xét, đánh giá đối với VC-NLĐ, cử người ghi biên bản cuộc họp. Trưởng đơn vị triển khai hướng dẫn quy trình đánh giá. Viên chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trình bày báo cáo tự đánh

giá (Trưởng đơn vị, phó đơn vị, Trưởng bộ môn thuộc khoa/ Trưởng phòng thuộc Viện), VC-NLĐ trình bày báo cáo tự đánh giá. Các thành viên tham dự cuộc họp đóng góp ý kiến, ghi vào biên bản và thông qua tại cuộc họp, bỏ phiếu kín các trường hợp đề nghị "hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" [H6.06.05.05].

Quy trình xem xét, quyết định và thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng VC-NLĐ: Trưởng đơn vị tham khảo các ý kiến các thành viên tại cuộc họp, ghi nhận ý kiến nhận xét, đánh giá đối với Phó đơn vị, Trưởng bộ môn thuộc khoa/ Trưởng phòng thuộc Viện, VC-NLĐ của đơn vị. Thành viên Ban giám hiệu phụ trách trực tiếp đơn vị tham khảo các ý kiến tham gia tại cuộc họp, ghi ý kiến nhận xét, đánh giá đối với Trưởng đơn vị. Phòng TCCB tổng hợp ý kiến nhận xét, đánh giá từ đơn vị và thành viên BGH phụ trách trực tiếp, căn cứ các báo cáo minh chứng (từ các đơn vị cung cấp minh chứng), đề xuất nội dung đánh giá và mức xếp loại chất lượng đối với VC-NLĐ. Trên cơ sở nội dung đánh giá và mức xếp loại chất lượng do Phòng TCCB đề xuất và các báo cáo minh chứng, Hiệu trưởng quyết định nội dung đánh giá và mức xếp loại chất lượng đối với VC-NLĐ (thành lập Hội đồng đánh giá, xếp loại chất lượng VC-NLĐ nếu cần thiết) và thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cho VC-NLĐ. [H6.06.05.06].

* Đối với công tác đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ (theo năm tài chính): quy trình và tiêu chí đánh giá được quy định cụ thể trong Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với công chức, viên chức, người lao động Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh [H6.06.05.07].

Quy trình đánh giá được thực hiện như sau: Trưởng đơn vị triển khai quy trình và cách thức đánh giá đến VC-NLĐ trong đơn vị. VC-NLĐ tự đánh giá [H6.06.05.08]. Trưởng đơn vị đánh giá và đưa ra mức phân loại VC-NLĐ trong toàn đơn vị căn cứ vào thông tin minh chứng từ các đơn vị cung cấp minh chứng (Văn phòng, Phòng KT&ĐBCL, Phòng Thanh tra, Phòng Công tác sinh viên, Viện NCKH&CNNH). Thông báo công khai bản đề xuất mức phân loại của VC-NLĐ trong toàn đơn vị và ghi nhận vào biên bản cuộc họp. Các đơn vị tiến hành gửi hồ sơ đề nghị công nhận kết quả về P. TCCB. [H6.06.05.09]

Quy trình công nhận kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ: 1) Phòng Tổ chức cán bộ tổng hợp hồ sơ đề nghị công nhận kết quả đánh giá và mức phân loại VC-NLĐ từ các đơn vị, thực hiện kiểm tra, rà soát, đối chiếu minh chứng; 2) Trình Tập thể lãnh đạo Trường (Chủ tịch Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu) hoặc Hội đồng đánh giá, phân loại cấp Trường) kết quả dự kiến và minh chứng đánh giá, phân loại; 3) Thông báo kết quả (dự kiến) mức phân loại VC-NLĐ toàn trường và nhận phản hồi, điều chỉnh, bổ sung (nếu có); 4) Trình Chủ tịch Hội đồng trường và Hiệu trưởng phê duyệt kết quả chính thức và thông báo mức phân loại VC-NLĐ toàn trường đến toàn thể VC-NLĐ.

[H6.06.05.10].

Từ kết quả đánh giá, phân loại VC-NLĐ trong năm học và kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ theo năm tài chính, Trường sử dụng làm căn cứ phục vụ công tác thi đua, khen thưởng, Phòng TCCB là đơn vị chịu trách nhiệm tham mưu thực hiện. Trường áp dụng Thông tư hướng dẫn về công tác thi đua, khen thưởng Ngành ngân hàng [H6.06.05.11]. Theo đó, viên chức đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chung nếu có công trình nghiên cứu khoa học, có sáng kiến hoặc có thành tích xuất sắc đặc biệt đều được Trường ghi nhận bằng các danh hiệu thi đua như Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ/Ngành, chiến sĩ thi đua toàn quốc; các hình thức khen thưởng như giấy khen Hiệu trưởng, Bằng khen Thống đốc, Bằng khen Thủ tướng Chính phủ…và các hình thức khác [H6.06.05.12].

VC-NLĐ đạt các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng đều được tuyên dương và vinh danh trang trọng tại các Hội nghị, dịp lễ lớn quan trọng của Trường; được ưu tiên xem xét nâng lương trước thời hạn theo quy định, qua đó khuyến khích, tạo thêm động lực cho người lao động tiếp tục phấn đấu, nỗ lực sáng tạo và cống hiến cho Nhà trường. [H6.06.05.13] Đồng thời, kết quả đánh giá VC-NLĐ còn là căn cứ quan trọng để Trường thực hiện việc bố trí, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm đối với cán bộ, viên chức, người lao động.

Bảng 6. 4 - Kết quả khen thưởng trong giai đoạn từ năm 2017 2021

Danh hiệu	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	61	42	43	66	66
Chiến sĩ thi đua cấp Bộ/Ngành	3	5	2	0	2
Bằng khen của Bộ/Ngành	14	7	2	1	4

Nguồn: Phòng Tổ chức Cán bộ

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 6.6: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên.

Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM (Trường) được rà soát thường xuyên và định kỳ hàng năm. Đảng ủy đã ban hành nhiều nghị quyết để lãnh đạo việc rà soát các văn bản, quy chế, quy định liên quan đến công tác nhân sự của Trường, làm cơ sở cho chính quyền tổ chức triển khai thực hiện [H6.06.06.01]

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Phòng Tổ chức Cán bộ (TCCB) là đơn vị

thường trực, đầu mối tham mưu việc rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực [H6.06.06.02] Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh các chế độ chính sách liên quan đến nhân sự được thực hiện nghiêm túc, dân chủ, đúng quy trình, quy định và đạt hiệu quả tốt, được thực hiện với nhiều hình thức như lấy ý kiến của các đơn vị, thông qua các Hội nghị sơ kết, tổng kết học kỳ, năm học, Hội nghị viên chức, người lao động của Trường [H6.06.06.03]

Hàng năm, Trường tổ chức lấy ý kiến đóng góp của toàn thể viên chức Nhà trường cho các chế độ, chính sách, quy chế, quy định và quy hoạch về nguồn nhân lực để xây dựng mới hoặc điều chỉnh, bổ sung các quy chế, quy định như Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế đánh giá, phân loại viên chức, NLĐ, Quy chế tuyển dụng, Quy chế đào tạo, bồi dưỡng, Quy chế làm việc của giảng viên, Quy chế thi đua, khen thưởng, Quy chế nâng lương trước thời hạn do hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ…[H6.06.06.04], [H6.06.06.05], [H6.06.06.06]…

Quy trình được tổ chức như sau:

Đơn vị chủ trì rà soát quy chế, quy định liên quan đến chế độ, chính sách nhân sự lập tờ trình trình Hiệu trưởng đề nghị soạn thảo mới hặc điều chỉnh, bổ sung các quy định, quy chế và thành lập ban soạn thảo hoặc ban sửa đổi bổ sung quy chế, qui định. [H6.06.06.07]

Căn cứ phê duyệt của Hiệu trưởng, Phòng TCCB soạn thảo và trình ban hành Quyết định thành lập ban soạn thảo hoặc hoặc ban sửa đổi bổ sung quy chế, qui định. [H6.06.06.08]

Ban soạn thảo tiến hành rà soát, chỉnh sửa hoặc soạn thảo dự thảo Quy chế, Quy định và gửi dự thảo văn bản đến các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường lấy ý kiến góp ý vào dự thảo [H6.06.06.09]

Đơn vị được lấy ý kiến tổ chức lấy ý kiến VC, NLĐ trong đơn vị và tổng hợp các ý kiến góp ý và gửi về Ban soạn thảo. Ban soạn thảo chỉnh sửa dự thảo và tiếp tục lấy ý kiến thông qua dự thảo tại cuộc họp các thành viên Ban soạn thảo [H6.06.06.10]

Ban soạn thảo chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo trình BGH ký ban hành [H6.06.06.11]

Bên cạnh việc rà soát định kỳ, thường xuyên, mỗi khi có những thay đổi về Luật và các văn bản pháp lý của Nhà nước như Nghị định, Thông tư, Hướng dẫn, Quy chế… liên quan đến chế độ, chính sách của giảng viên, viên chức, người lao động, Trường luôn chủ động rà soát để điều chỉnh, bổ sung nội dung các quy định, quy chế, chính sách mới cho phù hợp: Ví dụ: Quy chế về đào tạo bồi dưỡng viên chức; Quy chế về chế độ làm việc của giảng viên; Quy chế chi tiêu nội bộ….[H6.06.06.12], [H6.06.06.13],

[H6.06.06.14]

Đối với công tác quy hoạch nguồn nhân lực, Trường đã thực hiện rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu, mục tiêu, chiến lược của từng giai đoạn phát triển, được thể hiện trong chiến lược phát triển Trường các giai đoạn đã được ban hành [H6.06.06.15] [H6.06.06.16]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 6.7: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trên cơ sở kết quả rà soát về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực, Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM (Trường) đã phân tích, đánh giá thực trạng, nguyên nhân, đồng thời căn cứ vào chiến lược, mục tiêu phát triển nhân sự cụ thể của Trường để thực hiện cải tiến, hoàn thiện chế độ, chính sách nhằm hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng tốt hơn.

Có thể khẳng định, để có được nguồn nhân lực ngày càng phát triển, hoạt động năng suất, hiệu quả như hiện nay chính là nhờ Nhà trường đã luôn quan tâm cải tiến các chế độ, chính sách liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của viên chức, người lao động như chế độ lương, thưởng, phúc lợi, các chính sách về giảng dạy, NCKH, chính sách về đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ…

Sau khi rà soát, Trường đã cải tiến và ban hành mới hoặc điều chỉnh, bổ sung các quy chế, quy định liên quan đến chế độ, chính sách nguồn nhân lực như:

Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với viên chức, người lao động Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh ban hành năm 2019, được sửa đổi năm 2021 [H6.06.07.01], việc sửa đổi theo hướng chấm điểm và đánh giá theo tháng, mỗi đối tượng có tiêu chí đánh giá riêng, các mẫu biểu đều được mã hóa. Ưu điểm của việc đánh giá theo tháng đảm bảo tính kịp thời, tạo động lực, khuyến khích được viên chức, người lao động phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ chuyên môn.

Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ được rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành thay thế vào năm 2019 [H6.06.07.02], Quy chế quy định nhiều nội dung, trong đó có nội dung về khen thưởng trong lĩnh vực KHCN, khuyến khích viên chức, người lao động tham gia viết đề tài khoa học, biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ việc giảng dạy và học tập.

Quy chế chi tiêu nội bộ được điều chỉnh, bổ sung hằng năm nhằm kịp thời điều chỉnh những bất cập, tăng tính hợp lý, công bằng trong phân phối phúc lợi và các khoản chi, qua đó thúc đẩy động lực làm việc tốt hơn của viên chức, người lao động [H6.06.07.03].

Quy định đào tạo bồi dưỡng cán bộ, viên chức, người lao động được sửa đổi bổ sung và ban hành mới năm 2021 nhằm phù hợp hơn với các quy định mới của nhà nước và Ngành trong công tác đào tạo cán bộ, viên chức, đồng thời gắn với tính đặc thù của một cơ sở giáo dục đại học. Quy chế mới đã tăng thêm quyền lợi và quyền chủ động của viên chức, người lao động trong việc lựa chọn các hình thức và nội dung đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với nhu cầu chuyên môn gắn với yêu cầu của vị trí việc làm [H6.06.07.04]

Quy chế làm việc đối với giảng viên được sửa đổi bổ sung cho phù hợp với văn bản quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời bao quát được các đối tượng hoạt động chuyên môn tại Trường. Việc quy đổi định mức giờ giảng cũng được tính toán hợp lý hơn và có tính linh hoạt cao hơn khi giảng viên được chấp nhận quy đổi một phần kết quả NCKH sang định mức giờ giảng và ngược lại trong những trường hợp đặc biệt [H6.06.07.05]

Chế độ, chính sách đối với các giảng viên được kéo dài thời gian làm công tác chuyên môn của các giảng viên có chức danh giáo sư, phó giáo sư và có trình độ tiến sĩ được Nhà trường áp dụng theo đúng quy định của nhà nước, vừa đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động, vừa tận dụng tốt nhất nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ sự phát triển của Trường [H6.06.07.06].

Chế độ, chính sách thi đua, khen thưởng cán bộ, viên chức, người lao động được Trường thường xuyên cập nhật văn bản, hướng dẫn mới của Nhà nước để thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi cho người lao động. [H6.06.07.07]. Ngoài chế độ, chính sách chung, để thúc đẩy động lực làm việc của người lao động, tạo không khí thi đua, phấn khởi trong đơn vị, Trường còn có các hình thức thi đua, khen thưởng cả về vật chất và tinh thần cho viên chức, người lao động đạt kết quả tốt trong công tác chuyên môn. [H6.06.07.08], [H6.06.07.09], [H6.06.07.10]

Trên cơ sở rà soát nhu cầu sử dụng nhân lực trong ngắn hạn và trung hạn, nhằm chủ động tạo nguồn cán bộ có năng lực, phẩm chất tốt để đào tạo, bồi dưỡng phục vụ nhu cầu bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, hàng năm Trường đã thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo diện Ban cán sự Đảng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quản lý nhiệm kỳ 2021-2026 và rà soát, bổ sung vào quy hoạch cán bộ lãnh đạo giữ chức vụ cấp Phòng diện Thủ trưởng đơn vị quản lý, cả nhiệm kỳ hiện tại và nhiệm kỳ kế tiếp. Không chỉ có chính quyền, Đảng uỷ và các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Trường như Công Đoàn, Đoàn thanh niên cũng thường xuyên quan tâm thực hiện tốt công tác quy hoạch cán bộ để luôn chủ động về nguồn nhân sự lãnh đạo tổ chức [H6.06.07.11], [H6.06.07.12]. Việc quy hoạch nguồn nhân lực nói chung cũng được Nhà trường rà soát, điều chỉnh trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực các giai đoạn,

nằm trong chiến lược phát triển Trường [H6.06.07.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 6:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, kế hoạch tuyển dụng đội ngũ và thực hiện công tác quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp với đầy đủ các bộ tiêu chí, tiêu chuẩn (tiêu chuẩn, điều kiện tuyển dụng, tiêu chí, tiêu chuẩn quy hoạch chức danh, tiêu chí, tiêu chuẩn bổ nhiệm) rõ ràng, phù hợp với mục tiêu, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Các tiêu chí, tiêu chuẩn, điều kiện tuyển dụng và lựa chọn nhân sự trong quy hoạch, đề bạt, bổ nhiệm, sắp xếp nhân sự đã được nhà trường xác định rõ ràng, công khai, phổ biến rộng rãi, qua đó thể hiện tính minh bạch, khách quan, dân chủ trong công tác cán bộ nói chung, công tác tuyển dụng và sử dụng nhân sự của Trường nói riêng.

Trường đã xác định rõ và xây dựng được các tiêu chuẩn về năng lực, kỹ năng, phẩm chất cho các nhóm đối tượng cán bộ, viên chức, người lao động để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng, bổ nhiệm, đề bạt cán bộ đúng người, đúng việc, nhằm phát huy hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực một cách tốt nhất.

Trường đã xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ xuất phát từ chính nhu cầu thực tế của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản trị, quản lý của Trường, đồng thời phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển nguồn nhân lực nói riêng và phát triển Nhà trường nói chung.

Quá trình tổ chức thực hiện các kế hoạch đào tạo được phòng chức năng tham mưu chủ động thực hiện tốt, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu, hiệu quả.

Trường đã xây dựng được hệ thống quản lý và đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của người lao động một cách khoa học, công bằng và hiệu quả; phục vụ đắc lực cho việc cho công tác quản lý, sử dụng nhân sự, công tác phân phối lợi ích và thúc đẩy tăng năng suất lao động.

Nhà trường đã chú trọng đến công tác rà soát hệ thống quy chế, quy định, quy trình liên quan đến chế độ, chính sách nhân sự để có những điều chỉnh, bổ sung kịp thời khi có những thay đổi về Luật, chính sách của nhà nước, hoặc những thay đổi cho phù hợp với bối cảnh, yêu cầu mới và điều kiện thực tế của Trường.

Nhà trường đã tập trung ban hành mới, hoặc điều chỉnh, bổ sung tương đối đầy đủ các quy chế, quy định, đề án, chiến lược liên quan đến chế độ, chính sách, quy trình, quy hoạch phát triển nguồn nhân lực, phù hợp với các quy định mới của Nhà nước và bối cảnh thực tế, mục tiêu, chiến lược phát triển Trường.

Các chế độ, chính sách, quy trình liên quan đến nguồn nhân lực của Trường đều hướng đến phục vụ lợi ích hợp pháp, hợp lý của người lao động, nhằm tạo ra môi trường làm việc hấp dẫn, chuyên nghiệp, tăng động lực sáng tạo, cống hiến cho đội ngũ viên chức, người lao động.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Đề án vị trí việc làm của Trường được phê duyệt từ 2017 đến nay đã bộc lộ nhiều điểm không còn phù hợp với yêu cầu mới, hiện Trường đang xây dựng đề án việc làm mới thay thế nhưng chưa hoàn thành.

Hiện nay do lý do khách quan (Ngân hàng nhà nước đang thẩm định, cho ý kiến) nên một số quy chế quan trọng như Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng trường vẫn chưa thể ban hành để Trường hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định phục vụ công tác quản trị, điều hành nói chung, trong đó có việc cụ thể hoá tiêu chuẩn năng lực một số chức vụ, vị trí quan trọng của Trường.

Do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19 nên 02 năm gần đây hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ của Trường gặp nhiều khó khăn, gián đoạn; một số kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng dự kiến tổ chức nhưng chưa thể thực hiện được.

Là một đơn vị sự nghiệp công lập, đặt dưới sự quản lý của cơ quan chủ quản (NHNN) nên công tác đánh giá cán bộ vẫn phải tuân thủ theo các quy chế, quy định của Nhà nước, của Ngành về việc đánh giá xếp loại cán bộ, viên chức. Trong khi một số vị trí việc làm vẫn chưa thể lượng hoá trách nhiệm, khối lượng công việc rõ ràng, vì vậy công tác đánh giá, xếp loại thực hiện nhiệm vụ chưa thể đạt mục tiêu công bằng, hiệu quả 100%.

Một số quy chế, quy định của Trường vẫn chưa được hoàn thiện (lý do khách quan) hoặc có những quy chế ban hành trước đây đã bộc lộ một số bất cập trong tình hình mới cần được rà soát, chỉnh sửa.

Một số ít quy chế, quy định của Trường vẫn đang trong quá trình hoàn thiện hoặc sự thay đổi của môi trường pháp lý diễn ra thường xuyên nên đôi khi một số nội dung liên quan đến chế độ chính sách người lao động chưa đảm bảo được tính cập nhật kịp thời, còn có độ trễ nhất định.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn	Phòng TCCB triển khai xây dựng đề án vị trí	Phòng TCCB phối hợp với các đơn vị	Năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	tại	việc làm mới cho phù hợp với điều kiện thực tiễn của trường, đặc biệt là phù hợp với cơ cấu tổ chức mới được phê duyệt	liên quan		
	Khắc phục tồn tại	Trường sẽ phối hợp tích cực với Vụ TCCB Ngân hàng Nhà nước để sớm có thể ban hành các quy chế phục vụ công tác quản trị, điều hành nhà trường.	Hội đồng trường, Ban giám hiệu và các đơn vị liên quan.	Năm 2022	
	Khắc phục tồn tại	Phòng TCCB chủ động xây dựng các chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng có tính linh hoạt cao (đào tạo trực tuyến qua Zoom, Google meet) để chủ động thích nghi với hoàn cảnh trong bối cảnh dịch bệnh còn phức tạp	Phòng TCCB phối hợp với các đơn vị liên quan	Năm 2022	
	Khắc phục tồn tại	Trường tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy chế liên quan đến công tác đánh giá, phân loại VC-NLĐ; nghiên cứu xây dựng KPI cho tất cả các vị trí việc làm trong Trường để công tác đánh giá, xếp loại ngày càng chính xác, hiệu quả hơn.	Phòng TCCB phối hợp với các đơn vị liên quan	Năm 2022, 2023	
	Khắc phục tồn tại	- Trường tiếp tục làm việc với Ngân hàng Nhà nước để Hội đồng trường sớm ban hành các quy chế như: Quy	Phòng TCCB phối hợp với các đơn vị liên quan	Năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		chế tài chính; quy chế tổ chức và hoạt động của Trường… - Rà soát lại một số đề án, quy chế, quy định đã bộc lộ bất cập trong tình hình mới như: Đề án vị trí việc làm; quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; quy chế tuyển dụng…			
	Khắc phục tồn tại	- Rà soát lại một số quy chế, quy định đã bộc lộ bất cập trong tình hình mới hoặc đã có những thay đổi pháp lý cần phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung như: Đề án vị trí việc làm; quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; quy chế tuyển dụng…	Phòng TCCB đầu mối phối hợp với các đơn vị liên quan	Năm 2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 6	***5,86***
Tiêu chí 6.1	6/7
Tiêu chí 6.2	6/7
Tiêu chí 6.3	6/7
Tiêu chí 6.4	6/7
Tiêu chí 6.5	6/7
Tiêu chí 6.6	5/7
Tiêu chí 6.7	6/7

TIÊU CHUẨN 7: QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Tiêu chí 7.1: Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM (Trường) là đơn vị sự nghiệp thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Trường được phân loại là đơn vị sự nghiệp đảm bảo một phần chi thường xuyên [H7.07.01.01]. Trường đã xây dựng và ban hành cơ cấu tổ chức trong đó có phòng Tài chính Kế toán [H7.07.01.02] để tham mưu cho Lãnh đạo Nhà trường quản lý, thực hiện công tác quản lý tài chính, hạch toán kế toán. Trường đã ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ làm cơ sở cho các hoạt động tài chính đúng mục đích, đối tượng, đảm bảo tiết kiệm. Quy chế chi tiêu nội bộ cũng hướng dẫn các đơn vị thực hiện dự toán, quyết toán thống nhất trong phạm vị toàn trường [H7.07.01.03]

Kế hoạch tài chính được lập bám sát trên cơ sở chiến lược của Trường trong giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H7.07.01.04] [H7.07.01.05] và Chiến lược phát triển Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM đến năm 2030 tầm nhìn 2035 [H7.07.01.06]. Xác định rõ mục tiêu đa dạng hóa các nguồn tài chính và thực hiện quản lý tập trung nhằm đáp ứng các nhu cầu chi thường xuyên, chi không thường xuyên và các khoản chi đầu tư phát triển; kiểm soát, sử dụng chặt chẽ các nguồn lực tài chính nhằm đảm bảo nguyên tắc tiết kiệm, chống lãng phí gây thất thoát tiền và tài sản của Nhà nước, đồng thời đảm bảo chính sách tài chính góp phần quan trọng tạo động lực công tác cho toàn thể cán bộ giảng viên Trường; từng bước chủ động tăng nguồn thu, gia tăng nguồn tích lũy nhằm từng bước thực hiện chủ chương tự chủ tài chính theo từng giai đoạn, cụ thể:

Giai đoạn 2023-2025 Trường là đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên (nhóm 2), phấn đấu tổng thu bình quân của Trường giai đoạn 2023 - 2025: 400 tỷ đồng, có nguồn thu từ hoạt động KHCH và mức tăng bình quân hàng năm 1-2%; nguồn thu dịch vụ mức 3-4%.

Giai đoạn 2026-2035 Trường hướng đến đơn vị sự nghiệp công tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1), tổng thu bình quân trên 550 tỷ đồng, nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ tăng 2-4%; nguồn thu dịch vụ tang 4-6%.

Đề án tự chủ, tự chịu trách nhiệm tại Trường [H7.07.01.07] đã xây dựng kế hoạch phát triển các nguồn lực tài chính giai đoạn 2018-2022 nhằm hướng tới mục tiêu tự chủ tài chính chi thường xuyên vào năm 2023.

Bảng 7. 1 - Chi tiết các khoản mục thu năm 2018-2021

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2018 (theo số quyết toán của NHNN; 297/TB-NHNN ngày 30/9/2019)	Năm 2019 (theo số quyết toán của NHNN; 320/TB-NHNN ngày 1/10/2020)	Năm 2020 (lấy theo số thực hiện và gửi quyết toán NHNN)	Năm 2021 (lấy theo số thực hiện và gửi quyết toán NHNN)
1	NSNN cấp chi thường xuyên (theo số giao dự toán)	61.299	60.294	59.872	58.465
1.1	*NSNN cấp chi thường xuyên*	59.711	58.711	57.271	54.400
1.2	*NSNN cấp chi thường xuyên thực hiện miễn giảm học phí theo nghị định 86/2015/NĐ-CP*	1.588	1.583	2.601	4.065
2	Thu hoạt động sản xuất kinh doanh	165.756	233.329	201.651	249.106
3	Thu hoạt động phí được khấu trừ để lại; tài chính, hoạt động khác..	17.393	18.808	19.307	13.730
	Tổng cộng	**235.149**	**302.140**	**280.830**	**321.301**
	Tỷ lệ kinh phí tự chủ/Tổng KP (%)	**76%**	**81%**	**80%**	**83%**

Nguồn: Xét duyệt quyết toán và bảng tổng hợp của Trường ĐHNH TP. HCM

Bảng 7. 2 - Chi tiết các khoản mục chi năm 2018 - 2021

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
A	**Chi thanh toán cho cá nhân**	**62.624**	**72.576**	**82.300**	**93.371**
1	Lương ngạch bậc và Phụ cấp	30.239	33.210	35.537	37.074
2	Giảng bài vượt giờ, làm thêm giờ	20.409	25.748	32.247	36.000
3	Phúc lợi tập thể	-	2	-	191
4	Các khoản đóng góp (BHXH, KPCĐ)	6.177	6.689	7.198	7.390
5	Trang phục	2.080	2.006	1.061	2.068

TT	Nội dung	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
6	Tiền ăn trưa	-	-	-	-
7	Học bổng sinh viên	3.719	3.383	3.656	8.487
8	Tiền thưởng	-	-	-	-
9	Chi miễn giảm học phí	939	1.538	2.601	2.161
B	**Chi về hàng hóa DV**	**76.576**	**110.205**	**100.209**	**88.501**
1	Dịch vụ công cộng	5.504	8.542	8.776	8.170
2	Vật tư văn phòng	2.913	4.721	5.225	2.531
3	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	4.941	2.767	3.190	4.476
4	Hội nghị	301	2.233	3.622	3.760
5	Công tác phí	1.378	1.419	1.199	534
6	Chi phí thuê mướn	15.699	11.606	10.338	10.466
7	Chi đoàn ra	655	1.046	458	-
8	Sửa chữa tài sản	8.548	16.567	7.195	3.477
9	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	10.752	15.378	10.597	11.739
10	Chi khác (đào tạo diện HĐ, NCKH..)	25.885	35.636	49.610	43.348
	Cộng (A+B):	**140.139**	**172.491**	**182.510**	**181.872**
C	**Chênh lệch (Thu - Chi)**	**95.010**	**129.649**	**98.320**	**139.429**
D	**Phân phối các quĩ (theo thông báo xét duyệt quyết toán của NHNN)**	**97.474**	**130.367**	**95.412**	**138.702**

Nguồn: Xét duyệt quyết toán và bảng tổng hợp của Trường ĐHNH TP. HCM

Bảng 7. 3 - Mức độ tự đảm bảo năm **2022 (không bao gồm NSNN cấp)**

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán 2022
A	**Phần thu**	**272.071**
1	Thu dịch vụ sự nghiệp công, phí, lệ phí, khác	265.032
2	Chênh lệch thu chi hoạt động dịch vụ	7.039
2.1	*Tổng thu*	29.541
2.2	*Tổng chi*	*22.502*
B	**Phần chi**	**330.470**
1	Chi thanh toán cho cá nhân	64.697
1.1	*Lương ngạch bậc + Phụ cấp*	*32.450*
1.2	*Thanh toán cho cá nhân khác*	*32.247*

TT	Nội dung	Dự toán 2022
2	Chi về hàng hóa DV	10.575
3	Chi mua sắm, sửa chữa, chi khác	97.962
4	Chi bổ sung thu nhập	71.912
5	Chi tạo lập quỹ PTHĐSN+KTPL	52.000
	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%) (=A/B)	**82%**

Nguồn: Phương án tự chủ của Trường ĐHNH TP. HCM giai đoạn 2022-2025

Bảng 7. 4 - Mức độ tự đảm bảo giai đoạn 2023 - 2025

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán 2023	Dự toán 2024	Dự toán 2025
A	**Phần thu**	**364.704**	**364.704**	**364.704**
1	Thu dịch vụ SNC, học phí, phí..	356.961	356.961	356.961
2	Chênh lệch thu chi hoạt động dịch vụ	7.742	7.742	7.742
2.1	*Tổng thu*	32.495	32.495	32.495
2.2	*Tổng chi*	24.753	24.753	24.753
B	**Phần chi**	**357.374**	**357.374**	**357.374**
1	Chi thanh toán cho cá nhân	97.046	97.046	97.046
1.1	*Lương ngạch bậc + Phụ cấp*	*48.675*	*48.675*	*48.675*
1.2	*Thanh toán cho cá nhân khác*	*48.371*	*48.371*	*48.371*
2	Chi về hàng hóa DV	*15.863*	*15.863*	*15.863*
3	Chi mua sắm, sửa chữa, chi khác	*117.554*	*117.554*	*117.554*
4	Chi bổ sung thu nhập	71.912	71.912	71.912
5	Chi tạo lập quỹ PTHĐSN + KTPL	55.000	55.000	55.000
	Mức tự bảo đảm chi thường xuyên (%) (=A/B)	**102%**	**102%**	**102%**

Nguồn: Phương án tự chủ của Trường ĐHNH TP. HCM giai đoạn 2022-2025

Bảng 7. 5 - Tỷ trọng dự toán ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên trên tổng thu giai đoạn 2017 - 2021

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Dự toán NSNN cấp chi thường xuyên được giao	64.845	62.798	60.393	59.872	58.465

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
2	Tổng các nguồn thu của Trường	156.322	244.446	312.430	280.830	321.301
3	Tỷ trọng ngân sách cấp chi thường xuyên/nguồn thu của Trường	41%	26%	19%	21%	18%

Nguồn: Báo cáo tài chính Trường ĐHNH TP.HCM

Tỷ trọng nguồn kinh phí từ ngân sách cấp chi thường xuyên bình quân giai đoạn 2017-2021 chiếm khoảng 25% trong tổng nguồn thu của Trường. Cơ bản hàng năm ngân sách giao có xu hướng giảm, do đó Trường sử dụng nguồn thu sự nghiệp để đảm bảo và trang trải các hoạt động liên quan đến chức năng nhiệm vụ được giao.

Tổng nguồn thu của Trường trong giai đoạn này nhìn chung có xu hướng tăng trong 5 năm *(năm 2017: 156 tỷ, năm 2018: 244 tỷ, năm 2019: 312 tỷ, năm 2020: 280 tỷ, năm 2021: 321 tỷ).* Qua đó có thể thấy tỷ lệ nguồn thu từ ngân sách đang giảm dần và Trường đang nâng cao khả năng tự chủ giảm sự phụ thuộc vào ngân sách nhà nước cấp để hướng đến tự chủ tài chính trong tương lai gần, Trường đã chủ động giao kinh phí hoạt động cho các đơn vị thuộc và trực thuộc hàng năm [H7.07.01.08].

Công tác kiểm toán, kiểm tra về công tác tài chính được thực hiện bởi các cơ quan như Bộ Tài chính, Kiểm toán Nhà nước. Hàng năm Trường báo cáo quyết toán tài chính cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ban hành thông báo xét duyệt quyết toán năm đối với Trường [H7.07.01.09]. Ngoài ra khi có văn bản kiểm toán Trường tuân thủ và phối hợp cho công tác thanh tra kiểm toán, các biểu mẫu báo cáo tài chính được lập theo quy định của Nhà nước, thực hiện đăng ký mã số thuế, lập báo cáo thuế và kê khai theo thời gian, quy trình quy định [H7.07.01.10].

Công tác tài chính được rà soát, đánh giá báo cáo hàng năm qua các Hội nghị tài chính [H7.07.01.11], Hội nghị viên chức người lao động, báo cáo tổng kết hoạt động năm học [H7.07.01.12], Qua đó Nhà trường triển khai sửa đổi quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế, thực tiễn phát triển của Nhà trường

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.2: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Công tác cơ sở vật chất (CSVC) và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng được Nhà trường chú trọng, tăng cường đầu tư và bố trí nhiều nguồn vốn để thực hiện và được thể hiện trong Chiến lược phát triển của Trường [H.7.07.02.01], [H.7.07.02.02].

Việc đầu tư CSVC được thực hiện theo kế hoạch hàng năm [H.7.07.02.03] và theo kế hoạch đầu tư trung hạn theo quy định của Nhà nước [H.7.07.02.04], [H.7.07.02.05].

Công tác cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị liên quan. Theo đó, Phòng Quản trị tài sản có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng về công tác quy hoạch, quản lý xây dựng cơ bản; mua sắm, sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, vật tư, trang thiết bị, cơ sở vật chất cho toàn Trường. Phòng Quản trị tài sản cũng là đầu mối được giao nhiệm vụ tham mưu cho Ban giám hiệu đề xuất các quy định, quy chế, hướng dẫn trong quản lý sử dụng trang thiết bị, tài sản, đảm bảo việc sử dụng có hiệu quả; Phòng Quản lý công nghệ thông tin (QLCNTT) thực hiện chức năng xây dựng kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng công nghệ thông tin, thực hiện quản lý vận hành hạ tầng công nghệ thông tin của Trường, các trang thiết bị về tin học phục vụ giảng dạy và nghiên cứu của giảng viên và sinh viên [H7.07.02.06].

Kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng hàng năm được thực hiện thông qua việc lập kế hoạch tài chính do Phòng Tài chính Kế toán (TCKT) thông báo [H7.07.02.07]. Căn cứ nhu cầu của các đơn vị, Phòng TCKT phối hợp Phòng QTTS, Phòng QLCNTT tổng hợp danh mục để trình phê duyệt. Căn cứ Kế hoạch được phê duyệt, Phòng QTTS thực hiện theo kế hoạch [H7.07.02.08], [H7.07.02.09], [H7.07.02.10], [H7.07.02.11].

Công tác giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được Phòng QTTS thực hiện hàng năm thông qua Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của Phòng QTTS [H7.07.02.12] và Báo cáo giám sát dự án đầu tư khi dự án hoàn thành [H7.07.02.13], [H7.07.02.14]. Báo cáo phải nêu rõ những công việc đã thực hiện, những công việc không thực hiện, nguyên nhân và yêu cầu khắc phục (nếu có).

Toàn bộ cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị được theo dõi quản lý bằng phần mềm [H7.07.02.15] và được kiểm kê định kỳ hằng năm [H7.07.02.16]. Đối với các loại tài sản đặc thù hoặc có yêu cầu nghiêm ngặt về kỹ thuật và an toàn thì được theo dõi chi tiết trên Sổ theo dõi tài sản [H7.07.02.18].

Tại các phòng học, phòng thực hành, đều có nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị trong phòng. Bên cạnh đó, Trường có sổ theo dõi tần suất khai thác các trang thiết bị, qua sổ theo dõi cho thấy, các trang thiết bị được sử dụng với tần suất sử dụng 3 ca/ngày vẫn hoạt động tốt, khi có sự cố đều được tổ kỹ thuật bảo trì sửa chữa kịp thời [H7.07.02.19].

Phòng QTTS có trách nhiệm ghi nhận phản ánh thông tin về CSVC và cơ sở hạ tầng của viên chức và sinh viên thông qua các phản ánh trực tiếp về Phòng chức năng hoặc thông qua các Báo cáo khảo sát hàng năm [H7.07.02.20] hoặc theo kết luận tại Hội nghị tổng kết công tác năm và Hội nghị đối thoại giữa Nhà trường với sinh viên để tiếp thu và có phương án khắc phục hoặc trang bị, nâng cấp [H7.07.02.21], [H7.07.02.22].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.3: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) tại trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh đóng vai trò rất quan trọng trong các hoạt động đào tạo, quản lý điều hành nhà trường, cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH). Với quy mô đào tạo ngày càng phát triển, từ năm 2014 Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM đã thành lập Phòng Quản lý Công nghệ thông tim [H7.07.03.01], với chức năng nhiệm vụ chính là quản lý hệ thống hạ tầng CNTT, Quản trị và vận hành các hệ thống thông tin, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin của Trường. Xây dựng các quy định về hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động quản trị hệ thống thông tin, đảm bảo an toàn thông tin, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị công nghệ của hệ thống máy chủ, vận hành hệ thống mạng Wifi đảm bảo vận hành tốt phục vụ công tác quản lý điều hành của trường. [H7.07.03.02].

Phòng Tư vấn tuyển sinh & Phát triển thương hiệu có chức năng Truyền thông thực hiện quản trị nội dung thông tin trên website của Trường và quản lý cập nhật thông tin tuyển sinh trên cổng thông tin của tuyển sinh trường [H7.07.03.02]. Các Khoa, đơn vị trong toàn Trường tự chịu trách nhiệm quản lý, cập nội dung trên Website của đơn vị mình.

Kế hoạch phát triển và đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong quản lý và đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ người học được nhà trường chú trọng quan tâm, được thể hiện cụ thể trong chiến lược phát triển trường giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030 [H7.07.03.03] với định hướng lấy mô hình Đại học số hóa làm mục tiêu cho các kế hoạch triển khai ứng dụng CNTT của nhà trường.

Phòng Quản lý CNTT chịu trách nhiệm lập kế hoạch phát triển CNTT nhà trường hàng năm, là đầu mối đề xuất đầu tư về thiết bị công nghệ thông tin, thiết bị mạng, phần mềm ứng dụng, thay thế nâng cấp phòng máy tính thực hành. Căn cứ vào yêu cầu, Phòng quản lý CNTT tiến hành lập dự toán ngân sách hoạt động CNTT, trên cơ sở đề xuất của Phòng Quản lý CNTT, nguồn tài chính nhà trường hoạt động CNTT được phân bổ một nguồn nhất định để tiến hành đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, máy chủ, trung bình giai đoạn từ 2017-2021, mỗi năm nhà trường phân bổ trên 2 tỷ cho hoạt động CNTT [H7.07.03.04], [H7.07.03.05]. Nhà trường đã chú trọng đầu tư hệ thống phòng máy thực hành cho sinh viên qua các năm, trung bình mỗi năm khoảng 120 máy tính mới với cấu hình cao, màn hình LCD 19 Iches [H7.07.03.06].

Kết nối Internet được chú trọng phủ khắp giảng đường, Ký túc xá, người học, cán bộ, giảng viên truy cập Internet miễn phí phục vụ nhu cầu học tập, nghiên cứu trong toàn trường, với tổng dung lượng băng thông trong nước là 2 Gbps và tổng băng thông quốc tế 150 Mbps là [H7.07.03.07] (các hợp đồng đường truyền VNPT, TPcom).

Hàng năm, căn cứ vào nhu cầu, Phòng quản lý CNTT tiến hành lập kế hoạch đầu tư CNTT, Phòng Tài chính Kế toán, Phòng QTTS tham mưu trình các cấp lãnh đạo bố trí nguồn kinh phí để đầu tư cho các hoạt động CNTT của trường, gồm các hoạt động đầu tư thiết bị CNTT, thiết bị Wifi, chi phí đường truyền Internet, chi phí bảo trì phần mềm. Nhờ vậy, hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng mạng, wifi được thường xuyên đầu tư đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu của cán bộ, viên chức và sinh viên Nhà trường.

Hệ thống máy chủ, trung tâm dữ liệu và phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm Thư viện, phần mềm quản lý ký túc xá được kiểm tra, bảo trì định kỳ [H7.07.03.08].

Ngoài việc đầu tư trang bị các phần mềm ứng dụng từ công ty bên ngoài, thông qua các Đề án NCKH nhà trường đã tự nghiên cứu phát triển nhiều ứng dụng phục vụ công tác quản lý, hoạt động của trường, bao gồm hệ thống LMS, hệ thống quản lý khoa học, hệ thống giao dịch điện tử sinh viên nhà trường [H7.07.03.09].

Bảng 7. 6 - Hệ thống công nghệ thông tin hiện nay của HUB [H7.07.03.10]

TT	Hạ tầng và Dịch vụ CNTT	Nội dung
1	Phòng máy chủ	10 máy chủ. 3 máy chủ Dell R740, 3 máy HP Gen9, 2 Máy IMB X3650 M4, 2 IBM X3650 M3
2	Phòng Lab thực hành	3 Phòng Lab thực hành khu vực 39 Hàm Nghi, Quận 1 1 Phòng Lab học Ngoại ngữ 10 Phòng Phòng Lab thực hành khu vực 56 Hoàng Diệu 2
3	Hệ thống mạng	4 Tủ rack, Hệ thống Core Switch, Distribution Swith, Access Switch: 2 Tủ Rack khu vực 36 Tôn Thất Đạm, 2 tủ Rack khu vực 56 Hoàng Diệu 2 (Hệ thống Core Switch Cisco 3850 tại 36 TTĐ, Core Switch Cisco 3650 56 Hoàng Diệu 2) Hệ thống Router Cisco 2900, DrayTek 3900
4	Hệ thống bảo mật	Fire Wall Dell Sonicwall 4600 và 6600 đặt tại 36 Tôn Thất Đạm và khu vực amngj 56 Hoàng Diệu 2
5	Quyền truy cập	Tài khoản riêng với phần mềm Quản lý đào tạo, LMS cho sinh viên, cán bộ giảng viên, cán bộ quản lý. -Tài khoản email đối với CB, GV tên miền @buh.edu.vn - Tài khoản Email sinh viên @st.buh.edu.vn
6	Các phần mềm quản lý	Website Cổng thông tin Trường Cổng thông tin tuyển sinh Cổng thông tin các Khoa, Phòng Phần mềm quản lý đào tạo, cổng thông tin đào tạo, đăng ký học phần. Phần mềm quản lý Thư viện Hệ thống Quản lý học tập trực tuyến LMS Hệ thống Giao dịch điện tử Estudent Cổng thanh toán học phí và lệ phí Epay Phần mềm quản lý ký túc xá Phần mềm quản lý nhân sự Phần mềm quản lý khoa học Phần mềm thống kê thu nhập Hệ thống quản lý văn bản, biểu mẫu EOffice Hệ thống khảo sát trực tuyến Phần mềm kế toán HCSN MISA Website tạp chí Ajeb Hệ thống Hỏi đáp

Nguồn: Phòng QLCNTT

Hàng năm, nhà Trường tiến hành khảo sát ý kiến giảng viên, ý kiến người học về mức độ hài lòng đối với cơ sở hạ tầng CNTT phục vụ cho các hoạt động và học tập trong các năm học. Kết quả khảo sát cho thấy có sự gia tăng mức độ hài lòng đối của người học qua từng năm, chứng tỏ hệ thống CNTT đã được liên tục quan tâm cải tiến. Tuy nhiên mức độ hài lòng ở mức 4,05-4,2/5, trong đó có nhiều góp ý về chất lượng truy cập

Wifi, và việc nghẽn đăng ký tín chỉ. Vì vậy trong thời gian tới, Nhà trường cần phải tiếp tục cải tiến các vấn đề liên quan đến Hệ thống mạng công nghệ thông tin, hệ thống cơ sở hạ tầng như: chất lượng truy cập Wifi, hệ thống đăng ký tín chỉ, nội dung Website nhằm phục vụ tốt nhất phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Nhà Trường. [H7.07.03.11]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.4: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.

Thư viện là một bộ phận quản trị nguồn lực học tập của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh. Thư viện có chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng trong công tác quản lý thông tin, tư liệu phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học. Để phục vụ nhu cầu đọc giả, Thư viện có hơn 2.400m2 diện tích xây dựng bao gồm các phòng đọc, kho sách báo, tạp chí với số đầu sách phục vụ các ngành đào tạo hơn 11.380 tựa và liên tục được cập nhật, bổ sung qua các năm [H7.07.04.01]. Ngoài sách in, Thư viện còn có danh mục cơ sở dữ liệu điện tử sách, tạp chí trong và ngoài nước phong phú và liên tục cập nhật [H7.07.04.02]

Bộ phận quản trị nguồn lực học tập được thiết lập và định kỳ rà soát để cập nhật bổ sung chức năng nhiệm vụ cho phù hợp với chiến lược phát triển thư viện [H7.07.04.03]. Tổ chức hoạt động thư viện được vận hành bởi các quy trình nghiệp vụ được xây dựng dựa trên tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO và tiêu chuẩn nghiệp vụ thư viện [H7.07.04.04].

Hàng năm Nhà trường có kế hoạch giao dự toán thu chi tài chính cho thư viện, trên cơ sở đó Thư viện xây dựng kế hoạch đầu tư, bổ sung các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, cơ sở dữ liệu (CSDL) trực tuyến [H7.07.04.05], [H7.07.04.06]. Bên cạnh đó, những năm gần đây, Nhà trường đẩy mạnh phát triển các chương trình đào tạo theo chuẩn AUN-QA nên việc đầu tư mới cũng như cập nhật, bảo trì nguồn học liệu được giám sát và ưu tiên về kinh phí để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng và được vận hành [H7.07.04.07].

Hằng năm Thư viện rà soát đánh giá hiệu quả đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, CSDL trực tuyến phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H7.07.04.08].

Ngoài ra Thư viện định kỳ thu thập dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, CSDL trực tuyến [H7.07.04.09], [H7.07.04.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 7.5: Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.

Đối với các yêu cầu về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM đã có sự phân công chức năng, nhiệm vụ rõ ràng cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường. Cụ thể, Tổ y tế là đơn vị chịu trách nhiệm về công tác y tế, đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn sức khỏe cho cán bộ viên, sinh viên; Văn phòng và Ban Chỉ đạo PCCC chịu trách nhiệm đảm bảo về công tác an ninh an toàn và phòng cháy chữa cháy [H7.07.05.01], [H7.07.05.02].

Về công tác vệ sinh môi trường và cảnh quan trong khuôn viên, Trường phân công nhiệm vụ cho Văn phòng và Phòng QTTS phối hợp thực hiện [H7.07.05.01].

Như vậy, Nhà trường đã thực hiện phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng bộ phận, cá nhân có liên quan trong công tác y tế, đảm bảo vệ sinh môi trường, sức khỏe, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy cho người lao động và sinh viên của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường đều có lập Kế hoạch và phân bổ kinh phí đầu tư về môi trường sức khỏe, sự an toàn cho toàn thể CB, GV, NLĐ và sinh viên, học viên đang học tập, sinh hoạt tại Trường [H7.07.05.03], [H7.07.05.04].

Bảng 7. 7 - Chi cho các hoạt động về môi trường, sức khỏe, an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy giai đoạn 2017-2021

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung chi	2021	2020	2019	2018	2017
1.	Dịch vụ bảo vệ, bảo đảm an ninh trật tự	2.211	2.145	2.284	1.808	1.650
2.	An toàn phòng cháy chữa cháy	409	551	366	253	189
3.	Vệ sinh môi trường	2.153	2.557	2.752	2.473	2.106
4.	Thuê, chăm sóc cây cảnh	1.105	848	1.456	1.301	1.072
5.	Phun hóa chất diệt côn trùng, phòng chống dịch bệnh					
a)	Muỗi, côn trùng	48	149	63	49	53
b)	Chuột	39	19	79	75	45
c)	Dich vụ y tế	91	307	355	78	169
d)	Phòng chống dịch covid	345	284	0	0	0
e)	Thuê xe cứu thương	13				
f)	Khám sức khỏe cho người lao động	326	318	313	315	260

TT	Nội dung chi	2021	2020	2019	2018	2017
g)	Thuốc vật tư y tế	163	115	129	105	103,5

Nguồn: Phòng TC- KT

Căn cứ Kế hoạch và nguồn kinh phí được phân bổ, các phòng chức năng tiến hành các thủ tục để triển khai thực hiện các thủ tục ký hợp đồng cung cấp các dịch vụ vệ sinh, cây xanh, bảo vệ, y tế, phun thuốc sát khuẩn, phun thuốc diệt,… [H7.07.05.05] và các hợp đồng mua sắm thuốc, vật tư y tế và khám sức khỏe định kỳ [H7.07.05.06].

Nhà trường đã làm tốt công tác chăm sóc sức khoẻ cho viên chức, người lao động và người học. Phòng Y tế hoạt động từ 7h30 đến 18h30 mỗi ngày để tổ chức sơ cấp cứu, điều trị ban đầu cho viên chức, người lao động và sinh viên trong suốt quá trình học tập và làm việc tại Trường. Ngoài ra, Trường có tổ chức thuê đơn vị y tế cung cấp dịch vụ xe cứu thương khẩn cấp cho cơ sở Thủ Đức, mà có rất nhiều hoạt động tập trung đông người: Ký túc xá, Giảng đường, Nhà thi đấu thể thao … [H7.07.05.07].

Bên cạnh đó, Nhà trường đã thực hiện hỗ trợ kinh phí khám sức khỏe định kỳ 1 năm/lần cho, viên chức và người lao động của Trường và hỗ trợ viên chức, người lao động mua bảo hiểm sức khỏe theo nhu cầu [H7.07.05.08].

Bảng 7. 8 - Số lượng cán bộ, sinh viên khám sức khỏe định kỳ giai đoạn 2017-2021

Nội dung	Năm 2021		Năm 2020		Năm 2019		Năm 2018		Năm 2017	
	Số lượng (người)	Số tiền (triệu đồng)	Số lượng (người)	Số tiền (triệu đồng)	Số lượng (người)	Số tiền (triệu đồng)	Số lượng (người)	Số tiền (triệu đồng)	Số lượng (người)	Số tiền (triệu đồng)
Khám sức khỏe cho VC, NLĐ	259	326	321	805	360	360	352	352	306	402
Khám sức khỏe cho SV	3.100		3.101	0	2.981	0				

Nguồn: Phòng TCCB

Hằng năm, Nhà trường luôn phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Y tế dự phòng trong việc giám sát công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh tại Trường. Mỗi năm một lần, Nhà trường đều làm việc với đoàn kiểm tra của Trung tâm Y tế dự phòng về vấn đề vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh tại Trường. Kết quả kiểm tra, giám sát được thể hiện tại các Biên bản kiểm tra vệ sinh trường học, vệ sinh an toàn thực phẩm, giám sát công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh tại Trường [H7.07.05.09].

Công tác an toàn phòng cháy chữa cháy cũng thường xuyên được Nhà trường xem

xét, đánh giá hàng năm thông qua các buổi làm việc với Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy và phối hợp với cơ quan chức năng tổ chức tập huấn phòng cháy chữa cháy cho viên chức Nhà trường [H7.07.05.10].

Trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch đã được ban hành, Nhà trường thường xuyên thực hiện đánh giá rút kinh nghiệm trên cả hai cấp độ là các đơn vị được phân công và nhà trường thông qua các phản ánh của viên chức, người lao động và sinh viên trong toàn trường tại Hội nghị tổng kết công tác năm, Hội nghị đối thoại với sinh viên [H7.07.05.11].

Đồng thời hàng năm Trường đều thực hiện khảo sát, lấy ý kiến đo lường sự hài lòng của sinh viên đối với môi trường, sức khỏe của Trường, đa số sinh viên tham gia khảo sát cho ý kiến hài lòng với các vấn đề về môi trường tự nhiên, tình hình an ninh trật tự, an toàn ở Trường [H7.07.05.12]. Tuy nhiên vẫn còn một số sinh viên còn tỏ ra phân vân và một phần sinh viên có ý kiến chưa hài lòng về môi trường của Nhà trường. Vì vậy trong thời gian tới, Nhà trường cần phải tiếp tục cải tiến các vấn đề liên quan đến vệ sinh, môi trường, an toàn sức khỏe của viên chức, người lao động và sinh viên để đảm bảo xây dựng một môi trường học tập và làm việc tốt nhất cho sinh viên và giảng viên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 7:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Công tác cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được Nhà trường phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị liên quan.

Việc đầu tư, mua sắm, bảo trì được lập kế hoạch và thực hiện theo kế hoạch.

Cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng được liên tục được đầu tư, cải tiến hoàn thiện đáp ứng đủ nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Hệ thống CNTT được quan tâm đầu tư, Wifi miễn phí được phủ khắp các giảng đường, khuôn viên nhà trường, hệ thống máy chủ, phần mềm quản lý đào tạo được bảo trì định kỳ. Các dịch vụ công về học vụ đạt ở mức độ 4 (đăng ký, thanh toán, nhận kết quả qua bưu điện) cho phép người học đăng ký dịch vụ, thanh toán và nhận kết quả qua bưu điện. Hệ thống LMS được tích hợp với dữ liệu lớp học phần trên phần mềm quản lý đào tạo tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai đào tạo kết hợp, hỗ trợ giảng dạy học tập của nhà trường.

Hệ thống phòng máy thực hành được quan tâm đầu tư thay mới, bổ sung hàng năm với bình quân là 120 máy tính với cấu hình cao LCD 19 Inches, CPU Core I5.

Hệ thống quản lý Khoa học tạo thuận tiện trong kê khai kết quả nghiên cứu khoa học, hệ thống cổng thanh toán kết nối thanh toán với ngân hàng tạo thuận lợi cho người học trong việc thanh toán học phí và lệ phí.

Việc quản trị nguồn lực học tập được thư viện tổ chức quản lý khoa học, đảm bảo chất lượng, dựa trên yêu cầu học tập, giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Thư viện thường xuyên bổ sung, tăng cường các nguồn học liệu, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Về công tác môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, Trường Đại học Ngân hàng đã có sự phân công chức năng, nhiệm vụ rõ ràng cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường.

Có kế hoạch đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được ban hành và phân bổ nguồn kinh phí hàng năm để thực hiện.

Các công tác về vệ sinh môi trường, an ninh trật tự được cung cấp bởi các công ty cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp.

Việc chăm sóc sức khỏe viên chức, người lao động và người học được thực hiện liên tục hàng năm và được thực hiện bởi những đơn vị có uy tín.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Hiện tại công tác đánh giá chất lượng cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng tại trường vẫn dựa chủ yếu theo đánh giá từ người sử dụng. Các hoạt động đánh giá hiệu quả hoạt động cơ sở vật chất, trang thiết bị cần được chú trọng và nâng cao hơn nữa.

Wifi tốc độ truy cập còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu của giảng viên, sinh viên, hệ thống đăng ký tín chỉ còn xảy ra hiện tượng nghẽn khi đăng ký, hệ thống quản lý KHCN chưa thực sự linh hoạt cho việc báo cáo, kết xuất thông tin, giao diện website của trường và các khoa chưa đạt tính thẩm mỹ cao.

Hệ thống CNTT chưa áp dụng cơ chế xác thực tập trung và đăng nhập 1 lần, gây khó khăn cho cán bộ, giảng viên và người học.

Hệ thống sản xuất học liệu điện tử chưa được đâu tư để xây dựng trung tâm sản xuất bài giảng phục vụ cho chiến lược chuyển đổi số.

Mặc dù số đầu sách phong phú, đáp ứng yêu cầu danh mục tài liệu được giới thiệu trong đề cương môn học nhưng số bản trên mỗi đầu sách chưa nhiều và sách in là chủ yếu, sách điện tử rất ít. Nền tảng công nghệ quản trị thư viện chưa đáp ứng yêu cầu quản lý tài nguyên số, cơ sở dữ liệu điện tử và quản lý kết nối, liên thông thư viện.

Về các điều kiện đáp ứng khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt

hiện chưa có quy định mà thực hiện theo từng trường hợp cụ thể.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Các hoạt động đánh giá hiệu quả hoạt hoạt động cơ sở vật chất trang thiết bị cần được chú trọng và nâng cao hơn hơn nữa	Phòng QTTS và các đơn vị liên quan	Từ 2021 trở đi	
2	Phát huy điểm mạnh	CSVC của trường thường xuyên được đầu tư mới, nhất là đối với các trang thiết bị CNTT	P.QTTS và các đơn vị liên quan	Hằng năm	
	Khắc phục tồn tại về Wifi, đăng ký tín chỉ, giao diện website trường	Các hoạt động đánh giá hiệu quả hoạt hoạt động CNTT cần được chú trọng và nâng cao hơn hơn nữa.	Phòng CNTT và Phòng QTTS, Phòng TC-KT	Từ 2022 trở đi	
	Phát huy điểm mạnh	Tăng cường áp dụng CNTT, chuyển đổi số trong các hoạt động của nhà trường. Tăng cường nâng cấp các phần mềm ứng dụng, tích hợp dữ liệu, triển khai đăng nhập 1 lần (SSO)	Phòng Quản lý CNTT và các Khoa, Phòng	Từ 2022 trở đi	
	Tăng số bản trên mỗi tựa sách	- Tăng kinh phí bổ sung tài liệu - Chuyển dần sang sách điện tử	Thư viện, Phòng Tài chính – Kế toán	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	Xây dựng thư viện số	- Đầu tư nền tảng công nghệ, CSVC, đội ngũ -Số hóa tài liệu nội sinh	Thư viện, P. QLCNTT, P. QTTS	Theo đề án xây dựng thư viện số	
		Xây dựng quy định về công tác hỗ trợ người có nhu cầu đặt biệt khi học tập tại Trường. Bố trí nguồn kinh phí cải thiện cơ sở vật chất hỗ trợ cho người người có nhu cầu đặt biệt tập tại Trường và nâng cao chất lượng môi trường	P. CTSV, Trung tâm HTSV Các đơn vị liên quan	Hàng năm	
		Tiếp tục phát huy việc xây dựng kế hoạch đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được ban hành và phân bổ nguồn kinh phí hàng năm để thực hiện.	P.TC-KT Các đơn vị liên quan	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		Tiếp tục thực hiện công tác về vệ sinh môi trường, an ninh trật tự được cung cấp bởi các công ty cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp	P.QTTS, Văn phòng Các đơn vị liên quan	Hàng năm	
		Công tác chăm sóc sức khỏe viên chức, người lao động và người học được thực hiện liên tục hàng năm và được thực hiện bởi những đơn vị có uy tín.	Phòng TCCB Các đơn vị liên quan	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 7	***4,80***
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	5
Tiêu chí 7.3	5
Tiêu chí 7.4	5
Tiêu chí 7.5	4

TIÊU CHUẨN 8: CÁC MẠNG LƯỚI VÀ QUAN HỆ ĐỐI NGOẠI

Tiêu chí 8.1: Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và xu thế hội nhập quốc tế của quốc gia nói chung và trong lĩnh vực giáo dục nói riêng, hoạt động đối ngoại là một trong những nhiệm vụ chiến lược của Trường Đại học Ngân hàng Tp.HCM. Điều này thể hiện rõ trong Chiến lược phát triển trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030 và Chiến lược phát triển hoạt động Hợp tác, đối tác của trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021-2030 [H8.08.01.01]. Đây là căn cứ định hướng cho các hoạt động quan hệ đối ngoại của Trường, giúp duy trì và phát triển các quan hệ hợp tác của Nhà trường đạt kế hoạch, mục tiêu hằng năm và hướng tới tầm nhìn, sứ mạng của Trường.

Năm 2004, Trường Đại học Ngân hàng Tp.HCM đã thành lập Trung tâm Hợp tác quốc tế sau này đổi tên là Viện Đào tạo Quốc tế (Saigon International School of Business, SaigonISB) vào tháng 8/2004 với mục tiêu đẩy mạnh các hoạt động liên kết ĐT&HTQT để góp phần nâng cao chất lượng GV và chất lượng ĐT [H8.08.01.02]. Trường cũng triển khai thành công các chương trình liên kết ĐT, các chương trình trao đổi GV, SV; trao đổi thông tin học thuật và các chương trình giao lưu văn hoá, các dự án do các tổ chức nước ngoài tài trợ. Hoạt động ĐT&HTQT trong thời gian qua đã góp phần tích cực nhằm thúc đẩy quá trình hội nhập quốc tế, nâng cao chất lượng ĐT và NCKH của Trường, mặt khác góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ Cán bộ quản lý và GV của Trường, đáp ứng nhu cầu càng cao của người học và thị trường lao động [H8.08.01.03].

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, Viện Đào tạo Quốc tế là đơn vị thực hiện công tác quản lý, phát triển và tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường, mở rộng các quan hệ, hình thức hợp tác, khai thác hiệu quả quan hệ hợp tác với các cơ quan, tổ chức quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, trao đổi giảng viên, sinh viên; phối hợp với các cá nhân, tổ chức trong đào tạo, nghiên cứu khoa học có yếu tố nước ngoài [H8.08.01.03]. Hằng năm, Viện Đào tạo Quốc tế triển khai các hoạt động, sự kiện hợp tác trên cơ sở kế hoạch trình Ban Giám hiệu và báo cáo Ngân hàng Nhà Nước phê duyệt, phối hợp chặt chẽ với các đối tác ngoài nước. Song song với việc duy trì và phát triển mối quan hệ giữa Trường với các đối tác nước ngoài, Trường còn có mạng lưới các đối tác trong nước là các đơn vị, tổ chức và cá nhân tập trung vào một số cơ sở giáo dục đại học, các doanh nghiệp trong nước, các tổ chức nghề nghiệp, tổ chức chính phủ và phi chính phủ, các nhà khoa học, các cựu sinh viên [H8.08.01.04]. Văn phòng, Phòng TVTS&PTTH, Trung tâm HTSV, Phòng CTSV là đơn vị đầu mối trong các hoạt động

hợp tác, đối tác trong nước căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao của mỗi đơn vị [H8.08.01.05]. Đối với hoạt động hợp tác và đối tác trong nước, Trường tập trung phát triển mối quan hệ đối tác với các doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đào tạo nhằm tạo cơ hội về học bổng, thực tập, kiến tập và việc làm cho người học; chia sẻ, chuyển giao tri thức trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ, phát triển chương trình, trao đổi GV, SV,…

Hoạt động hợp tác quốc tế được thực hiện theo quy chế quản lý công tác hợp tác quốc tế của Ngân hàng Nhà nước, trong đó quy định chặt chẽ các nguyên tắc hành chính đối với các đơn vị trực thuộc khi thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế trong Nhà trường, đặc biệt chú trọng vào công tác lập kế hoạch và báo cáo hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện đối với từng hoạt động hợp tác quốc tế [H8.08.01.06].

Các hoạt động hợp tác của Nhà trường đều được thông tin, quảng bá đầy đủ trên website, Fanpage của Trường [H8.08.01.07].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.2: Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện.

Với sự quan tâm sâu sắc và định hướng quyết liệt trong chủ trương, chiến lược phát triển của Ban Giám hiệu Nhà trường, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM đã tích cực mở rộng quan hệ với các đối tác cả trong nước và ngoài nước [H8.08.02.01].

Bảng 8. 1 - ***Số lượng MOU đã ký qua từng năm***

Năm	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**
Số lượng	24	24	32	34	40

Nguồn: Viện ĐTQT

Hoạt động hợp tác trong nước thể hiện ở các khía cạnh sau:

- *Hợp tác trong đào tạo*: các doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo của Nhà trường thông qua việc đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng các chương trình đào tạo [H8.08.02.02]; phối hợp, hỗ trợ Nhà trường tổ chức các chương trình tham quan, kiến tập tại doanh nghiệp; giảng viên, báo cáo viên từ doanh nghiệp tham gia trong các nội dung thực hành, báo cáo chuyên đề, đào tạo kỹ năng… [H8.08.02.03] Từ đó, hoạt động đào tạo của HUB gắn kết chặt chẽ với thực tiễn thị trường lao động và nhu cầu của nhà tuyển dụng. Ngược lại, Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh cũng cung cấp các chương trình đào tạo ngắn hạn và dài hạn theo nhu cầu của các doanh nghiệp [H8.08.02.04]

- *Tài trợ học bổng và cơ sở vật chất*: Các Doanh nghiệp, đối tác chiến lược hỗ trợ tài trợ đóng góp quỹ học bổng HUB hàng năm cho sinh viên nhằm giúp đỡ sinh viên có

hoàn cảnh khó khăn nhưng có ý chí vươn lên trong học tập [H8.08.02.05]. Các doanh nghiệp, tổ chức cũng hỗ trợ Nhà trường trong việc đầu tư xây dựng các cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ nghiên cứu, giảng dạy như: Phòng thực hành ngân hàng, Sàn Giao dịch chứng khoán ảo, Hệ thống cơ sở dữ liệu Thomson Reuters… [H8.08.02.06]

- *Tuyển dụng*: Đây là cơ chế phối hợp rất quan trọng giữa HUB và các doanh nghiệp, vừa giúp sinh viên tìm kiếm cơ hội việc làm, thực tập; vừa tạo điều kiện để các doanh nghiệp, ngân hàng đối tác tiếp cận và tuyển dụng được đội ngũ nhân sự phù hợp. Ngày hội việc làm được tổ chức định kỳ hàng năm nhằm giúp các doanh nghiệp quảng bá hình ảnh, nhu cầu tuyển dụng, tạo diễn đàn giao lưu giữa Doanh nghiệp và sinh viên, hỗ trợ sinh viên tìm kiếm nơi thực tập, việc làm vào những doanh nghiệp phù hợp. Các hoạt động khác như hội thảo hướng nghiệp, các chương trình thực tập sinh, chương trình phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp tại trường cũng được tổ chức thường xuyên [H8.08.02.07].

- *Hợp tác trong nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ:* Với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên trong các lĩnh vực: tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, marketing, kế toán – kiểm toán, luật, ngôn ngữ, công nghệ thông tin, khoa học dữ liệu, trí tuệ nhân tạo … HUB đẩy mạnh hợp tác thực hiện các dự án nghiên cứu chung, chuyển giao công nghệ, tư vấn giải pháp, chiến lược cho các doanh nghiệp [H8.08.02.08].

- *Hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp:* HUB phối hợp với các Doanh nghiệp thực hiện các hoạt động đổi mới sáng tạo cho sinh viên, cùng với doanh nghiệp Tham gia hướng dẫn sinh viên khởi nghiệp, thúc đẩy tinh thần đổi mới sáng tạo [H8.08.02.09].

Hoạt động hợp tác quốc tế thể hiện trong việc đào tạo, trao đổi giảng viên, sinh viên, nghiên cứu khoa học…, cụ thể:

Giai đoạn 2017-2021, Trường đã có sự phát triển vượt bậc trong việc ký kết hợp tác cùng các đối tác nước ngoài mặc dù tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn ra phức tạp và khó khăn trong năm 2020-2021, Trường vẫn tổ chức và ký mới 01 Biên bản ghi nhớ (MOU) với Đại học Sri Sri (Ấn Độ) trong cuối năm 2020, và đầu năm 2021 với Đại học Yuan Ze (Đài Loan), Đại học Công lập Kinh tế Đài Bắc, Đại học Macquarie, Đại học Kỹ thuật Mingshin, Đại học Tổng hợp Hữu nghị các dân tộc Nga (RUDN University) và Hội đồng Anh, nâng tổng số MOU đã ký lên 40. Hiện tại, Trường đang tiến hành ký kết hợp tác trao đổi sinh viên, giảng viên, nghiên cứu khoa học và học thuật với Đại học Quốc lập Đài Loan cũng như trao đổi với Đại học Bang Oregon (Mỹ) (Top 139 tại Hoa Kỳ) , Đại học Adelaide (Úc), Đại học Mykolas Romeris (Lithuania) và hoàn tất về các hướng hợp tác trao đổi sinh viên, giảng viên giữa hai Trường trong tương lai [H8.08.02.10].

Ngoài ra, Nhà trường còn là thành viên một số tổ chức như Mạng lưới học tập của

các trường ĐH thuộc Đông Nam Á (ALNC), đăng cai tổ chức hội nghị ALNC lần thứ 19 và tham gia các chương trình Phát triển kinh tế cộng đồng (SEED) để tìm kiếm cơ hội hợp tác và đẩy mạnh các chương trình hợp tác trong NCKH giữa các trường thành viên trực thuộc ALNC [H8.08.02.11].

Trường cũng đã tham gia mạng lưới các tổ chức quốc tế hành động chống đói nghèo (RENPER) tại các nước trong khu vực ASEAN hàng năm, tổ chức thành công hội thảo quốc tế RENPER lần 5, tham gia các hội thảo về chống đói nghèo tại các nước trong khu vực, góp phần công bố các kết quả NCKH của các GV, SV ra khu vực và thu thập các ý kiến đóng góp của các nhà khoa học đến từ nhiều trường trong khu vực [H8.08.02.12].

Trường cũng tiếp nhận các sinh viên quốc tế sang theo học các chương trình đào tạo quốc tế tại Trường nhằm nâng vị thế của Trường trong khu vực cũng như trên trường quốc tế [H8.08.02.13].

Bảng 8. 2- ***Số lượng sinh viên quốc tế tham gia các chương trình thạc sĩ trong nước năm 2018***

Tên chương trình	**Số lượng sinh viên**	**Kinh phí**
Chương trình Thạc sĩ trong nước	07 (Campuchia)	Hiệp định

Nguồn: Viện ĐTQT

Bảng 8. 3 - ***Số lượng sinh viên quốc tế tham gia các chương trình thạc sĩ quốc tế Bolton theo từng năm***

Chương trình Thạc sĩ quốc tế Bolton	**2015**	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**
Số lượng sinh viên	1	0	1	1	3	1

Nguồn: Viện ĐTQT

Về thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ nước Bạn Lào – Campuchia: trong năm 2021, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM đã thực hiện được 05 buổi tập huấn về chuyển giao chương trình đào tạo Chất lượng cao và kiểm định chất lượng cho các bộ quản lý, giảng viên Học viện Ngân hàng Lào và đào tạo cho 14 sinh viên theo chương trình Đại học ngành Ngân Hàng theo diện Học bổng hiệp định và 7 cán bộ Ngân hàng Campuchia chương trình sau đại học. Ngoài ra, Viện Đào tạo Quốc tế tổ chức giảng dạy khóa học "Effectiveness of Debt and Assets Management" cho 35 học viên của Học viện Ngân hàng Lào từ ngày 23/07/2017 đến ngày 27/07/2017. [H8.08.02.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 8.3: Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát.

Định kỳ hằng tháng, quý và năm, Viện Đào tạo Quốc tế, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên, Phòng Công tác sinh viên, Phòng TVTS&PTTH,…báo cáo với BGH Nhà trường về các hoạt động đã thực hiện triển khai trong tháng, quý, năm đó và định ra phương hướng kế hoạch cùng các hoạt động dự kiến sẽ cho tháng, quý và năm tiếp theo [H8.08.03.01]. Các nội dung cần trao đổi hoặc phối hợp giữa các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường đều được Văn phòng tổng hợp và bàn bạc tại các cuộc họp giao ban thường kỳ. Các báo cáo và kế hoạch phát triển công tác đối ngoại cũng được trình bày tại Hội nghị công nhân, viên chức hàng năm và được các đại biểu bỏ phiếu biểu quyết cùng với các quyết sách khác của lãnh đạo Nhà trường [H8.08.03.02].

Bên cạnh đó, các đối tác và hoạt động hợp tác đối ngoại của Trường cũng được rà soát và thống kê định kỳ [H8.08.03.03] [H8.08.03.04] [H8.08.03.05] [H8.08.03.06]. Hệ thống văn bản quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động hợp tác quốc tế đều được Viện Đào tạo Quốc tế chủ động nghiên cứu, cập nhật văn bản có hiệu lực hiện hành để bảo đảm mọi hoạt động hợp tác quốc tế tuân thủ đúng quy định. Ví dụ: Nghị định 86/2018/NĐ-CP quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định 132/2018/NĐ-CP về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; Thông tư 24/2018/TT-BTC về việc Hướng dẫn quản lý kinh phí đào tạo cho Lưu học sinh Lào và Campuchia (diện Hiệp định) học tập tại Việt Nam; Thông tư 30/2018/TT- BGDĐT về Quy chế quản lý người nước ngoài học tập tại Việt Nam…

Định kỳ hằng năm, hoạt động đối ngoại luôn được rà soát và báo cáo, điều này thể hiện ở việc lựa chọn đối tác và điều chỉnh nội dung hợp tác cho năm kế hoạch tiếp theo trên cơ sở hiệu quả hoạt động của năm trước [H8.08.03.07], [H8.08.03.08]. Ngoài ra, việc tuân thủ các quy định quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động đối ngoại, Nhà trường chưa để xảy ra bất kỳ trường hợp vi phạm nào.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.4: Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Các hoạt động hợp tác, đối tác được Ban Giám hiệu Nhà trường quan tâm, hỗ trợ và chỉ đạo thực hiện. Qua thống kê kết quả từng năm, có thể nhận thấy hoạt động hợp tác và mạng lưới quan hệ đối ngoại đều phát triển cả bề rộng lẫn bề sâu, tập trung vào xu hướng phát triển chung của xã hội nhưng vẫn đáp ứng được mục tiêu phát triển của Trường.

Với sự nỗ lực không ngừng của Nhà trường trong việc phát triển các mạng lưới hợp tác, số lượng các văn bản ký kết của Nhà trường với các đối tác nước ngoài và trong

nước đã tăng dần [H8.08.04.01].

Đối với các hoạt động hợp tác quốc tế, hàng năm, Nhà trường đều tổ chức, triển khai các đoàn công tác tại các quốc gia có các đối tác chiến lược. Số lượng đoàn ra và đoàn vào duy trì ở mức cao trong những năm gần đây ngoại trừ năm 2020-2021 do tác động của dịch Covid-19, thì các hoạt động trao đổi và HTQT được triển khai theo hình thức trực tuyến [H8.08.04.02], [H8.08.04.03], [H8.08.04.04]. Ngoài ra, Trường cũng chú trọng đến việc xác định các đối tác chiến lược trong việc phát triển liên kết đào tạo đối với các chuyên ngành trọng điểm theo định hướng phát triển của trường.

Bảng 8. 4 - Danh sách chương trình liên kết đào tạo đang được triển khai tại HUB

TT	Tên trường	Quốc gia	Tên chương trình	Giấy phép
1	Đại học Toulon	Pháp	Cử nhân Tài chính-Ngân hàng-Bảo hiểm	Số 2528/QĐ-BGDĐT ngày 03/9/2020
2	Đại học Toulon	Pháp	Thạc sĩ Tài chính Doanh nghiệp và Kiểm soát quản trị	Số 4991 /QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2019
3	Đại học Bolton	Vương quốc Anh	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Số 2529/QĐ-BGDĐT ngày 03/9/2020
4	Đại học Bolton	Vương quốc Anh	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh (MBA)	Số 4068/QĐ-BGDĐT ngày 09/11/2021
5	Đại học Bolton	Vương quốc Anh	Tiến sĩ Tài chính – Ngân hàng (PhD)	Số 893/QĐ-BGDĐT ngày 08/04/2019

Nguồn: Viện ĐTQT

Trong giai đoạn 2015 -2021, số lượng các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã tăng lên và mở rộng không chỉ với các đối tác trong khu vực ASEAN mà còn các đối tác đến từ Anh, Úc, Ý, Đức,… những kết quả đáng ghi nhận như sau:

Bảng 8. 5 - Tổng hợp các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo từ năm 2015-2021 [H8.08.04.05], [H8.08.04.06]. [H8.08.04.07]

STT	Chương trình/Dự án	Thời gian thực hiện	Đối tác phối hợp	Nội dung dự án	Kết quả thực hiện dự án
1	**AAF (Australia Award Fellowship)**	2015-2018	Đại học Griffith , Úc	"Nâng cao năng lực quản trị ngành ngân hàng" Trao học bổng nghiên cứu trị giá AUD 35,000/ người cho cán bộ, giảng viên trường ĐH Ngân hàng TP.HCM,	8 đề tài nghiên cứu được báo cáo tại Hội thảo Ngân hàng Nhà nước VN để áp dụng, đưa vào thực tiễn.
2	**Chương trình Erasmus+ Jeul**	2017-2022	Trường Đại học Universita' Degli Studi Di Siena (Ý)	"Joint Enterprise University Learning": Đẩy mạnh cơ hội trao đổi kiến thức, kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy giữa các giảng viên; thực hiện cải tiến chương trình đào tạo (curriculum), nội dung các môn học theo hướng giải quyết yêu cầu thực tiễn, đưa bài tập tình huống (case study) vào bài giảng, tạo điều kiện cho sinh viên trải nghiệm thực tế và tăng cơ hội việc làm	Các thành viên tham gia trong đó có HUB nhận được tài trợ tổng cộng 934,494 EUR từ Erasmus+ Jeul.
3	**Chương trình Newton Fund**	2017-2018	Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM và Trường Đại học Birmingham	Dự án nghiên cứu: "The Global Financial Crisis and Spillovers of US Monetary Policy: Lessons	Dự án nghiên cứu được nghiệm thu hoàn thành và công bố quốc tế với toàn bộ kinh phí được tài trợ bởi Chính phủ Anh.

				from Vietnam 2017-2018"	
4	**Chương trình khởi nghiệp cho phát triển kinh tế cộng đồng (SEED)**	2015-2021		Trao học bổng là khóa học cho sinh viên HUB	Chương trình nhằm góp phần lan tỏa tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên, tạo sân chơi học thuật cho sinh viên trong việc ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn địa phương cũng như hoạt động kết nối nghiên cứu với sinh viên các trường đối tác.
5	**Chương trình Savings game**	Từ năm 2019	Quỹ Hợp tác Quốc tế các Ngân hàng Tiết kiệm Đức (SBFIC)	Tổ chức triển khai đào tạo các lớp về kiến thức tài chính cá nhân (Savings game) cho các đối tượng chưa có kiến thức về tài chính, chưa hiểu biết về tài chính.	Cho đến nay tổ chức được 16 lớp học Savings game cho khoảng 500 học viên là học sinh THPT, sinh viên đại học và công nhân nhằm bồi dưỡng kiến thức tài chính, tăng cường khả năng quản lý tài chính và khả năng tiếp cận các sản phẩm, dịch vụ tài chính của ngân hàng cho các cá nhân và các hộ gia đình.

Đối với hoạt động hợp tác trong nước, trường chủ động khai thác, giới thiệu các hoạt động của Trường đến các doanh nghiệp tiềm năng để thu hút sự quan tâm, hỗ trợ của các doanh nghiệp và tiến tới việc đàm phán, thực hiện ký kết các hợp đồng thoả thuận hợp tác với các doanh nghiệp [H8.08.04.08]

Bảng 8. 6 - Số lượng đơn vị tài trợ và tham gia Ngày hội việc làm hàng năm

Năm	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**	**2022**
Số lượng đơn vị	30	42	22	Không tổ chức	Không tổ chức	32

Nguồn: Trung tâm HTSV

Thông qua báo cáo kết quả hoạt động và xây dựng phương hướng hoạt động cho năm tiếp theo tại các đơn vị chức năng, các đề xuất để cải tiến hoạt động hợp tác, đối ngoại được đưa ra và triển khai thực hiện, hướng đến thực hiện chiến lược phát triển của Nhà trường [H8.08.04.09], [H8.08.04.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 8:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường đã có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược.

Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện tại các đơn vị đầu mối là Viện Đào tạo Quốc tế và Trung tâm Hỗ trợ sinh viên.

Số lượng doanh nghiệp ký thỏa thuận hợp tác với trường không ngừng tăng lên về số lượng giúp mở rộng, phát triển mạng lưới đối tác, từ đó, nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ cho sinh viên, mang lại giá trị thiết thực cho cộng đồng; Tăng cường sự gắn kết giữa HUB với doanh nghiệp, tổ chức, cơ sở giáo dục, tạo môi trường thực tiễn và điều kiện thuận lợi cho sinh viên trong việc kiến tập, thực tập, và NCKH.

Công tác báo cáo, đánh giá việc triển khai thực hiện giúp việc xây dựng mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Một số văn bản hướng dẫn và Quy định/Quy chế về hoạt động hợp tác của Trường đang trong giai đoạn dự thảo, chưa được ban hành chính thức.

Hoạt động hợp tác của Trường chưa được thực hiện thống nhất, đồng bộ do thiếu sự phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị trong Trường.

Số lượng SV đăng ký tham gia các chương trình tham quan, trao đổi học thuật tại các trường đối tác ở nước ngoài còn hạn chế do tình hình dịch bệnh và chi phí tham gia chương trình còn cao.

Một số Bản ghi nhớ hợp tác giữa Trường với các đối tác nước ngoài chưa xúc tiến triển khai được do điều kiện vị trí địa lý xa xôi và chưa phát huy hiệu quả các kênh thông tin kết nối. Đồng thời, việc đánh giá hiệu quả hoạt động với các đối tác mới chỉ dừng ở công tác so sánh, chưa xây dựng được tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá.

2. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Ban hành Quy định quản lý công tác hợp tác quốc tế của Trường và một số văn bản liên quan	Hoàn thành dự thảo và lấy ý kiến về dự thảo Quy định quản lý công tác hợp tác quốc tế	Viện ĐTQT	Cuối năm 2022	
3	Tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị trong hoạt động hợp tác	Đề xuất 01 đơn vị là đầu mối tổ chức và quản lý thông tin về hoạt động hợp tác, đối tác trong nước. Các đơn vị có liên quan phối hợp theo chức năng nhiệm vụ được phân công	Ban Giám hiệu Viện Đào tạo Quốc tế Phòng Công tác sinh viên Các đơn vị có liên quan	Năm 2022	
4	Tổ chức một số hoạt động hợp tác dưới hình thức trực tuyến	Đề xuất tổ chức các hoạt động hỗ trợ, giới thiệu sinh viên đi thực tập, thực tế tại doanh nghiệp; tổ chức các chương trình, hội thảo dành cho sinh viên bằng hình thức trực tuyến	Viện Đào tạo Quốc tế Phòng Công tác sinh viên	Năm học 2022 - 2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 8	***4,50***
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	4
Tiêu chí 8.3	5
Tiêu chí 8.4	4

TIÊU CHUẨN 9: HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG

Tiêu chí 9.1: Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Hệ thống ĐBCL bên trong của HUB được thiết kế, xây dựng và phát triển nhằm hướng đến liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải tiến chất lượng của mọi hoạt động chính yếu của Trường như đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Hệ thống ĐBCL hướng đến đáp ứng tốt sứ mạng, tầm nhìn, đạt các mục tiêu chiến lược của Trường và đáp ứng tốt yêu cầu của các bên liên quan [H9.09.01.01].

Cấu trúc tổ chức và nhân sự của hệ thống ĐBCL bên trong tại ĐHNH được thống nhất từ cấp Trường đến cấp đơn vị. Cấu trúc này được thể hiện rất rõ sự quan tâm, cam kết của Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu đối với hoạt động ĐBCL (Hình 9.1). Ban Giám hiệu phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách trực tiếp công tác ĐBCL và cũng là đại diện lãnh đạo về chất lượng của Trường [H9.09.01.02]. Vai trò của Lãnh đạo Trường còn được khẳng định rõ trong Sổ tay chất lượng được ban hành lần đầu từ năm 2016 và tái bản lần 3 vào năm 2021 [H9.09.01.03].

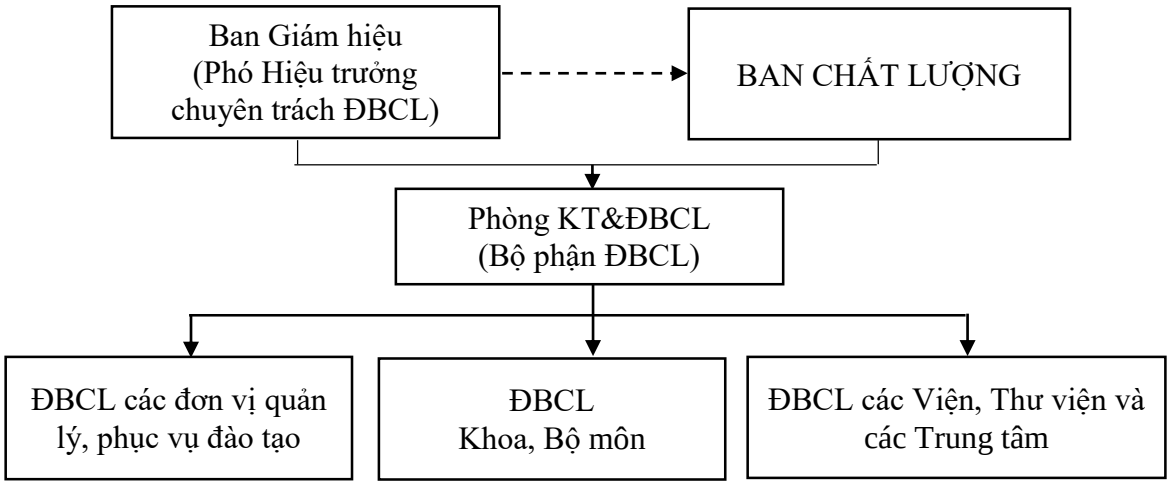

Hình 9. 1 - Sơ đồ tổ chức vận hành hệ thống ĐBCL bên trong của HUB

Nhằm thực hiện chủ trương của Bộ GD&ĐT và chỉ đạo của NHNN về việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học, hướng tới hội nhập quốc tế, ngày 25/5/2009 Trường đã ban hành quyết định số 185/QĐ-ĐHNH về việc tách Thanh tra đào tạo và thành lập phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo. Đến ngày 01 tháng 4 năm 2014, trường Đại học Ngân hàng TP. HCM đã ban hành Quyết định số 345/QĐ-ĐHNH đổi tên "Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng đào tạo" thành "Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng" để phù hợp với chức năng, nhiệm vụ [H9.09.01.04] [H9.09.01.05]. Về nhân sự, tính đến năm 2022, Phòng KT&ĐBCL có 9 cán bộ gồm 3 lãnh đạo (1 Trưởng phòng phụ trách chung, 1 Phó trưởng phòng phụ trách công tác ĐBCL, 01 Phó trưởng phòng phụ trách công tác Khảo thí) và 6 chuyên viên, được phân công công việc cụ thể cho

từng viên chức một cách rõ ràng, đảm bảo hoạt động của đơn vị đạt hiệu quả cao nhất [H9.09.01.06].

Ở các Khoa quản lý CTĐT có phân công 01 lãnh đạo và 01 CB-GV-NV kiêm nhiệm công tác ĐBCL của đơn vị. Nhiệm vụ trọng tâm của bộ phận ĐBCL ở cấp khoa là triển khai các hoạt động xây dựng, duy trì và phát triển HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO; hoạt động TĐG theo tiêu chuẩn của AUN-QA, Bộ GD&ĐT, xây dựng và triển khai các hoạt động cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài; phối hợp với Phòng KT&ĐBCL thực hiện khảo sát các bên liên quan về CTĐT. Các khoa chịu trách nhiệm chính trong công tác ĐBCL cấp Khoa. Tại các đơn vị chức năng (Phòng/Ban/Viện/Trung tâm) phân công 1 CB kiêm nhiệm công tác ĐBCL với nhiệm vụ là xây dựng, duy trì và phát triển HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO; thực hiện tự đánh giá và KĐCL Trường [H9.09.01.07].

Hoạt động ĐBCL của Trường được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của AUN. Để hoạt động ĐBCL trong trường được thực hiện đồng nhất từ cấp trường đến cấp đơn vị, Trường đã ban hành các qui định, hướng dẫn về hoạt động ĐBCL: các quy trình ISO, quy chế khảo sát chất lượng các bên liên quan, quy chế đánh giá và KĐCLGD, kế hoạch công tác ĐBCL hàng năm… Các thông tin, quy định, hướng dẫn, kế hoạch hoạt động về công tác ĐBCL được đăng tải lên website riêng của Phòng KT&ĐBCL [H9.09.01.08]; [H9.09.01.09]. Trường cũng thiết lập trang thông tin nội bộ để đăng tải tài liệu, quy trình ISO của tất cả các đơn vị để thuận tiện trong việc triển khai thực hiện [H9.09.01.10].

Để hệ thống ĐBCL vận hành một cách hiệu quả, Trường rất quan tâm và chú trọng trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ làm công tác ĐBCL. Trường đã cử nhiều lượt lãnh đạo, CB-GV-NV tham dự các khóa đào tạo, tập huấn về công tác ĐBCL bên trong, ĐBCL CSGD, ĐBCL CTĐT được tổ chức trong và ngoài nước. Trường còn mời các chuyên gia về Trường tập huấn cho lãnh đạo, CB-GV-NV các đơn vị tham gia tập tuấn về công tác ĐBCL [H9.09.01.11].

Kết quả khảo sát, đánh giá của các bên liên quan cho thấy hệ thống ĐBCL của Trường đáp ứng được về cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình đối với các bên liên quan [H9.09.01.12].

Bảng 9. 1 - Các khóa đào tạo về ĐBCL viên chức nhà trường đã tham gia

STT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Số lượng	Đơn vị tổ chức/ tập huấn	Địa điểm	Thời gian tổ chức
I.	**Đào tạo nước ngoài**				
1.	Khóa đào tạo về đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA	5	AUN-QA	Thái Lan	Tháng 8/2015
2.	Hội nghị quốc tế mạng lưới AUN - QA và cuộc họp của đánh giá viên, cuộc họp CQO năm 2017	4	AUN-QA	Malaysia	27 - 29/3/2017
3.	Khóa đào tạo "Thực hiện đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn AUN - QA"	2	AUN-QA	Thái Lan	18 - 21/4/2017
4.	Hội nghị ĐBCL giáo dục đại học khu vực châu Á Thái Bình Dương	1	UNESCO Bangkok	Trung Quốc	14-17/06/2017
5.	Khóa đào tạo về đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn AUN-QA	3	AUN-QA	Thái Lan	29/8 - 1/9/2017
6.	Khóa đào tạo Giáo dục dựa trên chuẩn đầu ra (OBE training)	3	AUN-QA	Thái Lan	22 - 27/01/2018
7.	Hội nghị thường niên AUN về ĐBCL và Hội thảo quốc tế tháng 03/2018	2	AUN-QA	Thái Lan	26 - 27/03/2018
8.	Hội thảo quốc tế và Hội nghị Lãnh đạo ĐBCL của các trường Đại học Đông Nam Á tại Philippines	2	AUN-QA	Philippines	03-06/03/2019
9.	Khóa đào tạo đánh giá cấp cơ sở giáo dục theo bộ tiêu chuẩn AUN - QA	2	AUN-QA	Thái Lan	05-09/8/2019
II.	**Đào tạo trong nước**				
10.	Nhận thức và đánh giá nội bộ HTQLCL theo ISO	2	DNV	TPHCM	19-21/2/2020
11.	Diễn đàn ĐBCL ASEAN - QA năm 2019	2		ĐH Ngoại thương Hà Nội	07-09/11/2019
12.	Khóa tập huấn xây dựng và phát triển hệ thống Bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở giáo dục đại học	4	Trung tâm KT&ĐGCLĐT, ĐHQG-HCM	Trung tâm KT&ĐGCLĐT, ĐHQG-HCM	14-15/11/2019
13.	Triển khai công tác đánh giá cấp chương trình đào tạo	5		TP.HCM	25/05/2018

STT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Số lượng	Đơn vị tổ chức/ tập huấn	Địa điểm	Thời gian tổ chức
14.	Trao đổi học tập kinh nghiệm đánh giá CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN - QA tại Trường Đại học Nông Lâm TPHCM	10		ĐH Nông Lâm TPHCM	08/11/2018
15.	Trao đổi học tập kinh nghiệm đánh giá CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN - QA tại Trường Đại học Kinh tế Luật TPHCM	10		ĐH KT-Luật TPHCM	09/11/2018
16.	Kiểm định cơ sở giáo dục theo TT 12/2017/BGDDT. Hội thảo 1: Tự đánh giá các tiêu chuẩn cấp chiến lược (Tiêu chuẩn 1-8):	5	Trung tâm KT&ĐGCLĐT, ĐHQG-HCM	Trung tâm KT&ĐGCLĐT, ĐHQG-HCM	28/09/2018
17.	Kiểm định cơ sở giáo dục theo TT 12/2017/BGDDT. Hội thảo 2: Tự đánh giá các tiêu chuẩn cấp hệ thống (Tiêu chuẩn 9-12)	5	Trung tâm KT&ĐGCLĐT, ĐHQG-HCM	Trung tâm KT&ĐGCLĐT, ĐHQG-HCM	26/10/2018
18.	Kiểm định cơ sở giáo dục theo TT 12/2017/BGDDT. Hội thảo 3: Tự đánh giá các tiêu chuẩn cấp chức năng và kết quả (Tiêu chuẩn 13-25)	5	Trung tâm KT&ĐGCLĐT, ĐHQG-HCM	Trung tâm KT&ĐGCLĐT, ĐHQG-HCM	09/11/2018
19.	Khóa tập huấn công tác BĐCL bên trong, tự đánh giá và viết báo cáo TĐG cấp CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT	5	Trung tâm KT&ĐGCLĐT, ĐHQG-HCM	Trung tâm KT&ĐGCLĐT, ĐHQG-HCM	24 - 25/9/2019
20.	Khóa tập huấn xây dựng và phát triển hệ thống Bảo đảm chất lượng bên trong cơ sở giáo dục đại học	4	Trung tâm KT&ĐGCLĐT, ĐHQG-HCM	Trung tâm KT&ĐGCLĐT, ĐHQG-HCM	14-15/11/2019
21.	Kỹ năng xây dựng chương trình đào tạo, xây dựng chuẩn đầu ra và đề cương học phần phù hợp với yêu cầu kiểm định chất lượng	7	Viện ĐBCLGD, ĐHQG Hà Nội	ĐHQG-Hà Nội	20-22/10/2020
22.	Thực hành đo lường đánh giá mức độ người học đạt được các CĐR của CTĐT	10	ĐH Đà Nẵng	ĐH Đà Nẵng	24-25/7/2021
23.	Kỹ năng xây dựng chương trình đào tạo, xây dựng chuẩn đầu ra và đề cương học phần	4	Viện ĐBCLGD,ĐHQG Hà Nội	Viện ĐBCLGD,ĐHQG Hà Nội	17-19/9/2021

STT	Nội dung đào tạo, bồi dưỡng	Số lượng	Đơn vị tổ chức/ tập huấn	Địa điểm	Thời gian tổ chức
	phù hợp với yêu cầu kiểm định chất lượng				
24.	Tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá cấp cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục & Đào tạo và AUN-QA	9	Viện ĐBCLGD,ĐHQG Hà Nội	Viện ĐBCLGD,ĐHQG Hà Nội	23-26/9/2021
25.	Tự đánh giá và viết báo cáo tự đánh giá cấp chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục của Bộ Giáo dục & Đào tạo và AUN-QA	3	Viện ĐBCLGD,ĐHQG Hà Nội	Viện ĐBCLGD,ĐHQG Hà Nội	01-03/10/2021
III.	**Đào tạo nội bộ**				
26.	Hướng dẫn đánh giá các hệ thống quản lý ISO 19011 : 2018	25	APAVE	ĐHNH	21/06/2019
27.	Duy trì và cải tiến Hệ thống thông tin dạng văn bản	32	APAVE	ĐHNH	05/07/2019
28.	Tổ chức tập huấn "Nguyên tắc xây dựng và phát triển CTĐT đáp ứng bộ tiêu chuẩn AUN-QA"	80		ĐHNH	25-27/02/2020
29.	Tổ chức tập huấn "Hướng dẫn viết chuẩn đầu ra và đề cương môn học"	90		ĐHNH	19/09/2020
30.	Hướng dẫn viết báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo	35		ĐHNH	24/06/2021
31.	Công tác đánh giá chương trình đào tạo bằng hình thức trực tuyến theo AUN-QA	100		ĐHNH	24/09/2021

Nguồn: Phòng KT&ĐBCL

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.2: Xây dựng kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác đảm bảo chất lượng và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Chiến lược phát triển HUB đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 xác định 8 chiến lược cơ bản gồm: (i) chiến lược tổ chức và nhân sự; (ii) chiến lược về hoạt động đào tạo; (iii)

chiến lược tài chính; (iv) chiến lược chuyển đổi số; (v) chiến lược về cơ sở vật chất; (vi) chiến lược về khoa học và công nghệ; (vii) chiến lược hợp tác quốc tế; (viii) chiến lược về công tác khảo thí và ĐBCL. Trong đó, kế hoạch chiến lược về công tác ĐBCL được xây dựng dựa trên mục tiêu chung của Trường qua từng giai đoạn bao gồm các nội dung: Hoàn thiện hệ thống văn bản, quy trình, nghiệp vụ công tác ĐBCL bằng cách số hóa, tin học hóa hệ thống dữ liệu phục vụ công tác quản lý, kiểm tra, đánh giá, kiểm định và cải tiến chất lượng; Duy trì hiệu quả hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001; Đẩy mạnh hoạt động đánh giá và kiểm định chất lượng cấp cơ sở và CTĐT theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và tiêu chuẩn quốc tế; Tiếp tục thực hiện khảo sát các bên liên quan nhằm cải tiến chất lượng giảng dạy, CTĐT, công tác quản lý và hỗ trợ đào tạo, môi trường làm việc [H9.09.02.01]. Trên cơ sở chiến lược ĐBCL từng giai đoạn, Phòng KT&ĐBCL cụ thể hóa bằng kế hoạch ĐBCL hàng năm, trong đó phân công cụ thể đơn vị thực hiện, đơn vị phối hợp và công bố rộng rãi đến toàn thể CB-GV-NV trong trường thông qua email, trên website. Tất cả các trưởng đơn vị có trách nhiệm phổ biến nội dung kế hoạch đến toàn thể viên chức trong đơn vị, đồng thời chủ trì, triển khai công tác ĐBCL của đơn vị mình phụ trách [H9.09.02.02]. Trường ban hành Sổ tay chất lượng là tài liệu mô tả hệ thống quản lý chất lượng của Trường và cách thức Trường triển khai các hoạt động đều thực hiện theo các quy trình đã ban hành nhằm đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn kiểm định chất lượng [H9.09.02.03].

Nhằm đảm bảo năng lực cho cán bộ làm công tác ĐBCL, hàng năm CB-GV-NV của các đơn vị được Trường tạo điều kiện tham gia hội nghị/hội thảo, các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn trong và ngoài nước. Các khóa tập huấn liên quan đến nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý, bồi dưỡng chuyên môn; đào tạo chuyên gia đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015; duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO; xây dựng và phát triển hệ thống ĐBCL bên trong; tập huấn viết báo cáo tự đánh giá cấp CSGD và cấp CTĐT phục vụ công tác kiểm định [H9.09.02.04]. Đặc biệt, Trường đã cử 03 viên chức tham dự lớp kiểm định viên và đã được cấp chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo. Trường còn cử 12 lượt CB-GV sang Thái Lan tham dự khóa tập huấn đánh giá chất lượng cấp CTĐT và CSGD theo tiêu chuẩn AUN-QA; 03 CB-GV tham gia khóa tập huấn phương pháp giáo dục dựa trên CĐR tổ chức tại Thái Lan [H9.09.02.05]. Trường còn mời chuyên gia về Trường tập huấn các khóa thiết kế CĐR, xây dựng ĐCMH, thiết kế phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR cho các GV của Trường, tập huấn viết báo cáo TĐG CTĐT [H9.09.02.06].

Trường cũng đã xây dựng các chính sách ưu tiên cho hoạt động ĐBCL. Thông qua việc hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, bồi dưỡng cũng như tập huấn về ĐBCL cho cả các CTĐT trong và ngoài nước. Các CB-GV-NV tham gia công tác TĐG cấp CTĐT, cấp

CSGD được quy đổi vào kết quả NCKH sau khi báo cáo TĐG được nghiệm thu. Trường còn cấp kinh phí hàng năm cho hoạt động ĐBCL: duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO; tổ chức Hội nghị chất lượng; đào tạo, bồi dưỡng, tham dự hội nghị/hội thảo công tác ĐBCL; TĐG/cải tiến sau đánh giá CTĐT; TĐG/cải tiến sau đánh giá CSGD. Ngoài ra, CB-GV-NV làm công tác kiêm nhiệm ĐBCL tại mỗi đơn vị được phụ cấp 10% mức lương cơ sở/tháng. Đối với những cá nhân, đơn vị thực hiện tốt kế hoạch ĐBCL và có những kết quả xuất sắc trong hoạt động ĐBCL được Hiệu trưởng khen thưởng [H9.09.02.07]; [H9.09.02.08].

Mọi hoạt động của HUB đều hướng đến chất lượng và đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của các bên liên quan. Trường sẵn sàng lắng nghe ý kiến và khuyến khích sự tham gia phản hồi của tất cả các bên liên quan như sinh viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng, giảng viên, viên chức, các đối tác nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng. Đối với SV, Trường thiết lập nhiều kênh để thu thập ý kiến phản hồi của SV. Hàng năm, SV tham gia khảo sát về chất lượng giảng dạy của GV, SV năm cuối khảo sát về chất lượng khóa học, SV khảo sát về CĐR và CTĐT, khảo sát về chất lượng quản lý và hỗ trợ đào tạo, khảo sát chất lượng thi online. Sinh viên cũng có thể đưa ra ý kiến phản hồi thông qua hộp thư góp ý, email, số điện thoại đường dây nóng, hỏi đáp trên website, mạng xã hội... [H9.09.02.09]. Hàng năm, SV tham gia đối thoại với Ban Giám hiệu, lãnh đạo Khoa, các đơn vị quản lý hỗ trợ đào tạo [H9.09.02.10]. Phản hồi của cựu SV cũng là một kênh quan trọng để Trường và các Khoa đánh giá được mức độ đáp ứng của CTĐT, khóa học, những kiến thức, kỹ năng cần bổ sung để giúp SV ra trường nhanh chóng tìm được việc làm, cũng như sớm thích nghi với công việc [H9.09.02.11]. Hàng năm, Trường thu thập ý kiến của Nhà tuyển dụng về kiến thức, kỹ năng và thái độ - trách nhiệm mà Trường đã trang bị cho SV tốt nghiệp từ Trường [H9.09.02.12]. Đối với Giảng viên, CBCNV, Trường thực hiện KS GV về công tác tổ chức quản lý và hỗ trợ đào tạo, khảo sát môi trường làm việc [H9.09.02.13], [H9.09.02.14]. Để tiếp thu ý của CB-GV-NV hàng năm Trường còn tổ chức lịch tiếp công dân, Hội nghị CNVC, đại hội Công đoàn Trường, … [H9.09.02.15]. Ngoài ra, trong quá trình rà soát, cập nhật các CTĐT, Trường và các Khoa còn tổ chức các buổi Hội thảo/Tọa đàm mời các chuyên gia, GV, các tổ chức nghề nghiệp nhằm góp ý, phát triển CĐR và CTĐT đáp ứng với thị trường lao động [H9.09.02.16].

Từ phản hồi của các bên liên quan, nhiều giải pháp đã được đề xuất nhằm nâng cao chất lượng sinh viên tốt nghiệp, cũng như sự hài lòng của các bên liên quan như: cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học được sữa chữa, xây mới; hệ thống học tập trực tuyến giúp GV-SV tương tác dễ dàng hơn, đối với GV-CBCNV được trang bị đầy đủ điều kiện để giảng dạy-học tập, thu nhập ngày càng tăng, một số chính sách được ban hành để tạo

động lực cho GV nâng cao trình độ chuyên môn, nhiều khóa đào tạo bồi dưỡng được cung cấp, chính sách đề bạt, khen thưởng cho GV-CBCNV có thành tích xuất sắc trong công việc, …

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.3: Kế hoạch chiến lược về đảm bảo chất lượng được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.

Dựa vào chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2016-2020 và chiến lược phát triển Trường đến năm 2030, trong đó, bao gồm kế hoạch chiến lược ĐBCL cho từng giai đoạn và phổ biến đến toàn thể đến các đơn vị trong toàn trường [H9.09.03.01]; [H9.09.03.02]. Để thực hiện kế hoạch chiến lược ĐBCL, hàng năm, Trường đã ban hành kế hoạch công tác ĐBCL năm học và được phổ biến, triển khai đến các đơn vị, các cán bộ, viên chức, người lao động thông qua Báo cáo tổng kết năm học và phương hướng nhiệm vụ năm học mới và quán triệt tại Hội nghị Cán bộ Viên chức hằng năm; thông qua cuộc họp của Hội đồng trường, họp cán bộ chủ chốt; họp hội đồng Tự đánh giá, KĐCL [H9.09.03.03]; [H9.09.03.04]; [H9.09.03.05]. Ngoài ra, các kế hoạch ĐBCL dài hạn theo từng giai đoạn và kế hoạch ngắn hạn hàng năm còn được đăng tải, công bố rộng rãi đến toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong Trường thông qua website của Trường và trang web của Phòng KT&ĐBCL [H9.09.03.06]. Dựa trên cơ sở đó, các đơn vị trực thuộc Trường xây dựng kế hoạch năm học của đơn vị mình, các đơn vị chi tiết hoá thành các công việc cụ thể và triển khai thực hiện hàng tháng, quý [H9.09.03.07]. Ngoài ra, vào đầu mỗi năm, các đơn vị thực hiện xây dựng mục tiêu chất lượng hàng năm, trong đó bao gồm các nhiệm vụ ĐBCL theo chức năng, nhiệm vụ được giao [H9.09.03.08].

Để thúc đẩy văn hóa chất lượng toàn trường cũng như triển khai, quán triệt các hoạt động ĐBCL, hàng năm, Trường đều tổ chức Hội nghị tổng kết công tác ĐBCL, cuộc họp này nhằm: Tổng kết tình hình thực hiện công tác ĐBCL của trường trong năm; Xác định mục tiêu, kế hoạch ĐBCL cho năm tiếp theo; Đánh giá các thành tích và các điểm yếu còn tồn tại, đưa ra các khuyến nghị cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong [H9.09.03.09]. Để thực hiện các kế hoạch ĐBCL đã phổ biến, Nhà trường luôn chú trọng đến hoạt động tập huấn, bồi dưỡng về công tác ĐBCL cho giảng viên, viên chức, người lao động. Các khóa tập huấn về ĐBCL cũng liên tục được Trường triển khai đến CB, GV, NV [H9.09.03.10].

Trường đã soạn thảo và ban hành Sổ tay chất lượng, trong đó hệ thống lại các văn bản, các quy định, tư liệu…để hướng dẫn các quy trình đến các đơn vị trong Trường, hỗ trợ cho hoạt động ĐBCL bên trong [H9.09.03.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.4: Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai.

Trường có hệ thống lưu trữ văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL. Ngoài hệ thống lưu trữ văn bản hành chính do Văn phòng phụ trách, Phòng KT&ĐBCL cũng có hệ thống lưu trữ nội bộ các văn bản liên quan đến ĐBCL dưới dạng bản cứng và file mềm, phân công cho một chuyên viên phụ trách việc lưu trữ [H9.09.04.01]. Đối với hệ thống lưu trữ văn bản do Văn phòng quản lý, Văn phòng đã xây dựng các Quy trình như Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản và Quy trình quản lý văn bản đi và văn bản đến để thống nhất hình thức soạn thảo, ban hành cũng như quản lý văn bản trong Trường [H9.09.04.02].

Các văn bản về ĐBCL của Nhà nước được Nhà trường cập nhật; cùng với đó các văn bản về ĐBCL do Nhà trường ban hành luôn được kiểm soát chặt chẽ về nội dung và tính pháp lý, đồng thời được Văn phòng và các đơn vị lưu trữ, nhằm tránh sự xung đột hoặc chồng chéo về nội dung giữa các văn bản. Văn bản quản lý, chỉ đạo điều hành của Nhà trường sau khi được phê duyệt, Văn phòng chịu trách nhiệm scan tài liệu gửi qua email của các đơn vị. Trường có email nội bộ để triển khai các văn bản tới các đơn vị và thành viên ở mỗi đơn vị [H9.09.04.03]. Website phòng KT&ĐBCL cũng là nơi cập nhật, phổ biến các thông tin, quy chế, quy trình ĐBCL đến các bên liên quan [H09.09.04.04]. Bên cạnh đó, Trường còn tổ chức các buổi tập huấn hoặc cử cán bộ, giảng viên tham gia các khóa tập huấn, hội thảo, hội nghị về ĐBCL như tập huấn về đánh giá CTĐT, CSGD, duy trì, cải tiến HTQLCL; Hội nghị về ĐBCL do AUN –QA tổ chức như một kênh thông tin đến các bên liên quan trong trường về công tác ĐBCL. [H9.09.04.05]

Trường định kỳ triển khai rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL. Cụ thể:

- Chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn 2045 được ban hành năm 2021 đã đưa ra các mục tiêu, chính sách về ĐBCL trong dài hạn ***[H9.09.04.06]***
- Quy chế ĐBCL được ban hành năm 2016 và được chỉnh sửa, bổ sung năm 2019 trong đó đã cụ thể hơn về các chính sách, thành phần, quy trình và thủ tục về ĐBCL ***[H9.09.04.07]***;
- Quy chế đánh giá và Kiểm định chất lượng giáo dục tại trường Đại học Ngân hàng TP. HCM được xây dựng năm 2020 đã tổng hợp và cụ thể hóa các Quy định của Bộ GD&ĐT có liên quan đến đánh giá và kiểm định chất lượng CTĐT và CSGD phù hợp áp dụng tại Trường ***[H9.09.04.08];***
- Sổ tay chất lượng là tài liệu mô tả về hệ thống quản lý chất lượng tại trường,

bao gồm: chính sách, mục tiêu chất lượng của Nhà trường, trách nhiệm của lãnh đạo, quản lý nguồn lực, vận hành quá trình đào tạo, đánh giá kết quả các hoạt động, cải tiến, kiểm soát các hành động không phù hợp, các công cụ thực hiện giám sát và đánh giá, mô tả sự tương tác giữa các quá trình trong hệ thống quản lý chất lượng giúp cho việc thực hiện, duy trì và liên tục cải tiến hệ thống quản lý chất lượng của Trường có hiệu quả. Sổ tay chất lượng được ban hành lần đầu năm 2017 và được tái bản, chỉnh sửa, bổ sung vào các năm 2018, 2019, 2021 nhằm đảm bảo sự phù hợp. ***[H9.09.04.09]***

- Hệ thống quản lý chất lượng được duy trì và cải tiến hàng năm thông qua việc rà soát các tài liệu có liên quan, tổ chức đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài để chỉ ra các điểm không phù hợp từ đó có sự điều chỉnh và hành động khắc phục ***[H9.09.04.10]***

- Hội nghị chất lượng được tổ chức hàng năm để thực hiện báo cáo về công tác ĐBCL trong năm, rà soát hệ thống ĐBCL bên trong và đưa ra phương hướng cho hoạt động ĐBCL cho năm tiếp theo. ***[H9.09.04.11]***. Ngoài ra, việc rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL còn được thực hiện thông qua việc xây dựng kế hoạch ĐBCL hàng năm; thực hiện báo cáo và lên kế hoạch hoạt động hàng tháng, hàng quý, hàng năm của phòng KT&ĐBCL ***[H9.09.04.12]***

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.5: Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Chiến lược phát triển Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2045 đã xác định 7 mục tiêu chiến lược, bao gồm: (1) Hướng tới đại học tự chủ với mô hình quản trị hiện đại; (2) Phát triển các CTĐT theo hướng chuyển đổi số và liên ngành; (3) Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, chuyển giao, nâng tầm các công bố quốc tế và Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng Châu Á; (4) Có môi trường làm việc đoàn kết năng động, hiệu quả, không gian giao lưu học hỏi, quy tụ những chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực công nghệ, kinh tế, kinh doanh, quản lý, tài chính - ngân hàng; (5) Xây dựng không gian HUB xanh và hiện đại; (6) Đảm bảo nguồn thu bền vững và thu chi hiệu quả, minh bạch; (7) Trở thành trung tâm đào tạo, tư vấn chuyển giao công nghệ về tài chính ngân hàng của Đông Nam Á, tiến tới trở thành trung tâm đào tạo tư vấn có tầm ảnh hưởng lớn ở Châu lục. Đây là cơ sở để các đơn vị xác định các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phấn đấu trong từng năm để đo lường kết quả công tác ĐBCL [H9.09.05.01].

Để đạt được các mục tiêu chiến lược này, Trường đã cụ thể hóa thành chỉ tiêu thực hiện hàng năm, được lấy ý kiến và thông qua trong hội nghị chất lượng và hội nghị Cán bộ, CNVC hàng năm [H09.09.05.02], từ đó Trường xây dựng kế hoạch ĐBCL hàng năm, các đơn vị xây dựng mục tiêu chất lượng, phương hướng công tác trong năm để hoàn thành các chỉ tiêu đặt ra. [H09.09.05.03].

Để đo lường, đánh giá kết quả đạt được các chỉ tiêu đề ra, Trường thực hiện qua các kênh như sau:

Trường căn cứ vào báo cáo tổng kết hoạt động của trường, báo cáo kết quả hoạt động hàng tháng, quý, năm của các đơn vị cũng như báo cáo tổng kết về công tác ĐBCL hàng năm để đánh giá mức độ thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ được giao của các đơn vị. [H9.09.05.04]

Trường yêu cầu các đơn vị báo cáo về việc thực hiện mục tiêu chất lượng hàng năm để xem xét mức độ hoàn thành mục tiêu chất lượng đề ra tại mỗi đơn vị. [H9.09.05.05]

Thực hiện đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cán bộ viên chức, NLĐ để từ đó đánh giá mức độ hoàn thành công việc của đơn vị, làm căn cứ cho việc xem xét sự hoàn thành chỉ tiêu được giao. [H9.09.05.06]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.6: Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục.

Nhà trường đã thực hiện việc rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCL thể hiện thông qua việc chú trọng đến lấy ý kiến của các bên liên quan về các bản dự thảo nhằm đảm bảo tính khách quan, hiệu quả, hiệu lực của các văn bản được ban hành, cụ thể là quá trình xây dựng chiến lược Trường giai đoạn 2021-2030 đã có những thay đổi so với giai đoạn 2016-2020 [H9.09.06.01]. Nội dung của chiến lược phát triển phát triển trường giai đoạn 2021-2030 được xây dựng dựa trên việc đánh giá điểm mạnh, điểm hạn chế của Nhà trường và những cơ hội cũng như thách thức của xu hướng phát triển giáo dục trong thời kỳ hội nhập và công nghệ số. Theo chiến lược phát triển Nhà trường giai đoạn 2021-2030, Nhà trường chú trọng đến các công tác ĐBCL bằng việc đưa ra các mục tiêu chiến lược, lộ trình và giải pháp thực hiện mục tiêu từng giai đoạn 5 năm một cách cụ thể hơn so với chiến lược giai đoạn trước đó [H9.09.06.02]. Quá trình xây dựng, dự thảo chiến lược được thông báo lấy ý kiến góp ý của các đơn vị, cá nhân và Ban chỉnh sửa chiến lược đã họp nhiều lần để ban hành bản chiến lược chính thức [H9.09.06.03]. Trong quá trình thực hiện chiến lược, vào cuối các giai đoạn 5 năm triển khai, Trường sẽ tổ chức đánh giá việc thực hiện chiến lược để làm căn cứ cho việc điều chỉnh, bổ sung [H9.09.06.04]

Bảng 9. 2 - Các giai đoạn thực hiện chương trình hành động của chiến lược phát triển trường giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045

STT	Công việc	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Lập kế hoạch	Thực hiện	Hoàn thành

1	Chương trình vị trí việc làm	Phòng Tổ chức Cán bộ	Các đơn vị	2021	3 năm	2023
2	Chương trình chuyển đổi số	Phòng Quản lý công nghệ thông tin	Các đơn vị	2021	3 năm	2023
3	Chương trình hiện đại hóa cơ sở vật chất	Phòng Quản trị tài sản	Các đơn vị	2021	5 năm	2025
4	Chương trình đánh giá chương trình đào tạo và cơ sở đào tạo	Các khoa chuyên ngành, Bộ môn thuộc trường, Khoa Sau Đại học và Viện Đào tạo quốc tế	Phòng KT&ĐBCL	2021	5 năm	2025
5	Chương trình trở thành đại học đa ngành, liên ngành có uy tín ở Việt Nam	Viện NCKH&CNNH, Phòng Đào tạo, Khoa Sau Đại học và Viện Đào tạo Quốc tế	Các đơn vị	2021	10 năm	2030

Nguồn: Chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2045

Đối với các chỉ tiêu phấn đấu chính, trường thực hiện rà soát và cải tiến hàng năm để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL. Hoạt động lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan thông qua khảo sát được thực hiện hàng năm là căn cứ để các đơn vị đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu; điều chỉnh hoặc lược bỏ chỉ tiêu không còn phù hợp; cập nhật và bổ sung chỉ tiêu cho năm học tiếp theo [H9.09.06.05]. Cuối mỗi năm học, Nhà trường xây dựng báo cáo tổng kết, nhằm đánh giá kết quả đạt được, kết quả thực hiện các chỉ tiêu đã đề ra trong năm học trước, nhận định về các mặt tồn tại, khó khăn, trên cơ sở đó các đơn vị và Nhà trường xây dựng phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm cũng như chỉ tiêu cho năm học mới, phù hợp với tình hình thực tiễn [H9.09.06.06]. Bên cạnh đó, theo yêu cầu duy trì, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng được nêu trong sổ tay chất lượng [H9.09.06.07], hàng năm, mỗi đơn vị đều tiến hành rà soát mục tiêu chất lượng và các chỉ tiêu đi kèm để ban hành mục tiêu chất lượng và chương trình hành động [H9.09.06.08].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 9:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Các văn bản, cơ sở dữ liệu về ĐBCL được trường lưu trữ có hệ thống theo chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị.

Các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được trường rà soát một cách

định kỳ theo chu trình PDCA nhằm đảm bảo tính duy trì và cải tiến của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong.

Trường xây dựng chỉ tiêu cụ thể hàng năm và được lấy ý kiến của toàn bộ cán bộ, viên chức, NLĐ nhà trường.

Trường tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu đề ra thông qua nhiều kênh, từ đó làm tăng tính khách quan, toàn diện trong việc đánh giá.

Trường đã xây dựng chiến lược phát triển trong đó có chiến lược cho các hoạt động ĐBCL một cách cụ thể, rõ ràng.

Trường đã tổ chức rà soát, cải tiến các chỉ tiêu định kỳ nhằm đảm bảo sự phù hợp với chiến lược phát triển của Trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Hiện tại, Trường thiết lập Bộ nhớ dùng chung trên nền tảng của Google để tổ chức lưu trữ văn bản liên quan đến hoạt động của các đơn vị trong trường, tạo sự thuận lợi, chủ động tiếp cận, tìm kiếm thông tin phục vụ công tác ĐBCL. Tuy nhiên quá trình triển khai chưa hiệu quả do chưa có văn bản quy định về việc sử dụng, cập nhật và khai thác thông tin trên hệ thống này.

Trường mới chỉ xác lập các mục tiêu chiến lược và các chỉ tiêu phấn đấu, thực hiện hàng năm mà chưa xây dựng một bộ KPIs để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL một cách trực tiếp.

Chưa xây dựng 1 quy trình cụ thể cho việc lập kế hoạch cho các hoạt động.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Ban hành quy định về việc sử dụng và khai thác thông tin trên Bộ nhớ dùng chung.	Xây dựng và ban hành quy chế về việc lưu trữ, cập nhật, truy xuất và sử dụng thông tin trên Bộ nhớ dùng chung của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM	Phòng KT&ĐBCL đầu mối Phòng QLCNTT phối hợp	Năm học 2022-2023	
3	Xây dựng một bộ KPIs về đo	Nghiên cứu để xây dựng KPIs để đo lường kết	Ban Giám hiệu Phòng KT&ĐBCL	Năm 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	lường và đánh giá về kết quả công tác ĐBCL	quả thực hiện công tác ĐBCL			
4	Xây dựng quy trình lập kế hoạch chiến lược và giám sát thực hiện chiến lược	Thực hiện xây dựng quy trình lập kế hoạch chiến lược và giám sát thực hiện chiến lược	Ban Giám hiệu Viện NCKH&CNNH	Năm 2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 9	***5***
Tiêu chí 9.1	5/7
Tiêu chí 9.2	5/7
Tiêu chí 9.3	5/7
Tiêu chí 9.4	5/7
Tiêu chí 9.5	5/7
Tiêu chí 9.6	5/7

TIÊU CHUẨN 10: TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ ĐÁNH GIÁ NGOÀI

Tiêu chí 10.1: Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.

HUB có kế hoạch chiến lược ĐBCL rõ ràng, cụ thể cho từng giai đoạn, năm học, bao gồm hoạt động tự đánh giá (đánh giá bên trong): Đánh giá nội bộ HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO; tự đánh giá CTĐT (theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT và theo bộ tiêu chuẩn của AUN-QA); tự đánh giá CSGD (theo bộ tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT); và đánh giá ngoài (kiểm định chất lượng). Đây là các hoạt động cần thiết để đảm bảo các chính sách, hệ thống, các quy trình vẫn phù hợp và có hiệu quả trong việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của Nhà trường.

Đối với đánh giá HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO: Trường đã xây dựng một Quy trình nghiệp vụ ISO nhằm mục đích tiến hành đánh giá nội bộ theo định kỳ, để xác định HTQLCL của Trường (i) phù hợp với yêu cầu nêu trong tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và các thủ tục, qui định, qui trình do HUB thiết lập; (ii) đảm bảo các hoạt động được tiến hành đúng tiến độ; (iii) HTQLCL được áp dụng một cách hiệu lực, hiệu quả, được duy trì và cải tiến liên tục [H10.10.01.01]. Quá trình đánh giá nội bộ ISO tại HUB được thực hiện theo các bước: Hoạch định chương trình đánh giá, thành lập Đoàn đánh giá nội bộ; Đánh giá và ghi nhận kết quả; Khắc phục/ phòng ngừa các điểm không phù hợp để cải tiến; Báo cáo kết quả cải tiến và lưu hồ sơ [H10.10.01.02]. Hàng năm, Trường mời Công ty AFNOR thuộc Cộng hòa Pháp tổ chức ĐGN để duy trì hệ thống, 3 năm một lần để tái cấp chứng nhận và cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 [H10.10.01.03]; [H10.10.01.04].

Đối với kiểm định CSGD: năm 2017, Trường đã được cấp chứng nhận KĐCL giai đoạn 2017-2021 và tiếp tục KĐCL chu kỳ tiếp theo vào năm 2022 [H10.10.01.05]. Từ Quý III năm 2021, Trường triển khai hoạt động tự đánh giá CSGD chu kỳ 2 theo Thông tư 12 và thực hiện theo hướng dẫn của Công văn 766, 1668 của BGD&ĐT. Trường đã ban hành quyết định thành lập hội đồng TĐG CSGD, ban thư ký và 6 tổ công tác chuyên trách [H10.10.01.06]. Hội đồng TĐG gồm 21 thành viên, có chức năng giúp Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai các hoạt động TĐG. Để chuẩn bị cho hoạt động TĐG, hội đồng TĐG và ban thư ký dự thảo kế hoạch TĐG, phổ biến chủ trương triển khai TĐG đến toàn thể cán bộ, GV, nhân viên, người học và các bên liên quan [H10.10.01.07]. Các thành viên tổ viết báo cáo TĐG được tham gia các lớp tập huấn về bộ tiêu chuẩn, cách thu thập phân tích thông tin, minh chứng, phương pháp TĐG và cách viết báo cáo TĐG. Ngoài ra, phòng KT&ĐBCL đầu mối hướng dẫn, giải đáp cho các tổ chuyên trách những vướng mắc trong quá trình viết báo cáo TĐG và thu thập MC [H10.10.01.08]. Các tổ công tác chuyên trách được phân công phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí phù hợp với chức năng

nhiệm vụ, tiến hành phân tích nội hàm tiêu chí để xác định và thu thập minh chứng về hoạt động của Trường trong giai đoạn 2017 – 2021, từ đó tiến hành viết báo cáo tiêu chí.

Năm học 2016 – 2017, Trường bắt đầu triển khai hoạt động tự đánh giá các CTĐT và công tác này được duy trì thường xuyên, liên tục cho đến nay. Để chuẩn bị cho công tác tự đánh giá, Hiệu trưởng ban hành quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá, ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách cho từng chương trình [H10.10.01.09]. Hội đồng tự đánh giá có chức năng giúp Hiệu trưởng chỉ đạo triển khai tự đánh giá CTĐT và đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng các hoạt động của CTĐT. Giúp việc cho hội đồng tự đánh giá là ban thư ký bao gồm cán bộ của bộ phận chuyên trách về ĐBCL và các giảng viên của CTĐT được đánh giá. Mỗi CTĐT xây dựng kế hoạch tự đánh giá riêng và kế hoạch này được phổ biến rộng rãi đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan thông qua website Trường [H10.10.01.10]. Thông qua kế hoạch tự đánh giá, trách nhiệm, công việc cụ thể của các đơn vị, cá nhân liên quan được xác định, thời gian thực hiện công tác tự đánh giá được xác định rõ, cũng như cơ chế phối hợp để đảm bảo hiệu quả công tác tự đánh giá. Trường cũng đã tổ chức nhiều đợt tập huấn tại Trường và cử cán bộ, giảng viên tham gia các khóa tập huấn trong và ngoài nước về bộ tiêu chuẩn, cách thu thập phân tích thông tin, minh chứng, phương pháp viết báo cáo tự đánh giá theo tiêu chuẩn của BGD&ĐT và tiêu chuẩn AUN-QA, tiêu chuẩn FIBAA [H10.10.01.11]. Các nhóm công tác chuyên trách được phân công phụ trách các tiêu chuẩn, tiêu chí phù hợp với chức năng nhiệm vụ, phân tích nội hàm tiêu chí để xác định và thu thập thông tin minh chứng và tiến hành viết báo cáo tiêu chí [H10.10.01.12]. Hội đồng tự đánh giá có trách nhiệm đọc và góp ý cho Báo cáo Tự đánh giá sau khi hoàn thành; tổ chức họp để rà soát tiến độ, báo cáo Ban Giám hiệu các vướng mắc trong quá trình triển khai để có chỉ đạo kịp thời. Ban thư ký cùng các nhóm công tác chuyên trách viết báo cáo tự đánh giá và hoàn thiện báo cáo sau những ý kiến đóng góp và phản biện của hội đồng tự đánh giá. Sau khi hoàn thành báo cáo tự đánh giá CTĐT, Phòng KT&ĐBCL gửi báo cáo tự đánh giá kèm theo công văn thông báo về việc đã hoàn thành báo cáo tự đánh giá cho Cục Quản lý chất lượng, Bộ GD&ĐT, Ngân hàng Nhà nước [H10.10.01.13]. Cũng trong thời gian này, Trường chuẩn bị các hoạt động chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài các CTĐT [H10.10.01.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.2: Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

Việc triển khai tự đánh giá CSGD thực hiện theo quy định của Thông tư 12 và văn bản 766, 1668 về trình tự các thủ tục, thành phần tham gia có đầy đủ các quyết định kèm

theo. Đây là chu kỳ thứ 2 Trường triển khai tự đánh giá để phục vụ KĐCL CSGD và cải tiến chất lượng, lần 1 vào năm 2017, Trường đã được đánh giá ngoài và công nhận đạt chuẩn vào tháng 12/2017 và lần này Trường cũng đã và đang làm đúng các quy định, hướng dẫn về viết báo cáo TĐG, đăng ký kiểm định và đánh giá ngoài. Có thể nói công tác tự đánh giá và đánh giá ngoài của Trường đều tuân thủ các quy định, quy trình của Bộ GD&ĐT, Cục Quản lý chất lượng [H10.10.02.01]; [H10.10.02.02]; [H10.10.02.03].

Trường cũng xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài CTĐT theo các bộ tiêu chuẩn khác nhau. Để đánh giá/kiểm định chất lượng CTĐT, quy trình tự đánh giá là bắt buộc, có tính thường niên và theo quy định của Bộ GD&ĐT và của AUN-QA. Đối với các CTĐT được kiểm định theo tiêu chuẩn của Bộ, Trường triển khai tự đánh giá theo quy định của Thông tư 04 và các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT: CV1074, CV1075, CV1076, CV1669. Đối với các CTĐT được kiểm định theo AUN-QA, Trường đã tuân thủ theo tài liệu "Guide to AUN-QA Assessment at Programme Level version 3.0" (Tài liệu hướng dẫn đánh giá cấp chương trình theo tiêu chuẩn AUN-QA phiên bản 3.0). Trước khi tiến hành tự đánh giá, Trường thành lập Hội đồng tự đánh giá với đại diện tất cả các bộ phận trong Trường, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách đảm nhiệm việc triển khai các hoạt động tự đánh giá, thu thập, phân tích thông tin và đưa ra các nhận định. Kế hoạch tự đánh giá được xây dựng với thời gian biểu rõ ràng cho hoạt động tự đánh giá, phân công trách nhiệm cụ thể cho các nhóm công tác chuyên trách [H10.10.02.04]; [H10.10.02.05]. Các CTĐT sau khi hoàn thành tự đánh giá và có kết quả thẩm định/nghiệm thu, Trường tiến hành ban hành các kế hoạch, thông báo chuẩn bị các hoạt động phục vụ ĐGN. Các hoạt động chuẩn bị bao gồm: nhân sự phục vụ đánh giá ngoài, tập huấn phỏng vấn, kiểm tra cơ sở vật chất và kiểm tra hồ sơ minh chứng [H10.10.02.06].

Để chuẩn bị cho quá trình tự đánh giá, các cán bộ có liên quan đều được tham dự các khóa tập huấn về ĐBCL, công tác tự đánh giá và kiểm định CTĐT và CSGD. Đến nay, Trường đã có 3 cán bộ có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định viên do Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – ĐH Quốc gia TP.HCM cấp [H10.10.02.07]; [H10.10.02.08].

Đối với các đoàn đánh giá ngoài các CTĐT/CSGD, mỗi tổ chức đánh giá chất lượng và KĐCL đều có yêu cầu các tiêu chuẩn khác nhau:

- Đoàn đánh giá ngoài theo tiêu chuẩn AUN – QA: các đánh giá viên (assessor) đều có chứng chỉ đào tạo của AUN – QA [H10.10.02.09].
- Đoàn đánh giá ngoài của Trung tâm KĐCL giáo dục thuộc ĐH Quốc gia TP.HCM: các kiểm định viên đều có thẻ kiểm định viên [*H10.10.02.10*]

Bảng 10.2.1. Công tác tự đánh giá, đánh giá chất lượng/KĐCL từ năm 2016-2022

TT	Cấp đánh giá/ KĐCL	Bộ tiêu chuẩn	Tổ chức đánh giá/KĐCL	Đang tự đánh giá	Thời gian	Kết quả
I. CSGD						
1.	Trường ĐHNH TP.HCM	Bộ GD&ĐT	VNU-HCM CEA		2017	Đạt
2.	Trường ĐHNH TP.HCM	Bộ GD&ĐT	VNU-HCM CEA		2020	Đạt
II. Bậc đại học						
1.	Tài chính	AUN-QA	AUN-QA		2019	Đạt
2.	Ngân hàng	AUN-QA	AUN-QA		2019	Đạt
3.	Kinh tế Quốc tế	AUN-QA	AUN-QA		2022	Đạt
4.	Quản trị kinh doanh	AUN-QA	AUN-QA		2022	Đạt
5.	Kế toán	AUN-QA	AUN-QA		2022	Đạt
6.	Ngôn ngữ Anh	Bộ GD&ĐT		Đang thực hiện TĐG		
7.	Luật kinh tế	Bộ GD&ĐT		Đang thực hiện TĐG		
8.	Hệ thống thông tin kinh doanh và chuyển đổi số	Bộ GD&ĐT		Đang thực hiện TĐG		
III. Sau đại học						
1.	Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng	AUN-QA	AUN-QA		2022	Đạt

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Tiêu chí 10.3: Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát.

Từ năm học 2016-2017 đến nay, Trường đã và đang tiến hành tự đánh giá 9 CTĐT và đang tiến hành tự đánh giá CSGD chu kỳ 2. Trong quá trình tự đánh giá Trường theo tiêu chuẩn Bộ GD&ĐT cũng như quá trình tự đánh giá các CTĐT theo tiêu chuẩn AUN – QA và tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT đều có phần xác định điểm mạnh, điểm hạn chế và kế hoạch hành động. Nhìn chung các CTĐT đều có điểm mạnh: chương trình dạy học, phương pháp tiếp cận trong dạy và học, đội ngũ cán bộ hỗ trợ, đội ngũ giảng viên, CSVC và trang thiết bị; Những điểm tồn tại của các CTĐT: CĐR CTĐT, phương pháp kiểm tra đánh giá đáp ứng CĐR, NCKH. Các kế hoạch hành động được xây dựng từ những điểm hạn chế hay tồn tại và các kế hoạch đó đều mang tính khả thi trong đó thể hiện

được thời gian thực hiện, nguồn lực để thực hiện kế hoạch [H10.10.03.01].

Báo cáo tự đánh giá sau khi được Hiệu trưởng thông qua đều công bố công khai toàn trường, những kế hoạch khắc phục tồn tại được giao trách nhiệm cụ thể, những tồn tại nào có thể xử lý ngay thì Hội đồng giao thời hạn hoàn thành ngắn có thể triển khai ngay các tồn tại lớn cần nhiều thời gian thì những đơn vị, cá nhân chịu trách nhiệm phải có kế hoạch, lộ trình cụ thể và đưa vào các kế hoạch năm học hoặc học kỳ. Việc thực hiện kế hoạch cải tiến và khắc phục tồn tại phải được báo cáo lại trong các cuộc họp giao ban trường, báo cáo học kỳ, báo cáo năm học và các cuộc họp chuyên về ĐBCLcủa trường [H10.10.03.02],[H10.10.03.03], [H10.10.03.04].

Quá trình đánh giá ngoài CSGD và các CTĐT giúp Trường, các Khoa nhận diện rõ hơn các điểm mạnh, điểm cần cải tiến cũng như vạch ra các kế hoạch hành động khả thi để thực hiện các khuyến nghị cải tiến chất lượng từ kết quả đánh giá ngoài [H10.10.03.05]. Căn cứ vào các khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài, Trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng của CSGD giai đoạn 2017 – 2022. Kế hoạch cải tiến chất lượng đều xác định lộ trình phấn đấu mục tiêu chất lượng trong giai đoạn 5 năm; công cụ, nội dung, phân công và tiến độ thực hiện [H10.10.03.06]. Năm 2020, một mặt là theo quy định của Bộ GD&ĐT và mặt khác là đánh giá hiệu quả của hoạt động hậu kiểm định Trường, Nhà trường đã tiến hành viết Báo cáo đánh giá giữa kỳ. Báo cáo đã nêu được kế hoạch cải tiến chất lượng đã thực hiện, chưa thực hiện và sẽ thực hiện trong kỳ tới để đảm bảo các điều kiện tốt nhất phục vụ hoạt động tự đánh giá cấp trường giai đoạn tiếp theo Nhà trường [H10.10.03.07]; [H10.10.03.08].

Sau khi nhận được Giấy chứng nhận đánh giá chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn AUN – QA [H10.10.03.09], Nhà trường xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng CTĐT theo khuyến nghị của đoàn đánh giá ngoài. Các kế hoạch cải tiến chất lượng đều xác định lộ trình phấn đấu mục tiêu chất lượng trong giai đoạn 5 năm; công cụ, nội dung, phân công và tiến độ thực hiện [H10.10.03.10]. Sau một năm thực hiện đánh giá ngoài, các CTĐT tiến hành rà soát những việc đã và đang thực hiện và những việc chưa làm được hoặc sẽ tiến hành làm trong giai đoạn còn lại của kế hoạch cải tiến chất lượng. Hàng năm, các Khoa gửi báo cáo tiến độ cải tiến chất lượng về phòng KT&ĐBCL để theo dõi, kiểm tra và báo cáo cho BGH [H10.10.03.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 10.4: Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Năm 2016, Trường thực hiện tự đánh giá CSGD theo Thông tư 62/2012/TT-BGDĐT, Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BGDĐT và tài liệu hướng dẫn từ 02 công văn số 462/KTKĐCLGD-KĐĐH và 527/KTKĐCLGD-KĐĐH của Cục Khảo thí & Kiểm

định chất lượng. Hiện tại, Trường tổ chức tự đánh giá theo Thông tư 12 và các văn bản mốc chuẩn 1668 và các quy trình thực hiện tự đánh giá theo văn bản hướng dẫn 766. Về trình tự thực hiện cơ bản không thay đổi nhiều, nhưng thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, nhóm chuyên trách được điều chỉnh cho phù hợp với các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn hiện hành này. Nhằm đẩy mạnh hơn nữa vai trò và trách nhiệm của các khoa, bộ môn trong công tác ĐBCL hướng tới KĐCL các CTĐT theo chuẩn trong nước và quốc tế, Nhà trường đã ban hành quy định đánh giá và KĐCL trong đó giao trách nhiệm cho các khoa đóng vai trò chính trong kiểm định CTĐT [H10.10.04.01].

Bên cạnh việc tổ chức tự đánh giá một cách toàn diện 25 tiêu chuẩn, 111 tiêu chí theo Thông tư 12, mỗi tháng, quý, năm và năm học, các đơn vị thực hiện báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của đơn vị mình, bao gồm các nội dung: đánh giá các chỉ tiêu kết quả đạt được, những công việc còn tồn đọng, nguyên nhân, giải pháp và phương hướng, nhiệm vụ cho kỳ tiếp theo [H10.10.04.02]. Ngoài ra, hàng năm Trường tổ chức tự đánh giá nội bộ theo tiêu chuẩn ISO ở tất cả các đơn vị theo các nội dung: hồ sơ chuyên môn, quy trình nghiệp vụ, hoạt động giảng dạy, xây dựng CĐR và CTĐT, phát triển đội ngũ, NCKH, ... nhằm phát hiện những điểm chưa phù hợp, điểm mạnh cần phát huy, điểm cần khắc phục và đưa ra các hành động khắc phục, phòng ngừa [H10.10.04.03]. Tất cả các báo cáo sẽ được gửi cho Ban Giám hiệu để xem xét để đưa ra những chủ trương, chỉ đạo kịp thời. Đây có thể xem là sự cải tiến lớn trong quy trình tự đánh giá của trường hàng năm nhằm kịp thời phát hiện những tồn tại để kịp thời xử lý ngay trong mỗi năm học.

Thêm một cải tiến mang tính kỹ thuật để thích ứng với thực tiễn trong thời gian ảnh hưởng của dịch Covid – 19, không thể tập trung các nhóm để họp và triển khai viết báo cáo tự đánh giá, các nhóm tổ chức họp trực tuyến và tận dụng nhiều hơn các ứng dụng CNTT để họp, thảo luận trong quá trình thực hiện báo cáo này [H10.10.04.04]. Đồng thời, các thông tin minh chứng cũng được số hóa và đưa vào hệ thống minh chứng online [H10.10.04.05]. Điều này giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ minh chứng của Trường, Khoa cũng như thuận tiện trong việc chia sẻ thông tin minh chứng giữa các đơn vị trong Trường.

Đối với đánh giá ngoài CTĐT, trước khi đón đoàn đánh giá ngoài AUN-QA vào khảo sát thực địa, Nhà trường đã thành lập Ban đón tiếp và phân công công việc chuẩn bị cho đánh giá ngoài CTĐT [H10.10.04.06], [H10.10.04.07]. Năm 2021-2022, do dịch Covid – 19 nên AUN –QA yêu cầu đánh giá ngoài CTĐT theo hình thức trực tuyến, do vậy Trường đã xây dựng Sổ tay đánh giá trực tuyến [H10.10.04.08]. Các khâu chuẩn bị đánh giá ngoài trực tuyến được Trường lên kế hoạch, kịch bản một cách khoa học, chi tiết, rõ ràng và thành lập các tổ công tác, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành

viên: khánh tiết, minh chứng, phiên phỏng vấn trực tuyến, hậu cần, kỹ thuật, livestream cơ sở vật chất, chuyên môn, khai mạc – bế mạc, đội ngũ quản lý phòng họp zoom…[H10.10.04.09].

Khi kiểm định thành công 02 CTĐT theo chuẩn AUN-QA năm 2019, Khoa Tài chính và Khoa Ngân hàng đã chia sẻ kinh nghiệm, quy trình cho các khoa khác trong trường. Nhờ đó, năm 2022 04 Khoa KTKT, KTQT, QTKD và khoa SĐH đăng ký và kiểm định thành công chuẩn AUN-QA cho các ngành cử nhân Kế toán, KTQT, QTKD và thạc sĩ TCNH [H10.10.04.10]. Đến nay, nhiều khoa mạnh dạn đăng ký KĐCL CTĐT ngày càng nhiều hơn, rút ngắn thời gian chuẩn bị cũng như khả năng thành công cao hơn.

Để rút kinh nghiệm, chia sẻ thực hành tốt trong công tác KĐCL và công tác ĐBCL, hàng năm trong Hội nghị ĐBCL Nhà trường đã tổng kết những kết quả đạt được cũng những những điểm cần rút kinh nghiệm trong tự đánh giá và đánh giá ngoài và triển khai kế hoạch thực hiện các khuyến nghị của Hội đồng KĐCL [H10.10.04.11], [H10.10.04.12], [H10.10.04.13]. Đối với các đợt tập huấn về KĐCL và ĐBCL của Bộ GD&ĐT, Cục Quản lý chất lượng, AUN-QA, FIBAA trường đều cử cán bộ tham dự để học hỏi hoặc chia sẻ kinh nghiệm về triển khai hệ thống ĐBCL bên trong hoặc về công viết báo cáo tự đánh giá. Điều đó giúp ích nhiều cho công tác ĐBCL của trường cũng như nâng cao kiến thức, kinh nghiệm cho đội ngũ cán bộ, giảng viên nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 10:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

HUB có kế hoạch rõ ràng cho việc đánh giá CSGD; nghiêm túc quán triệt theo Kế hoạch số 823/KH-ĐHNH ngày 15/9/2021 về tự đánh giá cơ sở giáo dục; tổ chức các buổi tập huấn nhằm giúp các viên chức hiểu rõ về công tác tự đánh giá, KĐCL, kỹ năng thu thập minh chứng, …; có thời gian thực hiện cụ thể và phân công trách nhiệm cho các bộ phận liên quan và các cá nhân để thực hiện.

Công tác Tự đánh giá của HUB được thực hiện định kỳ vào cuối năm học, và được thực hiện bởi các cán bộ chuyên trách đã được đào tạo, tập huấn đầy đủ theo quy định. Có chính sách ưu tiên, cử viên chức tham dự các khoá tập huấn, nâng cao trình độ về KĐCL.

Công tác rà soát, khảo sát rút kinh nghiệm, triển khai hành động sau mỗi đợt tự đánh giá được thực hiện bài bản, chi tiết.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Nhân sự phụ trách công tác ĐBCL ở các đơn vị còn còn mỏng và thường xuyên thay đổi.

2. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Đào tạo về ĐBCL cho đội ngũ nhân sự ĐBCL	Tổ chức tập huấn về công tác ĐBCL cho các nhân sự phụ trách công tác ĐBCL tại các đơn vị	Phòng KT&ĐBCL chủ trì, Các đơn vị phối hợp	Hàng năm	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 10	***5.25***
Tiêu chí 10.1	5/7
Tiêu chí 10.2	6/7
Tiêu chí 10.3	6/7
Tiêu chí 10.4	6/7

TIÊU CHUẨN 11: HỆ THỐNG THÔNG TIN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG

Tiêu chí 11.1: Kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập.

Thông tin ĐBCL của trường được xác định bao gồm hai thành phần quan trọng là thông tin sơ cấp (thông tin thu thập qua khảo sát các bên liên quan) và thông tin thứ cấp (thông tin, dữ liệu về người học, giảng viên, cơ sở vật chất, nghiên cứu khoa học, tài chính,…), chính vì vậy việc lên kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL của trường được tiến hành thông qua những kế hoạch cụ thể cho từng thông tin sơ cấp và thứ cấp [H11.11.01.01]. Ngoài ra, kế hoạch xây dựng hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Trường còn được thiết lập thông qua các quy định, quy trình, nguồn lực để thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin giữa các bên liên quan được xây dựng, duy trì và cải tiến theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 về hệ thống quản lý chất lượng [H11.11.01.02]. Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 được xây dựng và triển khai từ năm 2016 như là một thành phần quan trọng của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong mà chức năng chính của hệ thống này là giúp quản lý toàn bộ các quá trình của Nhà trường nhằm đạt được mục tiêu chất lượng đã đề ra [H11.11.01.03].

Đối với thông tin sơ cấp, phòng KT&ĐBCL là đơn vị đầu mối trong việc thu thập và quản lý thông tin từ việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan được quy định trong Quy chế về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trường ĐHNH [H11.11.01.04]. Ngoài ra, trong Quy chế Đảm bảo chất lượng và Quy chế khảo sát trực tuyến cũng quy định về mục đích, yêu cầu, quy trình tổ chức thực hiện và trách nhiệm của những đơn vị, cá nhân tham gia công tác lấy ý kiến phản hồi được thực hiện định kỳ thông qua các phiếu khảo sát [H11.11.01.05].

Đối với thông tin thứ cấp, Trường đã xây dựng và triển khai Kế hoạch thực hiện Quy chế công khai của Trường trong từng năm học dựa trên Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, với những nội dung: cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục; thu chi tài chính và phục vụ cộng đồng. Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mỗi đơn vị, các thông tin dữ liệu được thực hiện theo yêu cầu và gửi về phòng KT&ĐBCL tổng hợp và công khai đến các bên liên quan theo nhiều kênh khác nhau [H11.11.01.06]. Bên cạnh đó là hệ thống những quy trình, biểu mẫu theo chức năng, nhiệm vụ tại các đơn vị [H11.11.01.07].

Ngoài ra, quá trình nhận và chuyển thông tin được Nhà trường quy định thực hiện thông qua nhiều phương thức như họp giao ban tháng, công văn, báo cáo, thông qua

điện thoại, gặp gỡ, trao đổi trực tiếp, qua hòm thư góp ý, qua mạng nội bộ, email cá nhân.

Nhằm tăng hiệu quả quản lý HTTT, Nhà trường đã có phương án ứng dụng CNTT trong xây dựng hệ thống quản lý thông tin, trong đó có hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Trường với các phần mềm chức năng chuyên dụng và hệ thống website, mạng nội bộ [H11.11.01.08]. Đối với các thông tin liên quan đến giảng viên, cán bộ hỗ trợ, đánh giá, xếp loại giảng viên, cán bộ hỗ trợ, phòng TCCB là đơn vị đầu mối thu thập, quản lý qua phần mềm HRM [H11.11.01.09]. Đối với các thông tin liên quan đến người học, quá trình, kết quả đào tạo người học, Trường sử dụng phần mềm UIS với các chức năng được phân quyền cho các đơn vị, cá nhân như phòng Đào tạo, phòng KT&ĐBCL, phòng Công tác sinh viên, phòng QLCNTT, giảng viên cố vấn học tập, giảng viên mỗi lớp học phần dựa theo chức năng và nhiệm vụ của mỗi đơn vị hoặc cá nhân [H11.11.01.10]. Đối với hoạt động NCKH, trường cũng có hệ thống quản lý NCKH để cán bộ giảng viên khai báo kết quả NCKH theo định kỳ và Viện NCKH&CNNH là đơn vị được phân quyền để quản lý và sử dụng dữ liệu này [H11.11.01.11]. Đối với việc thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan, Trường cũng đã xây dựng hệ thống khảo sát trực tuyến và P. KT&ĐBCL là đơn vị được giao quản lý và sử dụng hệ thống và dữ liệu khảo sát phục vụ công tác cải tiến chất lượng [H11.11.01.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.2: Thông tin về đảm bảo chất lượng bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.

Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong trên nền tảng công nghệ thông tin được xây dựng tại trường Đại học Ngân hàng TP. HCM để hỗ trợ công tác ra quyết định. Cụ thể:

(i) Hệ thống quản lý tín chỉ (UIS): Đây là hệ thống quản lý tất cả các thông tin của người học, quá trình học tập, tiến độ và kết quả học tập. Người học sẽ được cấp tài khoản đăng nhập để đăng ký tín chỉ, theo dõi các thông báo, lịch học, lịch thi, kết quả học tập, đăng ký xét tốt nghiệp,…Giảng viên cũng được cấp tài khoản để quản lý lịch giảng, lớp học phần, nhập kết quả các lớp học phần, quản lý lớp cố vấn học tập… Các đơn vị, theo chức năng nhiệm vụ để thực hiện mở các lớp học phần, quản lý các lớp học phần, lên lịch thi và quản lý lịch thi, quản lý học vụ người học, thống kê và theo dõi tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học (phòng Đào tạo) [H11.11.02.01]; mở danh sách thi, duyệt và công bố điểm thi, điều chỉnh điểm, thống kê và theo dõi phổ điểm (phòng KT&ĐBCL) [H11.11.02.02]; chấm điểm và theo dõi điểm rèn luyện của SV, theo dõi kết quả học tập để xét học bổng cho SV (phòng CTSV) [H11.11.02.03]; theo dõi và quản lý tiến độ học

tập của SV thuộc quản lý của khoa (các khoa chuyên ngành) [H11.11.02.04].

(ii) Hệ thống khảo sát trực tuyến: Dữ liệu của hệ thống khảo sát trực tuyến được kết nối với hệ thống quản lý tín chỉ UIS để lấy các dữ liệu về các lớp học phần phục vụ khảo sát môn học. Người học trước khi xem điểm môn học cần phải thực hiện khảo sát và kết quả khảo sát được trả về tài khoản của giảng viên giúp giảng viên theo dõi mức độ đánh giá của SV về môn học mình giảng dạy và có những điều chỉnh phù hợp. Theo học kỳ, phòng KT&ĐBCL sẽ tổng hợp kết quả khảo sát thành báo cáo và gửi kèm kết quả chi tiết về email lãnh đạo khoa [H11.11.02.05]. Bên cạnh khảo sát môn học, hệ thống khảo sát trực tuyến còn hỗ trợ thực hiện các khảo sát khóa học (thực hiện khi sinh viên đăng ký xét tốt nghiệp) [H11.11.02.06]; khảo sát giảng viên, người học đánh giá chất lượng quản lý, hỗ trợ (thực hiện khi giảng viên, người học đăng nhập vào tài khoản) [H11.11.02.07]. Các khảo sát đối với cán bộ, nhân viên, cựu sinh viên, nhà tuyển dụng được thực hiện bằng cách gửi đường link khảo sát qua email hoặc tin nhắn điện thoại [H11.11.02.08] Trường có phần mềm hỗ trợ gửi tin nhắn đồng loạt hỗ trợ việc gửi link khảo sát [H11.11.02.09]. Dữ liệu về kết quả khảo sát được lưu trữ trên hệ thống, có thể nhanh chóng truy cập và trích xuất thông tin bởi đơn vị và cá nhân được phân quyền căn cứ vào chức năng nhiệm vụ.

(iii) Hệ thống quản lý NCKH: Mỗi cán bộ giảng viên, nhân viên được cấp tài khoản để kê khai kết quả NCKH định kỳ và quản lý kết quả NCKH của mình. Viện NCKH là đơn vị đầu mối quản lý toàn bộ dữ liệu về kết quả đó và thực hiện trích xuất, thống kê phục vụ công tác quản lý, điều hành [H11.11.02.10].

(iv) Ngoài ra, Trường còn có các phần mềm để hỗ trợ công tác điều hành và ra quyết định như phần mềm MISA hỗ trợ công tác quản lý tài chính; phần mềm quản lý hoạt động thư viện; phần mềm quản trị nhân sự HRM,... Tất cả các phần mềm đều có chức năng truy xuất dữ liệu báo cáo tự động theo nhu cầu phân tích, đánh giá một cách nhanh chóng, khách quan, tin cậy và chính xác.

Các hệ thống này được chạy trên máy chủ của Nhà trường và được bảo trì, nâng cấp thường xuyên theo kế hoạch hoạt động hàng năm của phòng QLCNTT [H11.11.02.11]. Việc khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin phải tuân thủ theo quy chế an toàn và bảo mật thông tin của Trường; các cá nhân, đơn vị thực hiện theo đúng chức năng và nhiệm vụ được phân quyền trên hệ thống [H11.11.02.12]. Quy chế này được thông báo đến tất cả các cán bộ, GV, nhân viên của Trường thông qua email [H11.11.02.13]. Đối với các đối tác cung cấp các hệ thống cho trường, điều khoản về an toàn và bảo mật thông tin luôn được ghi trong hợp đồng nhằm bảo đảm sự tuân thủ của đối tác [H11.11.02.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.3: Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

Trường định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong thông qua các hoạt động sau:

Hàng năm, Trường thực hiện rà soát, duy trì và cải tiến HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, cụ thể là rà soát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu chất lượng của các đơn vị, ban hành mục tiêu chất lượng và cập nhật hệ thống văn bản cho năm mới [H11.11.03.01]. Đồng thời, Trường tổ chức đánh giá nội bộ HTQLCL tại các đơn vị để xem xét lại tính phù hợp của hệ thống tài liệu đã ban hành, phát hiện các điểm không phù hợp trong hoạt động của các đơn vị. [H11.11.03.02]. Sau khi đánh giá nội bộ, đơn vị cấp giấy chứng nhận sẽ lên chương trình đánh giá duy trì (hàng năm trong thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận) hoặc tái đánh giá cấp giấy chứng nhận (sau thời hạn 3 năm của giấy chứng nhận) [H11.11.03.03]. Kết quả đánh giá nội bộ và đánh giá duy trì (tái đánh giá) là cơ sở để có những điều chỉnh, bổ sung trong các quá trình của đơn vị để phù hợp với sự thay đổi của bối cảnh cũng như yêu cầu của các bên liên quan [H11.11.03.04].

Đối với hoạt động khảo sát, khi chưa xây dựng hệ thống khảo sát trực tuyến, công tác tổ chức lấy ý kiến các bên liên quan được thực hiện bằng nhiều hình thức: Kháo sát bằng phiếu giấy (đối với khảo sát môn học và khóa học), khảo sát trực tuyến qua công cụ google form (đối với các khảo sát khác), điều này dẫn đến việc dữ liệu được lưu trữ thủ công và không có sự liên kết các cơ sở dữ liệu, thông tin, mất thời gian khi truy xuất dữ liệu. Từ học kỳ II năm học 2019 – 2020, Trường đã bắt đầu vận hành hệ thống khảo sát trực tuyến, các khảo sát hầu như đã thực hiện trên hệ thống này và kết quả cho thấy việc quản lý thông tin đầu vào cũng như kết quả khảo sát đã có hiệu quả hơn; số lượng phiếu khảo sát thu được nhiều hơn, kết quả khảo sát phản ảnh được yêu cầu của các bên liên quan, đáp ứng mục tiêu của từng khảo sát. [H11.11.03.05]

Đối với hoạt động ba công khai hàng năm, các thông tin, dữ liệu về tình hình hoạt động của Nhà trường trong công tác đào tạo, NCKH và tài chính được thu thập và lưu trữ tập trung bởi phòng KT&ĐBCL, được công khai trên website của Nhà trường theo năm, do đó dễ dàng thấy được sự biến đổi của các chỉ số theo từng năm [H11.11.03.06].

Ngoài ra, các hệ thống quản lý thông tin ĐBCL của Trường như hệ thống UIS, khảo sát trực tuyến, quản lý NCKH, quản lý tài chính, thu nhập, … thường xuyên được cập nhật nhằm đảm bảo tính an toàn và bảo mật thông tin, đáp ứng nhu cầu sử dụng của cán bộ nhân viên, giảng viên, sinh viên. [H11.11.03.07]

Hàng năm, Trường có lấy ý kiến của người học, giảng viên về cơ sở vật chất và

dịch vụ hỗ trợ, về tổ chức, quản lý và phục vụ đào tạo và ý kiến của viên chức về điều kiện, môi trường làm việc tại Trường. Đây là một kênh thông tin có giá trị để Trường có những bổ sung, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong. [H11.11.03.08]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.4: Việc quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường được cải tiến liên tục qua các năm. Cụ thể:

- Các tài liệu của hệ thống quản lý chất lượng theo ISO được duy trì, cập nhật và cài tiến về nội dung qua các năm. Hàng năm, theo thông báo của Ban quản lý ISO hoặc đơn vị đầu mối là phòng KT&ĐBCL, các đơn vị tiến hành báo cáo về việc thực hiện mục tiêu chất lượng năm trước, xây dựng mục tiêu chất lượng cho năm tiếp theo, điều chỉnh, bổ sung, cải tiến các quá trình, quy trình thực hiện, giải quyết công việc căn cứ vào tình hình thực tế; các kết quả đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài. Từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của từng đơn vị và Nhà trường ***[H11.11.04.01]***.

- Hoạt động lấy ý kiến các bên liên quan thông qua khảo sát cũng được cải tiến về phương pháp và nội dung. Phòng KT&ĐBCL đã ban hành quy trình cập nhật và xây dựng phiếu khảo sát ***[H11.11.04.02]***. Trước năm học 2019-2020, các khảo sát được thực hiện bằng phiếu giấy, khảo sát qua google form, khảo sát qua điện thoại, email,… do chưa có một hệ thống khảo sát dựa trên công nghệ thông tin ***[H11.11.04.03]***, quá trình thực hiện khảo sát tốn thời gian và nguồn lực cho việc thu thập dữ liệu đầu vào cũng như xử lý kết quả khảo sát ***[H11.11.04.04].*** Vì vậy, từ năm học 2019 -2020, Trường đã xây dựng và triển khai hệ thống khảo sát trực tuyến để lấy ý kiến các bên liên quan dựa trên nền tảng công nghệ thông tin. Hệ thống được kết nối với hệ thống UIS để lấy thông tin dữ liệu về người học, giảng viên, lịch giảng là dữ liệu đầu vào; hệ thống tự động xử lý và xuất kết quả khảo sát theo yêu cầu của phòng KT&ĐBCL về thông tin cải tiến chất lượng các hoạt động***.[H11.11.04.05]***.

- Việc quản lý thông tin về NCKH cũng được cải tiến thông qua việc tổ chức khai báo kết quả NCKH của giảng viên, cán bộ, nhân viên qua hệ thống quản lý NCKH của Trường. Trước đây, việc kê khai kết quả NCKH được thực hiện thủ công qua form excel, gây khó khăn cho việc thống kê và báo cáo. Khắc phục điều đó từ năm 2020 , hệ thống quản lý NCKH được triển khai giúp việc quản lý và thống kê kết quả NCKH của Trường được thuận lợi, nhanh chóng và hiệu quả hơn ***[H11.11.04.06]***. Trong quá trình sử dụng, hệ thống tiếp tục được cải tiến để đáp ứng nhu cầu sử dụng của các đơn vị và cá nhân có liên quan ***[H11.11.04.07]***.

Ngoài ra, việc nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin cũng góp phần cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong. Từ năm 2016, triển khai 2 giai đoạn của dự án đầu tư, nâng cấp hệ thống CNTT [H11.11.04.08]. Định kỳ hàng năm, Trường luôn lên kế hoạch đầu tư, nâng cấp, cải tiến thiết bị công nghệ thông tin như: Lắp đặt các phòng máy tính theo tiêu chuẩn phòng LAB, nâng cấp hệ thống mạng tại các cơ sở, xây dựng và triển khai hệ thống LMS, Đào tạo kết hợp [H11.11.04.09]

Nhà trường có chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong là các quy chế, quy trình và kế hoạch triển khai, công khai các thông tin về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được đánh giá và cải tiến. Cụ thể:

- Quy chế ĐBCL được ban hành lần đầu tiên vào năm 2016 và được chỉnh sửa, bổ sung vào năm 2019 đã xác định các thành phần, tổ chức và hoạt động của hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong cũng như trách nhiệm và quyền hạn của các cá nhân, đơn vị trong công công tác ĐBCL của Trường. Đặc biệt đó là xây dựng và phân công nhiệm vụ cho đội ngũ cán bộ kiêm nhiệm ĐBCL tại các đơn vị. ***[H11.11.04.10].*** Điều này đã giúp cho việc triển khai công tác ĐBCL trong Trường hiệu quả hơn ***[H11.11.04.11].*** Ngoài ra, các quy chế khác như quy chế về hoạt động NCKH của giảng viên, sinh viên được hợp nhất lại thành 1 quy chế chung, Quy chế về Đào tạo tín chỉ, Đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ được sửa đổi bổ sung để phù hợp với yêu cầu của pháp luật và thực tế đào tạo. ***[H11.11.04.12]***
- Sổ tay chất lượng được ban hành và cập nhật định kỳ là tài liệu hướng dẫn cho giảng viên, cán bộ nhân viên về hoạt động chất lượng ***[H11.11.04.13]***
- Kế hoạch thực hiện ba công khai từng năm học theo yêu cầu của thông tư 36/2017/TT-BGDĐT của bộ GD&ĐT giúp cải tiến hệ thống quản lý các thông tin có liên quan đến hoạt động đào tạo, tài chính, cơ sở vật chất, NCKH theo hướng chặt chẽ hơn, thống kê, truy xuất dữ liệu nhanh chóng và thuận tiện hơn ***[H11.11.04.14]***

Hàng năm, căn cứ trên các thông tin ĐBCL bên trong Trường tổ chức hội nghị chất lượng; yêu cầu các đơn vị thực hiện tự đánh giá sau các khảo sát; yêu cầu các đơn vị thực hiện xây dựng mục tiêu chất lượng năm tiếp theo nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động của từng đơn vị cũng như hoạt động chung của Trường. [H11.11.04.15]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 11:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường đã xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 như là 1 thành phần của hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong dựa trên việc xem xét các yếu tố đầu vào (bối cảnh, yêu cầu của các bên liên quan) để

lên kế hoạch, triển khai, đánh giá kết quả và cải tiến liên tục các hoạt động của Trường, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

Công tác lấy ý kiến các bên liên quan được Nhà trường thực hiện định kỳ hàng năm với kế hoạch và quy định cụ thể.

Hệ thống quản lý thông tin về ĐBCL bên trong của CSGD trên nền tảng công nghệ thông tin ngày càng được hoàn thiện và có sự phân công rõ ràng đối với mỗi đơn vị trong việc quản lý thông tin.

Trường đã sử dụng các khảo sát như là một công cụ để rà soát và điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL.

Việc cải tiến hệ thống thông tin ĐBCL chất lượng bên trong qua việc cải tiến quy định, quy trình, ứng dụng công nghệ thông tin được trường thực hiện định kỳ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Trường đã xác định hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Trường, từ đó xây dựng được một hệ thống quản lý với những văn bản cụ thể, trong đó có sự phân công trách nhiệm cho bộ phận đầu mối, bộ phận hỗ trợ. Tuy nhiên, theo chức năng nhiệm vụ hiện tại, Trường chưa có quyết định phân công đơn vị hoặc bộ phận đầu mối về mảng PVCĐ.

Một số hoạt động của Trường chưa có phần mềm chuyên dụng để quản lý như hoạt động phục vụ cộng đồng.

Một số đơn vị và cá nhân chưa nhận thức được rõ tầm quan trọng của việc duy trì, rà soát, cải tiến HTQLCL nên quá trình thực hiện rà soát, bổ sung hệ thống tài liệu của HTQLCL còn chưa đạt được hiệu quả như mong muốn.

Các hệ thống quản lý thông tin còn thiếu tính kết nối, liên kết thông tin, dữ liệu gây khó khăn trong việc truy xuất các dữ liệu về thông tin liên quan làm cơ sở cho công tác cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong quản lý thông tin liên quan đến phục	Xây dựng phần mềm quản lý hoạt động phục vụ cộng đồng	Phòng QLCNTT Phòng Công tác sinh viên Công đoàn Đoàn Thanh niên	Năm học 2023-2024	…….

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	vụ cộng đồng				
2	Nâng cao nhận thức cho cán bộ lãnh đạo, nhân viên về việc duy trì HTQLCL theo ISO	Tổ chức tập huấn lại cho nhân sự tại các đơn vị về HTQLCL theo tiêu chuẩn ISO	Phòng KT&ĐBCL	Năm học 2022-2023	…….
3	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phiếu khảo sát	Rà soát, chỉnh sửa các phiếu khảo sát hiện tại đề phù hợp với mục đích và yêu cầu khảo sát mới, tích hợp thêm các một số nội dung khác trong các phiếu khảo sát hiện tại.	Phòng KT&ĐBCL	Năm học 2022-2023	…….

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 11	***5***
Tiêu chí 11.1	5/7
Tiêu chí 11.2	5/7
Tiêu chí 11.3	5/7
Tiêu chí 11.4	5/7

TIÊU CHUẨN 12: NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG

Tiêu chí 12.1: Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Nâng cao chất lượng là một nhiệm vụ trọng tâm và mang tính chiến lược của Trường. Trên cơ sở báo cáo tự đánh giá CSGD 2011-2016, báo cáo tự đánh giá giữa chu kỳ kiểm định chất lượng CSGD, Nhà trường tiến hành đánh giá thực trạng về công tác ĐBCL, xác định những điểm mạnh và hạn chế của công tác ĐBCL để làm căn cứ xây dựng kế hoạch cải tiến cụ thể đối với từng hoạt động và được cụ thể qua kế hoạch đảm bảo chất lượng từng năm học ĐBCL [H12.12.01.01].

Nhà trường xây dựng phương hướng hoạt động ĐBCL từng năm học, xác định nhiệm vụ trọng tâm là: Thực hiện công tác tự đánh giá và KĐCL CTĐT, CSGD; thực hiện cải tiến sau tự đánh giá CTĐT, CSGD; xây dựng và phát triển văn hóa chất lượng giáo dục nhằm xây dựng và phát triển hệ thống ĐBCL bên trong, tạo chuyển biến tích cực trong công tác ĐBCL và được cụ thể hóa bằng các kế hoạch ĐBCL hằng năm của Nhà trường [H12.12.01.02].

Để không ngừng nâng cao chất lượng, Nhà trường tập trung cải tiến về chính sách, hệ thống, quy trình thủ tục, nguồn lực, … nhằm thực hiện tốt nhất các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng cụ thể như sau:

Chính sách: Nhằm đạt được các mục tiêu trong chiến lược, Nhà trường đã xác định các chính sách như sau: Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo thông qua việc phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; Xây dựng CSVC phục vụ tốt quá trình dạy, học và NCKH tại Trường; Thường xuyên rà soát, cập nhật các CTĐT, phương pháp giảng dạy, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp, tăng cường giáo dục đạo đức lối sống, kỹ năng sống cho người học, nhằm nâng cao chất lượng; xây dựng và dần hoàn thiện hệ thống thông tin ĐBCL bên trong. Cụ thể: ban hành chiến lược phát triển Trường giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 [H12.12.01.03]; Kế hoạch rà soát điều chỉnh các chương trình đào tạo [H12.12.01.04]; Sửa đổi, bổ sung Quy định về chế độ làm việc đối với CNV-GV Trường, Quy chế về đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của CNV-GV [H12.12.01.05]; Sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ hàng năm [H12.12.01.06]; Quy định về hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan [H12.12.01.07].

Hệ thống: Toàn bộ hệ thống hoạt động của Nhà trường liên tục được rà soát, cải tiến qua đợt đánh giá tổng kết cuối năm học. Đây là đợt rà soát tổng thể, giúp Nhà trường nhìn nhận được những mặt tồn tại của mình để có những biện pháp khắc phục cải tiến nhằm đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng và kế hoạch chiến lược đã đề ra [H12.12.01.08]. Ngoài ra, hàng năm trường rà soát, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng các quá trình

theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 nhằm nâng cao chất lượng các hoạt động. [H12.12.01.09]

Quy trình và thủ tục: Để quản lý các hoạt động một cách có hiệu quả, Nhà trường đã ban hành Sổ tay ĐBCL với hệ thống các quy trình nghiệp vụ, các thủ tục bắt buộc kèm các hướng dẫn và biểu mẫu rõ rang nhằm hoàn thiện và cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong, đồng thời phổ biến các nội dung, quy trình của hệ thống ĐBCL đến toàn thể CB, GV và SV trong toàn Trường. Toàn bộ các quy trình và thủ tục này cũng thường xuyên được rà soát, cải tiến sao cho phù hợp với hệ thống và không ngừng nâng cao chất lượng của các mặt hoạt động trong Nhà trường [H12.12.01.10].

Nguồn lực: Hệ thống đào tạo cũng như thương hiệu của Nhà trường đang dần được mở rộng và khẳng định. Do đó, các nội dung về nguồn lực được cải tiến, nâng cao chất lượng tập trung chính vào:

- Nguồn nhân lực: Trong quá trình xây dựng và thực hiện hệ thống ĐBCL nội bộ, Nhà trường luôn quan tâm đến nguồn nhân lực thông qua việc ban hành quy định tuyển dụng viên chức và NLĐ [H12.12.01.11]. Nâng cao trình độ của CNV-GV thông qua việc cử CNV-GV đi học tập các khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo trong nước và các Trường đối tác [H12.12.01.12]. Để nâng cao chất lượng đào tạo, đổi mới sáng tạo, Nhà trường cũng luôn chú trọng đến công tác NCKH, thường xuyên tổ chức các hội thảo, hội nghị khoa học trong và ngoài Trường [H12.12.01.13]; Tăng cường hợp tác về đào tạo, NCKH với các Trường Đại học trong nước, nước ngoài và các doanh nghiệp [H12.12.01.14]; Các hoạt động tổ chức đi trải nghiệm, học tập tại các doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện cho người học được tiếp cận với các nhà tuyển dụng, nắm bắt kịp thời những kiến thức thực tế cũng như những phẩm chất và kỹ năng mà các nhà tuyển dụng đòi hỏi để giúp người học có được định hướng tốt về nghề nghiệp trong tương lai [H12.12.01.15].
- Về tài chính: Kế hoạch tăng cường nguồn lực tài chính, đa dạng hóa các nguồn thu được thể hiện qua việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách các năm, thường xuyên rà soát sửa đổi, bổ sung về quy chế chi tiêu nội bộ như: Tăng mức hỗ trợ học phí đào tạo, bồi dưỡng, bổ sung mức chi hỗ trợ kinh phí tham dự hội nghị, hội thảo quốc tế, công bố quốc tế, bằng độc quyền sáng chế cho CB, GV, chi khen thưởng đối với người học đạt kết quả giỏi, xuất sắc cho phù hợp với tình hình thực tế góp phần nâng cao chất lượng [H12.12.01.16]

Nhà trường ban hành quy chế về hoạt động ĐBCL, hệ thống ĐBCL của Nhà trường được xây dựng và phát triển nhằm hướng đến tính liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính yếu như học tập, giảng

dạy, NCKH và phục vụ cộng đồng. Phòng KT&ĐBCL là đơn vị đầu mối, tư vấn cho BGH về các hoạt động ĐBCL; triển khai điều phối các hoạt động ĐBCL trong Trường theo chỉ đạo của Hiệu trưởng; Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm về công tác ĐBCL phải phối hợp, triển khai thực hiện và báo cáo kết quả với Hiệu trưởng qua Phòng KT&ĐBCL. Ngoài ra, Nhà trường còn ban hành quy định về đối sánh chất lượng giáo dục làm căn cứ thực hiện đối sánh đảm bảo sự công bằng, khách quan và hiệu quả trong đánh giá hướng đến đáp ứng tốt sứ mạng, tầm nhìn, đạt các mục tiêu chiến lược của Nhà trường và đáp ứng tốt yêu cầu của các bên có liên quan [H12.12.01.17]. Trên cơ sở kết quả đối sánh, Nhà trường thực hiện rà soát tất cả các hoạt động, xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục tổng thể, triển khai đến tất cả các đơn vị trong toàn Trường để không ngừng nâng cao chất lượng các các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng nhằm đáp ứng yêu cầu của người học và các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.2: Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.

Nâng cao chất lượng là trách nhiệm của CSGD nhằm đáp ứng yêu cầu về hội nhập trong giáo dục đại học. Nhà trường ban hành Quy chế ĐBCL Trường nhằm hướng đến liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính yếu của Nhà trường [H12.12.02.01].

Nhà trường ban hành Quy chế đối sánh chất lượng giáo dục của Trường [H12.12.02.02] trong đó quy định rõ về nội dung, đối tác và quy trình đối sánh. Kết quả so chuẩn đối sánh được thực hiện theo mẫu báo cáo phần phụ lục của văn bản. Các đối tác đối sánh được lựa chọn theo quy trình thực hiện qua các bước sau: (i) Xây dựng tiêu chí lựa chọn; (ii)Tìm kiếm các đối tác; (iii) Sàng lọc danh sách đối tác dự kiến;(iv) Xác định đối tác phù hợp. Đối tác đối sánh của Nhà trường được lựa chọn dựa trên những tiêu chí sau:

- Đối tác trong nước: Là CSGD đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân trong đó ưu tiên chọn các Trường là những Trường Đại học công lập đã được KĐCL hoặc được công nhận điều kiện ĐBCL, có sự tương đồng về địa lý, quy mô GV, quy mô người học, trình độ và ngành đào tạo và sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.
- Đối tác ngoài nước: Là CSGD của nước ngoài ưu tiên những Trường Đại học thuộc khu vực ASEAN, ưu tiên Trường tham gia mạng lưới các Trường Đại học Đông Nam Á-AUN hoặc các Trường nằm trong bảng xếp hạng thế giới top 1000, top 500 xếp hạng châu Á, có sự tương đồng về quy mô GV, quy mô người học, trình độ và ngành đào tạo và sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

Nhà trường xác định các tiêu chí nội dung đối sánh chất lượng dựa trên sự tham

khảo, đối chiếu với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD đại học của Bộ GD&ĐT [H12.12.02.03]; Bộ tiêu chuẩn của mạng lưới các Trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA) [H12.12.02.04]; Những nội dung đối sánh bao gồm:

- Về CSVC, môi trường học tập và làm việc: diện tích, số lượng, giảng đường, phòng học, thư viện, học liệu, hệ thống hạ tầng CNTT, các thiết bị phục vụ giảng dạy.
- Về đội ngũ CBGV: Số lượng CBGV, trình độ, tỷ lệ SV/GV.
- Về đào tạo: Các CTĐT, quy mô, ngành nghề đào tạo, tỉ lệ SV tốt nghiệp, SV thôi học, tỉ lệ học lại, thi lại học phần.
- Về NCKH, HTQT: Các đề tài NCKH của CB, GV, đề tài NCKHSV, số lượng bài báo và các công trình nghiên cứu công bố, các hoạt động hợp tác đào tạo, NCKH và trao đổi sinh viên.
- Kết nối, phục vụ cộng đồng: Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp, tỷ lệ SV có việc làm sau một năm tốt nghiệp, các hoạt động và kết quả của các hoạt động kết nối cộng đồng.
- Hoạt động ĐBCL: Rà soát, xây dựng cải tiến các văn bản liên quan đến công tác ĐBCL, số lượng cán bộ, đội ngũ ĐBCL tham gia các lớp học về KĐCL, hình thành văn hóa chất lượng.
- Tài chính: Tổng thu sự nghiệp, kinh phí chi thường xuyên, nguồn thu từ hoạt động dịch vụ và hoạt động NCKH.

Để hướng đến cải tiến liên tục và nâng cao chất lượng, Nhà trường thực hiện đối sánh nội bộ và đối sánh với bên ngoài. Đối sánh nội bộ là đối sánh kết quả thực hiện các tiêu chí giữa các năm và đã được Nhà trường xác định. Đối sánh ngoài là đối sánh dựa trên các tiêu chí được lựa chọn giữa Nhà trường với các CSGD khác. Để thực hiện đối sánh ngoài, Nhà trường phải xây dựng kế hoạch lựa chọn đối tác, xác định được danh sách các đối tác cụ thể để đối sánh và thực hiện đối sánh theo đúng quy trình đối sánh đã được quy định cụ thể trong Quy định đối sánh, so chuẩn chất lượng giáo dục của Nhà trường.

Lĩnh vực đối sánh chủ yếu của Nhà trường được thực hiện trên các mặt: công tác tuyển sinh, CTĐT, kết quả SV tốt nghiệp, đội ngũ CB, GV; công tác NCKH; điều kiện CSVC và môi trường học tập làm việc. Kết quả đối sánh là căn cứ giúp Nhà trường xác định được điểm mạnh và điểm yếu của mình để có những biện pháp điều chỉnh cải tiến các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.3: Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo.

Thực hiện công tác đảm bảo chất lượng để duy trì, cải tiến chất lượng các hoạt

động của Nhà trường, đáp ứng yêu cầu của các bộ tiêu chuẩn chất lượng cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo và hệ thống quản lý chất lượng, công tác đối sánh được thực hiện hàng năm trong các hoạt động cốt lõi: đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đối với hoạt động đào tạo, các chỉ số được đối sánh là: (i) tỷ lệ thôi học, tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình; (ii) tỷ lệ SV có việc làm sau 1 năm tốt nghiệp. Đối với hoạt động NCKH, các chỉ số bao gồm: (i) số lượng công bố khoa học; (ii) ngân sách dùng cho NCKH. Các chỉ số đối sánh về hoạt động phục vụ cộng đồng bao gồm: (i) số lượng hoạt động PVCĐ; (ii) tác động xã hội; (iii) tác động hoạt động PVCĐ đối với viên chức và người học tại trường; (iv) sự hài lòng các bên liên quan về hoạt động PVCĐ. Ngoài ra, việc đối sánh cũng được thực hiện phục vụ công tác quản lý. điều hành đối với các chỉ số về đội ngũ cán bộ giảng viên, kết quả các hoạt động khảo sát, CSVC.

Căn cứ vào các chỉ số này, hàng năm, các đơn vị có các báo cáo hoạt động của đơn vị theo các nội dung công việc thực hiện trong năm và có sự so sánh giữa các năm, để đưa ra các phương hướng cải tiến chất lượng hoạt động của đơn vị mình cũng như cải tiến chất lượng toàn trường. Cụ thể:

- Đối sánh về tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ có việc làm sau khi tốt nghiệp giữa các ngành học qua các năm và phân tích nguyên nhân thay đổi các chỉ số này, từ đó đưa ra các giải pháp, kế hoạch cụ thể để cải tiến kết quả hoạt động đào tạo, rà soát chương trình đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo. [H12.12.03.01]

- Đối sánh về hoạt động nghiên cứu khoa học qua các năm, năm sau với năm trước về loại hình và khối lượng NCKH của GV, SV; Nguồn kinh phí hoạt động và nguồn kinh phí đầu tư cho lĩnh vực NCKH [H12.12.03.02]. Kết quả đối sánh cho thấy số lượng bài viết đăng trên tạp chí và hội thảo nước ngoài ngày càng được chú trọng [H12.12.03.03]. Kết quả đối sánh là cơ sở để Trường ban hành các chính sách về NCKH như khuyến khích các GV có công bố các bài báo quốc tế, khen thưởng NCKH cho SV, tổ chức các hoạt động như tọa đàm NCKH trong GV, SV, thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh và có chế độ hỗ trợ về tài chính cho nhóm này,… [H12.12.03.04]

- Đối sánh đội ngũ CNV-GV về số lượng, trình độ cán bộ, giảng viên, tỷ lệ SV/GV của trường hàng năm qua đó xây dựng, điều chỉnh chính sách phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ hỗ trợ về số lượng và chất lượng như xây dựng đề án vị trí việc làm [H12.12.03.05]; Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm [H12.12.03.06]; Có chính sách khuyến khích giảng viên học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực tin học, ngoại ngữ [H12.12.03.07]

- Đối sánh về chương trình đào tạo: Trong hoạt động xây dựng, rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo, Trường tiến hành so sánh các phiên bản CTĐT trước và sau để rà soát, điều chỉnh về mục tiêu chung của chương trình, CĐR, tích hợp CĐR của chương trình và CĐR môn học, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, khối lượng kiến thức toàn khoá theo hướng tinh gọn/giảm tổng số tín chỉ, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh, cách thức đánh giá, kết cấu và nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo [H12.12.03.08]. Bên cạnh đó, các CTĐT cũng được tham khảo và đối sánh các chương trình dạy học tiên tiến trong và ngoài nước theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H12.12.03.09].
- Đối sánh về CSVC: Công tác CSVC được Nhà trường nêu rõ trong chiến lược phát triển Trường các giai đoạn [H12.12.03.10]. Những năm gần đây, Nhà trường đã trang bị CSVC hiện đại phục vụ cho việc giảng dạy và học. Trên cơ sở đối sánh với 1 số CSGD đào tạo, Nhà trường đã thực hiện cải tiến CSVC và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thực hành, ... thông qua việc nâng cao quản lý mua sắm trang thiết bị; quy định hướng dẫn sử dụng phòng máy thực hành; thông qua khảo sát lấy ý kiến của người học từ đó Nhà trường từng bước đáp ứng nhu cầu người học, cụ thể: Đầu tư xây dựng phòng thực hành, phòng thi đấu đa năng,... [H12.12.03.11]. Bên cạnh đó Nhà trường chú trọng đầu tư cải tạo cảnh quan môi trường khang trang hiện đại phục vụ tốt các sinh hoạt cộng đồng như: xây hòn non bộ, cải tạo lại hồ, trồng cây xanh, vườn hoa,... kinh phí từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, nguồn quỹ phát triển sự nghiệp.
- Đối sánh về hoạt động ĐBCL: Năm 2018, Nhà trường ban hành Kế hoạch cải tiến chất lượng CSGD để thực hiện tốt các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài cũng như kết quả tự đánh giá CSGD theo tiêu chuẩn của Bộ GD&ĐT ban hành [H12.12.03.12]. Bên cạnh đó, năm 2019, Trường cũng ban hành kế hoạch cải tiến chất lượng chương trình đào tạo dựa trên các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài AUN-QA và kết quả tự đánh giá đối với 2 chương trình đào tạo Tài chính và Ngân hàng [H12.12.03.13]. Hàng năm, Trường tiến hành đối sánh nội bộ về hoạt động ĐBCL qua các năm dựa trên việc rà soát, đánh giá kết quả cải tiến các công việc theo kế hoạch đã đề ra. Trong đó, Trường ưu tiên tập trung nguồn lực để tăng cường hoạt động ĐBCL: Cử CB tham gia tập huấn công tác ĐBCL, mời chuyên gia về tập huấn công tác tự đánh giá CTĐT, công tác duy trì, cải tiến HTQLCL. [H12.12.03.14]. Ngoài ra, công tác ĐBCL ngày càng được chuẩn hóa, hoàn thiện về quy trình thực hiện, các văn bản liên quan đến công tác ĐBCL được rà soát, sửa đổi bổ sung kịp thời (Quy định ĐBCL, Quy chế khảo sát trực tuyến, Quy chế đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục, hay chiến lược ĐBCL giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2045) [H12.12.03.15].
- Đối sánh về kết quả kết nối và phục vụ cộng đồng: Các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng được ban hành công khai rộng rãi và được thực hiện thông qua các kế

hoạch năm học, chương trình cụ thể [H12.12.03.16]**.** Cuối năm học, Nhà trường tổng kết chung hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, kết quả hoạt động phục vụ cộng đồng được thể hiện thông qua bản báo cáo hoạt động Công đoàn, ĐTN, Hội sinh viên, báo cáo hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng qua các năm [H12.12.03.17] từ đó xây dựng kế hoạch hoạt động cho các năm tiếp theo.

- Đối sánh về tài chính: Hằng năm căn cứ vào tổng nguồn kinh phí, Nhà trường tiến hành phân bổ chi, tập trung chính vào các nhiệm vụ trọng tâm như chi đào tạo, bồi dưỡng CB, VC, tăng cường CSVC, NCKH, HTQT và các khoản chi khác đảm bảo tiết kiệm chi và giữ ổn định qua các năm [H12.12.03.18]

Kết quả đối sánh trong các lĩnh vực công tác trên giúp Nhà trường có những cải tiến trong những năm qua như: Tiếp tục đẩy mạnh, cải tiến công tác quảng bá tuyển sinh để gia tăng số lượng SV, học viên trong toàn Trường (Trước đây công tác tuyển sinh do Phòng Đào tạo thực hiện, từ năm 2019 đến nay có sự phối hợp các đơn vị trong toàn trường: Phòng TVTS & PTTH, Phòng đào tạo và các Khoa, và toàn thể CBGV trực tiếp thực hiện theo kế hoạch chung của Nhà trường); Tiếp tục tăng cường, tổ chức và tham gia Hội nghị, hội thảo trong nước (từ năm 2018 đến nay hoạt động tổ chức hội thảo cấp trường được tổ chức thường xuyên, với số lượng bài đăng ngày càng nhiều hơn),... đổi mới và hoàn thiện chính sách đối với hoạt động NCKH nhằm thúc đẩy hơn hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ; đa dạng các hoạt động kết nối phục vụ cộng đồng, có sự phối hợp với nhiều cơ quan, tổ chức khác [H12.12.03.19]**.**

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.4: Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát.

Trong giai đoạn từ 2017 đến năm 2021 việc đối sánh được thực hiện ở nội bộ, đối sánh các tham số qua các năm, một số tham số được đối sánh giữa các đơn vị trong trường và chưa xác định quy trình cụ thể cho việc thực hiện đối sánh. Ý thức được tầm quan trọng trong sử dụng tham số đối chiếu để nâng cao chất lượng, Nhà trường đã ban hành quy chế đối sánh chất lượng giáo dục năm 2022 [H12.12.04.01]**.**

Đối sánh là hoạt động đối chiếu và so sánh một cơ sở giáo dục hoặc một chương trình đào tạo với bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục hoặc với cơ sở giáo dục được lựa chọn. Với nội hàm như trên, quy định cũng đã xác định rõ việc giám sát, đối sánh kết quả hoạt động cốt lõi của trường, bao gồm: (i) giám sát, đối sánh kết quả hoạt động đào tạo; (ii) giám sát, đối sánh kết quả hoạt động NCKH; và (iii) giám sát, đối sánh kết quả hoạt động phục vụ cộng đồng. Các cơ chế giám sát, đối sánh kết quả hoạt động được thực hiện dựa trên 3 công việc chính, bao gồm: (i) Xác lập các kết quả hoạt động; (ii) tiến hành đối sánh định kỳ hàng năm; (iii) cải tiến chất lượng.

Hàng năm, căn cứ vào kết quả các hoạt động và đối sánh với các chỉ tiêu của các năm trước đó [H12.12.04.02], Nhà trường sẽ tiến hành điều chỉnh các chỉ tiêu đồng thời điều chỉnh các quy định, quy chế phù hợp với tình hình thực tế để hướng tới việc đạt được sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường như: ban hành quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học [H12.12.04.03], điều chỉnh một số điều của quy chế đào tạo ThS [H12.12.04.04], điều chỉnh quy định về quản lý hoạt động NCKH tại trường [H12.12.04.05]…

Ngoài đối sánh giữa các cơ sở giáo dục/ chương trình đào tạo trong và ngoài nước, Trường còn đối sánh với các bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD của Bộ [H12.12.04.06] và bộ tiêu chuẩn đánh giá của Mạng lưới các trường đại học ASEAN AUN-QA [H12.12.04.07]. Trong giai đoạn từ 2017 – nay, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá 6 CTĐT đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn AUN-QA [H12.12.04.08]**.** Căn cứ vào các kết quả tự đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo, Nhà trường đã có sự đối sánh giữa các chỉ tiêu của các hoạt động phục vụ chương trình đào tạo của Nhà trường so với yêu cầu của bộ tiêu chuẩn; từ đó, Nhà trường đánh giá được những điểm mạnh cũng như điểm tồn tại của các hoạt động này và Nhà trường sẽ có các kế hoạch cải tiến chất lượng một cách liên tục [H12.12.04.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.5: Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Trong những năm trước đây, việc so chuẩn và đối sánh ở trường chỉ dừng lại ở mức so sánh kết quả thực hiện các công tác giữa năm này với năm khác sau đó đưa ra chỉ tiêu thực hiện cho năm học tới và cuối năm tổng kết lại [H12.12.05.01]**.** Đứng về góc độ cải tiến và xây dựng mới chương trình đào tạo, trường thực hiện việc đối sánh về mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra chương trình đào tạo, khung chương trình đào tạo của các chương trình đào tạo của Nhà trường với các chương trình đào tạo tương đương hoặc gần của các trường đại học trong và ngoài nước, đánh giá sự tương đồng, khác biệt giữa chương trình đào tạo của trường với chương trình đào tạo của trường khác [H12.12.05.02]**.** Tuy nhiên, để triển khai thực hiện sứ mạng, tầm nhìn giai đoạn mới, cũng như mục tiêu đã thay đổi theo hướng trở thành đại học đổi mới sáng tạo, nằm trong nhóm các trường đại học hàng đầu châu Á, việc đối sánh theo cách tiếp cận như trên đã không còn phù hợp để xác định và đánh giá chính xác các công tác cải tiến chất lượng của Nhà trường. Nhận thức ra vấn đề này, Nhà trường đã ban hành quy chế về đối sánh chất lượng giáo dục [H12.12.05.03], trong đó quy định rõ Phòng KT&ĐBCL chịu trách nhiệm xây dựng và rà soát quy trình đối sánh tại trường để công tác này được thực hiện có hệ thống, và đánh giá được thực chất chất lượng của Nhà trường; từ đó, căn cứ vào

kết quả đối sánh, Nhà trường sẽ đưa ra các kế hoạch cải tiến chất lượng hiệu lực và hiệu quả để đạt được sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường.

Với việc ban hành quy định về ĐBCL tại trường cùng với việc xây dựng quy trình so chuẩn, đối sánh tại Nhà trường, nhận thức của cán bộ viên chức trong toàn trường về công tác ĐBCL cũng như công tác đối sánh, so chuẩn được nâng cao và trở thành một yếu tố mang tính quyết định trong thành công của công tác cải tiến chất lượng tại trường [H12.12.05.04].

Trong lĩnh vực bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục chương trình đào tạo, trong giai đoạn 2017 – 2022, Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá và kiểm định/ đánh giá ngoài 06 chương trình đào tạo tại trường theo các Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Mạng lưới các trường đại học ASEAN (AUN-QA) và đã được công nhận kết quả đạt chất lượng của các chương trình đào tạo này [H12.12.05.05]**.**

Nhận thức được tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng, dựa trên kết quả thực hiện tự đánh giá cơ sở giáo dục và chương trình đào tạo, Trường thực hiện cải tiến chất lượng các mặt hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng và đạt được một số kết quả tốt như sau:

- Nâng cao chất lượng đào tạo: Rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng của trường [H12.12.05.06]; Xây dựng ngân hàng câu hỏi thi cho các học phần, đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá để đánh giá chuẩn đầu ra môn học [H12.12.05.07]; Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo [H12.12.05.08]; Cải tiến phương pháp khảo sát từ trực tiếp sang trực tuyến, sử dụng tổng đài nhắn tin để phục vụ khảo sát [H12.12.05.09]
- Nâng cao chất lượng NCKH và hoạt động HTQT: có chính sách khuyến khích các GV có công bố các bài báo quốc tế, khen thưởng NCKH cho SV, tổ chức các hoạt động như tọa đàm NCKH trong GV, SV, thành lập và có chế độ hỗ trợ về tài chính cho các nhóm nghiên cứu mạnh [H12.12.05.10]**.**
- Nâng cao chất lượng dịch vụ và PVCĐ: cho thành phố mượn ký túc xá để làm bệnh viện thu dung điều trị COVID, trao học bổng cho sinh viên gặp khó khăn do dịch CODIV, Công Đoàn tổ chức các hoạt động gây quỹ từ thiện hàng năm, Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động hướng đến cộng đồng như Mùa hè xanh, Tủ sách tình bạn, Áo ấm mùa đông, Hiến máu tình nguyện,…[H12.12.05.11]**.**

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 12:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

ĐU, BGH Nhà trường nhận thức rõ tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng, xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm và phải được thực hiện một cách thường xuyên, liên tục và cũng là trách nhiệm của toàn Trường;

Nhà trường đã ban hành Quy chế ĐBCL, Quy chế về đối sánh chất lượng, tiêu chí lựa chọn đối tác đối sánh trong nước và ngoài nước, xây dựng tham số đối sánh dựa trên sự tham khảo, đối chiếu với các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD đại học của Bộ GD&ĐT, bộ tiêu chuẩn AUN-QA;

Việc đối sánh bước đầu được thực hiện nội bộ trong Trường bằng việc đối sánh các tham số qua các năm; đối sánh giữa các ngành đào tạo hoặc giữa các đơn vị. Kết quả đối sánh đã giúp Nhà trường xây dựng được các kế hoạch cải tiến theo từng giai đoạn, năm học nhằm mục đích nâng cao chất lượng đào tạo.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Quy chế đối sánh chất lượng giáo dục của Trường mới được ban hành nên trong giai đoạn 2017-2021, các tiêu chí đối sánh chưa được quy định một cách rõ ràng và chưa có sự đối sánh với đối tác bên ngoài (ngoại trừ việc đối sánh chương trình đào tạo với các trường trong và ngoài nước khi xây dựng, rà soát, chỉnh sửa CTĐT).

Một số đơn vị chưa hiểu rõ về công tác đối sánh dẫn đến chưa chủ động trong công tác đối sánh các chỉ số để làm cơ sở cho việc nâng cao chất lượng.

Công tác thu thập thông tin, số liệu của các đối tác thực hiện đối sánh còn gặp khó khăn do mức độ hạn chế trong công khai thông tin giữa các trường đại học.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Triển khai thực hiện đối sánh bên trong và bên ngoài theo quy chế đối sánh chất lượng giáo dục của Trường	Phòng KT&ĐBCL đầu mối hướng dẫn cụ thể các bước thực hiện cho các đơn vị có liên quan	Tháng 9/2022	
2	Khắc phục điểm tồn tại	Căn cứ tiêu chuẩn lựa chọn đối tác đối sánh để thiết lập mối quan hệ với một số đối tác sẵn sang chia sẻ thông tin phục vụ đối sánh	Ban Giám hiệu, Phòng KT&ĐBCL và các đơn vị có liên quan	2022-2025	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 12	***4***
Tiêu chí 12.1	4/7
Tiêu chí 12.2	4/7
Tiêu chí 12.3	4/7
Tiêu chí 12.4	4/7
Tiêu chí 12.5	4/7

TIÊU CHUẨN 13: TUYỂN SINH VÀ NHẬP HỌC

Tiêu chí 13.1: Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục.

Hằng năm, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM thực hiện tuyển sinh hệ đại học chính quy (ĐHCQ) và hệ đại học vừa làm vừa học, cao học và Đề án tuyển sinh với hệ Nghiên cứu sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Để thực hiện công tác tuyển sinh có hiệu quả và đúng quy định, hàng năm dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM đã xây dựng đề án tuyển sinh phù hợp cho các CTĐT khác nhau [H13.13.01.01], cùng với việc thành lập hội đồng tuyển sinh và Ban thư ký tuyển sinh, trong đó có phân công nhiệm vụ các thành viên một cách rõ ràng, cụ thể [H13.13.01.02].

Nhằm hỗ trợ và thực hiện tốt công tác tuyển sinh Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM đã chỉ đạo và ban hành kế hoạch truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau [H13.13.01.03], [H13.13.01.04], các hình thức truyền thông được thực hiện như thông báo tuyển sinh trên trang website của trường, trang thông tin tuyển sinh của trường [http://tuyensinh.buh.edu.vn/], và trên các phương tiện truyền thông, trang mạng xã hội như facebook, youtube thể hiện dưới hình thức hình ảnh, video clip, bài viết, tờ rơi [H13.13.01.05], cẩm nang tuyển sinh do các báo tuổi trẻ, thanh niên, giáo dục, người lao động phát hành [H13.13.01.06], ngoài ra Trường Đại Học Ngân Hàng TP.HCM còn tham gia các chương trình tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại các trường THPT trên địa bàn TP.HCM và các tỉnh lân cận, cùng với ngày hội tư vấn tuyển sinh do các báo tổ chức, tư vấn quan các đài truyền hình TPHCM (HTV9), Đồng Nai, Bình Dương, Lâm Đồng, Quảng Nam, Bình Định, Tây Ninh, Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, An Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, và tổ chức livestream tư vấn tuyển sinh trên trang youtube HUB Chanel.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.2: Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo.

Để đảm bảo lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo, khi xây dựng đề án tuyển sinh hằng năm Trường xây dựng các tiêu chí, chỉ tiêu tuyển sinh rõ ràng, theo quy định cho từng CTĐT [H13.13.02.01], người học trúng tuyển phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào do Trường công bố theo từng phương thức tuyển sinh và theo từng CTĐT.

Đề án tuyển sinh, hội đồng tuyển sinh và các thông báo tuyển sinh cũng thể hiện rõ các hình thức thi tuyển/xét tuyển phù hợp, theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT [H13.13.02.02].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.3: Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học.

Tuyển sinh và nhập học là công việc rất quan trọng của Trường nên luôn được sự quan tâm, giám sát của Đảng ủy, Ban giám hiệu, và Hội đồng trường. Để công tác tuyển sinh và nhập học đúng quy trình, đúng quy định của Bộ giáo dục và đào tạo [H13.13.03.01], và có hiệu quả, công tác tuyển sinh và nhập học đều có sự kiểm tra, giám sát của Ban thanh tra tuyển sinh. Ban Thanh tra hoạt động độc lập với HĐTS [H13.13.03.02]. Nhiệm vụ của Ban thanh tra tuyển sinh là kiểm tra việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh, việc xây dựng và công khai đề án tuyển sinh; kiểm tra việc tổ chức tuyển sinh; Kiểm tra kết quả tuyển sinh; kiểm tra xác nhận nhập học, hồ sơ trúng tuyển. Quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học thể hiện qua kế hoạch kiểm tra [H13.13.03.03], Báo cáo về nội dung kiểm tra công tác tuyển sinh [H13.13.03.04], và báo cáo danh mục ngành cuối năm và báo cáo danh sách thí sinh [H13.13.03.05].

Công tác kiểm tra, giám sát tuyển sinh và nhập học được tổng kết rút kinh nghiệm hằng năm nhằm đánh giá kết quả đạt được, những tồn tại, nguyên nhân và giải pháp cho năm tuyển sinh tiếp theo [H13.13.03.06], [H13.13.03.07]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.4: Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học.

Tuyển sinh và nhập học là công tác đặc biệt quan trọng và là trọng yếu trong hoạt động của trường, đo đó Đảng ủy, Ban giám hiệu, và Hội đồng trường rất quan tâm và sâu sát đến hoạt động này qua đề án tuyển sinh [H13.13.04.01], Ban thanh tra tuyển sinh [H13.13.04.02], Báo cáo về nội dung kiểm tra công tác tuyển sinh [H13.13.04.03].

Đồng thời hằng năm, Trường đều tổ chức hội nghị công tác tuyển sinh, qua đó đánh giá, phân tích kết quả giám sát công tác tuyển sinh và nhập học, và đề ra phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp cho năm tuyển sinh tiếp theo [H13.13.04.04], [H13.13.04.05].

Đặc biệt công tác tuyển sinh và nhập học trong giai đoạn 2017 – 2021 có nhiều thay đổi và biến động từ cơ chế chính sách đến môi trường tự nhiên (thiên tai, dịch bệnh), trước bối cảnh đó Trường luôn có biện pháp và phương án thích ứng kịp thời, các biện pháp giám sát cũng thường xuyên được cập nhật thay đổi phù hợp với điều kiện, quy định, điều kiện tự nhiên và bối cảnh tuyển sinh hằng năm.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.5: Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.

Nhận thức tầm quan trọng của công tác tuyển sinh và nhập học, hằng năm bên cạnh

đề án tuyển sinh, cùng với sự kiểm tra giám sát của ban thanh tra tuyển sinh để công tác tuyển sinh và nhập học được triển khai và thực hiện đúng quy định và hiệu quả, đồng thời, nhằm nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh và nhập học, trường đều tổ chức hội nghị tuyển sinh hằng năm, qua đó phân tích, đánh giá rút kinh nghiệm và đề ra phương hướng, giải pháp cho năm tuyển sinh tiếp theo [H13.13.05.01], trong đó luôn chú trọng đến việc cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả của công tác tuyển sinh và nhập học, đặc biệt là ứng phó kịp thời trước sự biến động từ cơ chế chính sách [H13.13.05.02] đến môi trường tự nhiên (thiên tai, dịch bệnh) [H13.13.05.03].

Qua các năm, Trường đã có nhiều cải tiến về quy trình, hình thức và công tác tổ chức nhập học phù hợp với tình hình mới như là tổ xử lý dữ liệu và lọc ảo tuyển sinh, tổ nhận hồ sơ và nhập học [H13.13.05.04] đồng thời ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ cho công tác tuyển sinh và nhập học như là nhận hồ sơ trực tuyến, livestream kết quả tuyển sinh nhằm thông báo điểm trúng tuyển, hướng dẫn cách thức nộp hồ sơ và hoàn thiện thủ tục nhập học, tổ chức nhập học online… Do đó trường đã chủ động trước biến cố bất ngờ của dịch bệnh trong năm tuyển sinh 2021 bởi dịch bệnh và giãn cách xã hội phòng chống dịch bệnh, qua đó công tác tuyển sinh và nhập học được triển khai thực hiện đúng quy định, có hiệu quả, thuận lợi cho người học trong bối cảnh khó khăn của dịch bệnh đồng thời đạt kết quả rất tốt.

Việc ứng dụng công nghệ thông tin nhằm hỗ trợ và nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh và nhập học được Trường quan tâm và phát triển, nhất là trong năm tuyển sinh 2021 với dịch bệnh và giãn cách xã hội việc chủ động từ trước về ứng dụng công nghệ thông tin đã hỗi trợ đắc lực và kịp thời cho công tác tuyển sinh và nhập học thuận lợi, có hiệu quả

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 13

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường có chiến lược phát triển theo từng giai đoạn, qua đó việc triển khai đề án tuyển sinh hằng năm bám sát vào chiến lược chung để theo đúng định hướng phát triển của trường, đồng thời đề án tuyển sinh hằng năm được xây dựng lấy ý kiến các phòng khoa chức năng và thông qua ban đề án thảo luận rất chi tiết cho hiệu quả công tác tuyển sinh.

Trường có quy định rõ ràng trách nhiệm giữa các cá nhân, các bộ phận tuyển sinh. Có quy chế chính sách ưu tiên rõ ràng công khai cho các đối tượng tuyển sinh.

Phòng tư vấn tuyển sinh và phát triển thương hiệu được thành lập vào tháng 03/2019, giúp cho công tác truyền thông, tư vấn tuyển sinh của Trường được chuyên

môn hóa và thuận lợi hơn.

Hằng năm Trường đều tổ chức tổng kết công tác tuyển sinh để đánh giá toàn diện và tổng thể về công tác tuyển sinh, trong đó đánh giá, xem xét và điều chỉnh tiêu chí cũng như điểm sàn nhằm lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo.

Trường luôn quan tâm và có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học, đảm bảo đúng quy định, đúng quy trình, thuận lợi việc tuyển sinh và nhập học và có hiệu quả.

Công tác tuyển sinh và nhập học luôn được Trường quan tâm cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả tiết kiệm chi phí thể hiệu qua các phương thức tuyển sinh và nhập học phù hợp theo từng năm và từng thời điểm, chủ động với các kịch bản và phương án ứng phó trước sự thay đổi và biến động từ chủ trương chính sách đến thiên tai dịch bệnh.

Trường có sự điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với yêu cầu năng lực, đánh giá tốt hơn năng lực đầu vào của người học.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Đối với tuyển sinh trình độ sau đại học có những năm tuyển sinh đến 2 đợt do không đủ chỉ tiêu và tiêu chuẩn người học gây tốn kém cho hoạt động tuyển sinh.

Công tác tổng hợp hồ sơ tuyển sinh vẫn còn thủ công, mất thời gian, chi phí nhân lực.

Công tác truyền thông chưa đổi mới và chuyên nghiệp theo xu hướng phát triển của công nghệ.

Nhằm nâng cao hơn nữa việc lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo, cần có sự cải tiến trong tiêu chí, đặc biệt hướng đến lựa chọn người học có học lực giỏi, có trình độ ngoại ngữ tốt.

Đối với tuyển sinh trình độ sau đại học tổ chức thi tốn kém chi phí thời gian, công sức cho Trường và xã hội.

Cần có Qui định cụ thể hóa hơn công việc các khâu giám sát.

Chưa theo dõi chặt các kiến nghị trong giám sát.

Cần nâng cấp và phát huy hơn nữa việc ứng dụng trí tuệ nhân tại (AI) và dữ liệu lớn (BigData) để đưa các dự báo, dự đoán cho tổ xử lý dữ liệu tuyển sinh, cùng với các phương thức tuyển sinh phù hợp đảm bảo chất lượng đầu vào và chỉ tiêu tuyển sinh cùng với sự thuận lợi trong công tác kiểm tra giám sát và thuận tiện trong công tác nhập học.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Cần đổi mới website, phát triển và chuyên nghiệp hóa các kênh truyền thông mạng xã hội; đổi mới nội dung, hình thức, gia tăng lượng tương tác, theo dõi Fanpage	Phòng tư vấn tuyển sinh và phát triển thương hiệu	Năm 2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Chủ động xây dựng đề án tuyển sinh hằng năm, có kế hoạch, kịch bản cụ thể cho sự thay đổi của thị trường	Phòng đào tạo kết hợp với các phòng khoa chuyên môn	Năm 2022	
3	Tuyển chỉ mỗi năm 01 đợt, đủ chỉ tiêu theo năng lực đào tạo,	Tăng cường hoạt động Marketing.	Khoa sau ĐH, Tư vấn và phát triển thương hiệu, Phòng Quản lý CNTT.	Năm 2022	
4	Nâng cao vị thế của Trường Đại học Ngân hàng để thu hút người dự thi.	Luôn đổi mới chương trình, đáp ứng nhu cầu, mnag lại hiệu quả cho người học	Khoa sau đại học, các Khoa chuyên môn có chương trình đào tạo liên quan.	Liên tục	
5	Hiện đại hóa công nghệ thông tin, giảm thủ tục cho người dự thi	Ứng dụng phần mềm để người dự thi tự động nhập dữ liệu Tuyển sinh.	Khoa sau ĐH, Phòng Quản lý CNTT.	Năm 2022	
6	Khắc phục tồn tại	Cải tiến tiêu chí, đặc biệt hướng đến lựa chọn người học có học lực giỏi, có trình độ ngoại ngữ tốt.	Phòng đào tạo, phòng TVTS và PTTH, ban xây	Năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
			dựng đề án tuyển sinh		
7	Phát huy điểm mạnh	Tổ chức tổng kết, đánh giá hằng năm công tác tuyển sinh, xem xét và điều chỉnh tiêu chí phù hợp nhằm lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo	Phòng đào tạo và các phòng, khoa liên quan	Năm 2022	
8	Thay đổi hình thức sàng lọc: xét tuyển thay cho thi	Sửa đổi qui chế chế tuyển sinh phù hợp qui định của Bộ GD ĐT	Khoa sau đại học	2022	
9	Ban hành qui trình chặt chẽ hơn ở các khâu giám sát Hồ sơ thi/xét tuyển, giám sát quá trình thi/Xét tuyển, Giám sát kết luận của Hội đồng.	Sửa đổi bổ sung qui trình thanh tra.	Phòng thanh tra	2022	
2	Kiểm soát chặt thực hiện các kiến nghị	Ban hành lộ trình kiểm soát	Phòng thanh tra	2022	
3	Phát huy điểm mạnh	Tổng kết, rút kinh nghiệm và đề ra các biện pháp giám sát công tác tuyển sinh và nhập học theo từng biến động của cơ chế chính sách và môi trường tuyển sinh hằng năm	Phòng đào tạo, ban xây dựng đề án tuyển sinh, Ban thanh tra tuyển sinh	Năm 2022	
4	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin, dữ liệu lớn và AI nhằm cải tiến hơn nữa công tác	Phòng đào tạo, Khoa Sau đại học, phòng	Năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		tuyển sinh và nhập học. Đặc biệt là xử lý dữ liệu tuyển sinh và dự đoán các kịch bản cùng biện pháp ứng phó	CNTT, ban xây dựng đề án tuyển sinh		
5	Phát huy điểm mạnh	Xây dựng các kịch bản tuyển sinh và các tình huống ứng phó	Phòng đào tạo, Khoa Sau đại học, phòng CNTT, ban xây dựng đề án tuyển sinh	Năm 2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 13	***5***
Tiêu chí 13.1	5/7
Tiêu chí 13.2	5/7
Tiêu chí 13.3	5/7
Tiêu chí 13.4	5/7
Tiêu chí 13.5	5/7

TIÊU CHUẨN 14: THIẾT KẾ VÀ RÀ SOÁT CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Tiêu chí 14.1: Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan.

Trường xây dựng hệ thống thống nhất bao gồm chiến lược phát triển, triết lý giáo dục, cơ cấu tổ chức, quy chế, quy trình, quy định hướng dẫn, khảo sát các bên liên quan, các kế hoạch… để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTĐT, học phần của nhà Trường.

Chiến lược phát triển Trường đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 đã xác định mục tiêu đối với chương trình đào tạo là: (i) Phát triển các chương trình đào tạo theo hướng chuyển đổi số và liên ngành nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực trong điều kiện mới phù hợp với triết lý giáo dục khai phóng, liên ngành, trải nghiệm. (ii) Đẩy mạnh hoạt động công nhận tín chỉ và nhập khẩu các chương trình đào tạo quốc tế nhằm nâng cao uy tín học thuật của Trường. (iii) Đẩy nhanh hoạt động kiểm định chương trình và kiểm định cơ sở giáo dục tiến tới đạt chuẩn quốc tế. (iv) Số hóa chương trình đào tạo, nguồn học liệu phục vụ cho quản lý, đào tạo và nghiên cứu [H14.14.01.01].

Với chủ trương này các đơn vị quản lý đào tạo cũng như các đơn vị chuyên môn của Trường đã chủ động phối hợp thực hiện thiết kế, phát triển, ban hành nhiều CTĐT mới và giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt tất cả các CTĐT đáp ứng được nhu cầu của xã hội dựa trên sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục "Khai phóng - Liên ngành - Trải nghiệm" và hệ giá trị mà Trường đã công bố [H14.14.01.01].

Căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H14.14.01.02], các quy chế tổ chức và hoạt động của nhà Trường, quy chế đào tạo, đảm bảo chất lượng [H14.14.01.03], Trường đã xây dựng quy định, hướng dẫn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị liên quan liên quan đến thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTĐT [H14.14.01.04], cụ thể như sau:

Hội đồng Trường quyết định về phương hướng mở ngành, đào tạo, liên kết đào tạo, hợp tác quốc tế, chính sách bảo đảm chất lượng giáo dục đại học, hợp tác của Trường với các đơn vị sử dụng lao động, tổ chức tín dụng, doanh nghiệp.

Hiệu trưởng có nhiệm vụ và quyền hạn tổ chức các hoạt động chuyên môn, học thuật, tổ chức, hợp tác quốc tế… theo quy chế tổ chức và hoạt động của Trường và quyết nghị của Hội đồng Trường. Hiệu trưởng ký quyết định ban hành chương trình đào tạo trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, công bố chương trình và các nội dung liên quan của CTĐT.

Phòng Đào tạo có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng Trường, Thường trực hội đồng Trường, Hiệu trưởng trong quản trị, giám sát hoạt động, quản lý về công

tác đào tạo trình độ đại học của các hệ chính quy chuẩn, chính quy chất lượng cao, văn bằng 2 chính quy, vừa làm vừa học. Đầu mối tổ chức và phối hợp với các khoa/bộ môn xây dựng ngành mới, chương trình đào tạo mới, rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo trình độ đại học mà đơn vị được phân công. Đầu mối xây dựng các quy chế, quy định hướng dẫn liên quan đến quản lý đào tạo, chương trình đào tạo của trình độ đại học.

Khoa Sau đại học là đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học có chức năng, giúp việc trong việc quản trị, giám sát hoạt động, điều hành về việc phát triển, tổ chức và quản lý các CTĐT sau đại học thuộc chuyên ngành quản lý của nhà Trường. Đầu mối tổ chức và phối hợp với các khoa chuyên ngành phát triển ngành, CTĐT, rà soát và điều chỉnh CTĐT ở bậc sau đại học. Chủ động thực hiện việc kiểm định các chương trình đào tạo do Khoa quản lý. Đầu mối xây dựng các quy chế, quy định hướng dẫn liên quan đến công tác quản lý đào tạo và chương trình đào tạo của trình độ sau đại học theo các quy định hiện hành.

Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng có chức năng tham mưu, giúp việc trong quản trị, giám sát hoạt động, quản lý điều hành về công tác đảm bảo chất lượng. Xây dựng kế hoạch và thực hiện khảo sát các bên liên quan nhằm nâng cao chất lượng CTĐT. Đầu mối tổ chức các hội nghị/hội thảo, đề xuất khóa tập huấn liên quan đến công tác bảo đảm chất lượng đào tạo. Cung cấp các tài liệu, hướng dẫn liên quan đến công tác bảo đảm chất lượng, hoạt động cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo. Công bố kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng đào tạo theo quy định của các bộ tiêu chuẩn đánh giá CTĐT.

Các khoa và bộ môn trực thuộc Trường có nhiệm vụ và quyền hạn lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của nhà Trường, bao gồm: xây dựng chương trình đào tạo của ngành, chuyên ngành được Trường giao nhiệm vụ; tổ chức phát triển chương trình đào tạo, xây dựng các đề án liên quan đến chương trình đào tạo; tổ chức biên soạn các đề cương chi tiết học phần liên quan; tổ chức nghiên cứu cải tiến những nội dung liên quan đến giảng dạy, học tập.

Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa thực hiện việc thẩm định, đánh giá, yêu cầu chính sửa và thông qua chương trình đào tạo cấp khoa khi các ban soạn thảo trình dự thảo chương trình.

Các CTĐT của Trường được thiết kế và phát triển dựa trên các quy định của Bộ GD&ĐT (theo Quy định của Thông tư 07/2015 và Thông tư 17/2021) cùng với hệ thống quy chế của Trường và các quy định về xây dựng, rà soát – điều chỉnh và thẩm định chương trình đào tạo [H14.14.01.05] hình thành nên các quy trình liên quan đến thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTĐT. Trong giai

đoạn kiểm định, Trường có 3 CTĐT với đại học chính quy chất lượng cao, 2 CTĐT đại học chính quy quốc tế song bằng, 07 ngành đào tạo với 18 CTĐT chuyên ngành của đại học chính quy chuẩn, 3 CTĐT với đại học chính quy do đối tác cấp bằng, 2 CTĐT với đại học bằng hai, 3 CTĐT thạc sĩ, 2 CTĐT tiến sĩ. Các CTĐT này đã được thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành theo hệ thống các quy trình như sau:

Quy trình xây dựng CTĐT mới được thực hiện bao gồm: (1) Đơn vị quản lý đào tạo đầu mối thông báo về kế hoạch xây dựng CTĐT [H14.14.01.06]; (2) Khoa gửi tờ trình thành lập Ban xây dựng CTĐT, kế hoạch thực hiện [H14.14.01.07]; (3) Đơn vị quản lý đào tạo tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Ban Thư ký, Ban xây dựng chương trình đào tạo [H14.14.01.08]; (4) Triển khai xây dựng CTĐT và (5) Thông qua CTĐT và đề cương môn học cấp khoa [H14.14.01.09]. Quá trình triển khai xây dựng CTĐT được Ban xây dựng CTĐT thực hiện khảo sát nhu cầu xã hội từ nhà tuyển dụng, nhu cầu thỏa thuận hợp tác với các cơ sở thực hành thực tập ngoài cơ sở đào tạo, đồng thời cũng cần khảo sát ý kiến nhu cầu đào tạo và các học phần của CTĐT từ học sinh, sinh viên, giảng viên, cựu sinh viên, người lao động [H14.14.01.10]

Quy trình thẩm định CTĐT mới được thực hiện qua các bước: (1) Khoa gửi hồ sơ xây dựng CTĐT đến đơn vị quản lý đào tạo; (2) Đơn vị quản lý đào tạo kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ; (3) Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT cấp Trường theo đề nghị của Hội đồng khoa học và đào tạo [H14.14.01.11]; (4) Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định CTĐT [H14.14.01.12]; (5) Hiệu trưởng ký quyết định ban hành chương trình đào tạo trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, công bố công khai CTĐT [H14.14.01.13]. Như vậy, khi thực hiện quy trình này, trường đã ghi nhận đóng góp và phản hồi của các bên liên quan đến CTĐT và các học phần bao gồm ý kiến của đơn vị quản lý đào tạo, hội đồng thẩm định cấp trường trong đó bao gồm các chuyên gia độc lập bên ngoài trường/nhà tuyển dụng lao động, ý kiến của Hội đồng khoa học và đào tạo cấp trường.

Quy trình rà soát CTĐT được thực hiện qua 8 bước: (1) Đơn vị quản lý đào tạo đầu mối thông báo về kế hoạch rà soát – điều chỉnh CTĐT [H14.14.01.14]; (2) Khoa gửi tờ trình thành lập Ban rà soát – điều chỉnh CTĐT và kế hoạch thực hiện [H14.14.01.15]; (3) Đơn vị quản lý đào tạo tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Ban chỉ đạo, Ban Thư ký, Ban rà soát – điều chỉnh CTĐT [H14.14.01.16]; (4) Căn cứ tiêu chí trong tiêu chuẩn thiết kế và rà soát CTĐT, các thành viên Ban rà soát – điều chỉnh thu thập các minh chứng, thông tin liên quan đến sự cần thiết phải cập nhật; (5) Đánh giá và xây dựng báo cáo đánh giá về tính hiệu quả của CTĐT đang thực hiện, so sánh với yêu cầu phát triển chương trình, dự kiến tác động của việc thay đổi, cập nhật

chương trình; (6) Báo cáo rà soát CTĐT được công bố tại khoa để giảng viên, cán bộ quản lý, sinh viên và các bên liên quan khác góp ý [H14.14.01.17]; (7) Ban rà soát – điều chỉnh hoàn thiện báo cáo trên cơ sở các góp ý, Trưởng khoa phê duyệt báo cáo rà soát [H14.14.01.18]; (8) Hồ sơ rà soát CTĐT được lưu tại khoa và các đơn vị quản lý đào tạo liên quan. Tương tự như quy trình xây dựng mới, có thể thấy có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan đối với việc rà soát CTĐT và học phần trong CTĐT với sự tham gia của giảng viên, cán bộ quản lý, sinh viên và các bên liên quan khác thông qua phương pháp góp ý công khai, đảm bảo sự hợp lý và chặt chẽ của việc thiết kế, rà soát.

Quy trình điều chỉnh CTĐT được thực hiện qua 6 bước sau khi có kết quả rà soát chương trình đào tạo: (1) Điều chỉnh CTĐT (nếu các tiêu chí đánh giá cho thấy cần thiết phải điều chỉnh); (2) Điều chỉnh hoặc bổ sung đề cương môn học; (3) Thông qua nội dung điều chỉnh tại Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa [H14.14.01.19]; (4) Gửi hồ sơ điều chỉnh đến các đơn vị quản lý đào tạo; (5) Đơn vị quản lý đào tạo kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ và trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét thông qua; (6) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường xem xét, thông qua nội dung điều chỉnh, cập nhật và trình Hiệu trưởng ban hành CTĐT sửa đổi, bổ sung [H14.14.01.20]. Ý kiến của Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp khoa, đơn vị quản lý đào tạo, Hội đồng Khoa học và Đào tạo cấp trường đã được thực hiện qua phương pháp hội đồng thẩm định phản biện.

Trường đã thực hiện xây dựng và ban hành các quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành đề cương học phần [H14.14.01.21]. Cụ thể quy định trình tự, thủ tục biên soạn đề cương chi tiết học phần với các bước cơ bản như sau: (1) Phòng Đào tạo và Khoa Sau đại học ban hành về biểu mẫu đề cương của các hệ đào tạo do đơn vị quản lý và kế hoạch biên soạn các đề cương. (2) Các khoa chuyên môn phân công thực hiện biên soạn, điều chỉnh đề cương học phần theo tiến độ, kế hoạch điều chỉnh của CTĐT và yêu cầu của nhà Trường. (3) Đề cương học phần được lấy ý kiến góp ý của các giảng viên và trưởng bộ môn quản lý trực tiếp học phần, trưởng khoa ký trình dự thảo đề cương học phần [H14.14.01.22].

Trường cũng quy định, hướng dẫn về thẩm định, nghiệm thu đề cương học phần gồm các bước: (1) Hội đồng thẩm định đề cương học phần mới cho ý kiến thẩm định và góp ý với khoa soạn thảo. (2) Khoa, bộ môn chuyên môn thực hiện điều chỉnh, hoàn thiện đề cương theo ý kiến thẩm định của hội đồng. (3) Đơn vị quản lý đào tạo tổng hợp các đề cương đã hoàn thiện, rà soát tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ. (4) Hiệu trưởng nhà Trường dựa trên ý kiến tham mưu của đơn vị quản lý đào tạo và hội đồng Khoa học và

đào tạo sẽ ký ban hành đề cương học phần mới/sửa đổi, bổ sung [H14.14.01.23].

Ngoài việc lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan theo kế hoạch và quy trình khi xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định CTĐT và đề cương học phần, Trường còn có kế hoạch và báo cáo kết quả về thực hiện thường xuyên, định kỳ khảo sát ý kiến của người học đối với các học phần, với CTĐT toàn khóa học; Khảo sát người sử dụng lao động về mức độ hài lòng đối với chất lượng của sinh viên tốt nghiệp; Khảo sát giảng viên về chất lượng tổ chức, quản lý và hỗ trợ đào tạo và chất lượng sinh viên. Các khảo sát này được thực hiện bởi Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thông qua phương pháp khảo sát trực tiếp trên hệ thống quản lý đào tạo online.buh.edu.vn hoặc thông qua link khảo sát trực tuyến gửi đến người được khảo sát [H14.14.01.24].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.2: Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.

Để thực hiện xây dựng và điều chỉnh các CTĐT, đề cương học phần thì CĐR luôn là kim chỉ nam và sợi chỉ đỏ xuyên suốt cho nội dung của CTĐT và đề cương học phần của nhà Trường. Nhằm từng bước chuẩn hóa hoạt động giảng dạy và đánh giá người học, Trường đã tiếp tục thực hiện cải tiến bằng việc tập huấn xây dựng CĐR, rà soát CĐR và phân bổ CĐR trong CTĐT và ban hành văn bản Hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR ngành đào tạo [H14.14.02.01]. Việc xây dựng CĐR trong các CTĐT xây dựng mới được thực hiện bởi Ban chỉ đạo, Ban Thư ký, Ban xây dựng chương trình đào tạo. Với CĐR của các CTĐT rà soát, điều chỉnh được thực hiện bởi Ban chỉ đạo, Ban Thư ký, Ban rà soát – điều chỉnh CTĐT [H14.14.02.02]. Từ đó, CĐR của CTĐT của Trường hiện đang áp dụng được xây dựng thể hiện đầy đủ các đặc tính theo tiêu chí SMART:

Thứ nhất là CĐR được xác định cụ thể. Trường đã phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị và cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR cho CTĐT và Đề cương học phần. CTĐT được thiết kế hướng tới đáp ứng CĐR với các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ, năng lực thực hành nghề nghiệp của người học, vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhận được sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với ngành học, được công khai với xã hội và người học. CĐR của các CTĐT bao gồm 2 nhóm (1) các CĐR thuộc khối kiến thức đại cương và cơ sở ngành, (2) các CĐR thuộc khối kiến thức ngành, chuyên ngành. Trong đó Trường có hướng dẫn cụ thể về các CĐR khối kiến thức giáo dục đại cương và cơ sở ngành được thống nhất áp dụng chung cho tất cả các CTĐT trình độ đại học do Trường ban hành. Các CĐR thuộc khối kiến thức ngành và chuyên ngành do các khoa/bộ môn quản lý ngành học có trách nhiệm xây dựng, rà soát, phân bổ cho các môn học và báo cáo về

đơn vị quản lý đào tạo [H14.14.02.01].

Thứ hai là CĐR có thể đo lường được. CĐR chương trình được xây dựng theo các thang đo thích hợp và được phân bổ vào các môn học trong CTĐT. Mức độ đo lường được của các CĐR được thể hiện trên các thang đo Bloom và đáp ứng yêu cầu theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Các CĐR cần đảm bảo các môn học cùng giảng dạy trong các CTĐT trình độ đại học phải có cùng CĐR, cùng mức độ. CĐR phải được xác định rõ ràng và phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của nhà Trường, cũng như CĐR phản ánh rõ ràng các yêu cầu của các bên liên quan [H14.14.02.03].

Thứ ba là CĐR có thể thực hiện được. Sau khi CĐR của chương trình được phân bổ vào các môn học thông qua ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các môn học. Các học phần sẽ xây dựng các CĐR cụ thể phù hợp với mỗi môn học trên cơ sở ý kiến của giảng viên, bộ môn quản lý môn học, khoa quản lý ngành đào tạo. Trên cơ sở đó thiết kế phương pháp tổ chức dạy và học, phương pháp đánh giá người học tương thích với CĐR. Chính điều này sẽ đảm bảo tính khả thi của CĐR chương trình đào tạo cũng như CĐR của các môn học [H14.14.02.04].

Thứ tư là CĐR có tính thực tế, thể hiện ở chỗ CĐR được xây dựng dựa trên các ý kiến đã được khảo sát từ phía các bên liên quan, bao gồm: nhà tuyển dụng, các chuyên gia/giảng viên, các cựu sinh viên và sinh viên. Trường đã có quy định cụ thể về kế hoạch và phương pháp lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan khi xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của chương trình đào tạo cũng như các học phần. Sau đó, các ý kiến tập hợp đã được Hội đồng khoa học Khoa phân tích, tiếp thu một cách chọn lọc khi đưa vào xây dựng, chỉnh sửa CĐR đảm bảo phù hợp với điều kiện nguồn lực. Việc tôn trọng các điều kiện khách quan và chủ quan trong quá trình xây dựng và chỉnh sửa, nên có thể khẳng định là CĐR chương trình đáp ứng được các yêu cầu về tính thực tế [H14.14.03.05].

Thứ năm là CĐR được xây dựng hợp lý về mặt thời gian. CĐR của từng môn học được xây dựng phù hợp với thời lượng thực hiện môn học thể hiện trên kế hoạch phân bổ chương trình đào tạo theo học kỳ và cây chương trình của CTĐT. Thông thường, một môn học có thể thiết kế khoảng 3 – 4 chuẩn bao gồm đầy đủ các mảng kiến thức, kỹ năng và thái độ. Số lượng các CĐR trong một môn học không quá nhiều, phù hợp với lượng kiến thức và thời gian thực hiện môn học, đảm bảo khả thi về mặt thời gian [H14.14.03.06].

Ngoài việc lấy ý kiến của các bên kiên quan được thực hiện theo yêu cầu của các trong kế hoạch xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT, CĐR của các CTĐT và học phần cũng được rà soát theo kế hoạch khảo sát định kỳ của Trường nhằm gia tăng khả năng đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. Các kế hoạch khảo sát và báo cáo kết quả khảo

sát được thực hiện trong các hoạt động: (1) Khảo sát người học về nội dung của khóa học, của toàn bộ CTĐT sau khi đào tạo, (2) Khảo sát người học về học phần và giảng viên giảng dạy học phần, (3) Khảo sát người học về việc làm, chuẩn đầu ra đáp ứng yêu cầu làm việc đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp, (4) Khảo sát ý kiến người học về hoạt động đánh giá, thi kết thúc học phần, thi trực tuyến đáp ứng nhu cầu của người học, chuẩn đầu ra của môn học và CTĐT, (5) Khảo sát người sử dụng lao động về mức độ hài lòng đối với chất lượng của sinh viên tốt nghiệp, (6) Khảo sát giảng viên về chất lượng tổ chức, quản lý và hỗ trợ đào tạo và chất lượng sinh viên [H14.14.03.07].

Ngoài ra, việc ghi nhận ý kiến về nhu cầu của các bên liên quan để xây dựng, rà soát, điều chỉnh CĐR của CTĐT và học phần cũng được thực hiện bằng việc các hội nghị liên quan đến đào tạo, tọa đàm, hội thảo khoa học về CĐR, học tập đáp ứng chuẩn đầu ra và phương pháp đánh giá người học [H14.14.03.08]. Thu thập ý kiến định kỳ của giảng viên, công nhân viên về hoạt động đào tạo, giảng dạy, CĐR thông qua hội nghị công nhân viên chức của trường, hội nghị sơ kết học kỳ, tổng kết năm học [H14.14.03.09]. Đồng thời, ghi nhận và phản hồi ý kiến của người học thường xuyên thông qua giảng viên cố vấn và tại hội nghị đối thoại trực tiếp của BGH nhà trường với đại diện toàn thể sinh viên [H14.14.03.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.3: Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.

Tất cả các CTĐT sau khi hoàn tất thẩm định sẽ được Hiệu trưởng ký quyết định ban hành, cùng với đó là đề cương học phần cũng được ban hành và giảng dạy trong toàn Trường với CĐR thống nhất từ CTĐT. Kế hoạch đào tạo của CTĐT theo từng học kỳ được ban hành trong CTĐT để áp dụng thống nhất trong toàn bộ ngành/chuyên ngành đào tạo, đảm bảo các CĐR được triển khai đầy đủ theo tiến độ học tập của người học [H14.14.03.01].

Theo quy định, các đề cương học phần của Trường được ban hành cùng CTĐT, theo đợt rà soát, điều chỉnh và cần cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến học phần bao gồm: tên học phần (Tiếng Việt, Tiếng Anh), mã số học phần, trình độ đào tạo áp dụng của học phần, ngành đào tạo áp dụng, số tín chỉ, phân bổ thời gian giảng dạy, khoa quản lý học phần, môn học trước, mô tả về học phần, mục tiêu, chuẩn đầu ra của học phần và sự đóng góp vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, phương pháp dạy và học, yêu cầu của môn học, học liệu của môn học, các thành phần đánh giá môn học, nội dung và phương pháp đánh giá, các rubrics đánh giá, nội dung chi tiết giảng dạy theo tiến độ [H14.14.03.02].

Trước mỗi học kỳ, đơn vị quản lý đào tạo xây dựng thời khóa biểu chi tiết theo tuần, ngày cho học kỳ căn cứ tiến trình đào tạo đã ban hành. Lịch giảng được lấy ý kiến góp ý của các khoa và bộ môn chuyên môn. Sau đó, đơn vị quản lý đào tạo tổ chức ban hành lịch giảng chính thức, tổ chức cho đăng ký học phần và triển khai giảng dạy toàn Trường [H14.14.03.03]. Vào đầu học kỳ, các Khoa/bộ môn quản lý học phần thực hiện phân công giảng dạy dựa trên lịch giảng chi tiết được ban hành bởi Phòng Đào tạo, Khoa Sau đại học, Viện Đào tạo quốc tế thông qua hệ thống quản lý đào tạo [H14.14.03.04]. Lịch giảng dạy chính thức được công bố trên website của Trường và đơn vị quản lý đào tạo, đồng thời gửi email đến khoa/bộ môn chuyên môn và phổ biến rộng rãi cho tất cả các giảng viên. Giảng viên theo dõi, quản lý lịch giảng của mình trực tiếp trên hệ thống quản lý đào tạo (online.buh.edu.vn) [H14.14.03.05].

Trường quản lý việc thực hiện kế hoạch đào tạo thông qua giám sát của Phòng Thanh tra với tất cả các hệ, bậc đào tạo. Các hoạt động thay đổi so với kế hoạch đào tạo ban đầu (nghỉ giảng, giảng bù, thay đổi giảng đường…) được quản lý thông qua hệ thống quản lý đào tạo (online.buh.edu.vn) và thông báo bằng mẫu biểu cho Trưởng khoa/bộ môn và Phòng Thanh tra [H14.14.03.06].

Việc quản lý thực hiện cũng được thông qua các đơn vị quản lý đào tạo, nhân viên phụ trách quản lý khóa học bằng Sổ nhật ký giảng dạy và theo dõi tình hình học tập của từng học phần [H14.14.03.07].

Trường thực hiện giới thiệu, phổ biến đề cương các học phần và kế hoạch học tập đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau trong hệ thống quản lý người học của nhà Trường. Các đề cương học phần và bản mô tả môn học được công khai tại website tiếng Việt và Tiếng Anh của đơn vị/khoa/bộ môn chuyên ngành quản lý học phần đó. Các học phần của chương trình đào tạo sau đại học được công bố trên website của Khoa Sau đại học và học phần của chương trình liên kết được công bố trên website của Viện Đào tạo quốc tế và Trường đại học liên kết với Trường trong chương trình đó [H14.14.03.08].

Thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa khi sinh viên mới nhập học vào Trường/buổi sinh hoạt đầu khóa, các nội dung cơ bản của các học phần và kế hoạch giảng dạy được phổ biến đến sinh viên [H14.14.03.09].

Đồng thời, với các CTĐT bậc đại học, người học được giới thiệu tóm tắt đề cương học phần, kế hoạch giảng dạy và học tập trong các môn Giới thiệu ngành/Nhập môn ngành trong CTĐT của từng ngành và chuyên ngành [H14.14.03.10].

Kế hoạch giảng dạy, kế hoạch học vụ của toàn năm học được công bố trong Sổ tay sinh viên từng năm học, công bố trên website của Trường cũng như hệ thống quản lý người học online.buh.edu.vn để người học dễ dàng truy cập và tra cứu [H14.14.03.11].

Đề cương chi tiết, các CĐR, mục tiêu cụ thể của học phần, kế hoạch giảng dạy của học phần, phương pháp đánh giá để đảm bảo CĐR được đăng tải trên hệ thống LMS của Trường và giảng viên phụ trách lớp học phần giới thiệu ngay từ đầu môn học cho tất cả sinh viên tham dự lớp học phần đó cùng với việc giải đáp thắc mắc liên quan đến đề cương, kế hoạch giảng khi sinh viên có yêu cầu [H14.14.03.12]. Từ đó, các hoạt động dạy học được triển khai theo kế hoạch, đôi khi có sự điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế nhưng vẫn đảm bảo thực hiện được theo CĐR của CTĐT. Các nội dung dạy học, hoạt động kiểm tra, đánh giá kết thúc học phần được thực hiện theo đúng đề cương và CĐR của học phần. Giáo trình giảng dạy và tài liệu học tập được cụ thể hóa trong đề cương của từng học phần. Các hoạt động đào tạo, giảng dạy, kết quả học tập của người học được quản lý trên phần mềm, người học còn có thể đăng nhập vào cổng thông tin đào tạo online.edu.vn để theo dõi tiến trình đào tạo, kết quả học tập của mình trong suốt quá trình đào tạo. Trường cũng giám sát thông qua hệ thống phần mềm quản lý người học UIS của trường, qua các hợp đồng và biên bản thanh lý hợp đồng đối với giảng viên thỉnh giảng [H14.14.03.13]. Các cố vấn học tập định kỳ, thường xuyên kiểm tra, giám sát và trao đổi với người học để nắm bắt tình hình học tập cũng như nguyện vọng của người học trong quá trình đào tạo thông qua buổi sinh hoạt lớp định kỳ 02 buổi/học kỳ [H14.14.03.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.4: Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện.

Việc thực hiện xây dựng và rà soát CTĐT trình độ đại học cũng như sau đại học được thực hiện theo các Quy định của Bộ GD&ĐT [H14.14.04.01]. Trước đây, Trường đã có quy định ban hành văn bản Hướng dẫn xây dựng và công bố CĐR CTĐT và triển khai chương trình công tác của ban Xây dựng CTĐT theo kế hoạch cũng như hiết lập quy trình thẩm định đề cương môn học theo tiêu chuẩn CDIO, kế hoạch thẩm định và hội thảo các CTĐT, quy định xây dựng CTĐT và ban hành CTĐT áp dụng cho các bậc hệ đào tạo để cụ thể hóa và đáp ứng phù hợp các quy định của Bộ GD&ĐT [H14.14.04.02]. Sau đó trong giai đoạn kiểm định, trường đã thực hiện rà soát quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học và ban hành chi tiết hướng dẫn về quy trình mới về xây dựng, thiết kế, đánh giá và rà soát CTĐT vào năm 2019 [H14.14.04.03]. Vì thế các quy trình này được xem xét và cập nhật thường xuyên cho phù hợp với những sự thay đổi trong thực tế và ngày một gia tăng sự kết nối với các bên liên quan. Các kế hoạch này được giao cho các đơn vị quản lý đào tạo phối hợp với các đơn vị chuyên môn Khoa/Bộ môn thực hiện vì thế các quy trình ban hành kèm theo đảm bảo được sự phối hợp giữa các bên liên quan.

Trường quy định định kỳ rà soát CTĐT ít nhất 2 năm một lần và trước khi năm học mới bắt đầu 6 tháng, đơn vị quản lý đào tạo phối hợp với các khoa quản lý ngành học tổ chức rà soát, đánh giá CTĐT theo đúng quy định. Trong giai đoạn kiểm định, Trường đã thực hiện nhiều đợt xây dựng mới và rà soát, điều chỉnh các CTĐT bao gồm 3 CTĐT với đại học chính quy chất lượng cao, 2 CTĐT đại học chính quy quốc tế song bằng, 07 ngành đào tạo với 18 CTĐT chuyên ngành của đại học chính quy chuẩn, 3 CTĐT với đại học chính quy do đối tác cấp bằng, 2 CTĐT với đại học bằng hai, 3 CTĐT thạc sĩ, 2 CTĐT tiến sĩ. Trường đã tiến hành so sánh các phiên bản CTĐT trước và sau khi rà soát, điều chỉnh về mục tiêu chung của chương trình, CĐR, tích hợp CĐR của chương trình và CĐR môn học, vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, khối lượng kiến thức toàn khoá theo hướng tinh gọn/giảm tổng số tín chỉ, đối tượng tuyển sinh, quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp, chương trình đào tạo tham khảo - đối sánh, cách thức đánh giá, kết cấu và nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo [H14.14.04.04]. Trong đó, các CTĐT phải được tham khảo và đối sánh các chương trình dạy học tiên tiến trong và ngoài nước, ví dụ như CTĐT chuyên ngành Ngân hàng rà soát và ban hành năm 2021 đã được đối sánh với Monash University (top 100 trên thế giới và thuộc 8 trường hàng đầu ở Úc theo hướng nghiên cứu), Univestiy of Leeds (top 100 trên thế giới), Trường Đại học Kinh tế Tp Hồ Chí Minh, Học viện Ngân hàng, Trường Đại học Kinh tế - Luật [H14.14.04.05]. Đồng thời cũng lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan thông qua góp ý của các chuyên gia, GV và CBQL trong các buổi hội thảo về CTĐT, hội đồng thẩm định CTĐT [H14.14.04.06] và các khảo sát định kỳ của trường do Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng thực hiện [H14.14.04.07].

Trường còn tổ chức đánh giá nội bộ và đánh giá ngoài về hệ thống quản lý chất lượng ISO nhằm rà soát lại việc triển khai và rà soát CTĐT và CĐR thông qua các mục tiêu chất lượng hàng năm, chỉ tiêu hoạt động của các đơn vị khoa/bộ môn [H14.14.04.08]. Các chương trình đã được kiểm định AUN – QA (CTĐT chuyên ngành Ngân hàng, Chuyên ngành Tài chính) thực hiện rà soát và báo cáo điều chỉnh về chương trình đào tạo theo khuyến nghị của đoàn đánh giá, các chương trình thực hiện đánh giá trong năm 2022 (CTĐT chuyên ngành Kế toán – Kiểm toán, Quản trị kinh doanh, Kinh tế quốc tế, Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng) thực hiện báo cáo tự đánh giá, bao gồm rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình [H14.14.04.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 14.5: Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

Nhu cầu đối với chương trình đào tạo của các bên liên quan đối với Trường đại học nói chung và Trường nói riêng luôn luôn có sự thay đổi không ngừng cùng với sự

phát triển của xã hội và nền kinh tế. Nhà Trường nhận thức rõ ràng, sâu sắc đối với việc đó, nên đã thường xuyên cập nhật, điều chỉnh các yêu cầu về tổ chức, quản lý đào tạo và các hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan. Để nắm bắt được nhu cầu của các bên liên quan, Trường đã thực hiện nhiều khảo sát định kỳ được thực hiện bởi P. KT&ĐBCL đối với sinh viên, sinh viên tốt nghiệp, cựu sinh viên, giảng viên, cán bộ công nhân viên, nhà tuyển dụng lao động và chuyên gia.

Khảo sát 01 lấy ý kiến phản hồi của SV về chất lượng giảng dạy và PPGD của mỗi GV được thực hiện vào cuối mỗi học kỳ bằng hình thức khảo sát trực tiếp trên phiếu giấy trước buổi học cuối kết thúc học phần. Kết quả khảo sát được thông báo cho các lãnh đạo Khoa/Bộ môn và GV giảng dạy sau khi kết thúc học phần để các GV tự điều chỉnh nội dung, phương pháp giảng dạy, lãnh đạo khoa nắm bắt được chất lượng đội ngũ và có giải pháp nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu quá trình giảng dạy [H14.14.05.01]. Khảo sát 02 được thực hiện một năm 1 lần dành cho SV năm cuối đang làm thủ tục đăng ký nhận bằng tốt nghiệp. Phòng KT&ĐBCL khảo sát trực tuyến các SV để thu thập những phản hồi của SV sắp tốt nghiệp về mọi mặt hoạt động của Trường qua 4 năm học. Kết quả khảo sát là cơ sở để các Khoa/Bộ môn điều chỉnh CTĐT [H14.14.05.02]. Bên cạnh đó, P. KT&ĐBCL cũng đã triển khai hoạt động khảo sát 03 về tình hình việc làm của cựu SV sau khi TN [H14.14.05.03] và khảo sát 04 đối với các tổ chức sử dụng lao động, nhà tuyển dụng về sự đáp ứng của CTĐT đối với yêu cầu công việc thực tế và nhu cầu tuyển dụng của xã hội [H14.14.05.04]. Khảo sát 05 lấy ý kiến SV về công tác quản lý và phục vụ đào tạo và khảo sát 06 lấy ý kiến giảng viên về công tác quản lý và phục vụ đào tạo [H14.14.05.05], các khảo sát theo nhu cầu thực tế về hình thức đánh giá học phần, về chuẩn đầu ra của CTĐT cũng được Phòng KT&ĐBCL triển khai bằng hình thức khảo sát online [H14.14.05.06]. Kết quả khảo sát từ nhiều bên liên quan giúp cho các đơn vị quản lý đào tạo, khoa/bộ môn nhận diện được những tồn tại để có giải pháp khắc phục trong khâu tổ chức, quản lý và nâng cao chất lượng cải tiến CTĐT [H14.14.05.07]

Căn cứ vào các quy định về thiết kế, rà soát, đánh giá CTĐT của Bộ GD&ĐT [H14.14.05.08], Trường đã cải tiến và ban hành các quy định về quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát các CTĐT và được cụ thể hóa theo kế hoạch của từng hoạt động xây dựng, rà soát và điều chỉnh CTĐT. Trong nó, quy trình này đã cấu trúc lại rõ ràng các bước với (1) Quy trình xây dựng CTĐT mới, (2) Quy trình thẩm định CTĐT mới, (3) Quy trình rà soát CTĐT, (4) Quy trình điều chỉnh CTĐT. Đồng thời, nhấn mạnh đến vai trò, trách nhiệm của từng bộ phận trong các quy trình, tiêu chí thẩm định CTĐT từ cấp khoa đến cấp trường, yêu cầu thu thập ý kiến và nhu cầu của các bên liên quan với CTĐT

[H14.14.05.09].

Kết quả của việc cải tiến quy trình thiết kế, đánh giá là Trường đã xây dựng mới và điều chỉnh nhiều CTĐT theo hướng hiện đại, chuyển đổi số, đáp ứng những sự thay đổi của xã hội và nhu cầu các bên liên quan. Cụ thể, Trường đã ban hành các CTĐT: đại học chính quy chất lượng cao ngành Tài chính – Ngân hàng (định hướng Công nghệ tài chính và chuyển đổi số), ngành Kế toán (định hướng Digital Accounting), ngành Quản trị kinh doanh (định hướng E - business); đại học chính quy chuẩn ngành Tài chính Ngân hàng (với CTĐT các chuyên ngành Tài chính, Ngân hàng, Công nghệ tài chính, Tài chính định lượng và Quản trị rủi ro, Tài chính và Quản trị doanh nghiệp), ngành Quản trị kinh doanh (với CTĐT chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Digital marketing, Quản trị logistic và chuỗi cung ứng), Ngành Kế toán (CTĐT chuyên ngành Kế toán - Kiểm toán), ngành Kinh tế quốc tế (CTĐT chuyên ngành Kinh tế quốc tế, Kinh doanh quốc tế, Kinh tế và Kinh doanh số), ngành Luật kinh tế, ngành Hệ thống thông tin quản lý (CTĐT Quản trị thương mại điện tử, Hệ thống thông tin kinh doanh và chuyển đổi số, Khoa học dữ liệu trong kinh doanh), Ngành Ngôn ngữ Anh (CTĐT Tiếng Anh thương mại, Song ngữ Anh - Trung); Chương trình thạc sĩ Tài chính Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Luật kinh tế; Tiến sĩ Quản trị kinh doanh và Tiến sĩ Tài chính Ngân hàng. Liên kết, hợp tác với các trường Đại học quốc tế để thực hiện các CTĐT Đại học quốc tế song bằng và Đại học chính quy quốc tế ngành Quản trị kinh doanh (với Đại học Bolton – Anh Quốc), ngành Bảo hiểm – Tài chính – Ngân hàng (với Đại học Toulon - Pháp) [H14.14.05.10].

Trường cũng đã tiến hành rà soát điều chỉnh các CTĐT đã có, điều chỉnh các CĐR, bổ sung các năng lực về tư duy sáng tạo, khởi nghiệp cũng như năng lực số cho người học, thay đổi và phát triển thêm các học phần phù hợp để giúp người học đạt được các năng lực này. Về cấu trúc chương trình, tỷ lệ các học phần tự chọn được gia tăng và có trong tất cả các khối kiến thức từ cơ sở ngành, kiến thức ngành và kiến thức chuyên ngành để tăng thêm tính linh hoạt cho CTĐT, các học phần mới được bổ sung để tăng tính mở và liên thông của CTĐT. Nội dung nhiều học phần được điều chỉnh, đặc biệt là phương pháp giảng dạy và học tập đã gắn nhiều hơn với thực tiễn, sử dụng ngân hàng câu hỏi thi, sử dụng các tài liệu, giáo trình nước ngoài [H14.14.05.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 14:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường đã có quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị/cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTĐT và đề cương học phần.

Có kế hoạch và phương pháp lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan khi xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định CTĐT, đề cương học phần.

Có quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR cho CTĐT và học phần.

Có kế hoạch tham khảo ý kiến của các bên liên quan về việc xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR cho CĐR cho CTĐT và học phần.

Thực hiện văn bản hóa đầy đủ việc ban hành và công bố chính thức đề cương học phần, kế hoạch giảng dạy dựa trên CĐR.

Trường đã giới thiệu, phổ biến đề cương các học phần, kế hoạch giảng dạy đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau.

Các hoạt động dạy học trong đề cương học phần được triển khai theo kế hoạch, hướng tới đạt được CĐR của học phần và CTĐT.

Trường đã rà soát và ban hành mới quy trình thiết kế, đánh giá CTĐT, đảm bảo ít nhất 1 lần trong 5 năm.

Trường đảm bảo định kỳ rà soát CTĐT ít nhất 2 năm một lần, trong đó tất cả CTĐT đều có có tham khảo các chương trình dạy học tiên tiến trong nước, quốc tế và lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan.

Trường có ban hành đầy đủ quy trình thiết kế, phát triển, đánh giá CTĐT.

CTĐT đã được liên tục cải tiến, điều chỉnh và ban hành đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Văn bản quy định, hướng dẫn, phân công về xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTĐH đã được ban hành nhưng vẫn còn thiếu tính hệ thống và đồng bộ trong tất cả các hệ đào tạo của nhà Trường.

Do thực hiện xây dựng, rà soát và điều chỉnh CĐR được thực hiện chủ yếu từ các khoa/bộ môn quản lý chuyên môn CTĐT nên hệ thống minh chứng chưa quản lý tập trung và chặt chẽ.

Trường đã giới thiệu, phổ biến đề cương các học phần, kế hoạch giảng dạy đến người học bằng nhiều hình thức khác nhau nhưng việc công bố tại các website vẫn còn một số khó khăn khi tra cứu và chưa kịp thời.

Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá chưa được thể hiện chi tiết trong quy định và hướng dẫn của trường.

Việc thu thập ý kiến các bên liên quan còn một số nội dung còn mất nhiều thời gian xử lý và khó khăn trong thu thập mẫu khảo sát lớn.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	**Khắc phục tồn tại**	Rà soát lại văn bản quy định, hướng dẫn để tạo ban hành văn bản tích hợp chung có hệ thống, cụ thể hóa và đồng bộ	Phòng Đào tạo, Khoa Sau đại học, Viện đào tạo hợp tác quốc tế	Từ 2022 đến 2023	
		Tiếp tục rà soát và ban hành quy định về các minh chứng lưu trữ tại từng đơn vị theo chuẩn ISO 9001 – 2015	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp cùng các đơn vị liên quan	Từ 2022 đến 2023	
		Tiếp tục rà soát hoàn thiện việc công bố thông tin trên các website một các đồng bộ, thống nhất, kịp thời	Phòng Quản lý Công nghệ thông tin phối hợp cùng các đơn vị liên quan	Từ 2022 đến 2023	
		Tiếp tục rà soát và quy định chi tiết về quy trình thiết kế, đánh giá CTĐT	Phòng Đào tạo, Khoa Sau đại học và Viện Đào tạo quốc tế	Từ 2022 đến 2023	
		Tiếp tục hoàn thiện kế hoạch, phương pháp, quy trình và thông tin mẫu về khảo sát để gia tăng tốc độ và cỡ mẫu thực hiện.	Phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng	Từ 2022 đến 2023	
2	**Phát huy điểm mạnh**	Tiếp tục đẩy mạnh kế hoạch và phương pháp lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan khi xây dựng, phát triển, rà soát, thẩm định CTĐT, đề cương học phần	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp cùng các đơn vị liên quan	Từ 2022 đến 2023	
		Tiếp tục hoàn thiện quy định, hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị, cá nhân liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát	Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp cùng các đơn vị quản lý đào tạo và khoa/bộ môn	Từ 2022 đến 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		và điều chỉnh CĐR			
		Tiếp tục hoàn thiện quy định, biểu mẫu đề cương và nâng cao chất lượng hoạt động dạy học hướng tới đạt được CĐR	Đơn vị quản lý đào tạo phối hợp với các khoa/bộ môn chuyên môn	Từ 2022 đến 2023	
		Tiếp tục hoàn thiện việc thực hiện rà soát quy trình thiết kế, đánh giá CTĐT ít nhất 1 lần trong 5 năm và rà soát CTĐT ít nhất 2 năm một lần, có đối sánh CTĐT và lấy ý kiến các bên liên quan.	Đơn vị quản lý đào tạo phối hợp với các khoa/bộ môn chuyên môn	Từ 2022 đến 2023	
		Tiếp tục đẩy mạnh việc xây dựng CTĐT mới, rà soát và hoàn thiện các CTĐT hiện có để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan	Đơn vị quản lý đào tạo phối hợp với các khoa/bộ môn chuyên môn	Từ 2022 đến 2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 14	***5***
Tiêu chí 14.1	5/7
Tiêu chí 14.2	5/7
Tiêu chí 14.3	5/7
Tiêu chí 14.4	5/7
Tiêu chí 14.5	5/7

TIÊU CHUẨN 15: GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Tiêu chí 15.1: Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra.

Trong quá trình xây dựng chất lượng cơ sở giáo dục phù hợp với quy định kiểm định chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H15.15.01.01], xu hướng phát triển chung của khu vực [H15.15.01.02], trường đã nhận thức được tầm quan trọng của việc tuyên bố triết lý giáo dục bên cạnh tầm nhìn, sứ mạng và hệ giá trị trong chiến lược phát triển của trường. Từ đó, trường đã từng bước hoàn thiện và có tuyên bố chính thức về triết lý giáo dục là "Thực hiện giáo dục - đào tạo con người phát triển toàn diện về tri thức - đạo đức - sáng tạo, là công dân toàn cầu" trong giai đoạn 2016-2020. Nội dung triết lý giáo dục phù hợp với mục tiêu, sứ mạng của trường là xây dựng Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM thành "trường đại học khối kinh tế với mũi nhọn là ngành Tài chính - Ngân hàng; là đại học thuộc nhóm đầu hạng 2 trong tầng định hướng ứng dụng vào năm 2020 và nhóm đầu hạng 1 của tầng này, đạt chuẩn khu vực vào năm 2030" [H15.15.01.03]. Việc tuyên bố triết lý giáo dục của trường trong chiến lược phát triển của giai đoạn mới khẳng định nỗ lực nâng cao chất lượng cơ sở đào tạo, chất lượng chương trình đào tạo của trường phù hợp với xu thế phát triển chung thông quan việc đáp ứng các quy định kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT và của khu vực [H15.15.01.04].

Trường từng bước thiết lập các quy định, hướng dẫn về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục thông qua việc xây dựng các chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra của các môn học:

- *Thực hiện giáo dục - đào tạo con người phát triển toàn diện về tri thức - đạo đức - sáng tạo*: Trường tham khảo các chương trình đào tạo đối sánh của các trường đại học tiên tiến, xếp hạng uy tín trên thế giới [H15.15.01.05] để theo sát xu hướng đào tạo chung của thế giới. Trường ban hành thống nhất chuẩn đầu ra của khối kiến thức giáo dục đại cương; cơ sở ngành; ngành và chuyên ngành nhằm tạo điều kiện xây dựng thuận lợi các chuẩn đầu ra của các môn học đại cương, môn học cơ sở ngành, môn học ngành và chuyên ngành [H15.15.01.06] cũng như thuận lợi cho việc sinh viên có thể học song ngành, chuyển đổi [H15.15.01.07]. Từ đó, trường đào tạo, giáo dục cho sinh viên tri thức khoa học vừa rộng để tư duy, phát tiển khả năng học tập suốt đời và tri thức khoa học ngành, chuyên ngành được cập nhật hiện đại để có thể đáp ứng nhu cầu thị trường lao động ngày càng sôi động đầy cạnh tranh. Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo thể hiện bao quát và toàn diện về kiến thức, kỹ năng, thái độ, từ đó người học được cung cấp kiến thức tổng quát toàn diện, phát triển năng lực trí tuệ và kỹ năng cá nhân, định hình các giá trị sống tích cực [H15.15.01.08]. Bên cạnh đó, người học còn được

tham gia các hoạt động ngoại khóa, các cuộc thi học thuật, các chương trình văn thể mỹ, các tọa đàm hướng nghiệp [H15.15.01.09] và được cộng điểm rèn luyện, xem xét bình chọn sinh viên 5 tốt [H15.15.01.10].

- *Công dân toàn cầu:* Hàng năm, trường đều tiến hành rà soát, lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm cập nhật tình hình thực tiễn, yêu cầu của thị trường lao động [H15.15.01.11] từ đó cải tiến chất lượng đào tạo theo hướng đào tạo lý thuyết gắn liền thực tiễn, củng cố mối quan hệ với doanh nghiệp nhằm cung cấp các mô hình ứng dụng thực tiễn ngay tại trường có kết nối thị trường, cơ hội kiến tập, thực tập, kết nối chuyên gia trong ngành chia sẻ với người học [H15.15.01.12]. Ngoài ra, chuẩn đầu ra về tin học và ngoại ngữ là yêu cầu bắt buộc để hoàn thành chương trình học, từ đó bảo đảm cho người học có thể tiếp tục việc học tập và làm việc thuận lợi trong bối cảnh toàn cầu hóa [H15.15.01.13]. Người học cũng được tạo cơ hội hoàn thiện các kỹ năng cần thiết, ý thức trách nhiệm của công dân toàn cầu thông qua việc tham gia trao đổi văn hóa, học tập và trải nghiệm thực hành của các chương trình hỗ trợ phát triển bền vững các doanh nghiệp địa phương tại các quốc gia như Malaysia, Philippines, Indonesia, Thailand, Việt Nam và được đánh giá cao [H15.15.01.14].

Dựa trên các kế hoạch, quy định chung, trường đã xây dựng quy định, hướng dẫn cụ thể về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học để đạt được CĐR theo quy trình PDCA. Cụ thể như sau:

- Trường có kế hoạch triển khai, thông báo và hướng dẫn các Khoa cải tiến CTĐT, chỉnh sửa đề cương môn học [H15.15.01.15].
- Các khoa tiến hành lập kế hoạch và triển khai [H15.15.01.16].
- Nội dung đề cương các môn học được xây dựng và cải tiến phù hợp với chuẩn đầu ra môn học, chuẩn đầu ra của CTĐT, triết lý giáo dục của trường. Theo đó, triết lý giáo dục được thể hiện rõ trong đề cương môn học, số tín chỉ và thời gian phân bổ được phân loại rõ phần dành cho lý thuyết, thảo luận, bài tập và thực hành [H15.15.01.17].
- Việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học để đạt được chuẩn đầu ra theo triết lý giáo dục của trường được ghi nhận rõ trong đề cương môn học tại phần phương pháp dạy và học [H15.15.01.18]. Đồng thời, việc đánh giá chất lượng học tập của người học được lượng hóa thông qua các rubrics được công bố rõ ràng trong đề cương môn học, qua đó cho thấy người học được đánh giá đa dạng thông qua đánh giá sự chuyên cần, bài tập nhóm, thuyết trình, thảo luận, tiểu luận, đồ án, v.v. [H15.15.01.19] và việc đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên cũng được tiến hành một cách nghiêm túc và bài bản thông qua thanh tra buổi học [H15.15.01.20], đánh giá của người học [H15.15.01.21], đánh giá buổi dự giờ giảng của bộ môn, khoa [H15.15.01.22].
- Ngay cả trong năm 2020 – 2021, mặc dù bị ảnh hưởng bởi COVID-19 nhưng

trường cũng đã chủ động trong việc triển khai kịp thời kế hoạch giảng dạy và học tập cho cả năm học [H15.15.01.23]. Trường rất quan tâm hỗ trợ tài chính để trang bị các thiết bị giảng dạy trực tuyến cho giảng viên [H15.15.01.24] và triển khai các khóa học ứng dụng công nghệ để giúp cho giảng viên và sinh viên làm quen với việc dạy và học qua các ứng dụng công nghệ và hệ thống LMS của trường [H15.15.01.25]. Trường triển khai lấy ý kiến của các khoa, bộ môn về về việc lựa chọn hình thức thi cuối kỳ [H15.15.01.26] và thực hiện khảo sát lấy ý kiến người học về công tác thi trực tuyến để có những điều chỉnh trong công tác tổ chức thi ở đợt tiếp theo khi tình hình dịch bệnh vẫn diễn biến phức tạp [H15.15.01.27]. Điều này cho thấy sự nhanh chóng, kịp thời và linh hoạt trong việc triển khai các giải pháp khả thi và phù hợp với tình hình và nhận được sự ủng hộ, đồng tình cao từ giảng viên và người học.

Trong quá trình xây dựng và triển khai các kế hoạch, quy định nhằm bảo đảm hệ thống xác định và lựa chọn phương pháp dạy và học đáp ứng chuẩn đầu ra theo triết lý giáo dục của trường, trường cũng có đã phân công trách nhiệm cụ thể cho các thành viên Ban giám hiệu, Khoa, Phòng ban, Viện, Trung tâm của trường trong việc xác định, lựa chọn và triển khai các hoạt động dạy học [H15.15.01.28]. Việc phân công thực hiện nhiệm vụ này đều mang lại kết quả tích cực qua hàng năm khi các đơn vị đều hoàn thành tốt nhiệm vụ [H15.15.01.29] và được người học và cán bộ nhân viên đánh giá cao qua hàng năm, năm sau đều cao hơn năm trước [H15.15.01.30]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.2: Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm.

Trường đã có những chủ trương, chính sách rõ ràng thông qua tuyên bố về Chiến lược phát triển nguồn nhân lực [H15.15.02.01] [H15.15.02.02] và các quy định về đãi ngộ, khen thưởng [H15.15.02.03] nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng, đặc biệt là nguồn giảng viên có trình độ chuyên môn cao về giảng dạy, công tác tại Trường. Bên cạnh việc thu hút nguồn nhân lực trực tiếp, Nhà trường còn có sự cộng tác thường xuyên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng [H15.15.02.04] nhằm đa dạng hóa, tận dụng được nguồn lực tri thức sẵn có của xã hội cũng như tăng cường trao đổi, học hỏi kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy từ các cơ sở đào tạo khác trong và ngoài nước nhằm phát triển đội ngũ và nguồn nhân lực hiện có.

Nhằm phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên, trong giai đoạn 2017-2021, Trường đã cử nhiều giảng viên đi học tập nâng cao trình độ cả trong và ngoài nước [H15.15.02.05]. Đến nay, 100% giảng viên của trường có trình độ thạc sĩ trở lên. Trong đó số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ, Phó giáo sư tiến sĩ tăng mạnh

[H15.15.02.06]. Đồng thời, thường xuyên cử cán bộ, giảng viên đi dự các lớp đào tạo bổ sung, cập nhật kiến thức hiện đại về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, phương pháp giảng dạy tích cực [H15.15.02.07].

Theo kế hoạch phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng về số lượng và đảm bảo về cơ cấu, chất lượng đào tạo Trường đã chủ động tổ chức tuyển dụng nhân lực có chất lượng cao [H15.15.02.08] trong mỗi thời kỳ. Các đợt tuyển dụng được tổ chức bảo đảm chấp hành đúng quy trình, quy định của nhà nước. Thông báo và kết quả tuyển dụng được thông tin rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng và tại website buh.edu.vn [H15.15.02.09] nhằm đảm bảo tính minh bạch, khách quan và đúng quy định.

Trường thực hiện theo quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm cán bộ viên chức quản lý của NHNN, trong đó có quy định các tiêu chí đề bạt, bổ nhiệm. [H15.15.02.10]. Giai đoạn 2017-2021, Nhà trường đã bổ nhiệm và bổ nhiệm lại 94 cán bộ quản lý. Trong đó có 04 Hội đồng trường và Ban giám hiệu, 40 Trưởng, phó khoa/bộ môn; 35 Trưởng phó phòng và giám đốc các TT, viện [H15.15.02.11].

Trường đã ban hành Quy chế chế độ làm việc giảng viên [H15.15.02.12], Quy chế trưởng bộ môn [H15.15.02.13] trên cơ sở Quy chế tổ chức và hoạt động của Nhà trường [H15.15.02.14] và yêu cầu hoạt động thực tiễn. Đây cũng là một trong những căn cứ quan trọng được sử dụng trong quản lý, sử dụng và phát triển đội ngũ giảng viên.

Việc phân công giảng dạy hiện nay tại Trường được thực hiện qua việc so khớp kế hoạch đào tạo [H15.15.02.15], danh sách phân môn giảng viên trên hệ thống phần mềm Quản lý đào tạo [H15.15.02.16] và có sự điều chỉnh linh hoạt từ phía các Khoa/Bộ môn trên cơ sở năng lực, trình độ chuyên môn và kinh nghiệm của mỗi giảng viên. Các bên liên quan đến phân công giảng dạy sẽ thực hiện các công việc thông qua hệ thống này theo cấp độ quản lý tương ứng. Qui định về trách nhiệm phân công giảng dạy và kiểm tra kết quả phân công giảng dạy được Trường qui định rõ qua Qui chế tổ chức hoạt động đào tạo của Nhà trường [H15.15.02.17]. Trưởng khoa có trách nhiệm phân công giảng dạy theo đúng chuyên môn theo qui định của Trường và căn cứ vào định mức giảng dạy của các giảng viên trong Khoa/Bộ môn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.3: Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra.

Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được Trường tổ chức phù hợp để đạt được CĐR và được thể hiện cụ thể như sau:

- Trường đã tạo dựng được môi trường học tập đa dạng, tạo thuận lợi cho việc đạt được CĐR, cho việc học tập, nghiên cứu và thúc đẩy người học tìm tòi học hỏi và

khám phá kiến thức, bao gồm (1) các kế hoạch đào tạo, thời khóa biểu được dự thảo, lấy ý kiến và công bố trước đầu mỗi học kỳ [H15.15.03.01] giúp cho người học chủ động trong việc sắp xếp thời gian và lựa chọn lớp học phù hợp thông qua hệ thống đăng ký tín chỉ [H15.15.03.02]; (2) các hoạt động dạy mang tính tích cực và đa dạng, hướng tới lấy người học làm trung tâm, khai phá sự ham học hỏi, tìm tòi từ người học cũng như được đánh giá khách quan thông qua các rubrics trong mỗi đề cương môn học nhằm giúp người học đạt được chuẩn đầu ra của môn học, của chương trình đào tạo [H15.15.03.03].

- Trường triển khai các hoạt động học tập đa dạng, bao gồm (1) các dự án đào tạo, thực tập… thông qua các cam kết trao đổi, biên bản ghi nhớ với doanh nghiệp [H15.15.03.04]; (2) các khóa học bồi dưỡng kỹ năng mềm giúp người học trang bị kiến thức [H15.15.03.05]; các chương trình trao đổi văn hóa và chuyên môn với các trường đại học trong khu vực, theo đó người học được tham gia trải nghiệm thực tiễn và góp phần phát triển doanh nghiệp địa phương tại các quốc gia như Thailand, Malaysia, Indonesia, Philippines và được đánh giá cao [H15.15.03.06]; các chương trình hoạt động xã hội phục vụ cộng đồng [H15.15.03.07].
- Trường ứng dụng các phương pháp, công nghệ giảng dạy hiện đại, phù hợp để đạt CĐR của các môn học/học phần, bao gồm (1) triển khai hệ thống LMS, Moodle nhằm bám sát xu hướng dạy và học tập kết hợp trực tiếp và trực tuyến [H15.15.03.08]; (2) phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu liên kết mở của thư viện cung cấp hàng ngàn đầu sách nhằm tạo điều kiện tra cứu học liệu trong và ngoài nước dành cho người học [H15.15.03.09]; (3) không ngừng tăng cường hợp tác và liên kết với các trường đại học uy tín trên thế giới nhằm tạo cơ hội học song bằng, học hệ đào tạo cao hơn dành cho người học [H15.15.03.10],(4) hệ thống lưu trữ hồ sơ người học giúp người học đánh giá được quá trình học tập và có kế hoạch cải thiện học tập hiệu quả [H15.15.03.11]; (5) hệ thống giảng viên cố vấn định hướng, cố vấn cho sinh viên thực sự trở thành cầu nối thông tin chính sách hỗ trợ học tập, rèn luyện [H15.15.03.12] và tọa đàm với các chuyên gia trong ngành trong việc hướng nghiệp dành cho sinh viên [H15.15.03.13]; (6) hệ thống các phòng lab, phòng thực hành nghiệp vụ ngân hàng, sàn giao dịch chứng khoán thực nghiệm,… được trang bị đã góp phần giúp trường triển khai các hoạt động dạy và học gắn liền lý thuyết với thực tiễn một cách hiệu quả [H15.15.03.14]

Tóm lại, Trường không ngừng chú trọng và triển khai hiệu quả các hoạt động dạy và học gắn liền lý thuyết với thực tiễn phù hợp xu thế phát triển chung, từ đó giúp người học phát triển toàn diện về kiến thức, kỹ năng, thái độ, phụng sự cộng đồng và ý thức học tập suốt đời.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.4: Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng.

Việc giám sát hoạt động dạy và học của Trường được tổ chức theo hệ thống và được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động Trường [H15.15.04.01], thông qua hoạt động khảo sát các bên liên quan [H15.15.04.02], thông qua hoạt động thanh tra giảng dạy [H15.15.04.03] và hoạt động dự giờ giảng định kỳ của các khoa/bộ môn [H15.15.04.04]. Đầu mỗi năm học Nhà trường tổ chức họp giữa Ban Giám hiệu với các khoa và các đơn vị liên quan để triển khai hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và xác định nhiệm vụ trọng tâm của năm học tới [H15.15.04.05]. Trong đó, Hiệu trưởng chỉ đạo chung và 01 Phó hiệu trưởng chỉ đạo trực tiếp về công tác đào tạo [H15.15.04.06]; Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm tham mưu, giám sát hoạt động đào tạo trình độ đại học hệ chính quy, hệ vừa làm vừa học và chương trình chất lượng cao [H15.15.04.07]; Phòng KT&ĐBCL thực hiện nhiệm vụ triển khai, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các kế hoạch về khảo thí và công tác đảm bảo chất lượng của Trường [H15.15.04.08]; Phòng Thanh tra có nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch, chương trình, nội dung, quy chế đào tạo, quy chế thi cử, việc thực hiện các quy định về giảng dạy và các điều kiện về đảm bảo chất lượng giáo dục [H15.15.04.09].

Trên cơ sở kế hoạch, lịch giảng, lịch thi phòng Đào tạo đã công bố, Phòng Thanh tra lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát hoạt động giảng dạy, tổ chức thi cử [H15.15.4.10].

Các Khoa và Bộ môn chịu trách nhiệm giám sát chất lượng dạy của các giảng viên. Trưởng Bộ môn tổ chức dự dự giờ giảng của GV để đánh giá góp ý về hoạt động giảng dạy. Qua đó, đánh giá chất lượng giảng dạy và đưa ra các góp ý làm căn cứ cho việc cải tiến phương pháp, nội dung dạy và học [H15.15.04.11].

Khi kết thúc lớp học phần, Phòng Khảo thí và bảo đảm chất lượng sẽ tiến hành khảo sát môn học. Nội dung khảo sát chủ yếu tập trung vào nội dung và phương pháp giảng dạy của giảng viên, chương trình, giáo trình, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập và trách nhiệm, sự nhiệt tình của giảng viên với người học và thời gian giảng dạy của giảng viên [H15.15.04.12]. Trường còn tiến hành lấy ý kiến của sinh viên cuối khóa, cựu sinh viên và nhà sử dụng lao động đánh giá về chất lượng đào tạo nhằm góp phần cải tiến nâng cao chất lượng dạy và học [H15.15.04.13]. Ngoài ra, Trường thu thập ý kiến góp ý của SV qua các hòm thư góp ý, hộp thư điện tử, mạng xã hội và trao đổi trực tiếp trong các Hội nghị đối thoại với sinh viên của Hiệu trưởng [H15.15.04.14].

Bên cạnh việc cải tiến chất lượng về nội dung, phương pháp giảng dạy, Nhà trường rất chú trọng tới việc kiểm tra, đánh giá người học qua từng môn học. Phương pháp đánh

giá sinh viên được biết ngay từ buổi học đầu tiên của môn học hoặc thể hiện qua đề cương chi tiết của môn học [H15.15.04.15]. Kết quả kiểm tra, đánh giá người học được thể hiện ở trong bảng điểm thành phần và điểm thi cuối kỳ [H15.15.04.16], qua đó đánh giá được học lực của từng sinh viên và cũng từ đó giúp các khoa/bộ môn chủ động cải tiến phương pháp đánh giá.

Cuối năm học, các khoa/bộ môn tổng kết khối lượng và chất lượng giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học [H15.15.04.17] của giảng viên đã thực hiện để tiến hành đánh giá giảng viên cả năm. Căn cứ vào kết quả đánh giá giảng viên tại đơn vị kết hợp với kết quả giám sát giảng viên từ các đơn vị có liên quan, Hội đồng thi đua của Nhà trường xem xét và công nhận kết quả đánh giá giảng viên năm đó [H15.15.04.18].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.5: Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

Trường Đại học ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh đã triển khai thực hiện triết lý giáo dục: tri thức - đạo đức - sáng tạo, là công dân toàn cầu [H15.15.05.01]. Trong bối cảnh đổi mới mạnh mẽ của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào lĩnh vực giáo dục đào tạo, yêu cầu hội nhập mạnh mẽ của thời đại, Ngày 15/12/2021 Nhà trường đã điều chỉnh và lựa chọn một triết lý giáo dục mới, đó là: Khai phóng - Liên ngành - Trải nghiệm [H15.15.05.02]. Việc xây dựng và thực hiện điều chỉnh triết lý giáo dục của Trường được căn cứ vào chính sách của Đảng, Nhà nước và quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo về giáo dục - đào tạo; Đồng thời phù hợp định hướng của cơ quan chủ quản là Ngân hàng Nhà nước Việt nam, cũng như phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, chức năng, nhiệm vụ của Trường [H15.15.05.03], [H15.15.05.04], [H15.15.05.05]. Trường cũng đã lên kế hoạch tổ chức Hội thảo về triết lý giáo dục và phương pháp giảng dạy trong năm 2022 để triển khai thực hiện triết lý giáo dục mới cũng như thảo luận về phương pháp giảng dạy hiện đại, tích cực [H15.15.05.06]

Để đảm bảo chất lượng hoạt động đào tạo và chuẩn đầu ra các chương trình đào tạo, Trường đã tiến hành rà soát các hoạt động dạy và học hàng năm, định kỳ điều chỉnh ít nhất hai năm một lần [H15.15.05.07]. Nội dung điều chỉnh được thực hiện đầy đủ và có hệ thống từ điều chỉnh nội dung chương trình giảng dạy, phương pháp giảng dạy đến phương pháp học tập, nghiên cứu [H15.15.05.08]. Trên cơ sở này, CĐR của CTĐT được xây dựng chi tiết và hoàn thiện phù hợp với triết lý giáo dục của Trường [H15.15.05.09].

Quá trình cải tiến, điều chỉnh nội dung chương trình đào tạo, Trường đã chú trọng đến việc bổ sung, cấu trúc lại hệ thống các học phần đào tạo kỹ năng cho người học nhằm hướng tới mục tiêu đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao, thành thạo các kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ. Các học phần rèn luyện kỹ năng chung (kỹ năng thuyết

trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lập kế hoạch trong công việc,...) và kỹ năng thực hành (thực hành nghiệp vụ chuyên môn, xử lý tình huống liên quan đến chuyên môn được đào tạo) được đưa vào chương trình đào tạo và tổ chức giảng dạy trong thực tiễn. Các học phần ngoại ngữ, ngoại ngữ chuyên ngành cũng được tăng cường nhằm giúp cho người học có khả năng tự đọc, tự học từ các tài liệu nước ngoài, tiếp cận với nguồn tri thức mới tiên tiến của thế giới, là công dân toàn cầu [H15.15.05.10] [H15.15.05.11].

Trường cũng rất chú trọng vấn đề đổi mới phương pháp giảng dạy đối với giảng viên. Hàng năm, Trường cử GV tham dự các hội thảo, hội nghị, khoá bồi dưỡng, nâng cao về phương pháp giảng dạy trong và ngoài nước, khuyến khích giảng viên thường xuyên cải tiến phương pháp giảng dạy tích cực nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo cho người học [H15.15.05.12].

Để thực hiện mục tiêu giáo dục suốt đời, hoạt động dạy và học của Trường được cải tiến thường xuyên với phương châm lấy người học làm "trung tâm" của quá trình dạy - học. Theo đó, nội dung các đề cương chi tiết học phần đào tạo được điều chỉnh theo hướng tăng số tiết bài tập, thảo luận, thực hành, thực tế chuyên môn; tăng điểm đánh giá quá trình học tập qua làm bài tập, tiểu luận, đồ án, thuyết trình… từ đó, chú trọng rèn luyện những kỹ năng tự học tập phù hợp cho người học như kỹ năng phân tích và tổng hợp tài liệu, kỹ năng phát hiện vấn đề, kỹ năng thuyết trình và giải quyết vấn đề, kỹ năng tư duy sáng tạo… [H15.15.05.13];

Định kỳ hàng năm, Trường tiến hành lấy ý kiến phản hồi của người học, giảng viên, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng thông qua hệ thống phiếu khảo sát nhằm phân tích, đánh giá, tổng kết mức độ hài lòng của các bên liên quan. Những ý kiến phản hồi này là một kênh thông tin quan trọng để Nhà trường xem xét, điều chỉnh, cải tiến triết lý giáo dục nhằm đạt được chuẩn đầu ra, tiếp cận xu hướng mới của thời đại, đảm bảo hoạt động dạy và học có chất lượng [H15.15.05.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 15:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường đã xây dựng được triết lý giáo dục và chuẩn đầu phù hợp với chiến lược phát triển của Trường giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030.

Đội ngũ GV thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm và trao đổi kinh nghiệm giảng dạy tích cực, có Qui chế tuyển dụng, đào tạo và sử dụng GV, có Kế hoạch phát triển nhân lực của Trường, thu hút được đội ngũ GV có trình độ cao, có

kinh nghiệm và tâm huyết với công tác giảng dạy. Qui trình phân công giảng dạy, mở lớp chặt chẽ, đảm bảo tính công bằng, khách quan.

Trường có hệ thống quản lý đào tạo trực tuyến…giúp người dạy, người học và các đơn vị quản lý có thể triển khai, theo dõi, giám sát việc dạy và học 1 cách thuận tiện.

Hệ thống quản lý đào tạo của Trường đảm bảo việc phân công giảng dạy cho các GV theo đúng chuyên môn, đủ khối lượng và tiếp thu được các đánh giá, phản hồi của SV và được công khai, phổ biến cụ thể tới người học.

Trường đã tạo được môi trường dạy - học đa dạng để SV đều tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động, nhiều hình thức học tập được tổ chức trong quá trình đào tạo đã cung cấp các kỹ năng và kiến thức cần thiết để đạt được chuẩn đầu ra cho CTĐT.

Phong trào đoàn hội của Trường được tổ chức thường xuyên giúp cho SV lựa chọn và tham gia sinh hoạt trong các đội nhóm, câu lạc bộ và giúp cho SV tăng cường trao đổi kinh nghiệm học tập, nâng cao các kỹ năng nghề nghiệp cũng như kỹ năng sống thông qua các hoạt động xã hội phục vụ cộng đồng.

Hệ thống quản lý đào tạo của Trường đảm bảo việc phân công giảng dạy cho các GV theo đúng chuyên môn, đủ khối lượng và tiếp thu được các đánh giá, phản hồi của SV và được công khai, phổ biến cụ thể tới người học.

Các hoạt động dạy vào học có sự giám sát góp ý kịp thời của các bên có liên quan; nhà trường đã tổ chức việc khảo sát, lấy ý kiến của các bên liên quan về chất lượng đào tạo, mức độ hài lòng của SV, cựu SV và các Nhà tuyển dụng về hoạt động dạy và học.

Trường đã tạo được môi trường dạy-học đa dạng để SV đều tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động, nhiều hình thức học tập được tổ chức trong quá trình đào tạo đã cung cấp các kỹ năng và kiến thức cần thiết để đạt được chuẩn đầu ra cho CTĐT.

Nhà trường có chính sách khuyến kích các bộ môn điều chỉnh nội dung học phần theo hướng tăng giờ thực hành, thí nghiệm, thực tập, ... để nâng cao chất lượng giảng dạy, tạo sự chủ động cho SV và cung cấp công cụ cho việc học tập suốt đời.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Hệ thống tương tác, trao đổi giữa GV và SV cần được cải tiến và nâng cấp để đáp ứng nhu cầu của người học trong tương lai và giảm tải cho đội ngũ GV trong quá trình dạy và học. Đặc biệt cần nâng cao vai trò của đội ngũ giảng viên cố vấn.

Một số ít giảng viên đi học nghiên cứu sinh nước ngoài mặc dù đã quá thời hạn lâu hoặc đã học xong nhưng chưa thấy trở về trường công tác.

Phương pháp giảng dạy tích cực đã được triển khai nhưng chưa tổ chức hội thảo hoặc tổng kết đánh giá để cải tiến.

Mặc dù Nhà trường đã có tổng kết rút kinh nghiệm về triển khai các phương pháp dạy học hiện đại, về ứng dụng công nghệ trong dạy học lồng ghép trong Hội nghị tổng kết hoạt động chung hàng năm, nhưng chưa tổ chức hội nghị chuyên đề về vấn đề này.

Việc khảo sát ý kiến của giảng viên, viên chức, sinh viên, nhà tuyển dụng và Cựu sinh viên đã để thu nhập được nhiều thông tin đa chiều và khách quan về chất lượng giảng dạy và mức độ hài lòng của các bên liên quan để báo cáo Ban giám hiệu và gửi tới các đơn vị liên quan để đánh giá, có kế hoạch khắc phục những tồn tại (nếu có). Tuy nhiên, việc kiểm tra giám sát đối với hoạt động cải tiến, khắc phục tồn tại của các đơn vị còn chưa thực sự chặt chẽ.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng hệ thống E-learning và hỗ trợ tốt hơn việc tương tác giữa GV và SV trong việc dạy và học, đảm bảo đạt được chuẩn đầu ra và phù hợp với Triết lý giáo dục. Cần nghiên cứu cải tiến công tác GV cố vấn cũng như xem xét điều chỉnh chính sách đãi ngộ hơn nữa đối với đội ngũ GV cố vấn		Từ năm học 2022-2023	
2	Khắc phục tồn tại	Nên nghiên cứu chính sách và biện pháp kiểm tra, quản lý để giảng viên hoàn thành kế hoạch học tập và trở về trường công tác	Phòng TCCB	Năm 2022	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
3	Khắc phục tồn tại	Tổ chức hội nghị tổng kết nhằm đánh giá những kết quả đạt được, những điểm cần tiếp tục cải tiến để phát triển	Phòng đào tạo, các khoa bộ môn và các đơn vị liên quan	Từ năm học 2022-2023	
4	Khắc phục tồn tại	Tổ chức hội nghị chuyên đề để tổng kết rút kinh nghiệm về triển khai các phương pháp dạy học hiện đại, về ứng dụng công nghệ trong dạy học.	Phòng Đào tạo, phòng QLCNTT, các khoa/ bộ môn	2022-2023	
5	Khắc phục tồn tại	Cần thực hiện việc kiểm tra giám sát các hoạt động cải tiến, khắc phục của các đơn vị	BGH, Phòng KT&ĐBCL	2022-2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 15	***5***
Tiêu chí 15.1	5/7
Tiêu chí 15.2	5/7
Tiêu chí 15.3	5/7
Tiêu chí 15.4	5/7
Tiêu chí 15.5	5/7

TIÊU CHUẨN 16: ĐÁNH GIÁ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 16.1: Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập.

Đánh giá người học là một khâu quan trọng trong hoạt động đào đạo, vì vậy Nhà trường đặc biệt quan tâm đến việc xây dựng quy trình cũng như các phương pháp đánh giá người, lập kế hoạch và lựa chọn các hình thức đánh giá trong toàn bộ quá trình người học học tập tại trường. Cụ thể:

- Công tác tuyển sinh đầu vào: Chỉ tiêu tuyển sinh từng ngành, phương thức tuyển sinh, điều kiện đăng ký, cách xác định điểm trúng tuyển được xác định theo quy định của Bộ GD&ĐT, được cụ thể trong Đề án tuyển sinh, thông báo tuyển sinh của từng bậc hệ [H16.16.01.01]; [H16.16.01.02]
- Trong quá trình học tập tại trường, kế hoạch đánh giá người học được ban hành từ đầu học kỳ kèm với kế hoạch giảng dạy [H16.16.01.03]; hình thức kiểm tra đánh giá người học được quy định cụ thể trong đề cương học phần [H16.16.01.04] và được giảng viên công bố công khai cho người học biết vào buổi học đầu tiên [H16.16.01.05]; [H16.16.01.06]; [H16.16.01.07]. Đánh giá kết thúc học phần được đa dạng hóa gồm thi viết, vấn đáp, thi trắc nghiệm, thi thực hành trên máy vi tính, đồ án môn học, tiểu luận học phần và Nhà trường đã ban hành quy định, hướng dẫn về tổ chức thi trắc nghiệm trên máy vi tính, thi KTHP theo hình thức trực tuyến.
- Đối với đánh giá kết thúc khóa học: Mỗi CTĐT đều thể hiện rõ học phần tốt nghiệp/đánh giá kết thúc khóa học theo một trong hai hình thức: Thực tập tốt nghiệp, học phần tốt nghiệp và Khóa luận/Luận văn tốt nghiệp đã ban hành các hướng dẫn liên quan tới thực tập tốt nghiệp, thực hiện khóa luận tốt nghiệp, hướng dẫn và chấm khóa luận tốt nghiệp, thu hoạch, báo cáo thực tập tốt nghiệp [H16.16.01.08]; [H16.16.01.09]; [H16.16.01.10]; [H16.16.01.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 16.2: Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra.

Hoạt động đánh giá người học là nội dung quan trọng trong quá trình đào tạo. Vì vậy, ngay từ khi nhập học sinh viên đã được phổ biến cụ thể, rõ ràng nội dung, yêu cầu về đánh giá người học dựa trên cơ sở chuẩn đầu ra của trường. Chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo được xây dựng và rà soát theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT và Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT của Bộ GD&ĐT. Dựa trên chuẩn đầu ra từng học phần/môn học của chương trình đào tạo đã xây dựng, lựa chọn các phương pháp đánh giá người học phù hợp chuẩn đầu ra.

Các hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học tại Trường được thực hiện theo Quy định về đào tạo đại học tại trường đại học Ngân hàng [H16.16.02.01]. Và được thực hiện với các quy trình cụ thể trong các hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học để đạt chuẩn đầu ra như Quy trình tổ chức thi kết thúc học phần tại Trường [H16.16.02.02]. Quy trình tổ chức thi kết thúc học phần tại Trường đã chỉ ra các hình thức tổ chức thi, quy trình các bước trong đánh giá kết quả học tập của sinh viên bao gồm: Lập và thông báo lịch thi kết thúc học phần; Tổ chức đăng ký coi thi kết thúc học phần; Ra đề thi, đáp án và thang điểm; Sao in và bảo mật đề thi; Tổ chức coi thi; Bàn giao bài thi kết thúc học phần; Chấm thi, nộp bảng điểm và túi bài thi đã chấm; Công bố điểm và phúc khảo bài thi (nếu có); Đối chiếu điểm, báo cáo và xử lý các trường hợp vi phạm quy chế thi; Thanh toán coi thi; Lưu trữ bài thi, đề thi, đáp án và thang điểm gốc. Dựa vào đặc thù của từng môn học cụ thể, Trường ban hành thêm Quyết định về điều kiện thực tập tốt nghiệp và viết khóa luận tốt nghiệp [H16.16.02.03], về giảng dạy và thực hiện các học phần tốt nghiệp [H16.16.02.04]. Nhằm giúp cán bộ coi thi nắm vững nghiệp vụ, tránh được sai sót trong quá trình tổ chức thi, các quy chế, quy định về khảo thí được công bố rộng rãi đến các bên liên quan, người học và trên cổng thông tin điện tử của phòng KT&ĐBCL [H16.16.02.05].

Nhiều phương pháp kiểm tra, đánh giá luôn phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra. Ngoài các phương pháp thi trắc nghiệm, tự luận, sinh viên còn được giao bài tập làm theo nhóm, viết tiểu luận, đánh giá qua thực tập, thực tế nhằm bám sát chuẩn đầu ra của từng học phần/ngành học cụ thể. Trong đánh giá học phần/môn học đối với các học phần Ngoại ngữ đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo các kỹ năng nghe – nói - đọc - viết. Các hình thức tổ chức kiểm tra/đánh giá kết quả học tập của người học đa được quy định cụ thể trong từng đề cương chi tiết các học phần [H16.16.02.06]. Với phương thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ, Trường đã tổ chức đánh giá kết quả học tập của người học theo quá trình tổ chức dạy và học của mỗi học phần/môn học; mỗi học phần được thực hiện bằng nhiều phương pháp kiểm tra/đánh giá như tự luận, trắc nghiệm khách quan, bài tập lớn, chuyên đề, tiểu luận, vấn đáp nhờ đó mà đo lường được chuẩn đầu ra môn học của mỗi người học [H16.16.02.07]. Theo đó, các phương pháp kiểm tra, đánh giá Trường đã đo lường được mức độ tích lũy kiến thức của người học để đạt được chuẩn đầu ra của các CTĐT.

Đối với đánh giá kết thúc học phần, nhằm đảm bảo tính công bằng, khả năng đo lường mức độ đạt CĐR của môn học, Trường tổ chức xây dựng ngân hàng câu hỏi thi (NHCH) KTHP [H16.16.02.08]. Các câu hỏi của NHCH được các khoa, bộ môn thiết kế phải đảm bảo tính tương thích với CĐR môn học theo các mức độ của thang đo Bloom và được thông qua bởi hội đồng nghiệm thu NHCT trước khi áp dụng [H16.16.02.09]; [H16.16.02.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.3: Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Theo hướng dẫn của Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT và Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT, theo Quy định cập nhập, phát triển CTĐT, từ năm 2017 đến năm 2022, Nhà trường thực hiện nhiều lần rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học ở tất cả các CTĐT [H16.16.03.01]; [H16.16.03.02]; [H16.16.03.03].

Để đánh giá tính phù hợp và chính xác đối với mỗi loại hình kiểm tra đánh giá, Nhà trường đã thực hiện khảo sát khi kết thúc học phần [H16.16.03.04]; [H16.16.03.05]; [H16.16.03.06]; [H16.16.03.07]; [H16.16.03.08]. Các kết quả khảo sát đã được tổng hợp, phân tích, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, thay đổi các phương pháp kiểm tra đánh giá người học.

Ngoài ra, Trường cũng thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình thi kết thúc học phần, ra đề thi, chấm thi và phúc khảo [H16.16.03.09]; [H16.16.03.10]; [H16.16.03.11]; [H16.16.03.12]. Việc rà soát này được thực hiện ở quy mô từng Khoa/Bộ môn và toàn trường để ngày càng hoàn thiện việc kiểm tra và đánh giá người học.

Việc công bố kết quả đánh giá người học được thực hiện theo đúng quyết định và hướng dẫn: "giảng viên bộ môn phải công bố công khai điểm kiểm tra, công bố danh sách sinh viên đủ điều kiện dự thi ở buổi học cuối cùng; thời hạn nộp danh sách cấm thi, sổ theo dõi giảng dạy là trong vòng 5 ngày kể từ khi kết thúc học phần theo thời khóa biểu . Đối với các bài thi kết thúc học phần điểm thi được công bố sau 10 tuần làm việc kể từ ngày thi"; trong thời gian 10 ngày làm việc từ khi nhận kết quả thi, người học có quyền làm đơn xin phúc khảo nếu thấy kết quả chưa phù hợp, việc tổ chức chấm phúc khảo bài thi được thực hiện theo đúng theo quy trình chấm thi; các bài thi có sự thay đổi điểm sẽ được cập nhật vào phần mềm và có bản giải trình việc thay đổi điểm (nếu có), chuyên viên phòng KT&ĐBCL chịu trách nhiệm nhập điểm lên phần mềm quản lý đào tạo, sinh viên có thể theo dõi điểm trực tiếp trên cổng thông tin sinh viên [H16.16.03.13].

Để nâng cao chất lượng hiệu quả đào tạo và hoàn thiện, phát triển chương trình đào tạo, sau mỗi năm học Nhà trường luôn thực hiện việc khảo sát, lấy ý kiến sinh viên năm cuối và cựu sinh viên về chất lượng đào tạo của Trường [H16.16.03.14]; [H16.16.03.15]; [H16.16.03.16]. Hơn nữa, tình hình việc làm của sinh viên sau khi ra trường cũng nằm trong nội dung của quy trình khảo sát, đây là cơ sở để nhà trường nắm bắt được nhu cầu của nhà tuyển dụng từ đó cập nhật và cải tiến các chương trình đào tạo liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.4: Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra.

Theo hướng dẫn của hông tư 07/2015/TT-BGDĐT và Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT và các văn bản về cập nhật chương trình đào tạo của Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM, từ năm 2017 đến năm 2022, Nhà trường thực hiện nhiều cải tiến loại hình và các *phương* pháp kiểm tra, đánh giá người học ở tất cả các CTĐT [H16.16.04.01]; [H16.16.04.02].

Trên cơ sở tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu đào tạo và thực hiện chỉ đạo của Hiệu trưởng về rà soát, đánh giá và cập nhật CTĐT [H16.16.04.03]; Trường cũng thường xuyên rà soát, góp ý chương trình đào tạo, đề cương môn học trong đó bao gồm rà soát về phương pháp kiểm tra đánh giá người học [H16.16.04.04]; [H16.16.04.05]; [H16.16.04.06]; [H16.16.04.07]. Việc rà soát này được thực hiện ở quy mô từng Khoa/Bộ môn và toàn *trường* để ngày càng hoàn thiện việc kiểm tra và đánh giá người học.

Phương pháp đánh giá *người* học được cải tiến thể hiện qua các nội dung sau:

Thứ nhất, căn cứ vào các khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài AUN-QA đối với các chương trình đào tạo [H16.16.04.08], Trường đã rà soát toàn bộ các CTĐT, đề cương môn học và phương pháp *đánh* giá người học. Đề cương môn học ban hành năm 2020-2021 đã chi tiết hóa nội dung đánh giá người học bằng các rubric của tất cả các hình thức đánh giá được sử dụng cho môn học, kể cả các học phần Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp để hoàn thiện độ giá trị, độ tin cậy và sự công bằng của hoạt động đánh giá [H16.16.04.09].

Thứ hai, trọng số điểm của từng phương pháp đánh giá trong tất cả môn học được thống nhất. Đối với hệ Đại học chính quy, năm 2016 – 2019, tỷ trọng đánh giá không thống nhất giữa các môn học, tỷ trọng đánh giá quá trình – đánh giá cuối môn học có thể là 40% - 60% hoặc 50% - 50%. Từ năm 2019, tỷ trọng đánh giá quá trình – cuối môn học được thống nhất cho tất cả các môn học là 50% - 50% [H16.16.04.10]. Đối với hệ đào tạo Thạc sĩ, từ năm 2019, tỷ trọng môn học được thống nhất bao gồm: (i) điểm đánh giá *quá* trình học của cá nhân chiếm trọng số 40%, (ii) điểm đánh giá quá trình tương tác của mỗi cá nhân với các học viên khác trong lớp qua hình thức bài tập nhóm chiếm trọng số 30% và (iii) điểm đánh giá kiến thức cá nhân vào cuối môn học có trọng số 30% [H16.16.04.11].

Thứ ba, để thi và đáp án thi được thống nhất. Đối với các môn học sử dụng ngân hàng đề thi hoặc NHCH: Năm 2016-2017, các môn học sử dụng ngân hàng đề thi chung để đánh giá kết quả cuối kỳ [H16.16.04.12]; từ năm 2018, phương pháp đánh giá theo NHCH với việc phân cấp các câu hỏi theo các mức độ của CĐR cho một số học phần

đã được triển khai và áp dụng theo từng giai đoạn [H16.16.04.13]. Cấu trúc đề thi của NHCHT được xây dựng để đảm bảo đánh giá được các CĐR của học phần. Đối với các môn học chưa sử dụng NHCH: giảng viên trực tiếp ra đề thi và đáp án dựa trên nội dung giảng dạy được quy định trong đề cương môn học, tiêu chuẩn và tiêu chí chấm bài phải tuân thủ các rubric. Đề thi và đáp án được thống nhất trong từng ca thi và được duyệt bởi lãnh đạo khoa gửi cho Phòng KT&KĐCL theo quy định [H16.16.04.14].

Ngoài ra, năm 2020 trường cũng đã cập nhật và điều chỉnh hình thức thi nhằm bổ sung, đa dạng hóa các hình thức kiểm tra đánh giá học phần phù hợp với các tình huống bất thường không tổ chức đánh giá học phần theo hình thức tập trung. Trường đã ban hành Quy chế thi trực tuyến bao gồm các quy định về các hình thức thi trắc nghiệm trực tuyến, tự luận trực tuyến, vấn đáp trực tuyến và tiểu luận có thuyết trình trực tuyến; và các hướng dẫn theo hình thức thi trực tuyến để phù hợp với tình hình dịch bệnh.[H16.16.04.15] ; [H16.16.04.16]; [H16.16.04.17]; [H16.16.04.18]

Nhà trường đã thực hiện những kế hoạch cải tiến chất lượng theo kết quả khảo sát thường niên [H16.16.04.19].

Tính đến thời điểm hiện tại, trong toàn trường không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 16

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Đã ứng dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động khảo thí nhằm đảm bảo tính nghiêm túc, công khai, minh bạch, chính xác, công bằng với các phần mềm quản lý điểm sinh viên, phần mềm thi trắc nghiệm trực tuyến.

Hệ thống văn bản các hoạt động khảo thí thường xuyên được rà soát và bổ sung các quy định, hướng dẫn để công tác kiểm tra, đánh giá đảm bảo tính chính xác, khách quan, công bằng, minh bạch và kết quả thi được công bố kịp thời đến người học sau 10 ngày làm việc kể từ ngày thi.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc rà soát, sửa đổi và điều chỉnh thay đổi hình thức, phương pháp đánh giá, trọng số đánh giá điểm quá trình và điểm thi cuối kỳ theo đề cương môn học do các Bộ môn tại khoa chuyên môn quy định, do vậy đôi khi còn thiếu sự chủ động.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Cải tiến kịp thời công tác đánh giá người học	Định kỳ chủ động rà soát và đề xuất với các đơn vị chức nang điều chỉnh hình thức và phương pháp đánh giá người học	Phòng KT&ĐBCL, Phòng Đào tạo, các Khoa/Bộ môn	Hằng năm	
2	Nâng cao chất lượng phù hợp chuẩn đầu ra CTĐT với nhu cầu xã hội	Thu thập ý kiến từ các bên liên quan để đề xuất với các đơn vị chức năng điều chỉnh hình thức và phương pháp đánh giá người học phù hợp với điều kiện đặc thù đào tạo các chuyên ngành	Phòng KT&ĐBCL	Từ năm học 2022-2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 16	***5***
Tiêu chí 16.1	5/7
Tiêu chí 16.2	5/7
Tiêu chí 16.3	5/7
Tiêu chí 16.4	5/7

TIÊU CHUẨN 17: CÁC HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ VÀ HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

Tiêu chí 17.1: Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học.

Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, xác định rõ tầm quan trọng của các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Nhà trường xem đây là yếu tốt bổ trợ, đóng vai trò thúc đẩy đến kết quả của người học, lấy sinh viên là trung tâm của quá trình đào tạo và công tác sinh viên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Trường [H17.17.01.01].

Trường phân công nhiệm vụ cho thành viên Ban Giám hiệu trực tiếp chỉ đạo các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.01.02].

Nhà trường ban hành các quy chế, quy định, quy trình để triển khai các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học. Đồng thời, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị, cá nhân trong công tác phục vụ và hỗ trợ người học [H17.17.01.03]. Cụ thể:

- Phòng Đào tạo, khoa Sau Đại học, phòng KT&ĐBCL, Viện Đào tạo quốc tế và các khoa quản lý sinh viên chịu trách nhiệm hỗ trợ, tư vấn người học xây dựng và hoàn thành kế hoạch học tập, đăng ký môn học, quản lý kết quả học tập của người học, xét và cấp bằng tốt nghiệp, xét nghỉ học, thôi học, dự thi KTHP, công bố, phúc khảo kết quả thi, hướng dẫn viết báo cáo thực tập, luận văn [H17.17.01.04]; .
- Viện NCKH, giảng viên hỗ trợ sinh viên trong thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học [H17.17.01.05]
- Trung tâm Hỗ trợ sinh viên, phòng công tác sinh viên chịu trách nhiệm tư vấn, hỗ trợ về thực tập, việc làm, kết nối với doanh nghiệp, thông tin về tuyển dụng thông qua cổng thông tin việc làm, thực tập, kiến tập, tổ chức ngày hội việc làm hàng năm; xét và cấp học bổng, đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên, xét thi đua khen thưởng đối với những sinh viên đủ điều kiện, hỗ trợ về tài chính cho sinh viên có hoàn cảnh khó khăn [H17.17.01.06].
- Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tổ chức các hoạt động văn thể mỹ, hoạt động thiện nguyện, hoạt động ngoại khóa cho sinh viên [H17.17.01.07].
- Giảng viên cố vấn học tập là lực lượng nòng cốt đảm nhiệm vai trò cầu nối giữa Nhà trường với sinh viên nhằm theo dõi, nắm bắt tình hình sinh viên, các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện tại Trường [H17.17.01.08].

Đầu mỗi năm học, Nhà trường có phương hướng cụ thể theo chức năng nhiệm vụ của các đơn vị chức năng để triển khai các hoạt động hỗ trợ người học [H17.17.01.09]. Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, mỗi đơn vị đều lên kế hoạch cho các hoạt động hỗ trợ

người học và phân công nhân sự chịu trách nhiệm đối với từng mảng công tác [H17.17.01.10].

Các hoạt động giám sát người học cũng được thiết lập và triển khai: đánh giá rèn luyện; giám sát học tập, xử lý học vụ; giám sát hoạt động đào tạo... Việc giám sát tiến độ học tập của người học được thực hiện bởi một hệ thống phần mềm quản lý đào tạo được phân quyền cho các đơn vị căn cứ theo chức năng nhiệm vụ và đối tượng người học quản lý (phòng Đào tạo quản lý sinh viên ĐHCQ, VLVH, VB2; Viện ĐTQT quản lý SV các chương trình song bằng, liên kết; Khoa SĐH quản lý học viên cao học và nghiên cứu sinh), Đánh giá rèn luyện sinh viên (do Phòng Công tác sinh viên chịu trách nhiệm), Giám sát hoạt động đào tạo (do Phòng Thanh tra, cố vấn học tập, giảng viên trực tiếp đứng lớp quản lý) và các phần mềm nội bộ khác của các đơn vị đào tạo [H17.17.01.11].

Bên cạnh hệ thống giám sát người học, Nhà trường cũng chú trọng đến việc đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ thông qua việc đánh giá kết quả thực hiện công việc [H17.17.01.12]. Đồng thời, phòng KT&ĐBCL thực hiện các khảo sát để đo lường và đánh giá mức độ hài lòng của người học về các hoạt động hỗ trợ [H17.17.01.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.2: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Nhà trường đã thực hiện được các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như vận hành hệ thống giám sát người học trên cơ sở kế hoạch được lập đầu năm công tác và đầu năm học, nhằm cung cấp nhiều nhất các dịch vụ và hỗ trợ cho sinh viên trong suốt thời gian học tại Trường. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được Nhà trường triển khai theo một nguyên tắc nhất quán và xuyên suốt trong mọi hoạt động để có thể theo dõi, kiểm soát và cải thiện các kết quả hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

Phục vụ, tư vấn và hỗ trợ người học là trách nhiệm của tất cả các đơn vị trong Trường. Tuy nhiên, để người học được tư vấn và hỗ trợ tốt nhất, Nhà trường đã giao cho một số đơn vị chuyên trách thực hiện nhiệm vụ này, gồm Phòng Công tác sinh viên, Phòng Đào tạo Đại học, Khoa Sau đại học, Viện đào tạo Quốc tế, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Đoàn Thanh niên và các Khoa/Trung tâm.

Đội ngũ hỗ trợ người học của Trường bao gồm giảng viên, cán bộ viên chức. Đội ngũ hỗ trợ có đủ trình độ chuyên môn tư vấn và hỗ trợ cho người học một cách tốt nhất và toàn diện nhất cụ thể 30% có trình độ PGS, Tiến sĩ, 51% có trình độ Thạc sĩ và 19% có trình độ cử nhân và trình độ khác (Tính đến thời điểm 30/6/2022) [H17.17.02.01].

Nhằm tạo điều kiện thuận tiện cho sinh viên được tiếp cận, nắm bắt những chủ trương, chính sách của Nhà trường, hiểu biết những quy trình, thủ tục, các quy định, quy chế cũng như những chương trình, sự kiện của Trường, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM đã thiết lập hệ thống thông tin trải rộng trong toàn trường với nhiều kênh thông tin đa dạng, phong phú. Trong đó, cổng thông tin điện tử của Trường là trang ngôn luận chính thống của Nhà trường [H17.17.02.02].

Người học sẽ được hỗ trợ các thông tin liên quan đến công tác đào tạo (chương trình đào tạo, các thông báo và hướng dẫn đăng ký môn học, thời khóa biểu, cảnh báo học vụ, phúc khảo, thực tập, ngoại khóa, tốt nghiệp, việc làm…), chế độ chính sách (miễn, giảm học phí, học bổng, hỗ trợ khó khăn đột xuất…), nghiên cứu khoa học, thủ tục hành chính, đóng học phí, việc làm... Và để hỗ trợ tối đa cho người học, chắc chắn mọi thông tin đều đến được với từng người học, Nhà trường còn cung cấp cho mỗi người học một tài khoản cá nhân, thông qua đó, người học biết được lịch thi, kết quả thi… [H17.17.02.03].

Ngoài việc biên soạn các tài liệu hướng dẫn liên quan đến các vấn đề về học vụ, phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học, các cuộc thi học thuật, học phí và học bổng …, Lãnh đạo Nhà trường còn chỉ đạo Phòng Công tác sinh viên, triển khai lập kế hoạch, tổ chức Tuần Sinh hoạt công dân đầu khóa dành cho tân sinh viên. Phòng Công tác sinh viên phối hợp với các đơn vị chức năng trong toàn trường thực hiện việc phổ biến chi tiết, đầy đủ các văn bản hướng dẫn của nhà trường; các chế độ, chính sách liên quan đến hoạt động học tập của sinh viên… [H17.17.2.04].

Hoạt động sinh hoạt với giảng viên cố vấn định kỳ 2 lần/học kỳ nhằm cung cấp thông tin về sinh viên và phổ biến tới sinh viên những quy định, quy chế học vụ, chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo và kế hoạch đăng ký học phần trong học kỳ của Nhà trường đồng thời hướng dẫn sinh viên xây dựng kế hoạch học tập phù hợp với năng lực sinh viên dựa trên lịch trình học dự kiến của từng chương trình đào tạo, cách thức lựa chọn, đăng ký học phần từng học kỳ thông qua cổng thông tin điện tử Nhà trường, theo dõi quá trình học tập của sinh viên [H17.17.2.05].

Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, sinh viên cũng chính là đối tượng được Nhà trường quan tâm hết mực. Sinh viên được khuyến khích tham gia nghiên cứu khoa học và được tạo điều kiện tham gia các đề tài, chương trình nghiên cứu và trao đổi học tập cùng các cán bộ giảng dạy và nghiên cứu của trường. Hàng năm, các chương trình Hội thảo Khoa học của Trường và Khoa, Viện tăng dần về số lượng và chất lượng nên đã thu hút hàng nghìn lượt sinh viên tham gia. Các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên được Nhà trường hỗ trợ chuyên môn bởi các giảng viên để giúp người học chọn đề tài, lập đề cương nghiên cứu, góp ý sửa bài, đánh giá… [H17.17.2.06].

Thư viện Nhà trường là một không gian học tập mở được trang bị đầy đủ giáo trình, tài liệu học tập sát với từng chương trình đào tạo. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động thư viện cũng được Nhà trường quan tâm. Cơ sở dữ liệu trực tuyến được cập nhật liên tục nhằm hỗ trợ tối đa cho người học về nguồn tài liệu học tập và nghiên cứu khoa học [H17.17.02.07].

Việc tổ chức đánh giá điểm rèn luyện của sinh viên được thực hiện theo Quy trình tại Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên với các tiêu chí, tiêu chuẩn, biểu mẫu và hướng dẫn rõ ràng được thực hiện định kỳ mỗi học kỳ [H17.17.02.08].

Nhà trường đảm bảo sinh viên được tiếp cận đầy đủ các thông tin về chương trình học bổng ngân sách và học bổng huy động từ nguồn lực xã hội thông cổng thông tin điện tử và qua nhiều kênh thông tin khác nhau của Trường. Và để động viên, khích lệ sinh viên đạt thành tích cao trong học tập, hoạt động, phong trào đồng thời hỗ trợ sinh viên gặp hoàn cảnh khó khăn về tài chính, Nhà trường xây dựng Quỹ học bổng Xã hội thông qua hình thức vận động, huy động, tìm tài trợ học bổng từ các tổ chức, đơn vị ngoài Trường với nhiều chương trình bổng dành cho sinh viên như học bổng tài năng, học bổng vượt khó, học bổng khó khăn đột xuất",…. Bên cạnh đó, sinh viên cũng có thể tìm kiếm các nguồn học bổng được tài trợ bởi chính các đối tác, doanh nghiệp ký kết hợp tác với Nhà trường [H17.17.02.09]. Ngoài các dịch vụ hỗ trợ, tất cả những sinh viên thuộc diện chính sách đều được Nhà trường đảm bảo thực hiện chế độ theo đúng quy định của Nhà nước, hướng dẫn các thủ tục và xác nhận để sinh viên có thể vay tiền từ Ngân hàng chính sách xã hội tạo điều kiện cho sinh viên học tập và sinh hoạt [H17.17.02.10].

Về vấn đề chăm sóc y tế, Nhà trường có bố trí phòng y tế tại 2 cơ sở của Trường, có 02 cán bộ y tế thường xuyên theo dõi, sơ cấp cứu và xử lý ban đầu các trường hợp sinh viên có vấn đề về sức khỏe, tăng cường nhiều biện pháp ngăn ngừa dịch bệnh, hỗ trợ sinh viên đăng ký bảo hiểm y tế, làm các thủ tục để sinh viên được nhận các chế độ bảo hiểm [H17.17.02.11].

Nhà trường tổ chức, định hướng, hỗ trợ để phát triển hệ thống các hoạt động, phong trào thể dục - thể thao, văn hóa – văn nghệ trong toàn thể sinh viên, các câu lạc bộ và các cuộc thi học thuật. Một số câu lạc bộ và các cuộc thi học thuật được thành lập và hoạt động hiệu quả dưới sự giám sát của Đoàn thanh niên, Hội sinh viên [H17.17.02.12].

Đầu mỗi năm học, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên (quản lý KTX, quản lý sinh viên nội trú) rà soát và ra thông báo các đối tượng sinh viên được xem xét vào ở KTX. Sinh viên đủ điều kiện được bố trí tại KTX khu AB và KTX khu K. Nhằm tạo điều kiện học tập tốt cho sinh viên, KTX có bố trí không gian tự học, siêu thị mini tiện ích, dịch vụ hỗ trợ giặt ủi cho sinh viên [H17.17.02.13].

Về hướng dẫn – tư vấn – giới thiệu việc làm: Trung tâm Hỗ trợ sinh viên là đơn vị đầu mối thực hiện các hoạt động kết nối giữa Doanh nghiệp, nhà trường và sinh viên. Đơn vị thường xuyên phối hợp với các doanh nghiệp tổ chức chương trình tư vấn kỹ năng nghề nghiệp, hội thảo hướng nghiệp, các hoạt động tuyển dụng trực tiếp tại trường và Ngày hội việc làm cho SV trong quá trình học tập, đặc biệt là sinh viên mới nhập trường và chuẩn bị tốt nghiệp. Thực hiện ký thỏa thuận hợp tác với nhiều doanh nghiệp trong việc đào tạo và định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Sinh viên được tham gia các lớp huấn luyện kỹ năng, định hướng nghề nghiệp, tham gia ngày hội việc làm định kỳ hàng năm. Bên cạnh đó, sinh viên còn được giới thiệu việc làm bán thời gian [H17.17.02.14].

Về khen thưởng - tuyên dương: Nhà trường đã quy định về xét khen thưởng sinh viên. Khen thưởng đối với cá nhân theo từng lĩnh vực (Đạt giải Olympic; NCKH...) hoặc khen thưởng định kỳ cuối mỗi năm học cho các sinh viên có thành tích tốt trong năm học và khen thưởng toàn khóa. [H17.17.02.15]

Về hỗ trợ kỹ năng mềm: Hỗ trợ cho sinh viên các lớp kỹ năng mềm, ngoại ngữ giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng bên cạnh kiến thức chuyên môn, tạo điều kiện cho sinh viên dễ dàng hội nhập với môi trường doanh nghiệp trong nước và quốc tế sau khi tốt nghiệp [H17.17.02.16].

Ngoài ra, Nhà trường còn có các chương trình trao đổi sinh viên quốc tế ngắn hạn và dài hạn cho sinh viên của trường. Các sinh viên quốc tế hiện đang học tại nhà trường luôn được sự quan tâm, hỗ trợ về chỗ ở, sinh hoạt... [H17.17.02.17].

Hệ thống giám sát người học được thực hiện thông qua kết quả xét tuyển đầu vào, quá trình đào tạo và đầu ra của sinh viên được đánh giá đo lường qua hồ sơ các kỳ thi: Xét tuyển đầu vào, thi kết thúc học phần [H17.7.02.18]. Tất cả các phương tiện đo lường và đánh giá đều được thực hiện nghiêm túc, đúng quy chế quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hệ thống quản lý kết quả học tập của sinh viên được hệ thống hóa trên phần mềm quản lý đào tạo. Thông qua cổng thông tin điện tử của Trường và phần mềm quản lý đào tạo, sinh viên dễ dàng cập nhật các thông tin liên quan để xem thời khóa biểu, biết được số lượng tín chỉ đã tích lũy, kết quả học tập, lịch thi, cảnh báo học vụ, … [H17.17.02.19]. Bên cạnh đó việc theo dõi học tập của sinh viên còn được thực hiện qua việc điểm danh sinh viên của giảng viên lên lớp được thể hiện qua kết quả đánh giá điểm chuyên cần của các học phần [H17.17.02.20]. Theo dõi kết quả học tập của sinh viên thông qua kết quả xử lý học vụ từng học kỳ để có những nhắc nhở kịp thời đến sinh viên, theo dõi kỷ luật, đánh giá rèn luyện sinh viên thông qua giám sát hoạt động đào tạo [H17.17.02.21].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức vinh danh các sinh viên tiêu biểu, trao Giấy khen và phần thưởng của Hiệu trưởng như một lời động viên, khen ngợi các em đạt thành tích cao trong học tập [H17.17.02.22]. Đồng thời, hàng năm Nhà trường cũng tổ chức "Hội nghị đối thoại giữa Nhà trường với Sinh viên" để lắng nghe những chia sẻ và giải đáp những thắc mắc, cùng sinh viên tháo gỡ khó khăn, giúp sinh viên ngày càng tiến bộ [H17.17.02.23].

Để có cơ sở điều chỉnh các hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học Phòng KT&ĐBCL đã triển khai các hoạt động khảo sát người học về công tác tổ chức, quản lý và hỗ trợ đào tạo của các đơn vị trong trường [H17.17.02.24].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.3: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát.

Việc rà soát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học và hệ thống giám sát người học là việc không thể thiếu đối với Nhà trường để cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ. Hàng năm, Nhà trường tiến hành rà soát đánh giá các văn bản pháp quy đang được triển khai thực hiện, các văn bản hành chính, các chế độ chính sách, các quy trình nghiệp vụ và các biểu mẫu liên quan [H17.17.03.01].

Thực hiện rà soát, đánh giá chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được thực hiện theo định kỳ tháng, quý, năm. Nhằm để giám sát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên hiệu quả, hàng tháng, quý và cuối năm các đơn vị thuộc và trực thuộc trường báo cáo hoạt động của đơn vị về văn phòng của Trường. Qua đó các hoạt động liên quan đến người học được rà soát một cách chặt chẽ [H17.17.3.02].

Định kỳ hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị Đối thoại trực tiếp giữa Nhà trường với sinh viên nhằm đánh giá các hoạt động liên quan đến người học, qua đó thực hiện tốt công tác giám sát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Hội nghị này do BGH chủ trì cùng với phòng Công tác sinh viên, lãnh đạo các đơn vị, tổ chức của Trường, Cố vấn học tập, chuyên viên tham gia công tác đào tạo và phục vụ của nhà trường với sinh viên. Đây cũng là hoạt động thường niên của Nhà trường nhằm rà soát, đánh giá các hoạt động chính trị, văn hóa, giáo dục của Nhà trường với sinh viên; đảm bảo kênh thông tin thông suốt trong hoạt động nhà trường, các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học và hệ thống giám sát người học cũng đoợc rà soát chặt chẽ [H17.17.3.03].

Đồng thời, Nhà trường ban hành lịch tiếp công dân của Ban giám hiệu được thực hiện với tần suất 1 lần/ tháng và thực hiện công khai lịch làm việc của lãnh đạo được để sinh viên thực hiện liên lạc và giám sát [H17.17.3.04].

Tất cả các thông tin về kết quả học tập, rèn luyện của SV được lưu trữ và quản lý bởi phần mềm Quản lý đào tạo do phòng Đào tạo, Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng quản lý và Phòng Công tác sinh viên [H17.17.3.05].

Trường thực hiện lên kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát hoạt động hỗ trợ người học: Sau mỗi năm học, mỗi năm công tác, các đơn vị làm báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá hoạt động của đơn vị và các hoạt động liên quan đến hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, đánh giá những điểm mạnh, những mặt hạn chế, đối chiếu với kế hoạch, chỉ tiêu đầu năm, từ đó có kế hoạch, phương hướng nhiệm vụ, kế hoạch cải tiến chất lượng cho năm tiếp theo [H17.17.03.02]. Ngoài ra, sau khi có kết quả khảo sát về hoạt động tổ chức, quản lý và hỗ trợ người học từ phòng KT&ĐBCL, các đơn vị được yêu cầu thực hiện tự đánh giá sau kết quả khảo sát và đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động quản lý và hỗ trợ người học [H17.17.03.06].

Trường thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát người học như sau:

Sau mỗi học kỳ, phòng Công tác sinh viên phối hợp với các khoa, trung tâm tổ chức họp xét cảnh báo kết quả học học vụ. Phòng CTSV phối hợp với các đơn vị quản lý sinh viên, văn phòng, Đoàn trường, bộ phận thanh tra tổ chức họp đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên sau đó trình Ban Giám hiệu Nhà trường ban hành quyết định công nhận kết quả rèn luyện của sinh viên theo từng học kỳ. Báo cáo tổng hợp về kết quả học tập và rèn luyện của SV được rà soát theo các chỉ tiêu, phân tích kết quả, tìm nguyên nhân và đề ra biện pháp khắc phục [H17.17.03.07].

Ngoài ra, vào cuối mỗi năm học, phòng Đào tạo làm báo cáo tổng hợp gửi Bộ GD&ĐT theo quy định, trong đó có các chỉ số liên quan đến tuyển sinh, đào tạo, tốt nghiệp và NCKH của SV, các chỉ số liên quan đến chất lượng người học (đầu vào, đầu ra) được rà soát chặt chẽ [H17.17.03.08].

Bên cạnh đó, định kỳ mỗi năm 1 lần, Nhà trường thực hiện đánh giá nội bộ ISO, Phòng đào tạo, khoa sau đại học, các khoa, trung tâm theo dõi các chỉ tiêu được đề ra, các đề tài NCKH trong sinh viên, rà soát so sánh các chỉ tiêu đầu năm học với kết quả thực hiện trong năm học, để có kế hoạch hành động phù hợp kịp thời nhằm đạt được mục tiêu [H17.17.03.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.4: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Cùng với hệ thống giám sát người học, Nhà trường luôn nỗ lực cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên thông qua các kết quả khảo sát sự hài lòng từ các bên

liên quan. Tất cả các đơn vị trong Nhà trường đều có trách nhiệm tham gia vào việc phát hiện các điểm không phù hợp, các điểm bất hợp lý trong các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học trong triển khai công việc, để từ đó có biện pháp khắc phục, cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ, nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

- Các chỉ số cải thiện về chất lượng các hoạt động phục vụ người học:

Cải tiến hệ thống văn bản: Các chính sách, quy chế, quy định của Nhà trường liên quan đến hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan [H17.17.04.01].

Các biểu mẫu hướng dẫn sinh viên các thủ tục hành chính, các chế độ chính sách về công tác học vụ, thi kết thúc học phần và vay vốn, điểm rèn luyện của SV đều được cải tiến thường xuyên cho phù hợp với tình hình thực tế [H17.17.04.02].

Chất lượng đào tạo của sinh viên hàng năm tăng lên, số lượng sinh viên đạt danh hiệu sinh viên giỏi năm sau cao hơn năm trước, thời gian tốt nghiệp trung bình, tỷ lệ cảnh báo học vụ của sinh viên đã có sự cải thiện, đã có nhiều sinh viên đạt danh hiệu sinh viên 5 tốt cấp khoa, cấp trường, cấp thành phố, chú trọng đến chất lượng sinh viên phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ [H17.17.04.03].

Bảng 17. 1 - Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV chính quy giai đoạn 2017-2021

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Thời gian tốt nghiệp trung bình (năm)	4,10	4,21	4,08	4,06	4,06

Nguồn: Phòng Đào tạo

Bảng 17. 2 - Tỷ lệ SV chính quy thôi học

Năm học	2017	2018	2019	2020	2021
Tỷ lệ SV thôi học	25,0%	14,7%	12,0%	8,5%	7,6%

Nguồn: Phòng Đào tạo

Sau các kết quả rà soát, phân tích chất lượng học tập, rèn luyện của SV phòng Công tác sinh viên lập danh sách những SV có kết quả học tập rèn luyện yếu kém, bị cảnh báo học vụ. BGH yêu cầu các khoa, trung tâm, đơn vị quản lý sinh viên, cố vấn học tập lớp có biện pháp giúp những SV năm đầu còn gặp khó khăn khi thay đổi môi trường học tập (từ phổ thông lên đại học) và những SV có kết quả học tập, rèn luyện yếu kém nâng cao kết quả bằng nhiều biện pháp, ví dụ như: Hướng dẫn cách học tập và NCKH, tăng giao tiếp qua Email, qua gặp ngoài giờ cho những đối tượng này để hỗ trợ tối đa cho SV còn gặp khó khăn trong học tập, theo dõi nhắc nhở SV trong sinh hoạt lớp, họp cán bộ lớp phân công giúp đỡ sinh viên cùng tiến. [H17.17.04.04].

Cải tiến một số mô hình tổ chức cho sinh viên kiến tập, thực tập. Tại một số Khoa/Trung tâm cử giảng viên hướng dẫn SV liên hệ, chọn nơi thực tập, làm luận văn/đồ án tốt nghiệp [H17.17.4.05].

Tăng số lượng DN kết nối, phù hợp với chuyên môn sinh viên, tăng kênh thông tin tìm kiếm chỗ thực tập/thực hành và tìm kiếm việc làm bán thời gian cho SV đang học hoặc toàn thời gian cho SV tốt nghiệp ra trường [H17.17.04.06].

Đổi mới cách thức tổ chức một số chương trình/sự kiện nâng cao đời sống tinh thần cho SV: Nét đẹp sinh viên Ngân hàng, Cuộc thi Olympic toán, cuộc thi khởi nghiệp, các giải thi đấu thể thao…[H17.17.04.07].

Kinh phí học bổng khuyến khích hàng năm nhà trường đều bố trí một phần kinh phí thu học phí để cấp cho sinh viên. Ngoài ra, Nhà trường còn còn xây dựng quỹ học bổng HUB thông qua việc vận động tài được học bổng từ nguồn nguồn lực xã hội như các doanh nghiệp, ngân hàng, CLB/hiệp hội, hội cựu sinh viên... Số tiền và danh sách sinh viên được hỗ trợ từ các tổ chức ngoài Nhà trường tăng dần hàng năm [H17.17.4.08].

Số tiền miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập được Phòng Công tác sinh viên triển khai tổ chức xét miễn giảm cho sinh viên vào mỗi năm nhằm hỗ trợ, chia sẻ một phần khó khăn của người học giúp người học yên tâm học tập [H17.17.04.09].

Khuyến khích, động viên sinh viên đạt thành tích cao trong học tập và rèn luyện hàng năm: Tổ chức khen thưởng sinh viên đạt sinh viên giỏi, sinh viên xuất sắc, sinh viên 5 tốt, tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học và khen thưởng sinh viên có thành tích trong hoạt động NCKH cấp Khoa, cấp Trường [H17.17.4.10].

Tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa trong việc đóng học phí qua ngân hàng nhà trường phối hợp với ngân hàng làm thẻ liên kết, thẻ có giá trị để giao dịch ngân hàng, có mã sinh viên và thuận tiện cho việc chuyển tiền nộp học phí, lệ phí theo qui định.[H17.17.4.11]

Hệ thống phần mềm phục vụ công tác hỗ trợ đào tạo được cải tiến và nâng cấp: Cổng thông tin hỏi đáp (http://hoidap.buh.edu.vn/) được xây dựng và quản lý bởi phòng CTSV giúp cho việc phản hồi, giải đáp thắc mắc của SV được nhanh chóng; Hệ thống giao dịch điện tử E-Student (http://estudent.buh.edu.vn/) hỗ trợ sinh viên thực hiện các thủ tục hành chính như đăng ký làm thẻ SV, cấp bảng điểm; Hệ thống quản lý ký túc xá (http://kytucxa.buh.edu.vn/) hỗ trợ cho sinh viên các thủ tục nội trú; Hoạt động đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên được triển khai trên phần mềm thay vì tổ chức chấm điểm thủ công như trước đây đã giúp cho công tác đánh giá rèn luyện của SV trở nên nhanh chóng, thuận tiện và hiệu quả hơn… [H17.17.4.12].

Hàng năm, Nhà trường giao cho Phòng Khảo thí và bảo đảm chất lượng tiến hành khảo sát sự hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học thông qua người học và sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp. Với các hình thức và nội dung khảo sát khác nhau nhưng hầu hết người học được hỏi đều hài lòng với đội ngũ phục vụ hoạt động đào tạo của Trường. Số liệu khảo sát cho thấy, hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học của Nhà trường được người học ghi nhận và thể hiện sự tích cực của Nhà Trường trong việc cải tiến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của người học [H17.17.4.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 17:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Kế hoạch tổng thể về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được Nhà trường xây dựng theo nguyên tắc đảm bảo tính hiệu quả của Kế hoạch (luôn đặt người học ở vị trí chủ thể cần phải phục vụ để xây dựng và triển khai thực hiện Kế hoạch), có sự thống nhất từ việc triển khai đến việc đánh giá rút kinh nghiệm và điều chỉnh kịp thời các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.

Trường có đội ngũ tư vấn và hỗ trợ người học đông đảo, đầy đủ năng lực. Việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được các đơn vị phối hợp thực hiện đồng bộ, có trách nhiệm.

Hàng tuần, hàng tháng, hàng năm, công tác đôn đốc, kiểm tra, đánh giá và cải tiến hoạt động phục vụ hỗ trợ người học luôn luôn được duy trì và coi là hoạt động thường xuyên, hoạt động trọng tâm của Nhà trường.

2. Tóm tắt điểm tồn tại:

Việc đánh giá về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát chưa thực hiện được toàn diện do chưa xây dựng được một bộ chỉ số đo lường hiệu quả của công tác này.

Không gian của Trường (tại cơ sở trung tâm Quận 1) không đủ lớn nên cũng phần nào hạn chế hiệu quả hoạt động hỗ trợ sinh viên.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá tổng thể, chi tiết cho từng hoạt động hỗ trợ người học.	BGH, P.KTBĐCL, P.CTSV và các đơn vị liên quan	Năm 2022
2	Khắc phục tồn tại 2	Tiến hành khảo sát người học trên cơ sở bộ tiêu chí đã được hoàn thiện.	P.KTBĐCL, P.CTSV và các đơn vị liên quan	Năm 2022
3	Phát huy điểm mạnh 1	Luôn đặt người học ở vị trí chủ thể cần phải phục vụ để xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch.	BGH, Các đơn vị chức năng, Viên chức	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh 2	Phát triển đội ngũ viên chức làm nhiệm vụ phục vụ và hỗ trợ người học cả về "lượng và chất".	BGH, Các đơn vị chức năng, Viên chức	Hàng năm
5	Phát huy điểm mạnh 3	Công tác đôn đốc, kiểm tra, đánh giá và cải tiến hoạt động phục vụ hỗ trợ người học luôn được duy trì và coi là hoạt động thọ̀ng xuyên, hoạt động trọng tâm của Nhà trường.	Các đơn vị chức năng, Viên chức	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 17	**4,50**
Tiêu chí 17.1	5/7
Tiêu chí 17.2	5/7
Tiêu chí 17.3	4/7
Tiêu chí 17.4	4/7

TIÊU CHUẨN 18: QUẢN LÝ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 18.1: Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.

Trường là một đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc NHNN Việt Nam. Một trong những nhiệm vụ quan trọng Trường được thống đốc NHNN giao là "NCKH, phát triển công nghệ; gắn NCKH với đào tạo; tổ chức triển khai ứng dụng khoa học công nghệ vào thực tiễn, tổ chức và quản lý các hoạt động NCKH" [H18.18.01.01].

Để thực hiện nhiệm vụ trên, trường có hệ thống bao quát, định hướng, điều hành, thực thi, theo dõi và giám sát, đánh giá các hoạt động nghiên cứu, các nguồn lực, đội ngũ nghiên cứu, và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược về KHCN, bao gồm: Đảng Ủy, Ban Giám Hiệu và Hội đồng khoa học và đào tạo xác định các định hướng nghiên cứu và giám sát việc thực hiện; Quản lý, điều hành nghiên cứu được thực hiện bởi 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách KHCN và Viện NCKH&CNNH [H18.18.01.02]. Sơ đồ tổ chức về quản lý, điều hành hoạt động nghiên cứu của trường hiện nay như sau:

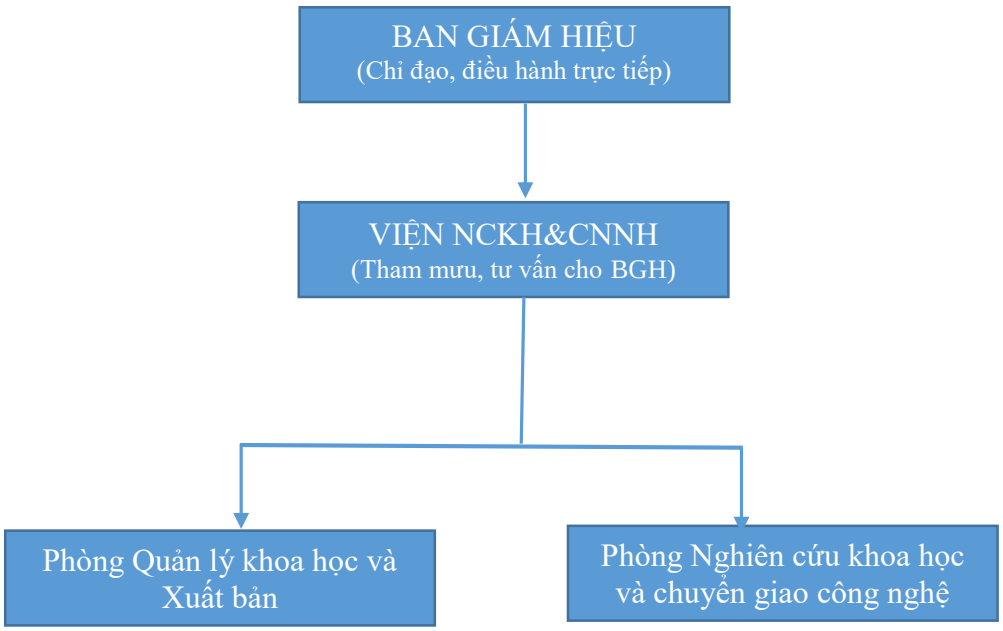

Hình 18. 1- Sơ đồ tổ chức về quản lý, điều hành hoạt động NCKH của Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM

Nguồn : Viện NCKH&CNNH

Theo sơ đồ trên, Ban Giám hiệu quản lý, điều hành hoạt động NCKH của Trường. Viện NCKH&CNNH tham mưu, tư vấn cho Ban giám hiệu. Trong Viện NCKH&CNNH chia thành 2 phòng: phòng QLKH&XB và phòng NCKH&CGCN. Mỗi phòng ban thuộc Viện quản lý hoạt động theo chức năng hoạt động của đơn vị dưới sự chỉ đạo, điều hành của Ban Lãnh đạo Viện.

Các chính sách, cơ chế chỉ đạo thực hiện, giám sát rà soát các hoạt động nghiên cứu của nhà trường được xác định rõ trong sứ mạng, mục tiêu phát triển trường trong từng giai đoạn[H18.18.01.03], và được thể hiện trong chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn của Trường [H18.18.01.04]. Các kế hoạch khoa học công nghệ của Nhà trường hàng năm và các giai đoạn đã cụ thể hóa các chỉ tiêu cần đạt và lộ trình thực hiện theo từng năm về khoa học công nghệ của Nhà trường cho phù hợp với tình hình thực tiễn từng thời điểm [H18.18.01.05], [H18.18.01.06]. Kết quả xây dựng và triển khai hoạt động khoa học công nghệ của Trường được nêu cụ thể trong các báo cáo như: Báo cáo hoạt động khoa học công nghệ hàng năm [H18.18.01.07], và báo cáo Hội nghị cán bộ, viên chức hàng năm [H18.18.01.08], báo cáo của Ban chấp hành Đảng bộ tại Đại hội Đảng bộ Trường các nhiệm kì [H18.18.01.09] .

Trường đã xây dựng và ban hành quy chế Quản lý hoạt động khoa học và công nghệ và cập nhật, bổ sung, chỉnh sửa khi cần thiết [H18.18.01.10]. Trong đó quy định về công tác quản lý, quy trình xây dựng và đề xuất các hoạt động nghiên cứu, quy định về khối lượng NCKH hằng năm theo quy định của nhà trường cho viên chức, giảng viên, quản lý NCKH của người học. Văn bản này được xây dựng và triển khai thực hiện căn cứ vào các văn bản pháp lý như: (i) Luật Khoa học công nghệ; (ii) Luật Sở hữu trí tuệ; (iii) Luật Chuyển giao công nghệ; (iv) Các văn bản dưới luật.

Trên cơ sở quy định của Quy chế quản lý KH&CN, Viện NCKH&CNNH triển khai quy trình xây dựng kế hoạch KHCN hàng năm của Trường như sau: Đầu năm học, Viện NCKH&CNNH gửi các thông báo hướng dẫn đăng ký hoạt động KHCN cấp cơ sở tới tất cả các đơn vị có liên quan [H18.18.01.11]. Trước ngày 30/10 hàng năm, các đơn vị trong Trường phải thực hiện đăng ký các hoạt động NCKH cho năm tiếp theo gửi về Viện NCKH&CN tổng hợp. Sau khi được thông qua Hội đồng xét duyệt, danh mục các hoạt động NCKH và kinh phí thực hiện, Viện NCKH&CN tiến hành thông báo cho các đơn vị triển khai thực hiện [H18.18.01.12]. Đối với các đề tài NCKH cấp Ngành, việc phê duyệt và giao đề tài sẽ do NHNN phê duyệt. Ngoài ra, vào tháng 6 hàng năm, Viện NCKH&CN thực hiện đề xuất các vấn đề KH&CN và dự toán kinh phí hoạt động cho năm sau gửi Viện Chiến lược thuộc NHNN, Bộ KH&CN, Bộ Tài chính để được cấp thêm kinh phí hoạt động NCKH [H18.18.01.13]. Trên cơ sở danh mục các hoạt động NCKH và kinh phí được duyệt đã thông báo cho các đơn vị, Trường thành lập hội đồng xét duyệt đề cương các đề tài, đề án, giáo trình, sách chuyên khảo. Khi đề cương đã được duyệt, Trường thực hiện quyết định giao và ký kết hợp đồng NCKH với các chủ nhiệm đề tài, chủ biên sách. Khi chủ nhiệm đề tài, chủ biên sách nộp sản phẩm,Viện NCKH&CN tiến hành các bước (theo quy trình đã được quy định trong Các quy chế hoạt động KHCN của Trường) để nghiệm thu và khi các hoạt động NCKH đã được nghiệm thu sẽ được cấp quyết định công nhận [H18.18.01.14]. Trước ngày 30/5 và 30/11 hàng năm, các đơn vị của Trường gửi Báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động NCKH kèm theo minh chứng hệ thống các sản phẩm NCKH về Viện NCKH&CN tổng hợp [H18.18.01.15].

Hàng năm, Viện NCKH&CN thực hiện báo cáo hoạt động NCKH năm học gửi Bộ GD&ĐT [H18.18.01.16], báo cáo tổng kết hoạt động NCKH năm học gửi Bộ GD&ĐT, Viện Chiến lược thuộc NHNN, Bộ KHCN [H18.18.01.17].

Các tiêu chí đánh giá số lượng chất lượng nghiên cứu khoa học được nhà trường Quy định trong Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học công nghệ [H18.18.01.18]. Theo đó, các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp sẽ được các hội đồng chuyên môn đánh giá chất lượng nghiên cứu thông qua các phiếu đánh giá, nhận xét về kết quả nghiên cứu của đề tài.

Để theo dõi, giám sát đánh giá chất lượng nghiên cứu khoa học được hiệu quả, trường phân công cho Viện NCKH&CNNH là đơn vị chuyên trách và đầu mối thực hiện hoạt động này. Viện NCKH&CNNH có phó Viện trưởng phụ trách điều hành tổng thể, 01 trưởng phòng Quản lý khoa học và xuất bản phụ trách, điều hành mảng quản lý khoa học và ba chuyên viên trực tiếp thực hiện triển khai các nhiệm vụ thuộc mảng quản lý khoa học [H18.18.01.19].

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, Phòng Quản lý khoa học và xuất bản thuộc Viện NCKH&CNNH thường xuyên kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các nhiệm vụ KHCN định kỳ hàng năm, báo cáo kịp thời lên BGH, NHNN những khó khăn, vướng mắc phát sinh để xin ý kiến chỉ đạo và có biện pháp khắc phục kịp thời, tạo điều kiện cho các đơn vị, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Bên cạnh đó, hàng năm, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị CNVC trong đó có nội dung Khoa học - Công nghệ để tổng kết các hoạt động KHCN trong toàn Trường bao gồm các đề tài/dự án cấp Quốc gia, cấp Bộ, cấp trường, hoạt động NCKH của SV, bài báo khoa học đăng tạp chí, hội thảo khoa học... từ đó chỉ ra những mặt mạnh, những tồn tại và nguyên nhân để tìm ra biện pháp khắc phục nhằm cải thiện chất lượng các hoạt động KHCN phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.2: Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

Nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu của nhà trường gồm các nguồn : Nguồn kinh phí trực tiếp để chi cho hoạt động KHCN cấp cơ sở của trường, nguồn thu từ các đề tài NCKH trúng thầu cấp bộ/ngành trở lên và nguồn tài trợ từ các đơn vị ngoài trường.

Nhằm đẩy mạnh hoạt động NCKH, nhà trường đã dành nguồn kinh phí nhất định đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm [H18.18.02.01]. Ngoài ra, nhà trường đã thiết lập và duy trì Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp đơn vị với nguồn hình

thành từ chênh lệch thu chi thường xuyên theo quy định, trong đó, có mức chi hỗ trợ cho hoạt động KHCN [H18.18.02.02].

Bên cạnh đó, nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu còn có từ việc trường trúng thầu các đề tài NCKH từ các tỉnh, ngành, quốc gia và tài trợ từ ngoài Trường. Trong giai đoạn 2017 - 2021, tổng số thu cho các hoạt động KHCN của Trường được thể hiện qua bảng sau [H18.18.02.03].

Bảng 18. 1 - Tổng thu cho các hoạt động KHCN giai đoạn 2017-2021

Đơn vị: triệu đồng

Năm	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**
Thu từ NSNN cấp	650	700	800	1000	1100

Nguồn: Phòng Tài chính - Kế toán.

Hằng năm, Trường đều có trúng thầu các hoạt động KHCN từ cấp Bộ/Ngành trở lên. Bên cạnh đó, trường cũng tìm được các nguồn tài trợ khác từ các doanh nghiệp.

Để tạo tiền đề xây dựng, thiết lập các nhóm nghiên cứu mạnh, nhóm nghiên cứu tiềm năng, từ năm 2019, Trường đã đưa ra quy định quản lý hoạt động nhóm nghiên cứu mạnh trong Quy chế quản lý hoạt động KHCN và có chế độ tài chính hỗ trợ đối với nhóm nghiên cứu mạnh [H18.18.02.04], [H18.18.02.05]. Ngoài ra, Trường đã thành lập Phòng Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc Viện NCKH&CNNH chuyên thực hiện hoạt động NCKH. Đến nay, trường đã thành lập được 2 nhóm nghiên cứu mạnh trong năm 2021.

Để thu hút viên chức, giảng viên và người học tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, nhà trường đã có những chính sách hỗ trợ tài chính và khen thưởng kịp thời cho các hoạt động nghiên cứu có kết quả. Đặc biệt với những nghiên cứu chất lượng được đăng trên các tạp chí khoa học uy tín quốc tế thuộc danh mục ISS, SCOPUS hoặc những công trình nghiên cứu đạt giải thưởng [H18.18.02.06].

Năm 2019, nhà trường đã tiến hành triển khai hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đối với Vinaline, thu về nguồn thu 430.650.000 đồng [H18.18.02.07]. Ngoài hoạt động này ra, nhà trường chưa có sản phẩm nào được thương mại hoá trong giai đoạn từ năm 2017-2021.

Bảng 18. 2 - Danh mục sản phẩm NCKH được thương mại hoá từ năm 2017-2021

STT	**Tên sản phẩm**	**Đơn vị đối tác**	**Năm thực hiện**
1	Dịch vụ tư vấn "Xây dựng chiến lược quản trị rủi ro của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam"	Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam – Công ty TNHH một thành viên (Vinalines)	2019

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

Bên cạnh đó Trường đã có hoạt động nghiên cứu hợp tác, phối hợp với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước như: Đại học Tài chính Marketing (Hội thảo BDP 2021) , Học Viện Ngân hàng (Hội thảo ECONVN2018), Sở khoa học công nghệ (Hội thảo ECONVN 2019)…. .[H18.18.02.08]. Đặc biệt, từ năm 2018 đến năm 2021, hàng năm, nhà trường đều tổ chức Hội thảo quốc tế ECONVN nhằm kết nối, trao đổi thông tin với các nhà khoa học nhiều nước trên thế giới với những nội dung thiết thực [H18.18.02.09]. Hoạt động này vừa tạo điều kiện cho CBVC nhà trường có điều kiện tiếp cận nguồn tri thức mới, vừa lan toả hình ảnh của trường ở Việt Nam và trên thế giới.

Trường cũng đầu tư, nâng cấp, mua mới các trang thiết bị, tài liệu phục vụ, hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu để các hoạt động nghiên cứu hiệu quả. [H18.18.02.10].

Nhìn chung trong giai đoạn 5 năm từ năm 2017-2021, hoạt động chuyển giao công nghệ với doanh nghiệp của nhà trường chưa được mạnh mẽ, sản phẩm còn khá hạn chế. Tuy nhiên, trường có các hoạt động NCKH phối hợp với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước.

Trên cơ sở kế hoạch công tác hàng năm giao cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, và quy chế Quản lý khoa học và công nghệ của Trường, Viện NCKH&CNNH ban hành, triển khai kế hoạch hoạt động khoa học công nghệ cho toàn trường. Căn cứ vào đó, các các cá nhân, đơn vị thuộc và trực thuộc trường sẽ triển khai, tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học công nghệ theo đúng tiến độ và bảo đảm chất lượng. Kết thúc hoạt động và cuối năm,Viện NCKH&CNNH sẽ tổng hợp các hoạt động khoa học công nghệ toàn trường. Viện NCKH&CNHN sẽ xây dựng báo cáo tổng thể hoạt động khoa học công nghệ hàng năm của trường trình Ban giám hiệu [H18.18.02.11].

Để triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học theo đúng kế hoạch đã đề ra, trên cơ sở Quy chế chi tiêu nội bộ, sự đề xuất của các đơn vị và cân đối nguồn tài chính tổng thể, Phòng kế toán tài chính đã tham mưu đề xuất để Ban giám hiệu nhà trường xét duyệt kinh phí nhằm hỗ trợ và đảm bảo các hoạt động nghiên cứu khoa học của trường được tổ chức thực hiện theo đúng kế hoạch, đảm bảo chất lượng và tiến độ được giao [H18.18.02.12].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 18.3: Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu.

Các chỉ số đánh giá về nghiên cứu của Trường được xác định trong chiến lược phát triển [H18.18.03.01] thông qua: Số bài báo quốc tế, bài báo khoa học trong nước; đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, cấp ngành, cấp nhà nước, tỷ lệ giảng viên có 1 bài báo. Ngoài ra, hàng năm, các chỉ tiêu phấn đấu về NCKH toàn trường cũng được thể hiện trong báo cáo hội nghị CBCCVC [H18.18.03.02].

Quy định về định mức NCKH, mức độ hoàn thành nhiệm vụ NCKH của giảng viên, nghiên cứu viên được quy định cụ thể trong quy chế Quản lý khoa học và công nghệ, Quy chế đánh giá, xếp loại người lao động (Quy chế ABC), quy chế về chế độ làm việc của Nghiên cứu viên [H18.18.03.03], H18.18.03.04], H18.18.03.05]. Hàng năm, Kết quả NCKH đối với cá nhân các giảng viên và các nhà khoa học, Trường yêu cầu đánh giá kết quả NCKH thông qua bảng kê khai đánh giá hàng năm và đây là một trong những chỉ số quan trọng nhất để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ cũng như bình xét danh hiệu thi đua đối với mỗi cá nhân viên chức, giảng viên. [H18.18.03.06].

Từ năm 2017 - 2021 (tính đến 30/11/2021), cán bộ, GV của Nhà trường đã hoàn thành tổng số 117 đề tài, đề án các cấp, trong đó có: 01 nhiệm vụ KHCN cấp Quốc gia, 19 nhiệm vụ KHCN cấp Bộ và tương đương, 97 đề tài và đề án cấp Cơ sở. Theo thống kê, tổng số các bài báo của CBVC Nhà trường đã đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước từ năm 2017 - 2021 là 1034. Về công bố quốc tế, trong giai đoạn trên, CBVC Nhà trường đã đăng tổng cộng 667 bài báo và hội thảo khoa học quốc tế, trong đó có 167 bài thuộc danh mục ISI và 154 bài thuộc danh mục SCOPUS [H18.18.03.07].

Các nhóm chính được các tác giả đăng tải và công bố trên Tạp chí chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán. Đây đều là những vấn đề ưu tiên của Trường trong chiến lược phát triển khoa học công nghệ và cũng là thế mạnh của Trường [H18.18.03.08].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức Hội nghị cán bộ công nhân viên chức toàn Trường nhằm tổng kết đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch đã đề ra, trong đó có hoạt động KHCN. Thông qua Hội nghị, toàn thể CBVC của Nhà trường được thông qua báo cáo kết quả và đóng góp ý kiến nhằm khắc phục và nâng cao chất lượng cũng như số lượng các đề tài, dự án của Nhà trường, đồng thời góp ý xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN cho năm tiếp theo [H18.18.03.09].

Nhà trường luôn khuyến khích các GV, các nhà khoa học công bố kết quả NCKH trên các tạp chí trong và ngoài nước. Nhà trường áp dụng định mức giờ NCKH cho bài báo trong nước, bài báo quốc tế để khuyến khích hơn các hoạt động viết và đăng báo trên các tạp chí [H18.18.03.10].

Với sự phát triển nghiên cứu khoa học về cả số lượng và chất lượng trong những năm gần đây, đã góp phần nâng cao uy tín, vị thế của các giảng viên nói riêng và nhà Trường nói chung. Trường đã đóng góp rất nhiều các công trình nghiên cứu khoa học có chất lượng cho toàn xã hội.

Ngoài ra, nhà trường đã xây dựng các KPIs quy định rõ việc đánh giá hiệu quả của các nhóm Nghiên cứu mạnh hàng năm trong Quy chế quản lý KHCN của Trường [H18.18.03.11].

Theo định kì 6 tháng, cuối năm nhà trường thực hiện việc rà soát, đánh giá việc thực hiện các KPIs chính [H18.18.03.12]. Trên cơ sở đó tiếp tục phát huy những kết quả đạt được và kịp thời điều chỉnh những tiêu chí, chỉ số đánh giá chất lượng số lượng nghiên cứu bất hợp lí, lạc hậu. Đồng thời lấy đó là căn cứ đề xuất điều chỉnh các kế hoạch khoa học công nghệ cho từng giai đoạn [H18.18.03.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 18.4: Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.

Công tác quản lý nghiên cứu được lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan thông qua cơ sở dữ liệu (phiếu khảo sát, dữ liệu về khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) về đánh giá, phản hồi của các bên liên quan đối với công tác nghiên cứu khoa học [H18.18.04.01].

Để đạt được chất lượng thực hiện kế hoạch khoa học công nghệ, nhà trường tiến hành rà soát tiến độ, các chỉ tiêu đề ra theo từng năm, từng giai đoạn thông qua các báo cáo tổng kết công tác. Sau mỗi năm học, mỗi giai đoạn Viện NCKH&CNNH tiến hành tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học, chỉ ra những điểm tồn tại bên cạnh các kết quả đạt được, đối sánh các chỉ số đã đề ra trong kế hoạch từ đó có các biện pháp khả thi để nâng cao chất lượng nghiên cứu.

Trên cơ sở phân tích những vấn đề nhận dạng được trong quá trình rà soát, hệ thống quản lý nghiên cứu của Trường đã được cải tiến để đáp ứng tốt hơn tầm nhìn và sứ mạng của Trường về mặt KHCN, bao gồm:

- Cải tiến nghiên cứu khoa học của giảng viên thông qua việc chuẩn hóa các quy trình, biểu mẫu; tăng định mức kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học cấp quốc tế; liên hệ thường xuyên với các chủ nhiệm/chủ biên đề tài, đề án, sách để phối hợp trao đổi giải quyết những vướng mắc khó khăn và đôn đốc tiến độ thực hiện. Đồng thời tổ chức hội đồng xét duyệt đề cương, hội đồng nghiệm thu nghiêm túc, liên tục cập nhật phổ biến thông tin, triển khai đăng kí nhiệm vụ khoa học công nghệ các cấp cho giảng viên, viên chức trong trường (nếu có) [H18.18.04.02].
- Cải tiến nghiên cứu khoa học của sinh viên: hệ thống hóa các quy định và hướng dẫn, đôn đốc, theo sát sinh viên trong quá trình thực hiện triển khai đề tài. Cải tiến công tác tổ chức nhân sự, viện NCKH&CNNH đã phân công một chuyên viên phụ trách mảng nghiên cứu khoa học của sinh viên, thực hiện tổ chức giám sát, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên. Mỗi một khoa, viện, phòng đào tạo cũng có một lãnh đạo đơn vị phụ trách về nghiên cứu khoa học của sinh viên. Bên cạnh đó, Đoàn trường và Phòng Công tác sinh viên cũng tích cực phối hợp các hoạt động phong trào thúc đẩy nghiên cứu

khoa học sinh viên phát triển, khen thưởng tuyên dương những sinh viên có thành tích trong hoạt động nghiện cứu khoa học các cấp [H18.18.04.03].

- Triển khai điều chỉnh, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và hoạt động của Viện NCKH&CNNH.
- Hoàn thiện phương thức đánh giá chế độ làm việc của giảng viên và nghiên cứu viên về NCKH theo các chỉ số đánh giá chính.
- Từng bước tin học hóa hệ thống quản lý KHCN, bằng việc xây dựng và ứng dụng phần mềm quản lý khoa học vào công tác quản lý khoa học của nhà trường.
- Tăng cường vai trò của các đơn vị chuyên môn trong quản lý KHCN. Các Khoa được Trường giao là đầu mối để tập hợp, đánh giá các đề xuất và chủ quản các đề hoạt động KHCN, đề tài NCKH sinh viên [H18.18.04.04].
- Tạp chí Kinh tế và ngân hàng Châu Á (AJEB) đã có những cải tiến nhất định để từng bước nâng cao chất lượng tạp chí. Từ năm 2017, tạp chí đã có phiên bản tiếng Anh. Từ tháng 6 năm 2020, AJEB phiên bản tiếng Anh đã chính thức xuất hiện trên cơ sở dữ liệu của Nhà xuất bản quốc tế EMERALD. Đây là bước tiến quan trọng trong quá trình phát triển của AJEB giúp nâng cao mức độ nhận biết, chất lượng và ảnh hưởng của tạp chí trong nước và quốc tế, đa dạng về tác giả, nâng cao tính chuyên nghiệp trong quy trình xuất bản. [H18.18.04.05].

Trên cơ sở đó công tác nghiên cứu khoa học được đánh giá khá tốt về chất lượng: các sản phẩm KHCN nghiệm thu về cơ bản đều đạt yêu cầu ở các mức độ khá, suất sắc [H18.18.04.06]; có những đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên chất lượng, đạt giải thưởng các cấp [H18.18.04.07]. Vì thế, chất lượng và công tác quản lý được nhà trường đánh giá tốt trong các cuộc họp tổng kết.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 18:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường có cơ cấu tổ chức quản lý việc thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu rõ ràng theo các cấp từ trên xuống dưới. Đây là một điểm mạnh nổi bật của nhà trường.

Nhà trường có hoạt động NCKH hợp tác/phối hợp với các cơ sở nghiên cứu trong và ngoài nước.

Trường đã xây dựng được các KPIs cụ thể về số lượng và chất lượng nghiên cứu ngay trong chiến lược phát triển Trường trong đó có chiến lược phát triển khoa học công nghệ.

Công tác quản lý khoa học hàng năm được đánh giá tốt. Theo kết quả khảo sát hàng năm của phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng đào tạo, hàng năm công tác quản lý khoa học đều được đánh giá cao.

2. Tóm tắt điểm tồn tại:

Quy chế quản lý khoa học và công nghệ còn một số bất cập, gây khó khăn cho công tác quản lý khoa học của trường cũng như việc thực hiện nhiệm vụ KHCN của CB VC NLĐ tại trường.

Nhà trường còn có ít nhóm nghiên cứu mạnh để thực hiện các hoạt động nghiên cứu chủ lực của nhà trường, đồng thời chưa có các nhóm nghiên cứu mạnh ngoài lĩnh vực tài chính ngân hàng. Hơn nữa, nhân lực phòng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ còn ít, số lượng nghiên cứu viên còn hạn chế.

Một số nội dung đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ chưa thống nhất giữa các quy chế: Quy chế về chế độ làm việc của giảng viên, quy chế quản lý KH&CN.

Phần mềm Quản lý KHCN hiện nay vẫn còn một số hạn chế, gây khó khăn khi tổng hợp kê khai NCKH và trích xuất dữ liệu.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Rà soát, chỉnh sửa quy chế Quản lý khoa học và công nghệ cho phù hợp với thực trạng quản lý khoa học tại trường.	- Ban Giám hiệu - Viện NCKH&CNNH	2022
2	Khắc phục tồn tại 2	- Đầu tư có trọng điểm cho các nhóm nghiên cứu mạnh. Tập trung nguồn lực và tạo điều kiện để phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh có tính ứng dụng cao trong các lĩnh vực công nghệ tài chính. Trên cơ sở đó, thu hút nguồn lực và sự quan tâm của giới khoa học vào các nhóm này để tạo mạng lưới liên kết, hỗ trợ nhằm phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh tiếp theo. - Mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu. Tăng cường giao lưu, liên kết với các tổ chức nước ngoài, tranh thủ tìm kiếm và khai thác các nguồn kinh phí từ các đối tác và các tổ chức quốc tế phục vụ	- BGH - Các khoa chuyên ngành. - Phòng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ thuộc Viện NCKH&CNNH. - Phòng TCCB	2022

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
		cho hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và các nhóm nghiên cứu mạnh trong đại học Ngân hàng TP.HCM nói riêng. - Định hình các hướng nghiên cứu mới. Khuyến khích những hướng nghiên cứu mới, ưu tiên mở các đề tài kết hợp nghiên cứu liên ngành, đa ngành, qua đó góp phần xây dựng một số ngành, chuyên ngành đạt trình độ quốc tế; đồng thời thực hiện đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của xã hội về nguồn lực cán bộ trong lĩnh vực khoa học công nghệ. - Gắn hoạt động nghiên cứu với chuyển giao công nghệ. Các nhóm nghiên cứu mạnh cần cân đối nguồn lực và phát triển thế mạnh của mình về cả ba lĩnh vực là: nghiên cứu khoa học, đào tạo và dịch vụ. Với tư cách là các nhóm nghiên cứu mạnh trong một trường đại học hiện đại, chất lượng cao thì vấn đề giao thoa giữa ba chức năng: đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ xã hội phải là nhiệm vụ xuyên suốt trong các hoạt động của các nhóm nghiên cứu mạnh. - Khai thác và phát triển đội ngũ cán bộ trong các nhóm nghiên cứu mạnh. Tổ chức những nhóm chuyên gia chuyên ngành, liên ngành để hỗ trợ, tư vấn cho các nhóm nghiên cứu mạnh trong việc xây dựng các dự án, đề tài khoa học có tính trọng điểm. - Tuyển dụng thêm NCV		
3	Khắc phục	Rà soát lại điểm chưa thống nhất về NCKH giữa các quy chế : Quy chế về chế độ làm việc của giảng	- BGH - Phòng TCCB	2022

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
	tồn tại 3	viên, quy chế QLKH&CNNH.	- Viện NCKH&CNNH	
4	Khắc phục tồn tại 4	Nhanh chóng hoàn thiện đề án cải tiến, nâng cấp phần mềm Quản lý khoa học và công nghệ.	- Phòng Quản lý CNTT - Viện NCKH&CNNH	2022
5	Phát huy điểm mạnh 1	Phát huy điểm mạnh mốc chuẩn 1	-BGH phụ trách hoạt động NCKH , Viện NCKH&CNNH thường xuyên cập nhật thông tư, quy định mới của pháp luật về các hoạt động KHCN để đáp ứng đúng yêu cầu của pháp luật. Ngoài ra, Viện NCKH&CNNH thường xuyên cập nhật thông tin về chuyên môn, hướng nghiên cứu của các thầy cô để tư vấn các hội đồng cho BGH.	-BGH -Viện NCKH&CNNH
6	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục tổ chức hội thảo Kinh tế lượng hàng năm.	-BGH -Viện NCKH&CNNH (Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng Châu Á)	2022
7	Phát huy điểm mạnh 3	Bám sát chỉ tiêu KPIs đã được đề ra trong chiến lược để hành động hàng năm.	-BGH - Toàn bộ VC, NLĐ, Người học tại Đại học Ngân hàng TP.HCM	2022
8	Phát	Tập thể Viên chức, NLĐ Viện	-Viện	2022

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
	huy điểm mạnh 4	NCKH&CNNH tiếp tục phát huy tinh thần, trách nhiệm, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.	NCKH&CNNH	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 18	***4,25***
Tiêu chí 18.1	5/7
Tiêu chí 18.2	4/7
Tiêu chí 18.3	4/7
Tiêu chí 18.4	4/7

TIÊU CHUẨN 19: QUẢN LÝ TÀI SẢN TRÍ TUỆ

Tiêu chí 19.1: Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu.

HUB có đơn vị và phân công nhân sự quản lý và hỗ trợ bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu. Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM dựa trên các quy định của Bộ KH&CN, Bộ Nội vụ, Bộ GD&ĐT; giao cho Viện NCKH&CNNH và Thư viện quản lý hoạt động này, theo quy định chức năng, nhiệm vụ của 2 đơn vị. Trên cơ sở đó, các đơn vị Viện NCKH&CNNH và Thư viện đã phân công nhiệm vụ trong đơn vị theo dõi và hỗ trợ [H19.19.01.01].

HUB có ban hành văn bản hợp nhất về Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của trường Đại học Ngân hàng TP. HCM theo Quyết định số 2002/VBHN-ĐHNH ngày 19/10/2020 trong đó Chương XI về quản lý hoạt động chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ quy định các nội dung về Quyền sở hữu đối với các tài sản trí tuệ, Tác giả và đồng tác giả của các tài sản trí tuệ, Tổ chức quản lý tài sản trí tuệ, Cơ chế khai thác và phân bổ lợi ích từ các tài sản trí tuệ, Quy định về khen thưởng và xử lý vi phạm [H19.19.01.02].

Trường ban hành Quy chế Liêm chính học thuật quy định rõ về chuẩn mực, đạo đức, bảo hộ phát minh, sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế [H19.19.01.03].

Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM có hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài NCKH phê duyệt, về dự thầu, nhóm nghiên cứu mạnh, có kinh phí cho các hoạt động in ấn kỷ yếu hội thảo khoa học và kinh phí thực hiện đề tài, giáo trình, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo, đề án, sáng kiến, thực hiện hồ sơ đấu thầu, kinh phí thưởng cho một số hoạt động nổi bật như các công bố quốc tế, đạt các giải thưởng, đề tài các cấp thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ [H19.19.01.04].

Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM có quy định về cơ chế khai thác và phân bổ lợi ích từ các tài sản trí tuệ gồm 7 điều là Điều 147, Điều 148, Điều 149, Điều 150, Điều 151, Điều 152, Điều 153 với các các nội dung Các hình thức khai thác tài sản trí tuệ, Quy định về công bố, Khai thác tài sản trí tuệ, Quyền và nghĩa vụ về khai thác tài sản trí tuệ của cán bộ, viên chức, người lao động [H19.19.01.05].

Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM có quy định về quy trình công bố và lưu trữ kết quả NCKH từ đề tài, khóa luận tốt nghiệp, luận văn, luận án, đề án, sách, sáng kiến có quy định nộp lưu theo Chương 2 , 3, 4, 5, 7 quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ [H19.19.01.06], Quy chế đào tạo Đại học [H19.19.01.07], Quy chế đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ [H19.19.01.08]. Quy định về lưu trữ công trình NCKH quy định quy trình

lưu trữ kết quả đề tài nghiên cứu trong đó đề tài NCKH được lưu trữ tại Viện NCKH&CNNH và Thư viện, các luận văn, luận án được lưu trữ tại các Khoa, Phòng Đào tạo của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM dạng bản cứng, file mềm [H19.19.01.09].

HUB cũng quy định định mức giờ NCKH cho chức danh giảng viên của Trường Đại học Ngân hàng TP HCM [H19.19.01.10] và các chế độ cho hoạt động này được quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ [H19.19.01.11] và Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM [H19.19.01.12].

Trường Đại học Ngân hàng TP HCM đã quy định Nhiệm vụ và quyền hạn của các Phòng, Ban, Khoa, Viện, Trung tâm và các đơn vị trực thuộc HUB trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ bộ phận quản trị tài sản trí tuệ để chỗ trợ tốt hơn cho đội ngũ các cán bộ viên chức người lao động trong công tác sở hữu trí tuệ.

+ Nhà trường phân công trách nhiệm cho Viện NCKH&CNNH là đơn vị quản lý quản lý toàn bộ tài sản trí tuệ của trường Đại học Ngân hàng TP HCM [H19.19.01.13]. Viện NCKH&CNNH đã ban hành các quy định về quản lý hoạt động xuất bản tài liệu phục vụ đào tạo, Viện NCKH&CNNH có trách nhiệm chính và phối hợp với Thư viện trong quá trình triển khai tổ chức biên soạn, xuất bản và phát hành tạp chí, kỷ yếu, giáo trình, tài liệu phục vụ sinh viên, học viên và độc giả. [H19.19.01.14].

+ Nhiều sản phẩm NCKH như sáng kiến, dự án, đề án của viên chức giảng viên được chuyển giao cho các đơn vị áp dụng trong Trường Đại học Ngân hàng TP HCM như: Ứng dụng Zalo Offcial Account để xây dựng hệ thống quản lý học vụ tại Khoa Hệ thống thông tin quản lý – Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM, Ứng dụng CNTT xây dựng hệ thống chấm điểm, đánh giá, phân loại Đoàn viên của Đoàn trường Đại học Ngân hàng Tp.HCM (giai đoạn 2 của hệ thống website quản lý quá trình tham gia hoạt động của Đoàn viên, sinh viên, CLB Đội nhóm), Ứng dụng Google Calendar, Google Classroom trong công tác quản lý công việc và giảng dạy tại Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, Áp dụng Zoon cho giảng dạy trực tuyến tại trường Đại học Ngân hàng TP.HCM, Cải tiến quy trình gửi bài trực tuyến của Tạp chí Công nghệ Ngân hàng theo chuẩn quốc tế [H19.19.01.15] [H19.19.01.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 19.2: Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai.

Các tài sản trí tuệ như kỷ yếu hội thảo khoa học, tạp chí Kinh tế Ngân hàng Châu Á (Tiếng Anh và tiếng Việt) của trường được Viện NCKH&CNNH tổ chức thực hiện việc xuất bản với các nhà xuất bản trong nước và nước ngoài như nhà xuất bản Springer, Nhà xuất bản Emerald và lưu trữ tại Viện NCKH&CNNH và Thư viện [H19.19.02.01]

[H19.19.02.02] [H19.19.02.03].

Hằng năm Trường cập nhật thống kê các dữ liệu về kết quả nghiên cứu của cơ sở giáo dục như số lượng đề tài, bài báo, sách, khóa luận, tạp chí cập nhật các bài viết trên Tạp chí khoa học Việt Nam Trực tuyến (Vietnam Journals Online- VJOL), cập nhật cơ sỡ dữ liệu từ Tư liệu khoa học Việt Nam (Citation Gate) , Cập nhật cơ sở dữ liệu từ Tư liệu khoa học Việt Nam (Citation Gate) .

Các công trình nghiên cứu khoa học như giáo trình, sách tham khảo, sách chuyên khảo, được thực hiện bởi các cán bộ, viên chức, người lao động của Trường đều là các kết quả nghiên cứu khoa học và được đảm bảo quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Trường; Khóa luận, luận văn, luận án của sinh viên đại học, học viên được lưu trữ tại Thư viện, các khoa, Phòng Đào tạo, Viện NCKH&CNNH [H19.19.02.04]. Các hồ sơ hoạt động khoa học công nghệ được lưu trữ tại Viện NCKH&CNNH. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện chuyển giao công nghệ được lưu trữ hồ sơ và kết quả nghiên cứu tại Viện NCKH&CNNH [H19.19.02.05]. Đối với các đề án, dự án nghiên cứu khoa học , sáng kiến, Viện NCKH&CNNH chủ trì lưu trữ hồ sơ đánh giá và sản phẩm NCKH. Ngoài ra, các đầu mục sách chuyên khảo, tạp chí phục vụ công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường được lưu trữ tại Thư viện [H19.19.02.06]. Năm 2015, Trường Đại học Ngân hàng TP HCM đăng ký nhãn hiệu với Cục sở hữu trí tuệ hai gam màu trắng và xanh dương cân đối, hài hòa, giản dị nhưng đầy ý nghĩa; đã truyền tải đầy đủ thông điệp của một thương hiệu trường đại học có uy tín, phát triển ổn định vững chắc trong lĩnh vực đào tạo, nghiên cứu khoa học và tư vấn khoa học tài chính ngân hàng, trong lĩnh vực kinh tế tài chính ở Việt Nam và khu vực châu Á [H19.19.02.07].

Trường Đại học Ngân hàng TP HCM có phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho cán bộ khoa học, giảng viên các quy định về quyền sở hữu trí tuệ. Trong các hợp đồng xuất bản sách chuyên khảo, giáo trình, tài liệu tham khảo của Trường với các nhà xuất bản có điều khoản nêu rõ về bản quyền tác giả. Quyền tài sản của tác giả và đồng tác giả , việc phân chia lợi ích từ tài sản trí tuệ là kết quả nghiên cứu khoa học cũng được quy định trong quy chế quản lý khoa học và công nghệ của Trường Đại học Ngân hàng TP HCM [H19.19.02.08].

Hệ thống dữ liệu về các công trình NCKH được các đơn vị chức năng quản lý theo quy định của Luật KH&CN, Luật sở hữu trí tuệ và quy chế Quản lý khoa học của Trường Đại học Ngân hàng TP HCM [H19.19.02.09].; Do vậy, hệ thống lưu trữ tài sản trí tuệ của Trường đã được triển khai, tất cả dữ liệu, hồ sơ và kết quả nghiên cứu của Trường được cập nhật theo đúng quy định hướng dẫn về việc ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ nêu trong Quy định của Trường Đại học Ngân hàng TP HCM có các cơ sở dữ liệu về tài sản trí tuệ, như báo cáo và sản phẩm của các đề tài NCKH; giáo trình; luận văn, khóa luận, đồ án tốt nghiệp; ấn phẩm khoa học (Tạp chí, Kỷ yếu Hội thảo khoa

học); các công bố khoa học; các tài sản trí tuệ đã được thông kê, quản lý và lưu trữ [H19.19.02.10]. Để ngăn ngừa hiện tượng sử dụng phần mềm vi phạm bản quyền, Trường Đại học Ngân hàng TP HCM được chú trọng đã thực hiện mua phần mềm chống đạo văn là Cơ sở dữ liệu "Turnitin Originality Check" và đưa vào sử dụng từ năm 2019 [H19.19.02.11]. Trường Đại học Ngân hàng TP HCM đã ban hành Quy định trích dẫn tài liệu tham khảo trong thể lệ tạp chí khoa học Kinh tế và Ngân hàng Châu Á, bài tham luận hội thảo, khóa luận, luận văn, luận án nhằm xác lập việc, giảng viên, sinh viên trong Trường Đại học Ngân hàng TP HCM không vi phạm quyền tác giả, đưa quy định cụ thể trong quy chế thực hiện luận văn và khóa luận cũng như quy chế quản lý khoa học [H19.19.01.12]. Các sản phẩm khoa học như đều tiến hành nghiệm thu nghiêm túc, với sự tham gia cua các nhà khoa học có chuyên môn nhằm đánh giá các chất lượng các công trình NCKH của Trường Đại học Ngân hàng TP HCM được các nhà khoa học trong Hội đồng nhận xét và đánh giá theo đúng quy trình đánh giá và thang đo. Trong biểu mẫu đánh giá đề tài tiêu chí không trùng lặp với các công trình NCKH. Dữ liệu được tổng hợp và báo cáo Ban Giám hiệu Trường Đại học Ngân hàng TP HCM qua thống kê khoa học hàng năm [H19.19.02.13].

+ Các văn bản yêu cầu, quy định về việc ghi nhận, lưu trữ và khai thác sản phẩm NCKH của Trường Đại học Ngân hàng TP HCM được quy định trong Quy chế quản lý khoa học và công nghệ và thông báo của Trường [H19.19.02.14].

+ Các thử nghiệm, sản xuất thử và thương mại hóa sản phẩm khoa học: hiện nay các công trình NCKH của Trường Đại học Ngân hàng TP HCM chủ yếu phục vụ cho hoạt động quản lý, đào tạo và giảng dạy, nghiên cứu khoa học, và quy trình chuyển giao từ sản phẩm NCKH sang ứng dụng được thực hiện; một số đề án, sáng kiến đề tài đã và đang được thương mại hóa, đưa vào ứng dụng trong và ngoài trường như Ủy ban chứng khoán, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, tổ chức APN [H19.19.02.15] [H19.19.02.16] [H19.19.02.17].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 19.3: Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.

Trường đã ban hành Quyết định số 1693/QĐ-ĐHNH ngày 01/9/2020 về việc ban hành Quy chế liêm chính học thuật của Trường Đại học Ngân hàng thành phố Hồ Chí Minh [H19.19.03.01]. Trường đã mua phần mềm chống đạo văn Turnitin Originality Check với chức năng Kiểm tra trùng lặp nội dung luận văn, luận án và triển khai cung cấp tài khoản đến các đơn vị để có cơ sở tiến hành kiểm tra đạo văn đối với các tài liệu bằng cách yêu cầu các thành viên hội đồng rà soát các nội dung trong tài liệu, nếu phát hiện có đạo văn thì tùy theo mức độ vi phạm mà có hình thức nhắc nhở hoặc kỷ luật theo quy định đối với khóa luận, luận văn, luận án, báo cáo đề tài NCKH, dự án, đề án,

sáng kiến, giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo, giáo trình [H19.19.03.02].

+ Kế hoạch rà soát công tác quản lý trí tuệ đã được thực hiện, thông qua việc triển khai các đợt đôn đốc tiến độ của Viện NCKH&CNNH. [H19.19.03.03]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 19.4: Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ cơ sở giáo dục, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng.

Trường Đại học Ngân hàng TP HCM thường xuyên thay đổi quy chế Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ khi có các thay đổi về quy định của nhà nước, cũng như đã có sự thay đổi trong quá trình quản lý tài sản trí tuệ của Trường Đại học Ngân hàng TP HCM thông qua các đợt sửa đổi, bổ sung quy chế quản lý KH&CN [H19.19.04.01]. Trường đã tổ chức thành công "Tọa đàm trao đổi kinh nghiệm và hưởng ứng ngày sở hữu trí tuệ thế giới" ngày 10/4/2021 với nội dung phổ biến tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của sở hữu trí tuệ, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến quyền tác giả, công tác xuất bản sách, công tác số hóa tài liệu, bài báo, tạp chí, luận văn, luận án, các công trình NCKH…vv đăng tải trên trang thông tin điện tử trong và ngoài Trường [H19.19.04.02].

Về kế hoạch cải tiến chất lượng công tác quản lý tài sản trí tuệ sau rà soát, đánh giá: Để có cơ sở cho việc cải tiến chính sách quản lý, Viện NCKH&CNNH chủ động thực hiện công tác thống kê, đánh giá dựa trên cơ sở dữ liệu sẵn có về các đề tài dự án hoặc thành tích KHCN của các chủ nhiệm đề tài để cập nhật vào CSDL thông qua hoạt động đánh giá giờ hoạt động KHCN để phục vụ cho công tác xếp loại theo Quy chế đánh giá và thi đua hằng năm của trường [H19.19.04.03].

Trường Đại học Ngân hàng TP HCM có tiếp thu các ý kiến của các giảng viên, viên chức và sinh viên để điều chỉnh và sửa đổi qua các hoạt động lấy ý kiến góp ý hệ thống các văn bản quản lý TSTT của Trường Đại học Ngân hàng TP HCM [H19.19.04.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 19:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Trường đã ban hành các quy định về quản lý tài sản trí tuệ, ban hành đề án Phát hành tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, ký kết hợp đồng xuất bản với nhà xuất bản Springer, Emerald đây là những nhà xuất bản uy tín và nổng tiếng thế giới, ký kết hợp đồng phần mềm mềm chống đạo văn Turnitin Originality Check.

Trường đã có nhiều sáng kiến ứng dụng vào hoạt động của trường cũng như ký kết các hợp đồng dịch vụ, thực hiện hiện đề tài, giáo trình ứng dụng cho Ủy ban chứng

khoán, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, tổ chức APN.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Dù trường có khai thác các tài sản trí tuệ nhằm thương mại hóa tạo nguồn thu nhưng giá trị chưa cao. Chưa triển khai nhiều các hoạt động tổ chức, cải tiến chất lượng quản lý Tài sản trí tuệ. Trường chưa thực hiện khảo sát sự hài lòng về công tác quản lý tài sản trí tuệ của cơ sở giáo dục.

3. Kế hoạch cải tiến:

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Đẩy mạnh việc khai thác các tài sản trí tuệ nhằm thương mại hóa mang lại nguồn thu cho trường. - Xây dựng các định hướng nghiên cứu có tính ứng dụng và đáp ứng nhu cầu xã hội hiện nay.	Phòng NCKH, các Phòng ban, Khoa liên quan	2023
2	Khắc phục tồn tại 2	- Xây dựng các Kế hoạch hoạt động, các giải pháp nhằm cải tiến công tác quản lý tài sản trí tuệ. - Triển khai rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ ít nhất 2 lần trong chu kỳ đánh giá. - Bổ sung kế hoạch. mục tiêu vào báo cáo hằng năm, chiến lược phát triển của trường.	Phòng NCKH, các Phòng ban, Khoa liên quan	2023 -2024
3	Khắc phục tồn tại 3	- Thiết kế bảng khảo sát và tiến hành khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về công tác quản lý TSTT. - Tổng hợp. đánh giá kết quả khảo sát.	Phòng NCKH, các Phòng ban liên quan	2023 -2024

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 19	***4,50***
Tiêu chí 19.1	5
Tiêu chí 19.2	5
Tiêu chí 19.3	4
Tiêu chí 19.4	4

TIÊU CHUẨN 20: HỢP TÁC VÀ ĐỐI TÁC NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 20.1: Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu.

Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM là cơ sở giáo dục trực thuộc Ngân hàng nhà nước nên ngoài việc tuân thủ các quy định tại Luật Giáo dục đại học sửa đổi 2018 [H20.20.01.01], Điều lệ trường đại học tại Quyết định 70/2014/QĐ-TTg ngày 10/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ trong lĩnh vực hợp tác quốc tế [H20.20.01.02] và quy định của các Bộ, ngành liên quan, các hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường hiện nay đều thực hiện thống nhất theo các quy định của Ngân hàng nhà nước:

- Quyết định số 237/QĐ-NHNN8 ngày 8/7/1999 của Thống đốc Ngân Hàng nhà nước về việc ban hành và Quy chế hoạt động đối ngoại của Ngân hàng nhà nước [H20.20.01.03];
- Ngoài ra, công tác quản lý người nước ngoài đến làm việc và học tập tại trường được Nhà trường thực hiện nghiêm túc theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H20.20.01.04].

Hằng năm, Trường đều xây dựng kế hoạch hoạt động cũng như tổng hợp, báo cáo và lập kế hoạch, phương hướng cụ thể cho năm tài chính tiếp theo [H20.20.01.05].

Chiến lược phát triển của nhà trường đến năm 2035 chú trọng việc mở rộng, hoàn thiện và tăng cường hiệu quả, định hướng chiến lược phát triển liên kết hợp tác trong nước giai đoạn 2022-2030 tập trung vào việc phát triển chiều sâu và đa dạng hóa đối tượng hợp tác, chú trọng tăng cường hiệu quả đối với các quan hệ hợp tác mang tính chiến lược, lâu dài, bền vững nhằm hỗ trợ lẫn nhau cùng phát triển; Phát triển các hoạt động hợp tác trong liên doanh ký kết đề tài nghiên cứu khoa học trọng điểm của ngành, của Bộ, của Nhà nước, dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ… để tăng nguồn thu cho nhà trường, góp phần xây dựng Trường trở thành một trung tâm đào tạo nghiên cứu khoa học trình độ cao trong nước và khu vực, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học quản lý [H20.20.01.06]

Mục tiêu chiến lược phát triển hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học của Trường nhằm xây dựng các Dự án, Đề án quốc tế để huy động các nguồn tài trợ của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường và đến năm 2030 tiếp tục mở rộng các đối tác quốc tế và đa dạng hóa các hình thức hợp tác; không ngừng phát triển các dự án, đề án quốc tế với các đối tác uy tín trong khu vực và trên thế giới nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu của trường mang tầm quốc tế [H20.20.01.06].

Hằng năm Nhà trường xây dựng các kế hoạch thực hiện dựa trên chiến lược phát triển và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường, trong đó số lượng các chương trình

hợp tác ngày càng tăng, nội dung hợp tác nhằm nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học, thúc đẩy quá trình tiếp cận hội nhập khu vực và quốc tế [H20.20.01.07]. Các kế hoạch hợp tác và đối tác khoa học của nhà trường hằng năm đã được cụ thể hóa các chỉ tiêu cần đạt và lộ trình thực hiện theo từng năm phù hợp với tình hình thực tiễn.

Hiện nay, các hoạt động hợp tác quốc tế của nhà trường được thực hiện theo Chương trình hợp tác nghiên cứu song phương và đa phương về khoa học và công nghệ đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 538/QĐ-TTg ngày 16/4/2014 [H20.20.01.08] và Quy chế hoạt động đối ngoại của Ngân hàng nhà nước [H20.20.01.09]. Trong đó Quy chế quy định rõ việc tổ chức thực hiện công tác hợp tác quốc tế cho các đơn vị thuộc và trực thuộc Ngân hàng Nhà nước: việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch hợp tác quốc tế, hội nhập quốc tế và điều phối các hoạt động hợp tác quốc tế; tổ chức các đoàn đi công tác nước ngoài (đoàn ra) và đón tiếp các đoàn nước ngoài vào Việt Nam (đoàn vào); tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế; ký kết và thực hiện các thỏa thuận quốc tế; xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án hợp tác quốc tế…

Nhà trường có hệ thống định hướng, điều hành, thực thi, theo dõi, giám sát và đánh giá nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược về hoạt động hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học, bao gồm: Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu và Hội đồng khoa học xác định các định hướng và giám sát việc thực hiện; Quản lý, điều hành việc hợp tác trong nghiên cứu được thực hiện bởi 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác hợp tác liên kết đào tạo và khoa học với các đơn vị trong và ngoài nước [H20.20.01.10]. Viện NCKH&CNNH có chức năng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phục vụ hoạt động đào tạo và dịch vụ công của Trường; nghiên cứu, ứng dụng, tư vấn khoa học và công nghệ, hợp tác trong nước, quốc tế về các lĩnh vực thuộc ngành Khoa học quản lý; Viện Đào tạo Quốc tế chịu trách nhiệm quản lý, phát triển và tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường [H20.20.01.11]. Nhà trường ban hành Quy chế hoạt động khoa học và công nghệ quy định công tác quản lý và thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ của Trường trong đó quy định liên quan đến quản lý các đề tài, đề án, dự án NCKH cấp Nhà nước, Bộ, Địa phương, và các Quỹ nghiên cứu quốc tế [H20.20.01.12].

Nhà trường có chiến lược phát triển mối quan hệ với các đối tác theo từng giai đoạn phát triển của nhà trường [H20.20.01.06]. Các đối tác được xác định dựa trên nguyên tắc: có thế mạnh về cùng lĩnh vực chuyên môn, quan tâm đến cùng vấn đề nghiên cứu, có năng lực và nguồn lực phù hợp, và ưu tiên những đối tác đã ký kết thỏa thuận hợp tác. Nhằm thu hút các đối tác tiềm năng trong nghiên cứu, trên website Nhà trường đăng tải thông tin về các thế mạnh trong nghiên cứu khoa học của trường, đồng thời

thường xuyên cập nhật các hoạt động và thành tựu của các dự án hợp tác nghiên cứu mà trường triển khai thực hiện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.2: Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu.

Triển khai thực hiện các hoạt động hợp tác với các đối tác chiến lược trong khu vực và trên thế giới, Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh đã lập kế hoạch đoàn ra, đoàn vào và tổ chức thực hiện theo lộ trình từng năm.

Bảng 20. 1 - *Thống kê số lượng đoàn* ra*, đoàn vào trong chu kỳ đánh giá*

Năm	**2015**	**2016**	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**
Đoàn ra	10	-	-	-	18	0	0
Đoàn vào	19	4	-	-	20	0	0

Nguồn: Viện ĐTQT

Nhìn vào bảng thống kê số lượng đoàn ra, đoàn vào trong thời gian từ 2015 đến nay, có thể thấy rằng kết quả thực hiện công tác đoàn ra trong những năm gần đây có sự chuyển biến tích cực trong công tác hợp tác trao đổi giữa HUB và các đối tác quốc tế.

Năm 2019 số lượng các đoàn khách từ các trường đại học đối tác đến thăm và tìm hiểu cơ hội hợp tác với Nhà trường là 20 đoàn, trong đó thành phần các đoàn đến làm việc tại Trường đã được cân nhắc, lựa chọn sao cho kết quả hợp tác được triển khai thành các hoạt động cụ thể, có chất lượng, tập trung vào mục tiêu phát triển chung của Trường. Điều này cũng thể hiện rõ sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Ban Giám hiệu, sự nỗ lực của đơn vị được giao nhiệm vụ quản lý và xúc tiến các hoạt động hợp tác quốc tế.

Trên cơ sở các Bản ghi nhớ đã ký kết với các đối tác như Đại học Quốc gia Lào; Đại học Adelaide (Úc), Đại học Griffit (Úc), Đại học Bolton (Vương quốc Anh), Đại học Tây Bắc Thụy Sĩ, Đại Học Cao Hùng (Đài Loan), Đại học Toulon (Pháp), Đại học Lincoln (New Zealand) … [H20.20.02.01], nhà trường đã tập trung triển khai vào các chương trình, sự kiện, đề án với các đối tác nước ngoài trên các lĩnh vực như Tài chính Ngân hàng, quản trị nhân lực, hợp tác trao đổi giảng viên, sinh viên và nghiên cứu khoa học; tổ chức các Hội thảo quốc tế, tọa đàm chuyên gia.

Các đối tác của Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh là các Trường đại học hàng đầu trong lĩnh vực Tài chính, Ngân hàng, Quản trị Kinh doanh… Do vậy, các hoạt động hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện các dự án, đề án hợp tác khoa học công nghệ; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học chung, phù hợp với việc thực hiện sứ mạng mở cơ hội học tập cho mọi người với chất lượng tốt, phục vụ nhu cầu học tập đa dạng với nhiều hình thức đào tạo, đa ngành, đa

cấp độ, đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực của ngành nội vụ và cho xã hội trong công cuộc xây dựng đất nước và hội nhập quốc tế và tầm nhìn đến năm 2035 trở thành trường đại học đa ngành, đa lĩnh vực có uy tín trong nước, khu vực và quốc tế [H20.20.02.02].

Với sự quan tâm sâu sắc và định hướng quyết liệt trong chủ trương, chiến lược phát triển, Nhà trường đã tích cực mở rộng quan hệ với các đối tác cả trong và ngoài nước. Đến năm 2021, Nhà trường đã ký kết 8 Bản ghi nhớ với các đối tác nước ngoài, bao gồm các trường đại học, viện nghiên cứu và các tổ chức giáo dục quốc tế [H20.20.02.01].

Các Bản ghi nhớ (MOU) được ký kết giữa Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh với các đối tác nước ngoài đã triển khai được nhiều hoạt động thực tế, đem lại hiệu quả và lợi ích cho Nhà trường với nhiều hoạt động trên nhiều lĩnh vực như trao đổi giảng viên và sinh viên, trao đổi học thuật, tham quan khảo sát, tổ chức hội thảo khoa học, tọa đàm chuyên gia, nói chuyện chuyên đề, cấp học bổng cho giảng viên và sinh viên.

Về hợp tác đào tạo: Hiện nay, Trường đang tích cực làm việc với một số cơ sở giáo dục đại học nước ngoài [H20.20.02.03] để xúc tiến triển khai chương trình liên kết đào tạo trình độ đại học và sau đại học.

Về trao đổi giảng viên, sinh viên và các chương trình tham quan khảo sát: Thông qua các Bản ghi nhớ triển khai hoạt động hợp tác giữa các cơ sở giáo dục đại học, thông qua các đoàn công tác dưới danh nghĩa Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, nhiều cán bộ, giảng viên đã được cử đi tham quan, học tập ngắn hạn và trao đổi chuyên môn tại các trường đại học, các viện nghiên cứu đối tác nhằm nâng cao năng lực và tiếp thu các kiến thức, kỹ năng tiên tiến để áp dụng tại trường khi trở lại [H20.20.02.04]. Kể từ năm 2017 trở lại đây, nhiều giảng viên, chuyên gia nước ngoài cũng đã đến trường tham gia vào các buổi Hội thảo khoa học, Tọa đàm chuyên gia hay nói chuyện chuyên đề với giảng viên, sinh viên trong trường. Hoạt động trao đổi sinh viên cũng được triển khai mạnh mẽ tại Trường. Bước đầu, Trường đã tiến hành kết nối và xúc tiến với một số trường đại học đối tác để tạo cơ hội cho sinh viên của Trường được tham gia học tập ngắn hạn tại các trường đối tác nước ngoài. Nhiều đoàn sinh viên quốc tế đã đến tham quan và tham gia một số chương trình trao đổi sinh viên với sinh viên của Nhà trường. [H20.20.02.05] [H20.20.02.06] [H20.20.02.07]

Về tổ chức hội thảo, hội nghị, trao đổi học thuật: Là một hoạt động thường xuyên trong quan hệ đối ngoại, Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh đã tổ chức nhiều buổi tập huấn, trao đổi học thuật, hội nghị, hội thảo với sự tham gia của các đối tác quốc tế cũng như trong nước [H20.20.02.08].

Nhà trường rất chú trọng đầu tư cho việc xây dựng và phát triển các mối quan hệ

hợp tác và đối tác [H20.02.02.09]. Nhờ việc chú trọng trong hoạt động hợp tác, trong giai đoạn 2017-2021 trường cũng đã nhận được một số nguồn tài trợ về tài chính cũng như là cơ sở vật chất có liên quan đến hoạt động này, điển hình như là phòng làm việc cho chuyên gia, giảng viên (Phòng Hợp tác quốc tế) tại 39 Hàm Nghi do dự án Eramus Jeul + tài trợ [H20.20.02.10]. Ngoài ra, việc hợp tác và đối tác còn thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học thông qua việc HUB đã bước đầu có hợp đồng nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đối với công ty Vinalines về dịch vụ tư vấn "Xây dựng chiến lược quản trị rủi ro của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam", hợp đồng soạn thảo, cập nhật giáo trình với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề tài "Consumer's perception of food safety risk and its impact on the willingness to pay for organic food in Southeast Asia" với APN (Asia-Pacific Network) [H20.20.02.11].

Bảng 20. 2 - Thống kê nguồn thu do đối tác tài trợ giai đoạn 2017-2021

Đơn vị: Ngàn đồng

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Thu do đối tác tài trợ	1.525.620	1.468.400	2.641.824,4	2.625.610,2	1.790.000

Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán

Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước, cùng tổ chức hội thảo quốc tế về Kinh tế lượng hằng năm, đồng thời tổ chức các Hội thảo quốc tế, Tọa đàm chuyên gia, Nói chuyện chuyên đề tại Trường [H20.20.02.12]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.3: Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện.

Rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH được xem là một nội dung quan trọng của hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh định hướng, điều hành, thực thi, theo dõi và giám sát thông qua hệ thống các quy định: Quy định về phân công công tác của Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng [H20.20.03.01]; Hội đồng khoa học và đào tạo [H20.20.03.02]; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Viện đạo tào và hợp tác quốc tế; quy định chức năng, nhiệm vụ của viện NCKH&CNNH, làm rõ các trách nhiệm của các đơn vị, các nhân liên quan trong việc quản lý, phát triển hợp tác trong nghiên cứu [H20.20.03.03]. Cụ thể là:

- Viện đạo tào và hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm quản lý, phát triển và tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế của Trường.

- Viện NCKH&CNNH chịu trách nhiệm quản lý các đề tài, dự án nghiên cứu chung với các đối tác trong nước.

- Viện NCKH&CNNH có chức năng nghiên cứu khoa học và công nghệ phục vụ hoạt động đào tạo và dịch vụ công của Trường; nghiên cứu, ứng dụng, tư vấn khoa học và công nghệ, hợp tác trong nước, quốc tế.

- Đối với hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu quốc tế: Quy trình rà soát đánh giá tính hiệu quả của các hợp tác và đối tác nghiên cứu quốc tế phải tuân thủ theo Quy chế quản lý công tác hợp tác quốc tế của Ngân hàng nhà nước [H20.20.03.04] trong đó có quy định rõ về nội dung quản lý công tác hợp tác quốc tế; Tổ chức thực hiện công tác hợp tác quốc tế; Tổ chức thực hiện. Đồng thời, Nhà trường cũng tuân thủ theo các quy định, quy trình của Bộ, ngành có liên quan trong quá trình hợp tác, nghiên cứu khoa học được triển khai thực hiện. Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh cũng ban hành Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh [H20.20.03.05] để rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu. Đầu mối chính trong việc rà soát, kiểm tra và đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu quốc tế tại Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh là Viện NCKH&CNNH. Viện đào tạo và hợp tác quốc tế có trách nhiệm theo dõi, thẩm định, tổng hợp, đánh giá và trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định; Báo cáo, thống kê định kỳ và theo yêu cầu của Hiệu trưởng về hoạt động của hợp tác quốc tế [H20.20.03.06].

- Đối với hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu trong nước: Quy trình rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các hợp tác và đối tác nghiên cứu trong nước phải tuân thủ theo Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh. Hoạt động quản lý hoạt động khoa học và công nghệ được giao cho viện NCKH & CNNH trong đó có nhiệm vụ tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ chung của toàn trường hay hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học nói riêng. Ngoài ra, Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh cũng giao cho Viện NCKH&CNNH nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng, tư vấn khoa học và công nghệ, hợp tác trong nước, quốc tế về các lĩnh vực thuộc ngành khoa học quản lý. Ngoài việc phải tuân thủ các quy định trong hoạt động khoa học và công nghệ của Nhà trường, của Ngân hàng Nhà nước, cơ quan ngang bộ (có liên quan trong các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học) thì Viện NCKH&CNNH cũng phối hợp, tham gia thẩm định chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học theo quy định [H20.20.03.05]

Việc tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả các mối quan hệ hợp tác và đối tác về nghiên cứu khoa học được các đơn vị như: Viện đào tạo và Hợp tác quốc tế và Viện

NCKH&CNNH thực hiện, tổng kết, báo cáo và trình Ban Giám hiệu Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, việc phối hợp giữa 2 đơn vị: Viện đào tạo và Hợp tác quốc tế và Viện NCKH&CNNH để báo cáo, rà soát tính hiệu quả của các đối tác, hợp tác nghiên cứu trong nước và nước ngoài chưa được thực hiện thường xuyên.

Việc tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả các mối quan hệ hợp tác và đối tác về nghiên cứu khoa học được HUB tổng hợp trong các báo cáo tổng công tác năm [H20.20.03.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 20.4: Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu.

Trong những năm vừa qua, hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh được mở rộng và đạt nhiều thành tựu. Các dự án, đề tài, chương trình hợp tác nghiên cứu với đối tác trong nước và nước ngoài được triển khai theo đúng tiến độ đặt ra nhờ những điều chỉnh phù hợp trong quá trình thực hiện. Với sự hợp tác ngày càng mở rộng trong nghiên cứu, nhiều bài báo công bố chung của viên chức Nhà trường và các đối tác trong và ngoài nước đã được xuất bản [H20.20.04.01]

Nhà trường đặc biệt quan tâm khuyến khích việc hợp tác với các doanh nghiệp không chỉ trong lĩnh vực đào tạo, thực tập cho sinh viên mà còn trong nghiên cứu. Trong vài năm gần đây, Nhà trường đã ký kết với một số doanh nghiệp với nội dung hợp tác trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ [H20.20.04.02].

Trong chiến lược phát triển của Nhà trường đã đề cập đến cơ chế hợp tác với các nhà khoa học có trình độ cao từ các đơn vị trong và ngoài nước tham gia hợp tác trong các đề tài, dự án nghiên cứu nhằm đảm bảo nội dung và kết quả nghiên cứu đi đúng hướng và hiệu quả [H20.20.04.03]

Hàng năm, Nhà trường vẫn tìm kiếm và gia tăng các mối quan hệ hợp tác và đối tác nghiên cứu phù hợp với các yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ của trường. Một số hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu của Trường trong những năm qua như sau:

Bảng 20. 3 - Hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu trong giai đoạn 2017-2021

STT	Chương trình/Dự án	Thời gian thực hiện	Đối tác phối hợp	Nội dung dự án	Kết quả thực hiện dự án
1	**AAF (Australia Award Fellowship)**	2015-2018	Đại học Griffith , Úc	"Nâng cao năng lực quản trị ngành ngân hàng" Trao học bổng nghiên cứu trị giá AUD 35,000/	8 đề tài nghiên cứu được báo cáo tại Hội thảo Ngân hàng Nhà nước VN để áp dụng, đưa vào thực tiễn.

				người cho cán bộ, giảng viên trường ĐH Ngân hàng TP.HCM,	
2	**Chương trình Erasmus+ Jeul**	2017-2022	Trường Đại học Universita' Degli Studi Di Siena (Ý)	"Joint Enterprise University Learning": Đẩy mạnh cơ hội trao đổi kiến thức, kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy giữa các giảng viên; thực hiện cải tiến chương trình đào tạo (curriculum), nội dung các môn học theo hướng giải quyết yêu cầu thực tiễn, đưa bài tập tình huống (case study) vào bài giảng, tạo điều kiện cho sinh viên trải nghiệm thực tế và tăng cơ hội việc làm	Các thành viên tham gia trong đó có HUB nhận được tài trợ tổng cộng 934,494 EUR từ Erasmus+ Jeul.
3	**Chương trình Newton Fund**	2017-2018	Trường ĐH Kinh tế Tp.HCM và Trường Đại học Birmingham	Dự án nghiên cứu: "The Global Financial Crisis and Spillovers of US Monetary Policy: Lessons from Vietnam 2017-2018"	Dự án nghiên cứu được nghiệm thu hoàn thành và công bố quốc tế với toàn bộ kinh phí được tài trợ bởi Chính phủ Anh.
4	**Hội thảo quốc tế Kinh tế lượng hàng năm**	Hàng năm, từ năm 2018	Nhà xuất bản Springer là Đối tác xuất bản kỷ yếu	Diễn đàn học thuật trao đổi, cập nhật tri thức khoa học trong lĩnh vực thống kê, dự báo kinh tế .	
5	**Chương trình khởi nghiệp cho phát triển**	2015-2021		Trao học bổng là khóa học cho sinh viên HUB	Chương trình nhằm góp phần lan tỏa tinh thần khởi nghiệp trong sinh viên, tạo sân chơi học

	kinh tế cộng đồng (SEED)				thuật cho sinh viên trong việc ứng dụng lý thuyết vào thực tiễn địa phương cũng như hoạt động kết nối nghiên cứu với sinh viên các trường đối tác.

Nguồn: Tổng hợp từ Viện ĐTQT và Viện NCKH&CNNH

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 20:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường có chiến lược và kế hoạch hằng năm trong phát triển hợp tác nghiên cứu khoa học; Ban Giám hiệu Nhà trường luôn quan tâm, ưu tiên đối với hoạt động hợp tác quốc tế, thúc đẩy mở rộng phát triển hợp tác với các đối tác nước ngoài. Nhà trường đã xây dựng và triển khai nhiều chương trình hợp tác nhằm tăng cường năng lực cho cán bộ, giảng viên, sinh viên; nhiều hoạt động được thực hiện thành công, mang lại nhiều lợi ích lớn cho trường; Nhiều bản ghi nhớ được ký kết trong giai đoạn 5 năm trở lại đây và hầu hết đều được triển khai có kết quả thiết thực. Nhà trường bước đầu đã khẳng định được vị thế của mình với nhiều đối tác nước ngoài; gây dựng được uy tín với Ngân hàng nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương trong việc tổ chức, triển khai các khóa học tập, trao đổi ngắn hạn tại nước ngoài.

Nhà trường đã rà soát và có sự điều chỉnh kịp thời chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các đơn vị liên quan trong việc quản lý hoạt động hợp tác, đối tác NCKH. Nhà trường đã có nhiều đề tài cấp ngành, nhiều nhà khoa học bên ngoài trường có uy tín và trình độ cao tham gia đề tài, dự án nghiên cứu với cán bộ giảng viên của Nhà trường.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Một số hoạt động hợp tác quốc tế của Nhà trường chưa đạt hiệu quả đề ra, do chưa được phân cấp và phải thực hiện nhiều thủ tục hành chính.

Về mặt bằng chung, năng lực ngoại ngữ của giảng viên, sinh viên nhà trường còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả của các chương trình, hoạt động hợp tác. Số lượng sinh viên trong các chương trình trao đổi sinh viên, hợp tác đào tạo giữa Nhà trường và các đối tác còn ít do nhiều nguyên nhân trong đó chủ yếu là về năng lực ngoại ngữ.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/Cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện

1	Khắc phục điểm tồn tại 1	Tích cực đề xuất với Ngân hàng Nhà nước các cơ chế tạo điều kiện cho Trường trong các hoạt động hợp tác quốc tế	Viện Đào tạo hợp tác quốc tế	2025
		Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện quy trình chuẩn trong việc kiểm tra, đánh giá tính hiệu quả của các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu.	Viện NCKH&CNNH	2020
2	Khắc phục điểm tồn tại 2	Tiếp tục đẩy mạnh khuyến khích nâng cao năng lực ngoại ngữ cho giảng viên và sinh viên.	P.TCCB, Khoa Ngoại ngữ	2020
		Tăng cường hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học với các đối tác uy tín nước ngoài theo cả chiều rộng và chiều sâu.	Viện Đào tạo hợp tác quốc tế , Viện NCKH&CNNH	2020

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 20	***5***
Tiêu chí 20.1	5/7
Tiêu chí 20.2	5/7
Tiêu chí 20.3	5/7
Tiêu chí 20.4	5/7

TIÊU CHUẨN 21: KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 21.1: Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.

Hoạt động kết nối và PVCĐ được Nhà trường khẳng định trong sứ mạng, tầm nhìn dài hạn [H21.21.01.01]: Trường ĐH Ngân hàng TP. HCM với nhiệm vụ đào tạo, cung cấp cho xã hội và Ngành Ngân hàng nguồn nhân lực chất lượng cao, các nghiên cứu có tầm ảnh hưởng, cùng với dịch vụ tư vấn và hoạt động phục vụ cộng đồng; kiến tạo hệ sinh thái giáo dục, mang đến cơ hội học tập suốt đời; phát triển con người toàn diện, sáng tạo với tinh thần phụng sự… Chiến lược phát triển trường các giai đoạn 2016-2020 và 2021-2030 đều đề cập đến tầm quan trọng và các nội dung liên quan đến kết nối doanh nghiệp, đối tác cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cộng đồng [H21.21.01.02]. Hoạt động hỗ trợ cộng đồng của Trường bao gồm: Hoạt động đào tạo, tư vấn cho các tổ chức, doanh nghiệp; Hoạt động thiện nguyện, tình nguyện gắn kết với cộng đồng; Hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức và kết quả nghiên cứu; Hoạt động gắn kết giữa trường với doanh nghiệp trên cơ sở kết nối doanh nghiệp với nguồn nhân lực của trường; Hoạt động hướng nghiệp, tuyển sinh, đào tạo đối với học sinh THPT:

- *Hoạt động đào tạo, tư vấn cho các tổ chức, doanh nghiệp*: Trường kết nối với các doanh nghiệp để thực hiện các chương trình đào tạo ngắn hạn, dịch vụ tư vấn phục vụ nhu cầu nâng cao trình độ, kỹ năng của nhân sự tại các doanh nghiệp. Trung tâm Đào tạo Kinh tế, Tài chính – Ngân hàng là đơn vị đầu mối cho các hoạt động này và có ban hành quy trình làm cơ sở hướng dẫn triển khai thực hiện [H21.21.01.03].

- *Hoạt động thiện nguyện, tình nguyện gắn kết với cộng đồng*: Công Đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên Trường là đơn vị đầu mối triển khai các hoạt động này căn cứ trên chức năng, nhiệm vụ được quy định [H21.21.01.04]. Hàng năm, các tổ chức này lên kế hoạch hoặc chương trình công tác trong đó có bao gồm các hoạt động thiện nguyện (Ủng hộ hiện kim cho các Quỹ an sinh, xã hội; Đóng góp hiện vật cho các đơn vị, địa phương,..) và tình nguyện (Chương trình Hiến máu nhân đạo, Mùa hè xanh, Xuân tình nguyện…) [H21.21.01.05]

- *Hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức và kết quả nghiên cứu*: Nhà trường kết nối với các địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, mạng lưới thực hiện các hợp đồng nghiên cứu, chuyển giao kết quả nghiên cứu và Viện NCKH là đơn vị đầu mối thực hiện hoạt động này [H21.21.01.06].

- *Hoạt động gắn kết giữa trường* với doanh nghiệp trên cơ sở kết nối doanh nghiệp với nguồn nhân lực của trường: Nhà trường thực hiện hoạt động kết nối doanh nghiệp thông qua Ngày hội việc làm; Các buổi tư vấn, định hướng, chia sẻ của chuyên gia đến từ các doanh nghiệp; Các hoạt động tham quan doanh nghiệp, Phòng Đào tạo,

Viện ĐTQT. Trung tâm Hỗ trợ sinh viên, Phòng Công tác sinh viên, các khoa tổ chức thực hiện các hoạt động này bằng việc ký kết các biên bản ghi nhớ hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp [H21.21.01.07]

- *Hoạt động hướng nghiệp, tuyển sinh, đào tạo đối với học sinh THPT*: Trường tổ chức các buổi tư vấn hướng nghiệp, tuyển sinh để kết nối với học sinh tại các trường THPT với đầu mối thực hiện là phòng Tư vấn tuyển sinh và phòng Đào tạo [H21.21.01.08].

Ngoài ra, Trường cũng có các chính sách, kế hoạch về tài chính để hỗ trợ các hoạt động phục vụ cộng đồng. Nhà trường luôn dành một phần kinh phí từ nguồn thu cho việc chi học bổng, khuyến khích các SV có thành tích học tập tốt, hỗ trợ các SV khó khăn, đào tạo kỹ năng mềm, các hoạt động học thuật, NCKH và chi tổ chức các hoạt động Công Đoàn, Đoàn, Hội sinh viên, thanh niên trong trường [H21.21.01.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 21.2: Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.

Trên cơ sở chiến lược phát triển về hoạt động phục vụ cộng đồng và kế hoạch triển khai thực hiện đối với từng hoạt động cụ thể ĐU, BGH, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên và các đơn vị chức năng triển khai các chính sách đối với hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng, cụ thể:

Các chính sách, quy trình và hướng dẫn liên quan đến hoạt động kết nối và PVCĐ được công bố công khai trên Website (https://hub.edu.vn/), Công thông tin đào tạo SV (http://online.buh.edu.vn/), Cẩm nang SV và trên các phương tiện truyền thông khác, [H21.21.02.01], [H21.21.02.02], [H21.21.02.03].

Hoạt động đào tạo, tư vấn cho các tổ chức, doanh nghiệp được triển khai thông qua việc ký kết hợp đồng với với các cơ quan, doanh nghiệp, địa phương tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, cập nhật kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm và yêu cầu vị trí chức danh tại các địa phương [H21.21.02.04]. Căn cứ việc khảo sát nhu cầu các doanh nghiệp, Trường sẽ đưa ra danh mục các khóa đào tạo sẽ thực hiện trong năm [H21.21.02.05].

Các chính sách, kế hoạch kết nối và thực hiện hỗ trợ cộng đồng thông qua việc triển khai các hoạt động thiện nguyện và tình nguyện của Công đoàn trường, Đoàn trường và Hội SV trường như: Tổ chức chiến dịch Mùa hè xanh, Xuân tình nguyện, hiến máu tình nguyện, xây dựng nông thôn mới; các chương trình ủng hộ "Vì người nghèo", ủng hộ Quỹ phòng chống Covid-19; ủng hộ Quỹ "Đền ơn, đáp nghĩa", ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiên tai; thực hiện Công trình Phòng đọc, tặng máy tính cũ và trang bị mới phòng tin học, làm sân chơi phục vụ thiếu nhi, chăm lo cho gia đình khó khăn, ba

má phong trào; tham gia cải tạo, chỉnh trang các đền tưởng niệm, các di tích văn hóa - lịch sử, nghĩa trang liệt sĩ. [H21.21.02.06], [H21.21.02.07], [H21.21.02.08], [H21.21.02.09], [H21.21.02.10], [H21.21.02.11]

Trường tổ chức cho sinh viên tham gia chương trình SEED hàng năm - một chương trình khởi nghiệp phục vụ phát triển kinh tế cộng đồng được thực hiện dưới sự phối hợp của Hiệp hội học tập và giảng dạy Thụy Sĩ - ASEAN (SALT) và Mạng lưới học thuật ASEAN (ALN). Chương trình được thiết kế cho tất cả mọi người quan tâm đến vấn đề khởi nghiệp phục vụ phát triển kinh tế cộng đồng và trách nhiệm xã hội với những trải nghiệm học tập tương tác. Thông qua chương trình, người tham gia được trang bị các kiến thức về các phương pháp và kỹ năng kinh doanh vào khu vực nông thôn. Mặt khác, người tham gia cũng sẽ học được cách làm việc hiệu quả và điều chỉnh nhanh chóng với bối cảnh văn hóa xã hội mới bằng cách làm việc với người dân địa phương để tạo ra các giải pháp sáng tạo, dựa trên nguồn lực và tài năng sẵn có và bối cảnh của địa điểm [H21.21.01.12], [H21.21.01.19].

Trường cũng là thành viên mạng lưới các tổ chức quốc tế hành động chống đói nghèo (RENPER). Các hội thảo RENPER được tổ chức tại các nước trong khu vực ASEAN hàng năm trình bày và trao đổi các nghiên cứu liên quan đến thực trạng, kinh nghiệm, giải pháp chống đói nghèo tại các quốc gia trong khu vực, góp phần công bố các kết quả NCKH của các GV, SV ra khu vực [H21.21.02.13]

Liên quan đến hoạt động gắn kết giữa trường với doanh nghiệp, Ngày hội việc làm được tổ chức hàng năm của Trường đã thu hút sự quan tâm của nhiều doanh nghiệp, sinh viên của trường cũng như một số trường khác [H21.21.02.14]. Trên cơ sở các ghi nhớ hợp tác giữa trường với doanh nghiệp, tổ chức trường tổ chức cho sinh viên tham quan tại các doanh nghiệp như công ty Ajinomoto, Tập đoàn Thế giới di động, tại các ngân hàng (Ngân hàng Nhà nước Việt Nam,TPBank, Vietcombank, Sacombank,...), công ty Tân Cảng,… [H21.21.02.15]. Ngoài ra, trường có Cổng thông tin việc làm (http://vieclam.hub.edu.vn/portal/) để kết nối nhu cầu việc làm của sinh viên với nhu cầu tuyển dụng của doanh nghiệp.

Đối với hoạt động hướng nghiệp, tuyển sinh, đào tạo đối với học sinh THPT, trong khôn khổ các hoạt động tư vấn tuyển sinh, trường lồng ghép hoạt động tư vấn hướng nghiệp như tổ chức tập huấn hướng nghiệp cho giáo viên các trường THPT, tổ chức lớp học trải nghiêm (trial class) giúp học sinh THPT trải nghiệm các môn học tiêu biểu tại Nhà trường; tổ chức các lớp học Saving Game – chương trình giáo dục tài chính dành cho học sinh THPT [H21.21.02.16].

Bảng 21. 1 - *Số lượng học viên tham gia các chương trình đào tạo chương trình Saving Games*

Đối tượng	Học sinh THPT	Công nhân	Sinh viên đại học
Số lượng học viên	307	37	109

Nguồn: Viện ĐTQT

Ngoài ra, trong thời gian dịch bệnh COVID-19 diễn ra, trường đã bàn giao khu ký túc xá của Trường cho Ủy ban nhân dân TP. Thủ Đức làm khu cách ly, điều trị COVID [H21.21.02.17].

Tất cả hoạt động trên luôn được Trường quan tâm, duy trì và phát triển bằng nguồn kinh phí đáng kể [Mục 48, phụ lục 8] được bù đắp một phần qua khoản thu từ hoạt động này [Mục 45, phụ lục 8]. Bên cạnh đó, trường cũng kêu gọi tài trợ từ doanh nghiệp và cựu sinh viên trong nhiều hoạt động hỗ trợ sinh viên [H21.21.02.18]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 21.3: Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã chú trọng việc phân công nhiệm vụ thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng cho các đơn vị chuyên môn theo đặc điểm chức năng của từng đơn vị. Điều này được quy định cụ thể trong Quy chế tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh [H21.21.03.01]. Theo đó, đơn vị thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng mang yếu tố quốc tế do Viện Đào tạo quốc tế thực hiện, các đơn vị thực hiện hoạt động kết nối cộng đồng trong nước là Trung tâm Hỗ trợ sinh viên, Phòng Công tác Sinh viên, Đoàn Thanh niên và các khoa quản lý sinh viên. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị chuyên môn, lãnh đạo các đơn vị sẽ phân công nhiệm vụ mỗi bộ phận, cá nhân thực hiện, đồng thời có trách nhiệm tự theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện và kết quả đạt được. Lãnh đạo đơn vị giám sát hoạt động và đánh giá kết quả thực hiện của từng cá nhân. Để việc đánh giá được khách quan và chính xác, các đơn vị lập bảng kế hoạch hoạt động cho từng năm học và tổng hợp trong kế hoạch hoạt động hàng năm của Nhà trường, trong đó ghi rõ nhiệm vụ, tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành [H21.21.03.02]. Trên cơ sở đó, lãnh đạo đơn vị có thể giám sát các hoạt động và thúc đẩy các hoạt động hiệu quả và đúng tiến độ. Để giám sát kết quả hoạt động của các đơn vị chuyên môn, Ban giám hiệu phân công nhân sự phụ trách các đơn vị chuyên môn và có những chỉ đạo kịp thời để đảm bảo kết quả công tác. Báo cáo tổng kết công tác từng năm học của mỗi đơn vị và báo cáo kết quả công tác hàng năm của Trường thể hiện toàn bộ công việc được triển khai thực hiện trong năm đó [H21.21.03.03]. Kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị được thể hiện qua việc đánh giá, xếp loại đơn vị theo năm học [H21.21.3.04].

Nhà trường triển khai hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng đối với CB, VC, NLĐ thông qua việc ban hành các quy chế quy định rõ ràng các tiêu chí, tiêu chuẩn để đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng cá nhân [H21.21.3.05]. Các tiêu chí bao gồm tất cả các mặt hoạt động như NCKH, kết quả giảng dạy, công tác chuyên môn, kết quả tham gia các hoạt động đoàn thể. Nhà trường thực hiện việc ủng hộ các quỹ từ thiện và làm công tác xã hội, quy định mỗi người lao động trong Nhà trường đều thực hiện ủng hộ 3-4 ngày lương/năm cho quỹ xã hội công đoàn Ngân hàng Nhà nước VN [H21.21.3.06]. Đó cũng là tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá hoàn thành nhiệm vụ của cá nhân. Kết quả đánh giá phân loại cán bộ sẽ là cơ sở để thực hiện chính sách khen thưởng và nâng lương, các khoản phụ cấp của CB, VC, NLĐ theo quy định. Quy chế chi tiêu nội bộ quy định rõ mức độ chi trả cho người lao động dựa trên kết quả đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ [H21.21.3.07]. Hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng đối với sinh viên được triển khai qua hệ thống đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên và hệ thống đánh giá đoàn viên [H21.21.3.08]. Hệ thống đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên thống kê số lượng và theo dõi toàn bộ các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng của sinh viên, đồng thời tự động quy đổi hoạt động sang thang điểm đánh giá. Kết quả rèn luyện sinh viên được đánh giá trên tổng điểm là 100, trong đó, các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng chiếm khoảng 50% số điểm xếp loại [H21.21.3.09]. Các tiêu chí để đánh giá hoạt động kết nối cộng đồng như: tham gia các hoạt động học thuật; tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao; thực hiện quy định nơi cư trú; tham gia các công tác xã hội, nhân đạo, từ thiện, tình nguyện, phòng chống tệ nạn xã hội. Các tiêu chí đánh giá đoàn viên quy định rõ điểm số cho các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng như: đoàn kết, thân ái vì cộng đồng; xung kích bảo vệ môi trường sinh thái; tham gia các công trình thanh niên [H21.21.3.10]. Các hoạt động tiêu biểu được đo lường như: Tiếp sức mùa thi, Mùa hè xanh, Xuân tình nguyện, Xuân yêu thương, Trung thu yêu thương, Giáng sinh ấm áp; Chương trình xây dựng nông thôn mới; ủng hộ "Vì người nghèo", ủng hộ Quỹ phòng chống Covid-19; Ủng hộ Quỹ "ơn, đáp nghĩa, ủng hộ đồng bào miền Trung bị thiên tai; Hiến máu tình nguyện; Thứ bảy tình nguyện, Chủ nhật xanh cùng các hoạt động "Vì môi trường xanh – sạch – đẹp",... Tất cả các tiêu chí đánh giá hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đều làm cơ sở để xét các danh hiệu thi đua và khen thưởng sinh viên như: xét danh hiệu "sinh viên 5 tốt" (bao gồm học tập tốt, đạo đức tốt, tình nguyện tốt, hội nhập tốt và thể lực tốt), xét khen thưởng sinh viên xuất sắc năm học và những khen thưởng đột xuất [H21.21.3.11].

Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được giám sát trên cơ sở các báo cáo kết quả thực hiện và kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động này. Dựa trên báo cáo và kết quả khảo sát, Nhà trường có những điều chỉnh và định

hướng phát triển trong giai đoạn tiếp theo. Các chỉ số liên quan đến hoạt động kết nối và PVCĐ của các đơn vị chức năng liên quan được đưa vào kế hoạch công việc với các chỉ số rõ ràng, được rà soát hàng tháng, trong năm học như: (i) Về KHCN: Số lượng NCKH của CC, VC, NLĐ, SV đạt giải các cấp; số lượng bài báo khoa học đã công bố trên các tạp chí/kỷ yếu hội nghị trong nước và quốc tế; bảng kê/Báo cáo tài chính các nguồn thu từ bên ngoài cho hoạt động NCKH, các hợp đồng nghiên cứu mà Trường (bao gồm cả cán bộ nghiên cứu với danh nghĩa của Trường) là bên thực hiện [H21.21.3.12]; (ii) Đối với mảng Hoạt động tình nguyện, hệ thống đo lường, giám sát được hiển thị rõ bằng: Số lượng VC, NLĐ, SV tham gia; số lượng & trị giá các công trình tình nguyện; số lượng SV được chứng nhận tham gia các hoạt động; số lượng giải thưởng, số lượng CC, VC, NLĐ, SV được khen thưởng trong 5 năm; số lượng các chương trình tình nguyện được Trường triển khai thực hiện trong 5 năm; số lượng các lớp liên kết đào tạo tại các tỉnh thành; số lượng các đơn vị/nhà tài trợ; nguồn kinh phí tài trợ trong 5 năm [H21.21.3.13]. (iii) Bên cạnh đó, hoạt động hợp tác doanh nghiệp cũng được giám sát, đo lường kỹ lưỡng với các số liệu thống kê: Số lượng chương trình/hội thảo phối hợp với doanh nghiệp tổ chức cho SV; số lượng SV đăng ký tham gia; số lượng doanh nghiệp phối hợp; số lượng doanh nghiệp ký kết hợp tác cùng Trường trong vòng 5 năm; kết quả khảo sát doanh nghiệp về CTĐT; SV thực tập tại các doanh nghiệp [H21.21.3.14]; (iv) Mảng Hoạt động giao lưu - Hợp tác đào tạo quốc tế, Trường giám sát chặt chẽ thông qua: Số lượng các chương trình giao lưu quốc tế; số lượng VC, NLĐ, SV tham gia, phản hồi của VC, NLĐ, SV sau tham gia; số lượng các trường ĐH quốc tế, các tổ chức, doanh nghiệp ký kết hợp tác đào tạo cùng Nhà trường; số lượng các CTĐT khác [H21.21.3.15]; (v) Hoạt động Tư vấn - Hướng nghiệp, số liệu đo lường và giám sát được thực hiện thông qua: Số lượng Báo/Đài, các đối tác phối hợp với Nhà trường tổ chức hoạt động Tư vấn - Hướng nghiệp cộng đồng, thống kê số lượng VC, NLĐ, SV tham gia Tư vấn - Hướng nghiệp trong vòng 5 năm; thống kê số lượng trường THPT, Tỉnh/Thành, HS được Nhà trường triển khai công tác Tư vấn - Hướng nghiệp trong vòng 5 năm [H21.21.3.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 21.4: Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Nhà trường xây dựng kế hoạch cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng thông qua việc ban hành các chính sách, quy định và kế hoạch hoạt động cụ thể của mỗi giai đoạn và mỗi năm học. Kế hoạch hoạt động năm của Công Đoàn, Đoàn Thanh niên đưa ra các chương trình kết nối cộng đồng được thực hiện trong năm bao gồm các hoạt động như: Các hoạt động quyên góp, ủng hộ, hoạt động từ thiện, các công trình thanh niên, mùa hè xanh, xuân tình nguyện, chủ nhật xanh, ngày Thứ 7 tình nguyện, các hoạt

động viếng thăm bà mẹ Việt Nam anh hùng, nghĩa trang liệt sĩ, hiến máu tình nguyện,… và các hoạt động cộng đồng khác. Mỗi hoạt động này lại có kế hoạch hoạt động riêng chi tiết chương trình hoạt động. Viện Đào tạo Quốc tế xây dựng các kế hoạch kết nối cộng đồng mang tính quốc tế như các chương trình liên kết đào tạo cấp bằng quốc tế, chương trình tham quan và thực tập tại các doanh nghiệp đối tác nước ngoài. Phòng Công tác Sinh viên, Trung tâm hỗ trợ sinh viên và các khoa quản lý sinh viên xây dựng các kế hoạch kết nối cộng đồng như: chương trình hợp tác doanh nghiệp trong nước trong tuyển dụng và kiến tập, thực tập; kết nối doanh nghiệp trong hỗ trợ sinh viên về tài chính, học bổng, tổ chức hội thảo nghề nghiệp; kết nối các đơn vị ngoài trong việc tìm kiếm chỗ ở cho sinh viên (KTX Đại học Quốc gia); chương trình phối hợp với cơ quan địa phương trong việc đảm bảo an ninh sinh viên [H21.21.04.01].

Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng luôn được cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan. BGH Nhà trường có chính sách quan tâm hoạt động nghiên cứu khoa học của VC, NLĐ, SV. Căn cứ kết quả khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan trong kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ, Nhà trường đã cải tiến một số các tiêu chí đánh giá, các chế độ chính sách, các quy trình nghiệp vụ, biểu mẫu, quy trình hành chính nhằm đẩy mạnh hoạt động này, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Cụ thể: Nhà trường tổ chức rà soát, cập nhật, điều chỉnh một số văn bản như: Quy chế tổ chức và quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Trường [H21.21.04.02], Quy chế đào tạo, bồi dưỡng viên chức [H21.21.04.03], Báo cáo kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của SV từ 2017 đến nay [H21.21.4.04]. Hàng năm, Nhà trường ban hành: Kế hoạch về tổ chức các hội thảo, tọa đàm, tổ chức các lớp bồi dưỡng, Kế hoạch của Ban chấp hành công đoàn [H21.21.4.05], Kế hoạch hoạt động của Đoàn TN [H21.21.4.06], Hội SV [H21.21.4.07]. Đồng thời, các đơn vị cũng xây dựng phương hướng hoạt động của năm tiếp theo nhằm cải tiến chất lượng các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Kết quả cải tiến của từng mặt hoạt động như sau: Chủ động kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ. Hoạt động tình nguyện ngày càng mở rộng quy mô, tổ chức, địa bàn, nội dung phong phú, hình thức đa dạng, số lượng SV đăng ký tham gia nhiều hơn, chất lượng cao hơn, các giá trị hỗ trợ tinh thần, vật chất ngày một gia tăng. Hoạt động tình nguyện được cải thiện theo hướng gắn với chuyên môn đào tạo của SV và tiệm cận với nhu cầu của địa phương, đơn vị, cá nhân cần hỗ trợ. Ngoài ra, qua sự kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của bộ phận tư vấn SV thuộc Trung tâm Hỗ trợ SV, Đoàn TN, Hội SV, nhiều SV tìm kiếm được việc làm, nơi ở đáng tin cậy. Từng bước đưa các hoạt động thực hiện việc cải tiến kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan theo đúng kế hoạch như: Hoạt động đào tạo và NCKH, Nhà trường đã cải tiến một số chính sách về tài chính và nguồn nhân lực để đẩy mạnh các hoạt động KHCN trong toàn Trường như: Quy định chế độ làm việc của GV

[H21.21.04.08], trong đó có quy định về thời gian làm việc, giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Ngoài ra, có sự kết hợp đào tạo và NCKH được ký kết giữa Trường với các Trường đại học nước ngoài có uy tín và thương hiệu [H21.21.04.09]. Kết quả: Số đề tài khoa học các cấp được nghiệm thu; hội thảo, hội nghị, tọa đàm, nói chuyện chuyên đề đều gia tăng cả về số lượng và chất lượng, hoạt động hợp tác quốc tế có nhiều chuyển biến tích cực so với giai đoạn trước [H21.21.04.10]. Các thỏa thuận hợp tác, phối hợp với các doanh nghiệp và đơn vị ngoài trường cũng được thay đổi theo từng năm học nhằm khắc phục những nhược điểm của năm học trước, cải tiến nhằm đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan trong những năm học tiếp theo [H21.21.04.01]. Hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng cũng được cải tiến nhằm phục vụ việc đánh giá mức độ hoàn thành công việc của VC, NLĐ. Hệ thống đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên và xếp loại đoàn viên được cải tiến theo từng năm học với những tiêu chí đánh giá, chấm điểm phù hợp với từng năm học. Hệ thống đánh giá được nâng cấp trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin nhằm tạo ra sự công bằng, khách quan trong việc đánh giá [H21.21.04.11].

Đối với chương trình Tư vấn – Hướng nghiệp: Nhằm mục đích cung cấp nhiều thông tin hơn đến với phụ huynh, HS THPT để lựa chọn ngành, nghề và trường phù hợp, Nhà trường đã cải tiến công tác truyền thông tuyển sinh như thay đổi phương thức tư vấn hướng nghiệp, mở rộng phạm vi triển khai công tác tư vấn hướng nghiệp, nâng số lượng chương trình, số lượng tỉnh/thành, trường THPT mà Trường đến tư vấn qua các năm; cải tiến, tăng cường cải tiến các ấn phẩm kết nối và PVCĐ (Tài liệu truyền thông tuyển sinh,...), nâng cấp trang web tuyển sinh [H21.21.04.12]. Hoạt động giao lưu, hợp tác doanh nghiệp có bước phát triển mới. Thông qua các Ngày hội việc làm hàng năm, các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức đến Trường tuyển nhân sự, tạo hàng chục ngàn cơ hội việc làm cho SV, [H21.21.04.13]. Có thể nói, Trường đã góp phần đào tạo, cung cấp nguồn lực trí tuệ cho sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương và của cả nước. Hàng năm, Nhà trường có kế hoạch tuyển sinh khắp cả nước, tổ chức đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực có trình độ đại học và nghiệp vụ chuyên môn sâu cho các địa phương trong cả nước.

Công tác triển khai của Trường đã có sự phối hợp của các bên liên quan nhằm xây dựng kế hoạch, chương trình kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ. Ý kiến phản hồi của các bên liên quan trong chương trình hành động, sau khi có kết quả hoạt động như Báo cáo thực hiện các hoạt động tình nguyện, Báo cáo kết quả khảo sát các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ,... cho thấy mức độ hài lòng cũng như uy tín và thương hiệu của Trường đối với chính quyền địa phương, của người dân đối với Trường ngày càng tăng. Sau mỗi chương trình, Nhà trường đều tổ chức họp tổng kết và rút kinh nghiệm để ngày

càng nâng cao chất lượng hợp tác. Ngoài ra, nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội, Nhà trường còn thực hiện khảo sát ý kiến về chất lượng SV sau khi tốt nghiệp đã và đang làm việc tại các đơn vị. Theo dõi mức độ hài lòng của nhà tuyển dụng qua các năm. Kết quả cho thấy: Những năm gần đây nhà tuyển dụng đã tăng mức độ hài lòng về SV do Trường đào tạo. Trên 80% nhà tuyển dụng hài lòng về chất lượng SV tốt nghiệp của Trường, [H21.21.04.14]. Điều này chứng tỏ sản phẩm đào tạo của Nhà trường ngày càng được xã hội tiếp nhận và đánh giá cao.

ĐU, BGH, HĐT đã chỉ đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường, BCH Công đoàn, BCH Đoàn trường triển khai thực hiện kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ, công tác triển khai thực hiện của Nhà trường đều có sự phối hợp của các đơn vị thuộc, trực thuộc trường nhằm xây dựng nên những kế hoạch, các chương trình, tổng hợp kết quả thực hiện trong từng chương trình kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ cụ thể.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 21:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Các hoạt động kết nối và PVCĐ của Trường thực sự phong phú, đa dạng, chất lượng.

Các chính sách và hướng dẫn cho việc kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện bài bản, nghiêm túc.

Hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng được triển khai thông qua các hoạt động thực tiễn và mang lại hiệu quả.

Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng đã được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Trường chưa chú trọng việc phân tích, đánh giá kết quả thực hiện chương trình, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng đã thực hiện.

Nhà Trường chưa thực hiện thường xuyên việc lấy ý kiến phản hồi về việc thực hiện kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ trên diện rộng.

Chính sách về tài chính còn hạn chế, nguồn lực Nhà trường tập trung nhiều cho đào tạo, bồi dưỡng, chưa có điều kiện tập trung vào các hoạt động NCKH phục vụ kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ.

Cơ sở dữ liệu các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ chưa được cập nhật thường xuyên trong các năm.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị /cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng Phiếu khảo sát, định kỳ lấy ý kiến phản hồi về việc thực hiện kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ trên diện rộng.	BGH, các đơn vị trực thuộc, CĐ, ĐTN, HSV.	Năm học 2022 - 2023
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng Phiếu khảo sát, định kỳ lấy ý kiến phản hồi về việc thực hiện kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ trên diện rộng.	BGH, các đơn vị trực thuộc, CĐ, ĐTN, HSV.	Năm học 2022 - 2023
3	Khắc phục tồn tại 3	Cập nhật cơ sở dữ liệu các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ theo năm.	BGH, các đơn vị trực thuộc, CĐ, ĐTN, HSV.	Năm học 2022 - 2023
4	Khắc phục tồn tại 4	Xây dựng cơ chế tài chính, nguồn lực, tập trung vào các hoạt động NCKH phục vụ kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ.	ĐU, BGH, HĐT, các đơn vị trực thuộc, CĐ, ĐTN, HSV.	Từ năm học 2022 – 2023
5	Phát huy thế mạnh 1	Ứng dụng AI, chuyên nghiệp hóa các hoạt động hướng dẫn việc kết nối và phục vụ cộng đồng.	BGH, các đơn vị trực thuộc, CĐ, ĐTN, HSV.	Năm học 2022 - 2023
6	Phát huy thế mạnh 2	Ứng dụng AI, chuyên nghiệp hóa các hoạt động hướng dẫn việc kết nối và phục vụ cộng đồng.	BGH, các đơn vị trực thuộc, CĐ, ĐTN, HSV.	Năm học 2022 - 2023
7	Phát huy thế mạnh 3	Ứng dụng AI xây dựng Hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.	BGH, các đơn vị trực thuộc, CĐ, ĐTN, HSV.	Năm học 2022 - 2023
8	Phát huy thế mạnh 4	Ứng dụng AI trong cung cấp các dịch vụ kết nối và PVCĐ.	BGH, các đơn vị trực thuộc, CĐ, ĐTN, HSV.	Năm học 2022 - 2023

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 21	**5**
Tiêu chí 21.1	5/7
Tiêu chí 21.2	5/7

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chí 21.3	5/7
Tiêu chí 21.4	5/7

TIÊU CHUẨN 22: KẾT QUẢ ĐÀO TẠO

Tiêu chí 22.1: Tỷ lệ người học đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Căn cứ vào từng CTĐT, người học phải đạt được các yên cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ. Trường đã lập kế hoạch giảng dạy cho từng năm học, học kỳ chi tiết cho các CTĐT [H22.22.01.01]. Bên cạnh việc đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên với từng học phần trên thang điểm đánh giá kết quả học tập, người học được đánh giá kết quả rèn luyện với thang điểm đánh giá được xây dựng trong quy chế của Trường trong toàn bộ quá trình học tập [H22.22.01.02].

Hàng năm Trường ban hành kế hoạch học vụ giúp sinh viên biết được kế hoạch học tập 1 năm học của mình. Một năm học có 5 đợt xét tốt nghiệp, định kỳ ở mỗi đợt xét tốt nghiệp và cuối mỗi năm Trường sẽ thống kê số lượng sinh viên tốt nghiệp, thôi học, tình trạng tốt nghiệp, thôi học của tất cả sinh viên các khóa đến thời gian tốt nghiệp theo thiết kế của CTĐT, đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học giữa các CTĐT với nhau, giữa các khóa học [H22.22.01.03].

Nhà trường tổ chức các buổi đối thoại nhà trường - sinh viên trong mỗi năm học [H22.22.01.04] nắm bắt tâm tư nguyện vọng của người học để tạo điều kiện tốt nhất cho người học. Bên cạnh đó các khoa có đội ngũ giảng viên cố vấn theo dõi hình hình học tập, rèn luyện của người học, giải đáp, quan tâm đến người học, đặc biệt là sinh viên học tập yếu kém để giảm thiểu tình trạng thôi học, bỏ học.

Trong quá trình học, nhà trường còn tổ chức cuối mỗi học kỳ lấy khảo sát sinh viên các học phần đã học, nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy [H22.22.01.05].

Trường sử dụng phần mềm quản lý đào tạo UIS, phần mềm quản lý câu hỏi thi, phần mềm khảo sát người học, phần mềm đánh giá kết quả rèn luyện,... để lưu trữ dữ liệu sinh viên, kết quả đào tạo, tình học học tập rèn luyện, quản lý điểm, quản lý sinh viên tốt nghiệp, khảo sát người học... từ đó xác lập, phân tích dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn của các khóa học, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học, tìm hiểu nguyên nhân giảm tỷ lệ học lại, thôi học [H22.22.01.06].

Định kỳ mỗi học kỳ, và cuối mỗi năm học bộ phận chuyên trách sẽ thống kê kết quả học tập, rèn luyện, kết quả khảo sát, kết quả tốt nghiệp của người học... để phân tích đánh giá báo cáo Ban giám hiệu [H22.22.01.07].

Sau khi có kết quả báo cáo tổng hợp, thống kê số lượng tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học, thôi học,... từ kết quả đó xác định được các tỷ lệ thôi học, tỷ lệ tốt nghiệp đúng thời hạn đào tạo. Từ các tỷ lệ thống kê trên, Trường thực hiện đối sánh giữa các học kỳ, các năm, đối sánh với các CTĐT, các khóa cùng CTĐT, các khóa với nhau [H22.22.01.08].

Nhìn chung tỷ lệ tốt nghiệp sinh viên đại học chính quy chuẩn của Trường trên 50% và năm tốt nghiệp trung bình từ 4,1 năm, tới thời điểm hiện nay các khóa đều đạt

tốt nghiệp trên 80% chi tiết tại bảng 22.1

Bảng 22. 1 - Tổng hợp kết quả đào tạo sinh viên đại học chính quy

Năm/Khoá	Số sinh viên trúng tuyển nhập học	Đang học	Thôi học	Tỷ lệ thôi học	Số sinh viên tốt nghiệp		Thời gian tốt nghiệp trung bình	Tốt nghiệp sớm		Tốt nghiệp đúng hạn		Tốt nghiệp muộn	
					Số lượng	Tỷ lệ		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
K29 (năm 2017)	1777	0	449	25,27%	1328	74,73%	4,10	164	12,35%	737	55,50%	427	32,15%
K30 (năm 2018)	2204	68	322	14,61%	1814	82,30%	4,20	104	5,73%	863	47,57%	847	46,69%
K31 (năm 2019)	2215	125	263	11,87%	1827	82,48%	4,06	315	17,24%	974	53,31%	538	29,45%
K32 (năm 2020)	2084	190	173	8,30%	1731	83,06%	4,06	392	22,65%	741	42,81%	598	34,55%
K33 (năm 2021)	2014	323	152	7,55%	1539	76,42%	4,03	367	23,85%	717	46,59%	455	29,56%
CLC1 (năm 2017)	67	0	12	17,91%	55	82,09%	4,21	0	0,00%	32	58,18%	23	41,82%
CLC2 (năm 2018)	300	31	45	15,00%	224	74,67%	4,28	0	0,00%	98	43,75%	126	56,25%
CLC3 (năm 2019)	245	37	32	13,06%	176	71,84%	4,29	0	0,00%	74	42,05%	102	57,95%
CLC4 (năm 2020)	112	22	13	11,61%	77	68,75%	4,16	0	0,00%	52	67,53%	25	32,47%
CLC5 (năm 2021)	458	203	35	7,64%	220	48,03%	4,26	2	0,91%	102	46,36%	116	52,73%

**K29-K33: Đại học chính quy chuẩn khóa 29 đến 33*

*** CLC1 – CLC5: Đại học chính quy chất lượng cao khóa 1 đến 5*

Nguồn: Phòng Đào tạo

Từ những thống kê báo cáo tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại các lớp học phần, Trường đã tìm hiểu các nguyên nhân và có các biện pháp cải tiến [H22.22.01.09].

Nhà trường tổ chức các buổi đối thoại sinh viên, tổ chức các buổi gặp gỡ sinh viên yếu kém khích lệ tinh thần học của các em, tìm hiểu những khó khăn vướng mắc của người học, từ đó có biện pháp hỗ trợ người học. Tăng cường đẩy mạnh các thông tin của Trường đến sinh viên thông qua các diễn đàn, website của Trường, giảng viên cố vấn để các em nắm được các thông tin học vụ thực hiện đúng tiến độ giảm thiểu tỷ lệ thôi học và học lại.

Để đảm bảo tiến độ tốt nghiệp ra Trường, một năm ngoài 02 học kỳ chính, Trường còn mở thêm 1 học kỳ hè và các lớp học phần theo nhu cầu của sinh viên vào thứ 7, chủ nhật trong học kỳ chính để sinh viên kịp trả nợ các môn học.

Trường đã tăng số đợt tốt nghiệp trong 1 năm từ 3 lên 5 lần/ 1 năm. Trước mỗi đợt tốt nghiệp, Phòng chức năng thống kê báo cáo về tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp, các nguyên

nhân trình cho hội đồng xét tốt nghiệp của Trường [H22.22.01.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.2: Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Căn cứ vào chương trình đào tạo cụ thể của từng chuyên ngành, Trường đã bố trí, phân bổ kế hoạch giảng dạy trong từng năm học, học kỳ, bố trí các lớp học phần một cách hợp lý đối với từng CTĐT đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian tốt nghiệp cho sinh viên. Đối với các CTĐT Đại học hệ chính quy, các ngành có thời gian thiết kế chuẩn là 4 năm, thời gian tốt nghiệp trung bình sinh viên chính quy của Trường là 4,1 năm [H22.22.02.01].

Với hệ thống phần mềm quản lý đào tạo đang vận hành [H22.22.02.02], Trường có thể theo dõi, giám sát chương trình đào tạo đã thực hiện đầy đủ, chính xác hay chưa để từ đó sẽ đảm bảo được thời gian tốt nghiệp trung bình của người học ngay sau khi đã xác định kế hoạch giảng dạy đối với từng chuyên ngành, từng khóa.

Quy chế đào tạo cũng đã cung cấp đủ các thông tin liên quan đến điều kiện để được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp cho người học. Một năm trường tổ chức 5 đợt xét tốt nghiệp giúp cho người học có thể đăng ký xét tốt nghiệp bất cứ lúc nào trong năm học khi đã tích lũy đủ các điều kiện để xét tốt nghiệp [H22.22.02.03]. Bên cạnh việc triển khai kế hoạch đào tạo chính xác, HUB cũng đã triển khai các khảo sát liên quan tốt nghiệp, từ đó đã có những báo cáo đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp giữa các năm và giữa các chuyên ngành được đào tạo [H22.22.02.04].

Từng năm học, Nhà trường sẽ thống kê số lượng SV tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của SV. Trên cơ sở dữ liệu thống kê được, phòng Đào tạo làm báo cáo tổng kết tình hình tốt nghiệp của SV tất cả các CTĐT, số lượng và SV tốt nghiệp đúng tiến độ, sớm tiến độ hay muộn hơn so với tiến độ quy định, đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình của SV của tất cả các CTĐT, đề ra biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H22.22.02.05]. Một số SV chưa đủ điều kiện để xét tốt nghiệp đúng tiến độ, có thể làm đơn xin bảo lưu kết quả và bổ sung điều kiện xét tốt nghiệp trong khoảng thời gian cho phép có quy định trong Quy chế đào tạo [H22.22.02.06].

Sau các cuộc họp rà soát tình hình tốt nghiệp SV năm cuối của các CTĐT, Nhà trường có các kế hoạch cải tiến: Bên cạnh việc tư vấn, hỗ trợ SV hoàn thành khóa học đúng tiến độ, Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện để SV có thể tốt nghiệp sớm tiến độ với nhiều biệp pháp khác nhau [H22.22.02.07]. Trước đây, Trường tổ chức giảng dạy và học tập mỗi năm gồm 02 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, ngoài ra Trường còn mở thêm các học phần theo nhu cầu của SV học vào thứ 7 chủ nhật của Học kỳ chính để sinh viên có thể trả nợ hoặc tích lũy thêm kiến thức học vượt [H22.22.02.08].

Những SV có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ, sau khi có các kết quả thi của mỗi học kỳ, phòng Đào tạo phối hợp Phòng Công tác sinh viên và các Khoa tiến hành xét tiến độ, và gửi kết quả đến những SV bị cảnh báo kết quả học tập. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ chính, nhằm giúp cho SV có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình, hạn chế SV bỏ học ở mức thấp nhất [H22.22.02.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.3: Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Khi lập kế hoạch đào tạo, Nhà trường đã dựa trên kết quả thống kê tình hình việc làm của cựu SV các khóa trước, kết quả học tập của SV khóa chuẩn bị tốt nghiệp trong năm học và nhu cầu nhân lực thực tế để Nhà trường đã xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ/thôi học, dự đoán thời gian tốt nghiệp trung bình và dự đoán khả năng có việc làm của SV [H22.22.03.01].

Sau khi sinh viên tốt nghiệp ra trường, 01 năm sau trường sẽ tiến hành khảo sát đối tượng người học đã tốt nghiệp thông qua phần mềm khảo sát [H22.22.03.02] và thống kê, so sánh tỷ lệ có việc làm của người học sau khi tốt nghiệp giữa các khoa, các ngành đào tạo và trình lãnh đạo cấp cao để từ đó sẽ có hướng cải tiến phù hợp hơn trong chất lượng đào tạo**.** Hầu hết sinh viên tốt nghiệp các ngành đào tạo tại HUB đều có việc làm và tương đối đồng đều. Tỷ lệ có việc sau tốt nghiệp khá cao thể hiện nhu cầu nguồn nhân lực của xã hội về các ngành này rất lớn. Qua đó làm căn cứ giữ nguyên các chuyên ngành đang đào tạo hoặc đề xuất thêm mới cho phù hợp với nhu cầu xã hội [H22.22.03.03].

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trong vòng 01 năm sau khi tốt nghiệp của trường đạt từ 50% trở lên, trong đó 20% phù hợp với chuyên ngành đào tạo; tỷ lệ có việc làm trong vòng 03 năm sau khi tốt nghiệp đạt từ 80% trở lên, trong đó 50% đúng chuyên môn.

Trường có tổ chức Ngày hội việc làm vào tháng 05 hằng năm, nơi quy tụ của các doanh nghiệp, các ngân hàng thương mại, cựu người học giúp người học tìm kiếm việc làm, định hướng được nghề nghiệp trong tương lai [H22.22.03.04]. Ngoài ra, các khoa tổ chức các hoạt động workshop về nghề nghiệp, thực tập kiến tập cho sinh viên giúp sinh viên tiếp cận doanh nghiệp, nắm các hoạt động của doanh nghiệp [H22.22.03.05]. Trường còn có cổng thông tin việc làm hỗ trợ doanh nghiệp đăng thông tin tuyển dụng và hỗ trợ sinh viên tìm kiếm việc làm [H22.22.03.06].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.4: Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trong suốt quá trình triển khai chương trình đào tạo, sau mỗi học kỳ Trường đều tổ chức khảo sát ý kiến của người học [H22.22.04.01]. Qua đó đã nắm được nhu cầu của người học để có biện pháp cải tiến phù hợp. Với kết quả thu thập được từ những đợt khảo sát ý kiến người học, Trường đã có những cái nhìn khách quan hơn trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phục vụ người học nhằm phát huy thế mạnh và cải tiến những mặt còn hạn chế.

Từ những kết quả thu thập được thông qua khảo sát, Trường có cơ chế giám sát, sử dụng thông tin phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan để cải tiến hoạt động giáo dục. Trường đã ban hành những hướng dẫn liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H22.22.04.02]. Những phản hồi của người học thông qua hệ thống khảo sát, Trường cũng đã có báo cáo về tổng hợp đánh giá và đối sánh phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy đối với giảng viên, từ đó có những cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy trong đội ngũ giảng viên [H22.22.04.03].

Hàng năm, Trường tổ chức các buổi đối thoại định kỳ giữa Ban Giám hiệu, Trưởng các đơn vị và sinh viên tập trung vào các nội dung liên quan đến cơ chế chính sách đào tạo, công tác sinh viên, các vấn đề liên quan đến học tập và định hướng nghề nghiệp trong tương lai, các vấn đề liên quan đến cơ sở vật chất để tổ chức giảng dạy và học tập và ký túc xá [H22.22.04.04]. Dựa trên những ý kiến, nguyện vọng của sinh viên để trường kịp thời cải tiến.

Trường thường xuyên tổ chức các buổi workshop về các chuyên đề kỹ năng mềm, định hướng nghề nghiệp và mời các chuyên gia đầu ngành trao đổi về tình hình thực tế của các ngành học [H22.22.04.05]. Từ đó, giảng viên có thể kịp thời cập nhật thông tin kiến thức vào bài giảng và sinh viên cũng nắm bắt được thông tin thực tế và có những định hướng phù hợp cho việc học tập của mình.

Cuối mỗi khóa học, trước khi sinh viên đăng ký xét tốt nghiệp, Trường tiến hành khảo sát sự hài lòng của sinh viên về nhiều mặt trong toàn bộ quá trình học của sinh viên như về chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, mức độ đáp ứng của khóa học, cơ sở vật chất, công tác quản lý, hỗ trợ đào tạo, hoạt động ngoại khóa,… [H22.22.04.06]. Kết quả khảo sát cho thấy sinh viên khá hài lòng với quá trình học tập tại trường [H22.22.04.07].

Trường cũng thực hiện kháo sát đối với cựu sinh viên về tình hình việc làm sau tốt nghiệp, qua đó cũng đánh giá mức độ đáp ứng của các kiến thức, kỹ năng đạt được với công việc [H22.22.04.08]. Kết quả khảo sát qua các năm cho thấy cựu sinh viên hài lòng với chất lượng đào tạo của Trường [H22.22.04.09]

Đối với nhà tuyển dụng, hàng năm Trường thực hiện khảo sát để đánh giá mức độ

hài lòng của họ đối với sinh viên tốt nghiệp từ HUB [H22.22.04.10]. Căn cứ kết quả khảo sát để trường có những điều chỉnh về nhiều mặt như chương trình đào tạo, tổ chức các hoạt động hỗ trợ người học,… [H22.22.04.11]

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 22:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường đã ban hành và triển khai hệ thống văn bản quy định về các hoạt động hỗ trợ đào tạo (GVCV, nghĩa vụ quyền lợi của NH,…) nâng cao chất lượng dịch vụ cung ứng cho NH.

Nhà trường xây dựng một hệ thống cơ sở dữ liệu NH từ tuyển sinh đầu vào, kết quả học tập và rèn luyện, kết quả học lại, tình hình tốt nghiệp,…

Nhà trường đã xác lập, dự đoán thời gian tốt nghiệp trung bình. Từ đó có lộ trình học tập phù hợp cho sinh viên ở các trình độ, bậc hệ khác nhau (học đúng tiến độ, học nhanh tốt nghiệp sớm).

Đội ngũ giảng viên được đào tạo chuyên sâu về khối ngành và khối kiến thức được tích lũy trong thực tế và nước ngoài, hoạt động đào tạo gắn liền với thực tiễn, đội ngũ giảng viên đẩy mạnh nghiên cứu khoa học. Vì vậy người học sẽ được cung cấp khối lượng kiến thức phù hợp với thực tế để có thể hòa nhập vào môi trường làm việc ngay khi tốt nghiệp.

Nhà trường đã xác lập, dự đoán thời gian tốt nghiệp trung bình. Từ đó có lộ trình học tập phù hợp cho SV ở các trình độ khác nhau (học đúng tiến độ, học nhanh tốt nghiệp sớm).

Nhà trường triển khai linh hoạt các giai đoạn học tập, hỗ trợ người học trong việc sắp xếp, cân bằng việc học và các công việc khác.

Các báo cáo, kết quả đối sánh giúp trường dự đoán và đánh giá khả nâng có việc làm của sinh viên, CTĐT của trường có bám sát với nhu cầu tuyển dụng của xã hội hay không, từ đó Trường luôn cải tiến CTĐT, cải tiến phương pháp giảng dạy và nâng cao tính thực tiễn các CTĐT.

Kết quả khảo sát của người học, doanh nghiệp là cơ sở để trường bổ sung các hoạt động nâng cao kiến thức cho người học, kết nối doanh nghiệp, bổ trợ kiến thức kỹ năng mềm, tạo sân chơi cho người học ngoài việc học tập hỗ trợ người học sắp xếp cân bằng việc học và công việc một cách hiệu quả.

Trường định kỳ khảo sát người học lẫn đơn vị sử dụng lao động để có định hướng điều chỉnh hoạt động đào tạo.

Trường có hệ thống giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV trong suốt quá trình học tập, có các quy định cụ thể về đào tạo, đánh giá từ đầu vào, quá trình học đến khi

tốt nghiệp đảm bảo tính công bằng, tin cậy và được công khai cho SV vào đầu khóa học, năm học.

Cơ sở dữ liệu về hoạt động đào tạo của Trường được quản lí tốt nhờ ứng dụng CNTT, do đó các báo cáo và quyết định về ĐBCL được thực hiện thường xuyên và cải tiến liên tục.

Trường có đơn vị quản lí và triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, có đơn vị chuyên trách hỗ trợ SV và có hệ thống lưu trữ dữ liệu về tình hình SV tốt nghiệp. Tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm của Trường sau 1 năm khá cao.

Việc khảo sát ý kiến của SV sau khi kết thúc HP đã được thực hiện đều đặn, thường xuyên trong mỗi học kì nhiều năm qua. Điều này giúp tổng hợp, phân tích và đánh giá để góp phần cải tiến chất lượng dạy và học của Trường

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Việc khảo sát ý kiến cựu người học được thực hiện chưa đồng bộ, số phiếu thu lại của một số CTĐT còn thấp.

Sinh viên chính quy thường thiếu kỹ năng trả lời phỏng vấn và kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc.

Thời gian tốt nghiệp trung bình của các khóa, các CTĐT chưa đều nhau.

Chuẩn đầu ra tiếng anh của sinh viên CLC cao sinh viên khó đạt được.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1		Định kỳ chủ động rà soát tỷ lệ buộc thôi học và tốt nghiệp để có	Các khoa, Phòng Đào tạo	2022-2023	
2		Liên tục điều chỉnh lộ trình học tập của sinh viên cho phù hợp với tình hình thực tế.	Các khoa	2022-2023	
3		Đẩy mạnh, mở rộng kết nối doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo	Các khoa, Trung tâm hỗ trợ sinh viên, Phòng CTSV, Phòng Đào tạo	2022-2023	
4	Khắc phục tồn tại	Liên tục điều chỉnh lộ trình học tập của SV cho	Phòng Đào tạo và các khoa	2023-2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
		phù hợp với tình hình thực tế			
5	Khắc phục tồn tại	Thường xuyên cập nhật thông tin cựu người học	Phòng KT&ĐBCL	2022 - 2023	
6	Khắc phục tồn tại	Cải tiến biểu mẫu khảo sát, giám sát số phiếu phát ra.	Phòng KT&ĐBCL	2022 - 2023	
7	Khắc phục tồn tại	Tăng cường ưng dụng CNTT trong khảo sát	Phòng KT&ĐBCL	2022 - 2023	
8	Khắc phục tồn tại	Rà soát lại kế hoạch lịch giảng và CTĐT của các khoa	Phòng Đào tạo và các khoa	2022-2023	
9		Hỗ trợ sinh viên nâng cao CĐR tiếng anh	Khoa Ngoại ngữ & Phòng Đào tạo		

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 22	***5***
Tiêu chí 22.1	5/7
Tiêu chí 22.2	5/7
Tiêu chí 22.3	5/7
Tiêu chí 22.4	5/7

TIÊU CHUẨN 23: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Tiêu chí 23.1: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Trường Đại học Ngân hàng TP HCM luôn quan tâm đến hoạt động nghiên cứu khoa học, xem đây là hoạt động quan trọng của một trường Đại học. Từ năm 2003, Trường đã thành lập Viện NCKH&CNNH với nhiệm vụ chủ yếu là thực hiện sứ mạng của Trường về NCKH. Trên cơ sở "Chiến lược phát triển Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030 [H23.23.01.01], Trường đã xây dựng các chỉ tiêu về hoạt động KHCN đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [H23.23.01.02] phù hợp với sứ mạng của Trường nhằm đẩy mạnh toàn diện hoạt động NCKH trong toàn trường, cả về số lượng lẫn chất lượng các công trình nghiên cứu nâng cao năng lực của giảng viên, nghiên cứu viên, học viên sau đại học, sinh viên gắn hoạt động nghiên cứu với giảng dạy và phục vụ nhu cầu kinh tế - xã hội của ngành, địa phương và cả nước.

Để viên chức, người lao động toàn trường dễ dàng lựa chọn các loại hình hoạt động nghiên cứu khoa học phù hợp với bản thân, Trường đã ban hành văn bản hợp nhất về Quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của trường Đại học Ngân hàng TP.HCM [H23.23.01.03], trong đó, định nghĩa về các loại hình khoa học công nghệ cũng như quy định rõ về cách thức nhà trường triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học toàn trường. Theo đó, giảng viên, nghiên cứu viên có thể đăng ký tham gia nghiên cứu khoa học các cấp thông qua đơn vị quản lý theo thông báo đăng ký hoạt động KHCN từ Viện NCKH&CNNH trên trang web Viện cũng như email đơn vị. Các đơn vị quản lý có trách nhiệm tổng hợp, kiểm duyệt và lập kế hoạch thực hiện các hoạt động KHCN của toàn bộ CBVC, NLĐ thuộc đơn vị mình gửi về Viện NCKH&CNNH trước 30/10 hằng năm. Sau khi nhận tổng hợp các hoạt động KHCN từ các đơn vị, Viện NCKH&CNNH có trách nhiệm thành lập hội đồng xét duyệt danh mục và trình Hiệu trưởng phê duyệt. Căn cứ danh mục phê duyệt, các cá nhân có đăng ký được duyệt triển khai thực hiện.

Bên cạnh đó, trường căn cứ vào Thông tư 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 7 năm 2020 quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục để quy định các chỉ tiêu về khối lượng NCKH đáp ứng yêu cầu của Bộ GT&ĐT quy định về NCKH đối với giảng viên [H23.23.01.04]. Những quy định về số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học mà đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được quy định cụ thể trong văn bản hợp nhất về quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của trường Đại học Ngân hàng TP.HCM [H23.23.01.05] và Quy định về chế độ làm việc đối với nghiên cứu viên trường Đại học Ngân hàng TP.HCM [H23.23.01.06]. Theo các quy định này, giảng viên

phải dành ít nhất 1/3 tổng thời gian làm việc trong năm học để làm nhiệm vụ NCKH tương đương số tiết chuẩn là 196 tiết/năm, còn nghiên cứu viên sẽ dành tối thiểu 1029 tiết/năm thực hiện nghiên cứu khoa học. Số tiết nghiên cứu này được quy đổi từ nhiều hình thức hoạt động khoa học như thực hiện đề tài, đề án, sách, viết bài báo, bài tham luận hội thảo các cấp cũng như xây dựng chương trình đào tao của trường...vv

Phòng Quản lý khoa học và xuất bản thuộc Viện NCKH&CNNH được nhà trường giao nhiệm vụ theo dõi, giám sát các hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên [H23.23.01.07]. Thực hiện quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của trường theo phân công của Viện trưởng. Điều phối, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học và thực hiện công tác thống kê, tổng hợp các hoạt động liên quan đến hoạt động khoa học và công nghệ của toàn Trường.

Các quy định hướng dẫn triển khai đề tài, đề án [H23.23.01.08], sáng kiến [H23.23.01.09], thực hiện biên soạn sách (giáo trình, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo) [H23.23.01.10], triển khai hội thảo, hội nghị khoa học [H23.23.01.11] đều được quy định cụ thể từng loại hình trong văn bản hợp nhất về quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của trường Đại học Ngân hàng TP.HCM.

Từ năm 2020, việc kê khai tổng hợp NCKH được tiến hành trên hệ thống online với quy trình theo quy định của quy chế quản lý hoạt động KHCN. Trước 30 tháng 5 và 30 tháng 11 hằng năm, các đơn vị toàn trường tổng hợp kê khai kết quả KHCN kèm minh chứng của các giảng viên, nghiên cứu viên, người lao động trong đơn vị mình gửi về Viện NCKH&CNNH theo thông báo hướng dẫn được gửi về email đơn vị [H23.23.01.12]. Sau đó phòng Quản lý khoa học và xuất bản tổ chức hoạt động kiểm tra việc kê khai để đảm bảo đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên, người lao động rõ ràng, cụ thể, đảm bảo độ tin cậy, chính xác [H23.23.01.13]. Đồng thời từ kết quả thống kê trên, cơ sở dữ liệu về loại hình nghiên cứu và khối lượng nghiên cứu đạt được của giảng viên, nghiên cứu viên, người lao động hằng năm của nhà trường được thường xuyên cập nhật đầy đủ, chính xác.

Trên cơ cở việc thống kê kết quả hoạt động KHCN của giảng viên, nghiên cứu viên, người lao động mỗi kỳ nhà trường chủ động trong việc nắm giữ thông tin, xây dựng hình thành cơ sỡ dữ liệu được cập nhật về loại hình và khối lượng nghiên cứu đạt được của từng giảng viên, nghiên cứu viên người lao động trong trường.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ GV, nghiên cứu viên được xây dựng thông qua hoạt động kê khai nghiên cứu khoa học của giảng viên, kết quả nghiệm thu các sản phẩm KHCN như đề tài, đề án, sách, các bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học, bài viết được

đăng trên các kỷ yếu hội thảo đều được thông qua bởi các hội đồng nghiệm thu, phản biện nghiêm ngặt.

Kết quả NCKH của giảng viên, nghiên cứu viên được đánh giá thông qua các sản phẩm NCKH cụ thể được công nhận, nghiệm thu hoặc công bố trong năm bao gồm: Đề tài, đề án các cấp, bài báo khoa học, bài tham luận hội thảo trong nước, quốc tế, giáo trình, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo cũng như các báo cáo khoa học tại hội nghị trong nước, quốc tế [H23.23.01.14].

Nghiên cứu khoa học là một trong những điều kiện tiên quyết để Nhà trường đánh giá, xếp loại và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng của cán bộ, viên chức, người lao động trong toàn trường thông qua kết quả kê khai hoạt động nghiên cứu khoa học hằng năm. Mức quy đổi của kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học được quy định cụ thể trong văn bản hợp nhất về quy chế quản lý hoạt động khoa học và công nghệ và quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với công chức, viên chức, người lao động trường Đại học Ngân hàng TP.HCM trong đó quy định rõ trách nhiệm của các đơn vị liên quan **[H23.23.01.15].**

Đối với lực lượng nghiên cứu chủ chốt là giảng viên và nghiên cứu viên trường có quy định rõ về định mức nghiên cứu khoa học cần thực hiện cũng như các hoạt động nghiên cứu và sản phẩm cần đạt được trong năm để đối sánh đánh giá **[H23.23.01.16]**

Hoạt động đối sánh, đánh giá về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên được thể hiện rõ trong các báo cáo hoạt động khoa học công nghệ hằng năm của nhà trường **[H23.23.01.17]**. Đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế, Viện NCKH&CNNH rà soát và trình BGH về các đề xuất điều chỉnh về loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và cán bộ nghiên cứu. Điều này được minh chứng rõ trong các biên bản họp rà soát điều chỉnh Quy chế quản lý hoạt động khoa học công nghệ của nhà trường **[H23.23.01.18]**. Nhìn chung hoạt động nghiên nghiên cứu khoa học của nhà trường tăng cao về số lượng cũng như chất lượng qua các năm

Bảng 23. 1 - Các đề tài cấp Bộ hoàn thành giai đoạn 2017-2021

STT	Hoạt động KH&CN	2017	2018	2019	2020	2021
1	Đề tài cấp Bộ	3	2	3	3	3

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

Bảng 23. 2 - Các hoạt động KH&CN giai đoạn 2017-2021

STT	Hoạt động KH&CN	2017	2018	2019	2020	2021
1	Đề tài cấp cơ sở	22	16	12	13	23
2	Sách	19	17	13		30
3	Bài báo khoa học trong nước	149	177	181	228	299
4	Bài báo khoa học quốc tế	39	34	68	113	155
5	Hội thảo trong nước	103	232	132	129	142
6	Hội thảo quốc tế	31	55	86	40	49

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

Tình hình thực hiện các đề tài cấp ngành: Số lượng đề tài Bộ, Tỉnh Thành phố được đề xuất và duy trì thực hiện với số lượng 2-3 đề tài/năm và đều hoàn thành, số lượng đề tài tham gia đề xuất ngày càng tăng và tăng cường sự phối hợp với các đơn vị bên ngoài.

Hướng nghiên cứu lĩnh vực, chủ đề nghiên cứ mở rộng hơn, các đề tài cập nhật các phương pháp, mô hình nghiên cứu hiện nay trên thế giới theo hướng định lượng .

Việc tham gia thực hiện các đề tài NCKH cấp Bộ, Thành phố, cơ sở đã góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu của Trường, đồng thời dần hình thành các nhóm nghiên cứu.

Tính ứng dụng của đề tài: nội dung đề tài phục vụ làm tài liệu tham khảo trong giảng dạy, học tập và giải pháp cho các vấn đề cấp thiết của ngành Ngân hàng và đất nước.

Số lượng bài quốc tế đặc biệt là các bài quốc tế thuộc hệ thống ISI/SCOPUS tăng cao từ 2-3 lần trong giai đoạn năm 2017-2021 điều này cho thấy trong những năm gần đây giảng viên của Trường tích cực hướng đến các lĩnh vực nghiên cứu mang lại giá trị cao cho nhà trường.

Bên cạnh đó, số lượng đề tài cơ sở qua các năm tuy có xu hướng giảm nhưng các đề tài chủ yếu tập trung giải quyết các vấn đề thực tiễn, lý luận được đặt ra đối với ngành ngân hàng. Hướng nghiên cứu của đề tài phục vụ thiết thực cho yêu cầu đào tạo hoặc mang lại hiệu quả công tác về mặt quản lý, điều hành các hoạt động của nhà trường. Công tác biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy được duy trì và đẩy mạnh tiến tới lộ trình năm 2025 về cơ bản có đủ tư liệu cho tất cả các môn học. Đối với số lượng giáo

trình, tài liệu tham khảo, sách chuyên khảo nói chung được giữ ổn định qua các năm học (bảng 23.2). Về mặt nội dung, hầu hết các sách phục vụ làm tài liệu tham khảo trong giảng dạy, học tập và giải pháp cho các vấn đề cấp thiết của ngành Ngân hàng và đất nước.

Số công bố khoa học trung bình của giảng viên tăng dần về cả số lượng và chất lượng. Đa số giảng viên đều vượt định mức nghiên cứu khoa học phải thực hiện hằng năm, đặc biệt các nhiều trường hợp vượt 100 lần định mức yêu cầu. Sản phẩm nghiên cứu khoa học thông qua đề tài, bài báo, bài tham luận, sách đều được đánh giá tốt.

Để hoạt động nghiên cứu khoa học ngày một nâng cao chất lượng, phòng Quản lý khoa học và xuất bản thông qua Viện NCKH&CNNH có những đề xuất, tham mưu với Ban Giám hiệu về các phương án của tiến quy định, phương thức, loại hình, quy trình quản lý khoa học thông qua các báo cáo tổng kết hoạt động KHCN hằng năm đồng thời những cải tiến này thường được đề xuất trong mục tiêu chất lượng và chương trình hành động cũng như kế hoạch của đơn vị **[H23.23.01.19]** cũng như các báo cáo kết quả nghiên cứu của giảng viên nhà trường **[H23.23.01.20]** cụ thể:

- Từng bước tin học hóa hệ thống quản lý KHCN bằng việc xây dựng phần mềm kê khai nghiên cứu khoa học cũng như phần mềm đăng ký nhiệm vụ khoa học các cấp phục vụ quản lý khoa học toàn trường
- Tăng cường phối hợp với các đơn vị trong và ngoài trường vì mục tiêu phát triển hoạt động NCKH, tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ giảng viên, nghiên cứu viên hoàn thành NCKH
- Khen thưởng kịp thời các thành tích về NCKH theo quy chế đẻ khuyến khích giảng viên, nghiên cứu viên, người lao động.
- Triển khai thành lập các nhóm nghiên cứu mạnh tăng năng lực nghiên cứu cũng như chất lượng sản phẩm nghiên cứu của trường.
- Từng bước nâng cao chất lượng tạp chí Kinh tế và Ngân hàng châu Á để thuận lợi cho việc xin nâng điểm tạp chí từ 0.5 lên 0.75.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.2: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nghiên cứu khoa học (NCKH) là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của một trường đại học, đẩy mạnh hoạt động NCKH trong sinh viên có ý nghĩa hết sức to lớn đến việc nâng cao chất lượng đào tạo. Nhằm thúc đẩy cho hoạt động NCKH trở thành sự mong muốn được sáng tạo của mỗi sinh viên và đưa phong trào NCKH trong sinh viên trở thành chuẩn tắc, hoạt động KH&CN sinh luôn được nhà Trường quan tâm và

tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên sớm được tham gia vào công tác nghiên cứu. Do đó các loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học mà người học thực hiện đều được quy định cụ thể trong văn bản hợp nhất về quy chế quản lý khoa học và công nghệ của trường Đại học Ngân hàng TP.HCM **[H23.23.02.01].** Các hình thức nghiên cứu khoa học của sinh viên bao gồm: thực hiện đề tài NCKH, viết bài tham luận hội thảo, sinh hoạt học thuật, hội thi sáng tạo KHCN, câu lạc bộ khoa học sinh viên, các giải thưởng KHCN ở trong và ngoài nước và các cuộc thi học thuật dành cho sinh viên. Bên cạnh đó, hằng năm nhà trường chủ động trong việc đưa ra mục tiêu chất lượng và chương trình hành động dành cho số lượng đề tài nghiên cứu khoa học nghiệm thu của sinh viên cần đạt được **[H23.23.02.02]**. Còn kết quả chất lượng nghiên cứu khoa học của sinh viên được đánh giá thông qua kết quả nghiệm thu và việc xét giải thưởng nghiên cứu khoa học các cấp. Trong những năm gần đây sinh viên trường ngày càng đạt nhiều giải thưởng cao trong nghiên cứu khoa học các cấp chẳng hạng như giải thưởng về kinh tế lượng, eureka..vv **[H23.23.02.03]**

Ngoài ra hằng năm nhà trường ban hành cẩm nang sinh viên trong đó hướng dẫn hoạt động NCKH sinh viên **[H23.23.02.04].**Trên cơ sở đó Viện NCKH&CNNH kết hợp với các khoa, Đoàn thanh niên, ban điều hành chương trình chất lượng cao triển khai hướng dẫn sinh viên đăng ký thực hiện các hoạt động nghiên cứu khoa học để đạt được hiệu quả. Kết quả NCKH của sinh viên đồng thời được coi là một trong những tiêu chí để sinh viên cộng điểm rèn luyện và cộng điểm hồ sơ xét sinh viên 5 tốt và nhận khen thưởng khi đạt các giải thưởng nghiên cứu **[H23.23.02.05].**

Căn cứ vào nhiệm vụ chức năng quản lý, phòng quản lý khoa học và xuất bản thuộc viện nghiên cứu và Ban điều hành chương trình chất lượng cao được phân công là đơn vị theo dõi giám sát các loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu, các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học **[H23.23.02.06].** Bên cạnh đó Phòng chủ động phối hợp với các đơn vị khác như Phòng Công tác sinh viên, Đoàn thanh niên, các khoa quản lý để đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn, khích lệ các hoạt động sinh viên nghiên cứu khoa học phát triển.

Quy trình theo dõi, giám sát loạt hình, khối lượng, chất lượng NCKH mà người học thực hiện được quy định cụ thể trong văn bản hợp nhất về quy chế quản lý NCKH của trường **[H23.23.02.07]** trong đó quy định rõ và cách thức đăng ký, xác định danh mục phê duyệt cũng như quy trình tổ chức thực hiện nhằm đánh giá mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng của các công trình nghiên cứu khoa học trên. Cụ thể căn cứ vào ”Thông báo đăng ký đề tài” trang thông tin từ các khoa, ban NCKH Đoàn trường sinh viên đăng ký đề tài theo mẫu gửi về ban học tập và NCKH Đoàn khoa để tổng hợp và trình lãnh đạo khoa. Trên cơ sở đăng ký của sinh viên các khoa xác định danh mục đề

tài NCKH của sinh viên trong khoa và gửi về Viện NCKH&CNNH thông qua phòng quản lý khoa học và xuất bản trước ngày 30 tháng 10 hằng năm để lập hội đồng phê duyệt. Sau khi hội đồng khoa học trường được tổ chức xác định danh mục phê duyệt được sơ tuyển, Phòng quản lý khoa học và xuất bản gửi về khoa quản lý danh mục phê duyệt chính thức. Căn cứ vào danh mục phê duyệt trên các khoa triển khai quy trình tổ chức hội đồng đề cương và các bước tiếp theo theo đúng quy chế mà văn bản hợp nhất về quy chế quản lý nghiên cứu khoa học đã quy định.

Bên cạnh đó nguồn kinh phí cho nghiên cứu khoa học của người học cũng được quy định rõ ràng cụ thể trong nghị quyết ban hành quy chế chi tiêu nội bộ của trường **[H23.23.02.08].**

Cơ sở dữ liệu về loại hình, khối lượng, chất lượng nghiên cứu khoa học của người học được phòng quản lý khoa học và xuất bản cũng như ban điều hành quản lý chương trình chất lượng cao cập nhật thường xuyên, rõ ràng, cụ thể đảm bảo độ tin cậy về danh mục đề tài sinh viên được phê duyệt, danh mục đề tài sinh viên được nghiệm thu, danh mục bài tham luận hội thải của sinh viên cũng như giải thưởng nghiên cứu khoa học sinh viên đạt được hằng năm [**H23.23.02.09].**

Ngoài ra, văn bản hợp nhất về quy chế quản lý khoa học và công nghệ đồng thời cũng quy định rõ quy trình quản lý hoạt động NCKH đối với học viên và nghiên cứu viên trường. Căn cứ thông báo đăng ký học viên và nghiên cứu viên của trường có thể nộp đăng ký cho Khoa Sau Đại học tổng hợp và đề xuất gửi Viện NCKH&CNNH để lập hội đồng xét duyệt danh mục. Theo đó quy chế quy định rõ các bước thực hiện cũng như trách nhiệm của các bên liên quan trong qua trình đăng ký NCKH **[H23.23.02.10].**

Các chỉ số chính để đánh giá chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên là số lượng hoạt động NCKH mà sinh viên tham gia như đề tài, bài tham luận hội thảo cũng như số lượng giải thưởng NCKH sinh viên đạt được hằng năm. Thành phần tham gia NCKH của sinh viên khá đa dạng bao gồm tất cả các sinh viên từ năm nhất đến năm cuối, trong đó một số hoạt động đạt được giải thưởng NCKH cao. Các báo cáo khoa học của sinh viên được đánh giá bởi hội đồng khoa học theo các tiêu chí đánh giá như đối với một công trình khoa học thực thụ, tất cả hoạt động đánh giá trên được quy định rõ trong văn bản hợp nhất về quy chế quản lý khoa học và công nghệ [H23.23.02.11]. (Xem số liệu trong bảng 23.3 và 23.4)

Bảng 23. 3 - Bảng Tổng hợp số lượng đề tài hoàn thành của sinh viên giai đoạn 2017-2021

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng đề tài sinh viên hoàn thành	12	12	15	8	8

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

Có thể nhận thấy rằng, hoạt động NCKH trong sinh viên trong năm ngày càng tăng. Điều này cho thấy, số lượng đề tài cấp trường của sinh viên chuyển biến tích cực qua các năm. Bên cạnh đó, việc đa dạng hóa ngành học cũng đã góp phần đa dạng hóa các đề tài NCKH của sinh viên. Nếu như trước đây, danh mục NCKH của sinh viên thường chỉ tập trung vào lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng thì trong các năm trở lại đây, danh mục đề tài đã bao gồm cả các nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực như quản trị kinh doanh, Kế toán –Kiểm toán, Kinh tế Quốc tế, Luật kinh tế, Ngôn ngữ Anh,... Bên cạnh đó, từ năm 2017 đến nay, Trường đã đạt được các giải nhất, nhì, ba và giải khuyến khích do giải thưởng kinh tế lượng toàn quốc tổ chức, sinh viên của trường cũng tích cực tham gia nhiều cuộc thi quốc tế và trong nước, đạt kết quả đáng khích lệ. Cụ thể, đạt các giải nhất, nhì, ba ở cuộc thu Vô địch Tin học Văn phòng Thế giới MOSWC 2018 và Giải khuyến khích Cuộc thi Olympic Tin học & ACM/ICPC (Lập trình quốc tế). Các giải nhì, ba cuộc thi Toán sinh viên toàn quốc và các giải khuyến khích cuộc thi sinh viên NCKH Eureka,… Số lượng đề tài của sinh viên đạt giải thưởng các cấp ngày càng cao ở các năm, trong đó năm 2017 là 15 và năm 2018 là 11 đề tài đạt giải. Điều này chứng tỏ chất lượng đề tài nghiên cứu của sinh viên đã chuyển biến theo hướng tích cực và khả năng nghiên cứu của sinh viên ngày càng được nâng cao

Bảng 23. 4 - Số lượng đề tài sinh viên đạt giải giai đoạn 2017-2021

Năm / Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng đề tài đạt giải toàn trường	15	11	4	9	6

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của người học được xây dựng thông qua các hội đồng nghiệm thu các để tài NCKH của SV cũng như là thống kê về các giải thưởng NCKH của người học **[H23.23.02.12]**

Để nâng cao hiệu quả và chất lượng của hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh

viên hơn nữa nhà trường chủ động trong việc thực hiện việc đối sánh về khối lượng và chất lượng của người học thông qua báo cáo hoạt động NCKH của sinh viên tại hội nghị NCKH của sinh viên cấp trường [H23.23.02.13] cũng như việc gửi các đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên tham dự các cuộc thi giải thưởng nghiên cứu khoa học lớn như: Giải thưởng Olympic kinh tế lượng toàn quốc, Eureka, Giải thưởng sinh viên NCKH của Bộ GD&ĐT tổ chức..vv. Đây cũng là cơ hội để trường Đại học Ngân hàng so sánh chất lượng NCKH của sinh viên trong trường với các trường khác. Và kết quả nghiên cứu khoa học của Trường cũng đạt được nhiều thành tựu nhất định (Xem bảng thống kê 23.5)

Bảng 23. 5 - Số lượng giải thưởng NCKH của sinh viên GĐ 2017-2021

Năm / Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng giải thưởng các cấp	15	11	4	9	6

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

Hằng năm, phòng Quản lý khoa học và xuất bản thông qua Viện NCKH&CNNH thường xuyên tham mưu, tư vấn cho Ban Giám hiệu cải tiến quy trình, cách thức tổ chức quản lý hoạt động NCKH của sinh viên nhằm nâng cao chất lượng cũng như số lượng NCKH của người học. Những giải pháp này được đề cập trong mục tiêu chất lượng và chương trình hành động [**H23.23.02.14]** cũng như báo cáo tổng kết định kỳ **[H23.23.02.15]** và được thực hiện trong quá trình triển khai hoạt động sinh viên NCKH. Bên cạnh đó nhằm thu hút động viên khuyến khích sinh viên tham gia NKCH nhà trường có những chính sách khen thưởng cho thành tích NCKH sinh viên như cấp giấy khen, khen thưởng tiền, đề xuất hồ sơ sinh viên đạt các học bổng của ngành cũng như được cộng điểm trong hồ sơ 5 tốt của sinh viên trường hằng năm.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.3: Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Các loại hình và số lượng công bố khoa học của Trường được ghi rõ trong phân loại hoạt động công nghệ thuộc văn bản hợp nhất về quy chế quản lý khoa học và công nghệ trường Đại học Ngân hàng TP.HCM bao gồm: Đề tài, bài cáo đăng trên tạp chí trong nước, quốc tế, bài tham luận hội thảo đăng trong kỷ yếu trong nước, quốc tế, sách cụ thể giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo…vv **[H23.23.03.01]**

Trên cơ sở các chỉ tiêu trong "Chiến lược phát triển Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030, Trường đã đề ra các chỉ tiêu cụ thể về công bố khoa học trong mục tiêu chất lượng và chương trình hành động hằng năm

[H23.23.03.02] . Số liệu công bố theo từng đơn vị và từng giảng viên cũng được thống kê theo đợt mỗi năm để đánh giá kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học, nhận dạng những cá nhân, đơn vị mạnh về công bố khoa học toàn trường. Quy định về các trích dẫn cho từng năm và theo giai đoạn được thể hiện thông qua các bài đăng trên Tạp chí khoa học kinh tế và ngân hàng châu Á của trường được xuất bản định kỳ hằng tháng **[H23.23.03.03].**

Để theo dõi số liệu công bố khoa học của từng cá nhân và đơn vị toàn trường, hằng năm trường tiến hành thống kê kết quả NCKH theo kỳ và từ năm 2020, việc kê khai tổng hợp NCKH sẽ tiến hành trên hệ thống online với quy trình theo quy định của quy chế quản lý hoạt động KHCN. Đồng thời giao cho phòng quản lý khoa học và xuất bản thuộc Viện NCKH&CNNH **[H23.23.03.04]** thực hiện theo dõi, giám sát cơ sở dữ liệu khoa học và Tạp chí kinh tế Ngân hàng và Châu Á thực hiện theo dõi, giám sát các trích dẫn, chỉ số IF các bài đăng trên tạp chí của trường **[H23.23.03.05]**

Cơ sở dữ liệu được cập nhật về các loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn, chỉ số IF được thực hiện thông qua việc tổng hợp danh sách các bài viết đăng trên tạp chí của trường **[H23.23.03.06]**, danh sách các bài viết đăng trên tạp chí quốc tế **[H23.23.03.07]**

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm trích dẫn được xây dựng thông qua bởi các hội đồng phản biện các bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học [H23.23.03.08].

Nhà trường đã có hệ thống theo dõi và đối sánh số lượng công bố khoa học tuy nhiên về việc đối sánh trích dẫn khoa học của Trường hiện nay chỉ sử dụng các chức năng của hệ thống Web của Google Scholar để lấy số liệu về trích dẫn của các công bố ISI/SCOPUS của Trường cũng như hệ thống web của Vietnam Citation Gateway (V-CitationGate) thuộc Đại học Quốc Gia Hà Nội, cơ sở dữ liệu thư mục (Bibliographic database) để lấy số liệu trích dẫn đối với các tạp chí trong nước [H23.23.03.09]

Theo thống kê, tổng số các bài báo của CBVC Nhà trường đã đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành từ năm 2017-2021 là 1484 bài (tổng số bài báo tính theo hệ số quy đổi là 1890) (bảng 23.6) trong đó có: bài báo đăng trên tạp chí quốc tế cụ thể 222 bài thuộc danh mục ISI/SCOPUS, 1078 bài báo đăng trên các tạp chí trong nước, 292 bài tham luận đăng trong kỷ yếu các hội nghị quốc tế và 735 bài tham luận đăng trong kỷ yếu các hội thảo trong nước. Nhằm gia tăng về số lượng cũng như chất lượng các công bố khoa học nhà trường có các chính sách khen thưởng, động viên, khuyến khích sự phấn đấu của các nhà khoa học nghiên cứu như thưởng cho các cá nhân hoàn thành đề tài NCKH cấp Nhà nước, cấp Bộ/Tỉnh/Thành phố (chỉ áp dụng cho các đề tài không sử dụng ngân sách của trường), đăng thành công bài viết quốc tế thuộc danh mục ISI,

SCOPUS...vv

Bên cạnh đó, Nhà trường chú trọng việc chủ trì tổ chức các hội thảo quốc tế liên quan đến ngành thế mạnh và phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển khoa học của Nhà trường. Đặc biệt Hội thảo quốc tế thường niên về kinh tế lượng (International Econometric Conference of Viet Nam), thu hút các nhà khoa học các chuyên gia quốc tế (Pháp, Đài Loan, Thái Lan, Nhật Bản, Cộng hòa Séc, Thụy Sĩ, Úc, Mỹ, Hà Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Nga, Ghana,…) tham dự. Đây là những hoạt động khoa học hữu ích, giúp cán bộ, giảng viên công nhân viên của Nhà trường giao lưu, tiếp cận phương pháp nghiên cứu khoa học tiên tiến, các vấn đề khoa học, công nghệ mang tính thời sự. Ngoài ra để tạo điều kiện cho các nhà khoa học trong trường và các nhà khoa học trong nước công bố các nghiên cứu của mình, Nhà trường đã định kỳ xuất bản các số của Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng Châu Á. Danh mục các bài báo đăng trên Tạp chí được công bố trên các website của nhà trường đồng thời Tạp chí Kinh tế và Ngân hàng Châu Á (AJEB) của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh thuộc nhóm các tạp chí khoa học Việt Nam có chỉ số ảnh hưởng (Impact Factor) tốt nhất năm 2020. Tính đến tháng 12-2020, Việt Nam có 224 trường đại học và cao đẳng đều có tạp chí riêng. Nếu tính riêng các tạp chí thuộc chuyên ngành Kinh tế - kinh doanh, Tạp chí Kinh tế và ngân hàng châu Á thuộc trường Đại học Ngân hàng TP.HCM thuộc nhóm 4 tạp chí có chỉ số ảnh hưởng cao nhất. Và từ tháng 6 năm 2020, AJEB phiên bản tiếng Anh đã chính thức xuất hiện trên cơ sở dữ liệu của Nhà xuất bản quốc tế EMERALD. Đây là bước tiến quan trọng trong quá trình phát triển của AJEB giúp nâng cao mức độ nhận biết, chất lượng và ảnh hưởng của tạp chí trong nước và quốc tế

Bảng 23. 6 - Thống kê các công bố khoa học giai đoạn 2017-2021

TT	Sản phẩm	Hệ số	Năm					Tổng đã Quy đổi
			2017	2018	2019	2020	2021	
1	*Bài báo quốc tế*	2.0	39	62	76	90	139	812
2	*Bài báo trong nước*	1.0	149	177	181	255	316	1078
3	*Báo cáo hội thảo khoa học Quốc tế*	1.0	31	55	86	40	80	292
4	*Báo cáo hội thảo khoa học Trong nước*	0.5	103	232	132	139	129	367.5
Tổng		4.5	322	526	475	524	664	11299.5

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

Hằng năm, nhằm nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng

công bố khoa học bao gồm cả trích dẫn, Phòng Quản lý KHCN thông qua Viện NCKH&CNNH đưa ra các giải pháp cải tiến trong mục tiêu chất lượng và chương trình hành động cũng, báo cáo tổng kết định kỳ **[H23.23.03.10]** cũng như các báo cáo kết quả nghiên cứu **[H23.23.03.11]** của giảng viên nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.4: Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ trong đó có quy định về sở hữu trí tuệ được quy định cụ thể, rõ ràng trong văn bản hợp nhất về quy chế quản lý khoa học và công nghệ ngân hàng **[H23.23.04.01]** trong đó quy định cụ thể ĐHNH là chủ sở hữu đối với các tài sản trí tuệ sau đây: Được tạo ra bởi CCVC,NLĐ cộng tác viên, người học hoặc các đơn vị theo các nhiệm vụ được giao, hoặc nhân viên phòng ban sử dụng thời gian làm việc hành chính theo quy định của ĐHNH, hoặc sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị của ĐHNH và có thỏa thuận bằng văn bản với ĐHNH rằng mọi đối tượng SHTT được sáng tạo ra trong quá trình sử dụng thời gian làm việc hành chính nêu trên, trừ khi giữa chủ thể được giao có thỏa thuận khác; Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng do ĐHNH đặt hàng đối với các tổ chức, cá nhân trong hoặc ngoài ĐHNH, trừ khi hợp đồng liên quan có quy định khác; Được tạo trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa ĐHNH với một hoặc một số đối tác khác, trong đó có quy định các TSTT phát sinh là thuộc về ĐHNH; Được tạo ra do các hoạt động nghiên cứu của người học nhận hỗ trợ tài chính (dưới dạng tiền thù lao, tiền trợ cấp, tiền lương học bổng hoặc tài trợ nghiên cứu) từ các nguồn ngân sách do nhà nước quản lý; Tất cả các quyền tài sản của tác phẩm, các tác giả, đồng tác giả liên quan có nhiệm vụ chuyển giao quyền công bố về ĐHNH, trừ khi giữa ĐHNH và tác giả, đồng tác giả có thỏa thuận khác.

Việc nâng cao hiểu biết về quyền sở hữu trí tuệ cho viên chức, giảng viên và gia tăng số lượng sản phẩm KHCN đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đang là một trong những hoạt động được ưu tiên của Nhà trường. Nhà trường đã thực hiện tuyên truyền phổ biến trong toàn trường về những vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ. Đặc biệt tháng 4/2021 vừa qua, Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM tổ chức thành công ***"Tọa đàm trao đổi kinh nghiệm và hưởng ứng ngày sở hữu trí tuệ thế giới"*** với nội dung phổ biến tuyên truyền, nâng cao nhận thức về vai trò của sở hữu trí tuệ, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm liên quan đến quyền tác giả, công tác xuất bản sách, công tác số hóa tài liệu, bài báo, tạp chí, luận văn, luận án, các công trình NCKH…vv đăng tải trên trang thông tin điện tử trong và ngoài Trường. Tọa đàm trên đã thu hút nhiều Lãnh đạo Cục sở hữu trí tuệ, các chuyên gia am tường, có kinh nghiệm về lĩnh vực quyền sở hữu trí tuệ và giảng viên các

trường Đại học quan tâm đến lĩnh vực sở hữu trí tuệ tham gia. Đây là một trong những hoạt động khoa học hữu ích, giúp cán bộ, giảng viên công nhân viên của Nhà Trường giao lưu, tiếp cận, tìm hiểu rõ hơn về vai trò sở hữu trí tuệ trong Nhà trường.

Trường đã đề ra các chỉ tiêu cụ thể về công bố khoa học trong chiến lược phát triển, tổ chức thống kê kết quả hàng năm. Số liệu công bố theo từng đơn vị và từng giảng viên cũng được thống kê để đánh giá kết quả hoạt động, nhận dạng những cá nhân, đơn vị mạnh về công bố khoa học và những điểm yếu cần khắc phục.

Hệ thống theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ chủ yếu về các công bố khoa học của trường; Cơ sở dữ liệu được cập nhập về tài sản trí tuệ này được nhà trường giao cho Viện NCKH&CNNH theo dõi **[H23.23.04.02]**. Các quy định hướng dẫn, nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ các tài sản trí tuệ, quy trình để đánh giá mức độ đáp ứng các chỉ tiêu về loại hình về tài sản trí tuệ đều được quy định rõ trong văn bản hợp nhất về quy chế quản lý khoa học và công nghệ **[H23.23.04.03]**. Nguồn kinh phí đầu tư, hỗ trợ các tài sản trí tuệ bao gồm các công bố bài báo quốc tế, các sản phẩm khoa học công nghệ như đề tài/đề án, sách..vv được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của trường **[H23.23.04.04].** Tuy nhiên, do lĩnh vực này còn hạn chế ở một số chỉ tiêu nên các hoạt động theo dõi, giám sát cũng chưa phát huy cao hiệu quả.

Để theo dõi số liệu công bố khoa học, Trường đã xây dựng phần mềm quản lý kê khai NCKH để có cơ sở dữ liệu quản lý công bố khoa học, gắn liền với từng VC, NLĐ của trường.

Cơ sở dữ liệu được cập nhập về tài sản trí tuệ thông qua: Danh sách các bài báo khoa học hàng năm **[H23.23.04.05];** Danh sách các sáng kiến khoa học **[H23.23.04.06]**; Danh sách giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo hàng năm **[H23.23.04.07];** Danh sách đề tài sinh viên, đề tài viên chức, giảng viên hàng năm **[H23.23.04.08]** và Danh sách các bài tham luận hội thảo khoa học hàng năm **[H23.23.04.09]**

Nhà trường đã bắt đầu thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các loại hình số lượng các tài sản trí tuệ; thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các chỉ số về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ hàng năm đồng thời có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của trường. Các hoạt động này thể hiện qua báo cáo khoa học công nghệ hàng năm [**H23.23.04.10].** Tuy nhiên, những hoạt động này còn hạn chế.

Các loại hình công bố khoa học của Trường bao gồm: bài báo trên tạp chí trong nước, tạp chí quốc tế bao gồm các tạp chí thuộcdanh mục ISI/SCOPUS; báo cáo đăng tại kỷ yếu hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế; sách chuyên khảo và giáo trình, tài liệu tham khảo, đề tài, đề án các cấp.

Nhà trường đã có hệ thống theo dõi và đối sánh số lượng công bố khoa học tuy nhiên về việc đối sánh trích dẫn khoa học của Trường hiện nay chỉ sử dụng các chức năng của hệ thống Web của Google Scholar để lấy số liệu về trích dẫn của các công bố ISI/SCOPUS của Trường cũng như hệ thống web của Vietnam Citation Gateway (V-CitationGate) thuộc Đại học Quốc Gia Hà Nội, cơ sở dữ liệu thư mục (Bibliographic database) để lấy số liệu trích dẫn đối với các bài tạp chí trong nước.

Trong 2 năm vừa qua, thông qua báo cáo về việc triển khai thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ trong năm theo công văn của Ngân hàng nhà nước, nhà trường nhìn nhận lại các mục còn thiếu sót đồng thời có những phương án cải tiến về số lượng cũng như chất lượng của các tài sản trí tuệ thông qua các sản phẩm công bố khoa học tuy nhiên hoạt động này vẫn còn một số hạn chế nhất định **[H23.23.04.11].**

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trường Đại học Ngân hàng là một trong những đơn vị đào tạo trực thuộc Ngân hàng nhà nước Việt Nam. Do đó, công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường luôn gắn liền với sự chỉ đạo và nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của ngành Ngân hàng. Trường luôn quan tâm đến hoạt động nghiên cứu khoa học, xem đây là hoạt động quan trọng của Trường. Trong quá trình triển khai các hoạt động khoa học công nghệ, Trường luôn luôn quán triệt và thực hiện đúng quy định của Luật KH&CN số 29/2013/QH13 cũng như các văn bản pháp quy liên quan như Thông tư 37/2015/TT-NHNN ngày 31/12/2015 Quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 về việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập, Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 về việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập. Trường chủ động trong việc xác định các nhiệm vụ khoa học công nghệ cũng như tham gia tuyển chọn, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Nhà nước, ngành Ngân hàng và các tỉnh thành. Hàng năm, Trường tiến hành đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, thực hiện hợp đồng khoạc học công nghệ đã ký kết theo đúng lĩnh vực được Ngân hàng Nhà nước giao về việc sử dụng kinh phí và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Bảo đảm kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học theo đúng chức năng, nhiệm vụ, sử dụng kinh phí đầu tư cho khoa học và công nghệ đúng pháp luật. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê về khoa học và công nghệ định kỳ và khi được Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu. Bên cạnh đó, kinh phí cho hoạt động KHCN cũng đóng góp một phần vào nguồn thu tổng thể của nhà

trường góp phần nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đồng thời cải thiện thu nhập của viên chức,giảng viên và người lao động.

Việc phân bổ ngân quỹ cho từng hoạt đông nghiên cứu, tổng chi cho hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ được Nhà trường quy định cụ thể trong các văn bản như: Nghị quyết về Quy chế chi tiêu nội bộ **[H23.23.05.01],** Dự toán thu chi tài chính hàng năm của trường về NCKH **[H23.23.05.02],** Dự toán thu chi ngân sách Nhà nước từ năm 2017 đến 2021**[H23.23.05.03].**

Nhà trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của giảng viên, cán bộ nghiên cứu về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu và hệ thống giám sát việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu. Cụ thể, thông qua các quy định, hướng dẫn, tiêu chí, phương pháp đánh giá, được thể hiện thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường và các văn bản như Dự toán thu chi tài chính các năm của Trường **[H23.23.05.04],** Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của Phòng Tài chính kế toán **[H23.23.05.05]**, Báo cáo tài chính các năm thuộc giai đoạn 2017-2021 **[H23.23.05.06].** Bên cạnh đó, hằng năm trường tổ chức hội nghị tài chính từ đó các giảng viên, cán bộ nghiên cứu sẽ góp ý, phản ánh các ý kiến phản hồi về mức độ phù hợp, minh bạch của ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu đồng thời yêu cầu điều chỉnh những quy định chưa hợp lý, bất cập đồng thời giám sát việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu **[H23.23.05.07].**

Phòng Tài chính Kế toán được nhà trường phân công giám sát việc phân bổ ngân quỹ cho từng hoạt động nghiên cứu khoa học **[H23.23.05.08].** Đồng thời là đơn vị theo dõi việc, giám sát, hướng dẫn, đưa ra tiêu chí và phương pháp đánh giá cho việc thực hiện phân bổ ngân quỹ cho hoạt động NCKH.

Nguồn thu từ hoạt động NCKH của Nhà trường chủ yếu đến từ việc tham gia tuyển chọn, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp ngành Ngân hàng và các tỉnh thành hàng năm. Tổ chức các hội thảo chất lượng trường thu hút các nhà tài trợ ngân sách cho hoạt động khoa học công nghệ của trường, nguồn thu từ việc phát hành tạp chí của trường, cũng như khoản thu tham dự hội thảo quốc tế của trường **[H23.23.05.09].** Công tác thu chi tài chính cho hoạt động KHCN của nhà trường được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo công khai minh bạch trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường. Kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu bao gồm các loại hình sau: Kinh phí cho các đề tài, đề án cơ sở; Kinh phí cho đề tài NCKH sinh viên; Kinh phí tổ chức các hội thảo, hội nghị hàng năm; Kinh phí biên soạn giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo; Kinh phí hỗ trợ khen thưởng các bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS, kinh phí khen thưởng các đề tài cấp nhà nước, cấp ngành (không thuộc ngân sách của trường… [**H23.23.05.09].**

Các nguồn kinh phí này được kiểm soát chặt chẽ trong quá trình nghiên cứu và có thể được trích xuất, tổng hợp tại mọi thời điểm theo nhu cầu. Nhà trường đã trích một phần doanh số từ các nguồn thu của Nhà trường để làm kinh phí phục vụ các hoạt động khoa học và công nghệ.

Nhà trường luôn đảm bảo, chú trọng đầu tư chi cho các hoạt động KHCN từ ngân sách của Nhà trường **[H23.23.05.10].** Thông qua việc tổ chức Hội nghị tài chính hằng năm,Nhà trường đưa ra các biện pháp, các bài học kinh nghiệm cũng như lấy ý kiến rộng rãi của viên chức, giảng viên trong trường về các biện pháp đẩy mạnh hoạt động KHCN và tăng nguồn thu từ hoạt động KHCN.

Tiêu chí 23.6: Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Kết quả nghiên cứu và sáng tạo của nhà trường bao gồm: các công bố khoa học, đăng ký hoạt động KHCN, đăng ký TSTT, và các giải thưởng quốc gia, quốc tế, các nhóm nghiên cứu, các DN khởi nghiệp và các giải thưởng quốc gia và quốc tế về KH-CN... được quy định cụ thể trong văn bản hợp nhất về quản lý khoa học và công nghệ của trường Đại học Ngân hàng **[H23.23.06.01].**

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp được thể hiện qua hoạt động kê khai nghiên cứu khoa học của giảng viên, kết quả nghiệm thu các sản phẩm KHCN như đề tài, đề án, sách, các bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học, bài viết được đăng trên các kỷ yếu hội thảo đều được thông qua bởi các hội đồng nghiệm thu, phản biện nghiêm ngặt **[H23.23.06.02].**

Thông qua các báo cáo và kết quả thống kê hàng năm cho thấy: Có sự gia tăng về công bố khoa học, đặc biệt là các công bố khoa học chất lượng cao trên các tạp chí ISI, SCOPUS số lượng ngày càng cao (Bảng 23.7). Bên cạnh đó hoạt động NCKH của sinh viên ở Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM trong thời gia qua không những tăng về số lượng mà chất lượng của hoạt động NCKH cũng ngày càng được tăng lên. Bằng chứng là trong 5 năm qua, số lượng giải thưởng NCKH của sinh viên được cải thiện đáng kể (Bảng 23.8)

Bảng 23. 7 - Số lượng công bố quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS giai đoạn 2017-2021

	2017	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**
ISI (Journal)	6	8	32	54	58
SCOPUS (Journal)	5	4	14	19	22

ISI proceeding	2	0	4	0	2
Scopus proceeding	0	1	0	1	1
ISI book series	1	0	0	0	0
Scopus book series	1	28	40	10	8
Tổng	**15**	**41**	**90**	**84**	**91**

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

Bảng 23. 8 - Số lượng đề tài sinh viên đạt giải giai đoạn 2017-2021

Năm / Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng đề tài đạt giải toàn trường	15	11	4	9	6

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

Nhà trường chú trọng về công tác thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao công nghệ hoạt động như triển khai hợp đồng tư vấn xây dựng chiến lược quản trị rủi ro của tổng công ty hàng hải Việt Nam. Hoạt động này đồng thời mang lại nguồn thu về hoạt động NCKH của trường.

Nhìn chung, nhà trường đã hình thành hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) thông qua việc thu thập kết quả đánh giá hoạt động chuyển giao công nghệ nhà trường thực hiện từ các bên liên quan. Tuy nhiên hoạt đồng này của nhà trường vẫn còn hạn chế.

Bên cạnh đó, Nhà trường đã bước đầu thực hiện việc đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp); thông qua các báo cáo hoạt động KHCN hằng năm [H23.23.06.03], Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của trường [H23.23.06.04], Báo cáo tổng kết hoạt động khoa học công nghệ theo CV Viện CL [H23.23.06.05]. Đồng thời nhà trường thông qua việc triển khai đề xuất mục tiêu chất lượng và chương trình hành động [H23.23.06.06] hằng năm thực hiện rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo; có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung Tiêu chuẩn 23:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Nhà trường có các quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học mà đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên, người lao động phải thực hiện theo quy định hiện hành.

Có hệ thống theo dõi, giám sát các hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu;

Có cơ sở dữ liệu được cập nhật về loại hình và khối lượng nghiên cứu đạt được của từng giảng viên và nghiên cứu viên rõ ràng, minh bạch.

Các quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học mà người học thực hiện được nhà trường quy định cụ thể, rõ ràng trong văn bản hợp nhất về quy chế quản lý khoa học và công nghệ.

Có hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu, có cơ sở dữ liệu được cập nhật về loại hình và chất lượng nghiên cứu cho người học.

Có hệ thống cơ sở dữ liệu về ngân quỹ cho từng hoạt động nghiên cứu khoa học rõ ràng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Hoạt động đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học đối sánh với thông tin của nước ngoài còn hạn chế

Có kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng và số lượng của các loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm các trích dẫn tuy nhiên chưa nhiều và hiệu quả.

Việc quản lý đăng ký quyền sở hữu trí tuệ chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Đa số các nhà nghiên cứu, chuyên viên, giảng viên nhà trường còn chưa chủ động trong các hoạt động đăng ký để xác lập quyền tài sản trí tuệ của mình.

Nguồn thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học còn rất hạn chế.

Việc thực hiện việc đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo; thực hiện rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo; cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo còn mới và chưa toàn diện.

Đã có quy định về nhóm nghiên cứu mạnh tuy nhiên nhà trưởng chỉ mới triển khai giai đoạn đầu.

1. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục điểm tồn tại 1	Tổ chức các hoạt động giao lưu hợp tác về nghiên cứu khoa học sinh viên với các đối tác nước ngoài chiến lược; Nhà trường cần tăng cường hoạt động đối sánh về loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học chưa được triển khai mạnh ra nước ngoài.	- Viện NCKH&CNNH, Viện ĐTQT , các đơn vị liên quan	- 2021,2022
2	Khắc phục điểm tồn tại 2	Tìm hiểu thêm về các phần mềm lấy số liệu trích dẫn của các công bố khoa học; hỗ trợ các công bố quốc tế Cần thực hiện việc đối sánh về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm các trích dẫn toàn diện hơn	- Viện NCKH&CNNH, TC Kinh tế và Ngân hàng châu á, các đơn vị liên quan	- 2021,2022
3	Khắc phục điểm tồn tại 3	Tổ chức các buổi tọa đàm hướng dẫn về hoạt động sở hữu trí tuệ trong nghiên cứu khoa học của nhà trường Tăng cường đầu tư đúng mức cho hoạt động đăng ký sở hữu trí tuệ	- Viện NCKH&CNNH, các đơn vị liên quan	- 2021.2022
4	Khắc phục điểm tồn tại 4	Xây dựng cơ chế đóng góp, trích nộp cho trường theo bậc thang nhằm khuyến khích các nhà khoa học mang được nhiều hợp đồng, dự án về cho trường; Nhà trường cần có biện pháp tăng nguồn thu ngoài ngân sách từ nghiên cứu khoa học	- Viện NCKH&CNNH, các đơn vị liên quan	- 2021,2022
5	Khắc phục điểm tồn tại 5	Thường xuyên tổ chức giao lưu, trao đổi hợp tác với các doanh nghiệp bên ngoài; Rà soát chặt chẽ các sản phẩm nghiên cứu khoa học có thể chuyển giao công nghệ để đề xuất tiến hành thủ tục chuyển giao; Định hướng, đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu có khả năng thương mại hóa Cần tăng cường việc thực hiện việc đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo; thực hiện rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo; cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và	- P.NC&CGCN, các khoa, - trung tâm, -	- 2021,2022

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đ.vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
6	Khắc phục điểm tồn tại 6	Xây dựng cơ chế khuyến khích thu hút giảng viên, ncv hình thành nhóm nghiên cứu mạnh	- P.NC&CGCN,	- 2021,2022
7	Phát huy điểm mạnh 4	Tổ chức các hội thảo tọa đàm về nghiên cứu khoa học và kiến thức liên quan đến sở hữu trí tuệ; Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, quán triệt về liêm chính học thuật trong nghiên cứu khoa học và các quy định, kiến thức liên quan đến sở hữu trí tuệ.	- P.QLKH&XB, các đơn vị liên quan	- 2021,2022
8	Phát huy điểm mạnh 3	Xây dựng, đổi mới phần mềm quản lý khoa học; Thường xuyên update các thông tin dữ liệu để làm giàu và mới cơ sở dữ liệu về nghiên cứu khoa học của nhà trường	- P.QLKH&XB, các đơn vị liên quan	- 2021,2022
9	Phát huy điểm mạnh 5	Cải tiến hệ thống theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu cho người học.	- P.QLKH&XB, các đơn vị liên quan	- 2020,2021

5. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 23	***4,33***
Tiêu chí 23.1	5/7
Tiêu chí 23.2	5/7
Tiêu chí 23.3	4/7
Tiêu chí 23.4	4/7
Tiêu chí 23.5	4/7
Tiêu chí 23.6	4/7

TIÊU CHUẨN 24: KẾT QUẢ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG

Tiêu chí 24.1: Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động phục vụ cộng đồng được Trường xác định thông qua kế hoạch, chương trình hoạt động của các đơn vị có liên quan như Công Đoàn [H24.24.01.01], Đoàn Thanh niên [H24.24.01.02], Hội sinh viên [H24.24.01.03], phòng CTSV, Trung tâm HTSV,… [H24.24.01.04].

Đối với các hoạt động PVCĐ dành cho cán bộ, giảng viên, người lao động: Hàng năm tổ chức Công đoàn phát động toàn thể mọi người tham gia với quy mô lớn và triển khai đồng loạt rất hiệu quả dưới hình thức trích từ 1 ngày lương như tham gia quỹ "Vì người nghèo, "Đền ơn đáp nghĩa", "Thương binh Liệt sỹ", "chiến dịch tình nguyện" [H24.24.01.05]. Các hoạt động này diễn ra đều đặn hàng năm thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Đảng Ủy, Ban Giám hiệu nhà Trường tới các hoạt động phục vụ vì cộng đồng.

Đối với các hoạt động PVCĐ dành cho sinh viên: Hoạt động hiến máu nhân đạo hàng năm được tổ chức thường xuyên từ một tới 02 lần tập trung tại Trường do Hội sinh viên kết hợp với Hội chữ thập đỏ, Bệnh viện chợ rẫy tổ chức với ý nghĩa cao đẹp. Số đơn vị máu thu được tăng dần theo từng năm thể hiện sự nhiệt tình tham gia của đông đảo sinh viên và đội ngũ cán bộ viên chức người lao động trong toàn trường. [H24.24.01.06].

Ngoài các hoạt động PVCĐ theo chương trình kế hoạch hàng năm, các hoạt động PVCĐ còn có thể diễn ra đột xuất hoặc nằm ngoài kế hoạch năm dựa vào tình hình thực tế tại Trường hoặc các hoạt động nhỏ lẻ của các Câu lạc bộ sinh viên kết hợp với các đơn vị tài trợ, các mạnh thường quân trong và ngoài trường hàng năm tổ chức các hoạt động thiện nguyện với ý nghĩa thiết thực, kịp thời:

- Chương trình thiện nguyện "Áo ấm mùa đông" do Câu Lạc Bộ mầm xanh thực hiện hàng năm quyên góp quần áo cũ và đồ dùng học tập gửi cho bà con và các em vùng sâu vùng xa tại các tỉnh Miền Bắc và Miền Trung [H24.24.01.07].

- Trong các chuyến đi tình nguyện ở vùng sâu vùng xa có sự tham gia của giảng viên Nhà trường thường còn có sự kết hợp các buổi tập huấn các lớp tài chính cá nhân cho thanh niên tại địa phương, hướng dẫn thủ tục vay vốn và nhiều hoạt động có ý nghĩa.

- Hoạt động kêu gọi các mạnh thường quân, cán bộ công nhân viên và người lao động quyên góp và hỗ trợ những sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và khó khăn được Các tổ chức chính trị xã hội trong trường phối hợp thực hiện hiệu quả và có ý nghĩa nhân văn. Năm 2021 đã hỗ trợ cho trường hợp sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số tiền lên tới hơn 400 triệu đồng [H24.24.01.08].

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh được giám sát chặt chẽ theo quy trình chuẩn. Đơn vị chịu trách nhiệm khảo sát thực địa, lập kế hoạch, các phòng ban chức năng liên quan ký xác nhận, ĐU-BGH ký phê duyệt, sau các hoạt động đều có báo cáo cụ thể [H24.24.01.09]. Ngoài ra, các hoạt động phục vụ cộng đồng cũng được đối sánh qua các năm để xem xét, đánh giá kết quả thực hiện để từ đó có phương hướng nâng cao số lượng, chất lượng hoạt động này [H24.24.01.10]

Đối với các hoạt động tình nguyện xa trường sau mỗi đợt hoạt động đều có xin ý kiến phản hồi từ các đơn vị tiếp nhận. Các hoạt động PVCĐ đều được các đơn vị tiếp nhận đánh giá cao những đóng góp của Nhà trường nói chung và các cá nhân tham gia trực tiếp nói riêng:bằng khen [H24.24.01.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 24.2: Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hoạt động kết nối và PVCĐ là những hoạt động được thiết lập nhằm tạo sự gắn kết giữa Nhà trường với địa phương, cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước. Trường xác lập các chỉ tiêu qua việc lập kế hoạch, chương trình công tác hàng năm của các đơn vị thực hiện hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H24.24.02.01].

Đối với các hoạt động kết nối và PVCĐ, Nhà trường luôn tìm cách để đánh giá được tác động xã hội để từ đó có những cải tiến trong cách làm nhằm phục vụ ngày càng được tốt hơn. Với quan điểm mỗi sản phẩm đầu ra đến với xã hội là một sản phẩm thật sự chất lượng, được xã hội đánh giá cao, góp phần cho công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Hàng năm học, Trường sẽ đánh giá tác động xã hội của hoạt động hỗ trợ cộng đồng thông qua báo cáo kết quả hoạt động của các đơn vị thực hiện [H24.24.02.02].

Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, phòng CTSV, Trung tâm HTSV, Viện ĐTQT, Viện NCKH, Viện Đào tạo Quốc tế, vừa là đầu mối triển khai, lên kế hoạch thực hiện cũng là bộ phận giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội. Các hoạt động kết nối và PVCĐ của trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh hàng năm đều được giám sát chặt chẽ, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm thông qua cáo Báo cáo của Công đoàn, Đoàn TN, Hội sinh viên [H24.24.02.02].

Hàng năm các đơn vị triển khai các hoạt động phục vụ cộng đồng tiến hành tổng hợp và đối sánh về tác động xã hội, kết quả thực hiện các loại hình PVCĐ thông qua báo cáo tổng kết năm của các tổ chức [H24.24.02.02].

Bảng 24. 1 – Chương trình tình nguyện do Đoàn Thanh niên và Hội sinh viên thực hiện

Năm	2018	2019	2020	2021
Số lượng chương trình	6	6	6	4
Tổng kinh phí	208.500.000 đ	328.000.000đ	323.831.000đ	144.268.000đ

Nguồn: Đoàn Thanh niên – Hội Sinh viên

Bảng 24. 2 - Tổng số tiền cán bộ, viên chức, NLĐ ủng hộ các Quỹ do Công Đoàn phát động

Đơn vị: Đồng

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Số tiền	297.581.905	292.672.112	318.648.803	336.192.495	363.071.136

Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán

Các ý kiến phản hồi của các bên liên quan đều hài lòng về kết quả PVCĐ của Nhà trường thông qua thư cảm ơn của các đơn vị trực tiếp được hỗ trợ từ các hoạt động và các giấy khen, bằng khen của các địa phương, tổ chức, đơn vị [H24.24.02.03].

Các hoạt động phục vụ cộng đồng của HUB là cầu nối giữa nhà trường với chính quyền địa phương, cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức trong và ngoài nước, góp phần làm cho sinh viên trường được trải nghiệm các hoạt động cộng đồng, nâng cao trách nhiệm của sinh viên cũng như Nhà trường đối với xã hội, góp phần thực hiện sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 24.3: Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Nhà trường xây dựng kế hoạch năm học trong đó bao gồm các hoạt động kết nối và vụ cộng đồng [H24.24.03.01]. Các hoạt động kết nối và PVCĐ được các đơn vị triển khai theo chức năng nhiệm vụ của mình. Để đánh giá tác động của của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên, Nhà trường tiến hành tổng kết các hoạt động này, việc đánhgiá được thể hiện qua báo cáo tổng kết từng hoạt động, báo cáo năm học của Nhà trường và các đoàn thể [H24.24.03.02], [H24.24.03.03], [H24.24.03.04]. Đối với SV, kết quả đánh giá hoạt động kết nối và PVCĐ ngoài việc là một tiêu chí tính điểm rèn luyện… [H24.24.03.05] hoạt động này cũng góp phần làm cho người học phát triển kỹ năng mềm, có thái độ và nhận thức tích cực, thúc đẩy tinh thần hoạt động của SV tham gia những chương trình tình nguyện (Mùa hè xanh, Xuân

tình nguyện…). Đối với giảng viên, cán bộ nhân viên kết quả đánh giá hoạt động kết nối và PVCĐ có thể là cơ sở để xem xét đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ vào cuối năm [H24.24.03.06]

Bảng 24. 3 - Số lượng sinh viên tham gia hoạt động Mùa hè xanh và Xuân tình nguyện

Năm	**2017**	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**
Mùa hè xanh	255	170	180	90	1558
Xuân tình nguyện	280	230	230	235	280

Nguồn: Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên

Việc giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được thực hiện thông qua báo cáo các hoạt động, các buổi họp tổng kết chương trình hoạt động cuối năm của Nhà trường (Hội nghị Công nhân Viên chức), Công đoàn (Hội nghị Công đoàn), Đoàn thanh niên, Hội sinh viên (Hội nghị tổng kết công tác Đoàn – Hội) để lắng nghe những trao đổi, góp ý của người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên. [H24.24.03.07].

Các hoạt động PVCĐ được Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên tổng kết báo cáo qua từng năm; công tác kiểm tra, giám sát, khen thưởng, kỷ luật cũng được thực hiện đều đặn từ đó đánh giá và phân tích ra các điểm mạnh để phát huy, nêu lên những mặt còn hạn chế và nguyên nhân từ đó có phương hướng cải tiến hoạt động PVCĐ trong các năm tiếp theo được hiệu quả hơn [H24.24.03.08], [H24.24.03.09].

Sau mỗi hoạt động được tổ chức, ngoài việc đánh giá mức độ tham gia và đóng góp của từng cá nhân nhà trường cũng tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của các cá nhân tham gia vào hoạt động để có thể điều chỉnh và cải tiến các hoạt động tiếp theo [H24.24.03.10].

Bảng 24. 4 - *Tổng kết "Mùa hè xanh"*

Năm	*2017*	2018	2019	2020	2021
Mức độ hài lòng	-	-	-	91%	95%

Nguồn: Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên

Bên cạnh đó, Trường cũng lấy ý kiến của sinh viên để đánh giá về các hoạt động Đoàn – Hội:

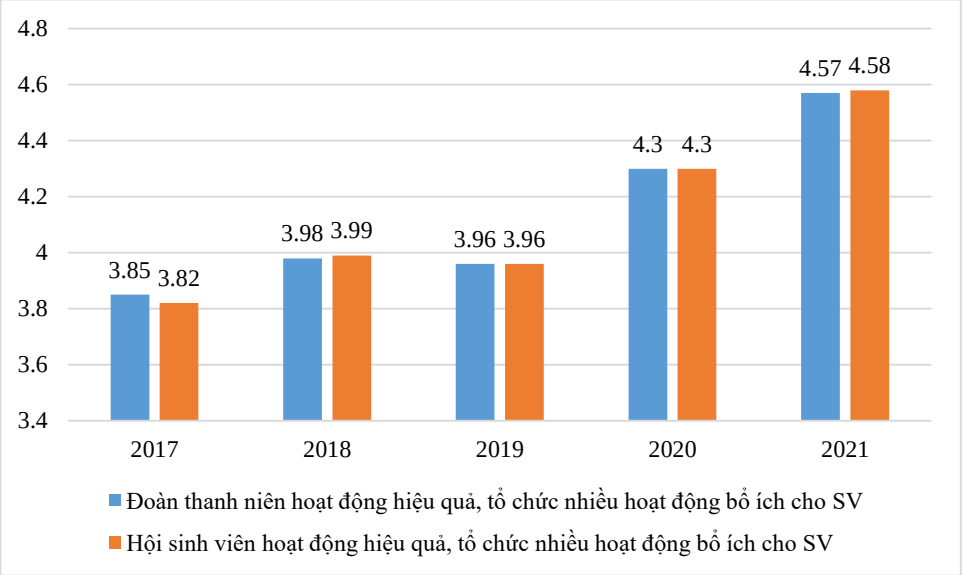

1= Kém; 2= Yếu; 3= Trung bình; 4= Khá; 5= Tốt

Hình 24. 1 – Kết quả khảo sát sinh viên về các hoạt động Đoàn – Hội giai đoạn 2017-2020

Nguồn: Phòng KT&ĐBCL

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 24.4: Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Hàng năm, Công đoàn thường lấy ý kiến Người lao động về việc tham gia hoạt động ủng hộ cho các Quỹ xã hội như Quỹ Vì người nghèo, Quỹ tình nghĩa ngành Ngân hàng. Trên cơ sở đó, Công đoàn lập tờ trình Ban Giám hiệu về việc trích ngày lương ủng hộ các Quỹ [H24.24.01.01].

Đoàn thanh niên, Hội sinh viên lấy ý kiến khảo sát về mức độ hài lòng của sinh viên đối với hoạt động phong trào chung của toàn trường trong đó có các hoạt động PVCĐ [H24.24.01.02].

Bên cạnh đó công tác đền ơn đáp nghĩa cũng được BCH Công đoàn trường triển khai thường xuyên, định kỳ. Các hoạt động thường xuyên, tích cực của Công đoàn trường được các bộ, ban, ngành đến địa phương ghi nhận, đánh giá rất cao thông qua các bằng khen, giấy khen các cấp, thư cảm ơn của các đơn vị tiếp nhận [H24.24.01.03].

Các hoạt động PVCĐ do Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên tổ chức và thực hiện luôn được sự đánh giá cao và ghi nhận từ các đơn vị liên quan: là sinh viên, người lao động, đối tác phối hợp: Bệnh viện chợ rẫy, Hội chữ thập đỏ Thành phố thủ đức, Huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long, huyện Củ chi, Huyện Nhà bè, huyện Bình Chánh.

Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên là đầu mối thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tác động của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội.

Các hoạt động thường xuyên, tích cực của Công đoàn sở được Công đoàn Việt Nam ghi nhận, đánh giá rất cao thông qua các bằng khen, giấy khen các cấp, thư cảm ơn của các đơn vị tiếp nhận [H24.24.04.03]. Bên cạnh đó, Trường cũng tiến hành khảo sát sinh viên, Cán bộ nhân viên về các hoạt động phục vụ cộng đồng. Căn cứ trên kết quả đó, các đơn vị có liên quan sẽ thực hiện tự đánh giá và đưa ra kế hoạch cải tiến để nâng cao chất lượng hoạt động [H24.24.04.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 24:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Loại hình và số lượng hoạt động cộng đồng phong phú, đa dạng thu hút được đông đảo cán bộ và giảng viên tham gia.

Các hoạt động PVCĐ diễn ra xuyên suốt trong năm nên có nhiều cơ hội để tham gia.

Đơn vị đáp ứng đầy đủ các yêu cầu các hoạt động kết nối cộng đồng được xác lập có đối sánh kết quả giữa các năm mang lại giá trị nhân văn và lan tỏa cho xã hội những hoạt động đẹp góp phần giáo dục đạo đức lối sống cho Đoàn viên sinh viên trong Trường và phát huy tinh thần tương thân tương ái trong cộng đồng trường Đại học Ngân hàng TPHCM.

Đã lan tỏa được hoạt động cộng đồng tới toàn thể cán bộ, giảng viên, người lao động và người học trên tinh thần sẵn sàng chia sẻ những khó khăn khi phát động các phong trào kế hoạch của các tổ chức có liên quan.

Đúc rút được những kinh nghiệm và sáng tạo ra những cách làm mới để phong phú các hoạt động PVCĐ.

Các bên liên quan đều hài lòng với kết quả đạt được thông qua mỗi loại hoạt động PVCĐ đồng thời cho thấy sự đa dạng các hoạt động ở các tổ chức, cơ quan đầu mối trong đơn vị. Ngoài ra còn thu hút thêm sự tham gia, hỗ trợ từ các tổ chức bên ngoài tham gia đóng góp chung vào các hoạt động cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Ngân sách cho các hoạt động PVCĐ còn hạn chế, chủ yếu là nguồn tài trợ hoặc huy động từ các mạnh thường quân**.**

Xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng hoạt động PVCĐ, lấy ý kiến đánh giá tác động xã hội để cải tiến việc thực hiện các hoạt động cho năm sau.

Cần có bộ phận chuyên trách để tập hợp và thống kê các kết quả đạt được của từng năm và đưa ra phân tích đối sánh giữa các bên có liên quan để hoạt động PVCĐ ngày

một hiệu quả hơn.

Phần lớn các tiêu chí đáp ứng đầy đủ và bảm bảo phục vụ tốt cho hoạt động PVCĐ tuy nhiên với tiêu chí trên thì hoạt động PVCĐ chưa chú tâm tới ý kiến phải hồi của các bên có liên quan mỗi khi hoạt động kết thúc.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại	Tiếp tục cải tiến các hoạt động PVCĐ ngày càng chuyên nghiệp hơn, có kế hoạch tài chính cho hoạt động phục vụ cộng đồng.	Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên.	2022	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy những điểm mạnh về loại hình và số lượng hoạt động PVCĐ ngày càng đạt hiệu quả hơn	Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên.	Từ 2022 trở đi	
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch cụ thể cho từng hoạt động PVCĐ, lấy ý kiến đánh giá tác động xã hội để cải tiến việc thực hiện các hoạt động cho năm sau.	Chính quyền và các tổ chức Công Đoàn, Đoàn TN.	Từ năm học 2021- 2022 trờ đi	
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục phát huy giá trị tốt đẹp, tư duy tích cực để lan tỏa tới Viên chức, Người lao động và sinh viên.	Công đoàn, Đoàn TN, Hội sinh viên	Từ 2022 trở đi	
1	Khắc phục tồn tại	Đã có đội ngũ cán bộ chuyên trách Công đoàn, Đoàn thanh để hỗ trợ cho tổ chức các hoạt động PVCĐ bài bản và lưu trữ lại các thông tin, số liệu để làm cơ sở phân tích, đưa ra những giải pháp hợp lý để công tác PVCĐ ngày một hiệu quả hơn.	Đội ngũ cán bộ chuyên trách Công đoàn, Đoàn TN	Từ 2022	…….
2	Phát huy	Tiếp tục rà soát và phát huy những lợi các nguồn	Công đoàn, Đoàn	Từ 2022	…….

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
	điểm mạnh	lực sẵn có để phát huy điểm mạnh trong hoạt động PVCĐ	TN, Hội SV		
1	Khắc phục tồn tại	Xây dựng kế hoạch giám sát các bên có liên quan một cách chi tiết, cụ thể sau các hoạt động lấy ý kiến đánh giá về hoạt động đối sánh để cải tiến việc thực hiện các hoạt động PVCĐ.	Các tổ chức liên quan Đoàn TN, Công đoàn, Hội sinh viên	Năm 2022	…….
2	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục cải tiến các hoạt động hỗ trợ hoạt động PVCĐ để tăng sự hài lòng của các bên có liên quan	P. CTSV, TT HTSV, Đoàn TN, Hội SV,	Từ năm 2022	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 24	***5***
Tiêu chí 24.1	5/7
Tiêu chí 24.2	5/7
Tiêu chí 24.3	5/7
Tiêu chí 24.4	5/7

TIÊU CHUẨN 25: KẾT QUẢ TÀI CHÍNH VÀ THỊ TRƯỜNG

Tiêu chí 25.1: Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Chiến lược phát triển của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM (Trường) giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn 2030 [H25.25.01.01] [H25.25.01.02] và Chiến lược phát triển Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM đến năm 2030 tầm nhìn 2035 [H25.25.01.03] đã xác định một số chỉ tiêu về tuyển sinh, mở ngành, phát triển KHCN, nhân sự, cơ sở vật chất và các yêu cầu về tài chính để đạt được các mục tiêu đã đặt ra trong hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Trường là đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Trường được phân loại là đơn vị sự nghiệp đảm bảo một phần chi thường xuyên [H25.25.01.04], kết quả và chỉ số tài chính xác lập thông qua báo cáo tài chính hàng năm [H25.25.01.05]

Hệ thống giám sát về kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học (NCKH) và phục vụ cộng đồng của Nhà trường được thiết lập và vận hành thông qua các hình thức (i) phòng Tài chính Kế toán theo dõi giám sát các chỉ số tài chính (thu, chi) cho từng lĩnh vực theo kế hoạch phân bổ tài chính được phê duyệt và các quy định về tài chính của Hội đồng trường, quy định tài chính của Nhà nước (ii) giám sát của Hội đồng trường. Một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Bảng 25. 1 - Tổng hợp nguồn thu, chi của Trường từ năm 2017-2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Tổng thu	156.322	244.446	312.430	280.830	321.301
2	Tổng chi	206.266	149.438	182.780	182.508	181.872

Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán

Bảng 25. 2 - Tổng hợp một số mục chi của Trường từ năm 2017-2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Chi NCKH	2.352	2.580	2.200	1.202	2.160
2	Chi mua giáo trình, TLTK	1.849	1.830	1.231	780	1.520
3	Chi đào tạo bồi dưỡng	1.089	1.143	954	1.085	974
4	Chi đầu tư phát triển	28.734	37.492	37.826	18.975	29.822

STT	Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
5	Chi hoạt động đào tạo	76.987	76.671	86.562	91.545	82.300
6	Chi phục vụ cộng đồng	2.158	3.722	3.540	6.593	8.487

Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán

Bảng 25. 3 - Cơ cấu một số mục chi của Trường từ năm 2017-2021

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng tiền	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Chi nghiên cứu khoa học	10.494	1,2%	
2	Chi mua giáo trình, TLTK	7.210	1%	
3	Chi đào tạo bồi dưỡng	5.245	0,6%	
4	Chi đầu tư phát triển	151.949	17%	
5	Chi hoạt động đào tạo	414.065	46%	
6	Chi phục vụ cộng đồng	16.013	1,8%	

Nguồn: Phòng Tài chính – Kế toán

Đối sánh về kết quả thực hiện gắn với các chỉ số tài chính (thu, chi) trong giai đoạn 2017 - 2021 từ báo cáo về hoạt động tài chính hàng năm của Nhà trường cho thấy khả năng tài chính phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và cộng đồng có sự ổn định.

Thông qua hệ thống giám sát, Nhà trường đã thu thập các thông tin phản hồi từ nhiều nguồn khác nhau. Đồng thời để xây dựng chiến lược giai đoạn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn Nhà trường đã tổng kết hiện trạng và bối cảnh thực hiện đối sánh chỉ tiêu và kết quả hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng năm Trường có báo cáo kết quả hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng, có báo cáo về tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. [H25.25.01.06]

Nhà trường có dữ liệu về hoạt động của Nhà trường như quản lý hoạt động đào tạo, quản lý SV, dữ liệu tài chính, dữ liệu nhân sự, dữ liệu tài sản.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 25.2: Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

a. Chỉ số đào tạo

Bảng 25. 4 - Số sinh viên và chương trình đào tạo chính quy giai đoạn 2017-2021

	2021		2020		2019		2018		2017	
	Số CTĐT	**Số sinh viên**	**Số CTĐT**	**Số sinh viên**	**Số CTĐT**	**Số sinh viên**	**Số CTĐT**	**Số sinh viên**	**Số CTĐT**	**Số sinh viên**
Khoa Ngân hàng	2	1.513	1	1.158	1	1.463	1	1.533	1	1.646
Khoa Tài chính	1	1.518	1	1.115	1	1.480	1	1.595	1	1.665
Khoa QTKD	3	1.438	2	1.448	2	1.425	2	1.436	2	1.579
Khoa KTKT	1	1.192	1	1.161	1	1.104	1	1.196	1	1.302
Khoa HTTTQL	2	903	2	806	2	642	2	600	2	641
Khoa NN	1	1.083	1	1.078	1	1.006	1	855	1	675
Khoa KTQT	2	1.201	1	1.119	1	977	1	950	1	759
Khoa LKT	1	698	1	636	1	525	1	541	1	533
Khoa LLCT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Bộ môn toán	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Bộ môn GDTC	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Nguồn: Phòng Đào tạo

Bảng 25. 5 - Thông tin tuyển sinh giai đoạn 2017-2021 hệ chính quy

Năm	Số thí sinh dự thi	Số trúng tuyển	Số nhập học thực tế	Điểm tuyển đầu vào	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế song bằng nhập học
2017	15.554	2.797	2.611	20.25-23.25	21.75	0
2018	23.014	2.720	2.526	18.0-20.6	19.30	0

Năm	Số thí sinh dự thi	Số trúng tuyển	Số nhập học thực tế	Điểm tuyển đầu vào	Điểm trung bình của sinh viên được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế song bằng nhập học
2019	27.221	3.233	3.080	20.15-22.80	21.475	72
2020	30.809	4.689	3.377	22.3-25.54	23.92	84
2021	38.219	4.860	3.195	25.25-26.46	25.85	77

Nguồn: Phòng Đào tạo

Bảng 25. 6 - Thông tin tuyển sinh giai đoạn 2017-2021 hệ cao học

Năm	Số thí sinh dự thi	Số trúng tuyển	Số nhập học thực tế	Điểm tuyển đầu vào	Điểm trung bình của học viên được tuyển
2017	426	229	228	Đợt 1: - TCNH: 11 đ - QTKD: 11.25 đ Đợt 2: TCNH: 10.25 đ	- TCNH: 6.66 đ - QTKD: 6.96 đ
2018	235	193	191	Đợt 1: - TCNH: 10 đ - QTKD: 10 đ Đợt 2: TCNH: 10.75 đ	- TCNH: 7.50 đ - QTKD: 6.70 đ
2019	456	393	379	Đợt 1: - TCNH: 10 đ - QTKD: 10.5 đ Đợt 2: TCNH: 10.5 đ	- TCNH: 7.57 đ - QTKD: 7.61 đ
2020	287	255	252	- TCNH: 10 đ - QTKD: 10.25 đ - LKT: 13.50 đ	- TCNH: 7.56 đ - QTKD: 7.48 đ - LKT: 7.94 đ
2021	394	327	321	- TCNH: 13.75 đ - QTKD: 10.75 đ - LKT: 10.5 đ	- TCNH: 8.33 đ - QTKD: 7.67 đ - LKT: 7.01 đ

Nguồn: Khoa Sau Đại học

Bảng 25. 7 - Thông tin tuyển sinh giai đoạn 2017 - 2021 trình độ tiến sĩ

Năm	Số thí sinh dự thi	Số trúng tuyển	Số nhập học thực tế	Điểm tuyển đầu vào	Điểm trung bình của học viên được tuyển
2017	16	15	14	50.6	65.2

Năm	Số thí sinh dự thi	Số trúng tuyển	Số nhập học thực tế	Điểm tuyển đầu vào	Điểm trung bình của học viên được tuyển
2018	13	11	11	77	83.4
2019	13	13	13	50.8	52.8
2020	12	12	12	71.0	78.7
2021	09 (TCNH)	09 (TCNH)	09 (TCNH)	68.2	82.5
	15 (QTKD)	14 (QTKD)	14 (QTKD)	70.6	78.5

Nguồn: Khoa Sau Đại học

Bảng 25. 8 - Thông tin tốt nghiệp giai đoạn 2017 - 2021 hệ chính quy

Tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng sinh viên tốt nghiệp	1.520	1.615	2.858	1.721	1.556
Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển	1.520/2.611	1.615/2.526	2.858/3.080	1.721/3.377	1.556/3.195
Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau tốt nghiệp	94.50%	95.5%	96.6%	97.8%	97.76%
Tỷ lệ sinh viên chưa có việc làm sau tốt nghiệp	5.5%	4.5%	3.4%	2.2%	2.24%

Nguồn: Phòng Đào tạo

Bảng 25. 9 - Thông tin tốt nghiệp giai đoạn 2017-2021 hệ sau cao học

Tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng học viên tốt nghiệp	269	216	278	546	103
Tỷ lệ học viên tốt nghiệp so với số tuyển	118%	113%	73%	217%	32%

Nguồn: Khoa Sau Đại học

Bảng 25. 10 - Thông tin tốt nghiệp giai đoạn 2017-2021 hệ tiến sĩ

Tiêu chí	Năm tốt nghiệp					Ghi chú
	2017	2018	2019	2020	2021	
Số lượng học viên tốt nghiệp	10	16	11	13	13	Ngảnh Tài chính - Ngân hàng
Tỷ lệ học viên tốt nghiệp so với số tuyển	71%	145%	85%	108%	144%	

Nguồn: Khoa Sau Đại học

b. Chỉ số NCKH của Trường giai đoạn 2017 - 2021

Bảng 25. 11 - Số lượng đề tài NCKH, chuyển giao công nghệ, sáng kiến được nghiệm thu trong vòng 05 năm gần đây

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Đề tài nhà nước				1		1
2	Đề tài cấp Bộ/Ngành	6	1	5	4	3	19
3	Đề tài cấp trường	25	16	13	13	23	90
4	Tổng cộng	**31**	**17**	**18**	**18**	**26**	**110**

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

Bảng 25. 12 - Số lượng bài tạp chí của cán bộ cơ hữu Trường đăng giai đoạn 2017-2021

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Tạp chí KHQT trong đó	39	34	68	113	155	409
	Danh mục ISI/ Danh mục Scopus	15	41	89	50	89	284
2	Tạp chí khoa học trong nước	149	177	181	228	299	1262

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
Tổng cộng		**188**	**211**	**249**	**341**	**543**	**1955**

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

Bảng 25. 13 - Số lượng CCVC, NLĐ của Trường tham gia viết bài đăng tạp chí giai đoạn 2017-2021

Phân loại tạp chí	Số lượng CCVC, NLĐ có bài báo đăng tạp chí				
	2017	2018	2019	2020	2021
Tạp chí khoa học trong nước	106	116	107	163	178
Tạp chí khoa học quốc tế	27	42	32	66	74
Tổng cộng	**133**	**158**	**139**	**229**	**252**

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

Bảng 25. 14 - Số lượng giáo trình, sách chuyên khảo, tài liệu tham khảo của Trường nghiệm thu giai đoạn 2017-2021

TT	Phân loại	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Giáo trình	5	2	0	2	2	11
2	Sách chuyên khảo	1	3	3	5	5	17
3	Tài liệu tham khảo	12	12	10	21	16	71
Tổng cộng		**18**	**17**	**13**	**28**	**23**	**99**

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

Bảng 25. 15 - Số lượng báo cáo khoa học do CCVC, NLĐ của Trường báo cáo tại Hội thảo được đăng trong giai đoạn 2017-2021

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Hội thảo quốc tế	31	55	86	40	49	261
2	Hội thảo trong nước	103	232	132	129	142	738
Tổng cộng		**134**	**287**	**218**	**169**	**191**	**999**

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

Bảng 25. 16 - Số lượng CCVC, NLĐ của Trường có báo cáo khoa học tại Hội thảo được đăng bài trong giai đoạn 2017-2021

Phân loại hội thảo	Số lượng CCVC, NLĐ có bài báo đăng hội thảo				
	2017	2018	2019	2020	2021
Hội thảo trong nước	89	107	105	118	96
Hội thảo quốc tế	27	38	45	28	42
Tổng số	**116**	**145**	**150**	**146**	**138**

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

Bảng 25. 17 - Số lượng danh mục sáng kiến được thông qua, ban hành trong giai đoạn 2017-2021 của người lao động Trường

Năm	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
Số lượng	1	3	3	4	6	17

Nguồn: Viện NCKH&CNNH

c. Chỉ số hoạt động phục vụ cộng đồng:

Trường đã được công nhận đánh giá cao của Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

Bảng 25. 18 - Tổng hợp khen thưởng từ năm 2017 - 2021

Stt	Năm	Đơn vị khen thưởng	Tên danh hiệu khen thưởng
1	2017	Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh	Tập thể lao động tiên tiến cấp cơ sở
2	2018	Công đoàn NHVN	Bằng khen của Ban chấp hành Công đoàn Ngân hàng Việt Nam
3	2018	Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh	Tập thể lao động tiên tiến cấp cơ sở
4	2019	Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh	Tập thể lao động tiên tiến cấp cơ sở
5	2019	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Tập thể Lao động xuất sắc
6	2020	Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh	Tập thể lao động tiên tiến cấp cơ sở
7	2021	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bằng khen cấp bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trung ương

Stt	Năm	Đơn vị khen thưởng	Tên danh hiệu khen thưởng
8	2021	Trường Đại học Ngân Hàng TP. Hồ Chí Minh	Tập thể lao động tiên tiến
9	2021	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo
10	2021	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Bằng khen của Bộ Giáo dục và Đào tạo
11	2021	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Tập thể Lao động xuất sắc

Nguồn: Phòng Tổ chức Cán bộ

Bảng 25. 19 - Tổng hợp khen thưởng công tác Đoàn Hội sinh viên từ năm 2017 - 2021

Stt	Năm	Đơn vị khen thưởng	Tên danh hiệu khen thưởng
1	2017	Ban chấp hành Trung Ương Hội Sinh Viên Việt Nam	Đạt thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào sinh viên năm học 2016-2017
2	2017	Ban chấp hành Hội Sinh Viên Thành phố Hồ Chí Minh	Đạt thành tích xuất sắc trong chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh lần thứ 24 năm 2017
3	2017	Ban chấp hành Hội Sinh Viên Thành phố Hồ Chí Minh	Đạt thành tích xuất sắc trong chiến dịch Xuân tình nguyện 9 năm 2017
4	2018	Ban chấp hành Trung Ương Hội Sinh Viên Việt Nam	Đạt thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào sinh viên nhiệm kỳ 2017-2018
5	2018	Ban chấp hành Hội Sinh Viên Thành phố Hồ Chí Minh	Đạt thành tích xuất sắc trong chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh lần thứ 25 năm 2018
6	2019	Ban chấp hành Trung Ương Hội Sinh Viên Việt Nam	Đạt thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào sinh viên năm học 2018-2019
7	2019	Ban chấp hành Hội Sinh Viên Thành phố Hồ Chí Minh	Đạt thành tích xuất sắc trong chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh lần thứ 26 năm 2019
8	2020	Ban chấp hành Trung Ương Hội Sinh Viên Việt Nam	Đạt thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào sinh viên nhiệm kỳ 2015-2020
9	2020	Ban chấp hành Hội Sinh Viên Thành phố Hồ Chí Minh	Đạt thành tích tốt trong công tác Hội và phong trào sinh viên Thành phố giai đoạn 2017-2019

Stt	Năm	Đơn vị khen thưởng	Tên danh hiệu khen thưởng
10	2020	Ủy ban nhân dân xã Tân Hưng	Giấy khen Đoàn Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM đã hỗ trợ trẻ em nghèo xã Tân Hưng
11	2020	Ban chấp hành Trung Ương Hội Sinh Viên Việt Nam	Đạt thành tích xuất sắc trong công tác Hội và phong trào sinh viên năm học 2019-2020
12	2020	Ban chấp hành Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Thành phố Hồ Chí Minh	Đạt thành tích tốt nhiệm vụ trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên năm học 2019-2020
13	2020	Ban chấp hành Hội Sinh Viên Thành phố Hồ Chí Minh	Đạt thành tích xuất sắc trong chiến dịch Xuân tình nguyện lần 12 năm 2020
14	2021	Ban chấp hành Hội Sinh Viên Thành phố Hồ Chí Minh	Đạt thành tích xuất sắc trong chiến dịch tình nguyện Mùa hè xanh lần thứ 28 năm 2021
15	2021	Ban chấp hành Hội Sinh Viên Thành phố Hồ Chí Minh	Đạt thành tích xuất sắc trong chiến dịch Xuân tình nguyện lần 13 năm 2021

Nguồn: Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên

c1. Số liệu, thông tin tham gia hoạt động tình nguyện, mùa hè xanh, từ thiện..:

Stt	Năm	Tên nội dung/chương trình	Đối tượng tham gia	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
1	2020	Hiến máu tình nguyện	Sinh viên, giảng viên	Bệnh viện Chợ Rẫy	01/KH-HSV ngày 2/10/2020
2	2021	Xuân tình nguyện	Sinh viên	UNBD phường Linh Xuân; Trường Thọ; Linh Trung; Linh Tây; ần; Linh Chiểu; Quận 1.	04/KH-HSV ngày 30/12/2020
3	2021	Xuân tình nguyện	Sinh viên	- Huyện Nhà bè - Phường Linh Trung, Linh Chiểu Thành phố Thủ Đức	18/KH-HSV ngày 18/12/2021
4	2021	Đồng hành cùng sinh viên HUB đến trường trong đại dịch Covid-19	Cá nhân, tổ chức trong và ngoài Trường		04-KH-/ĐTN-BTV ngày 13/11/2021

Stt	Năm	Tên nội dung/chương trình	Đối tượng tham gia	Đơn vị phối hợp	Ghi chú
5	2021	Mùa hè xanh lần thứ 28 năm 2021	Sinh viên	Tỉnh Vĩnh Long Tỉnh Đăk Nông Huyện Nhà bè Phường Linh chiểu, TP. Thủ Đức	35/KHLT-ĐTN-HSV ngày 16/6/2021
6	2021	Hiến máu tình nguyện	Sinh viên	BTV Thành Đoàn TP. HCM	75-TBLT/ĐTN-HSV ngày 9/6/2021

Nguồn: Đoàn Thanh niên – Hội sinh viên

c2. Số chi học bổng, hỗ trợ người học giai đoạn 2017 - 2021: 24.002 triệu đồng

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 25

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Thiết lập được tiêu chí đánh giá cũng như bộ phận giám sát chặt chẽ về kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo NCKH.

Thường xuyên lấy ý kiến tiếp nhận từ cán bộ viên chức người lao động, người học để kịp thời điều chỉnh, khắc phục các tồn tại nhằm hoàn thiện hơn trong công tác quản lý và vận hành.

Nguồn lực tài chính đầu tư cho học liệu, bồi dưỡng còn chưa nhiều.

Chưa nhiều chỉ số tài chính đánh giá phục vụ cộng đồng.

Thiết lập được tiêu chí đánh giá cũng như bộ phận giám sát chặt chẽ về kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo NCKH và phục vụ cộng đồng

Nhà trường có quy định về kết quả và chỉ số tài chính cần đạt được, trong chiến lược phát triển và các kế hoạch thực hiện lĩnh vực tài chính như: tăng nguồn thu, có chính sách phù hợp từng giai đoạn xây dựng mức học phí phù hợp đúng quy định

Nhà trường có các phần mềm quản lý hệ thống dữ liệu như quản lý hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý sinh viên, dữ liệu nhân sự tài sản, tài chính. Qua đó phân quyền cho các đơn vị, bên liên quan về kết quả và chỉ số tài chính trong quản trị nội dung dữ liệu.

Nhà trường có hệ thống cơ sở dữ liệu để thực hiện quản lý, các đơn vị có trách nhiệm thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và chỉ số thị trường đào tạo NCKH và phục vụ cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Nguồn lực tài chính đầu tư cho học liệu, bồi dưỡng còn chưa nhiều.

Chưa nhiều chỉ số tài chính đánh giá phục vụ cộng đồng.

Việc đánh giá chỉ số phục vụ cộng đồng còn chưa nhiều.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoàn thành	Ghi chú
1	Khắc phục điểm tồn tại	Tiếp tục đầu tư cho nguồn học liệu, bồi dưỡng	- Lãnh đạo Trường - Phòng, ban của Trường - HSV, ĐTN - Người sử dụng lao động - Người học	Giai đoạn 2022-2025	
		Cập nhật thêm các chỉ số tài chính đánh giá phục vụ cộng đồng	- Lãnh đạo Trường - Phòng, ban của Trường - HSV, ĐTN - Người sử dụng lao động - Người học	Giai đoạn 2022-2025	
2	Phát huy các điểm mạnh	- Thiết lập được tiêu chí đánh giá cũng như bộ phận giám sát chặt chẽ về kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo NCKH - Thường xuyên lấy ý kiến tiếp nhận từ cán bộ viên chức người lao động, người học để kịp thời điều chỉnh, khắc phục các tồn tại nhằm hoàn thiện hơn trong công tác quản lý và vận hành.	- Lãnh đạo Trường - PKT&ĐBCL - Phòng, ban của Trường - HSV, ĐTN - Người sử dụng lao động - Người học		

	Khắc phục điểm tồn tại	Quan tâm việc đánh giá chỉ số phục vụ cộng đồng	- Lãnh đạo Trường - PKT&ĐBCL - Phòng, ban của Trường - HSV, ĐTN - Người sử dụng lao động - Người học		
	Phát huy các điểm mạnh	Thiết lập được tiêu chí đánh giá cũng như bộ phận giám sát chặt chẽ về kết quả và chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo NCKH Nhà trường có quy định về kết quả và chỉ số tài chính cần đạt được, trong chiến lược phát triển và các kế hoạch thực hiện lĩnh vực tài chính như: tăng nguồn thu, có chính sách phù hợp từng giai đoạn xây dựng mức học phí phù hợp đúng quy định Nhà trường có các phần mềm quản lý hệ thống dữ liệu như quản lý hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, quản lý sinh viên, dữ liệu nhân sự tài sản, tài chính. Qua đó phân quyền cho các đơn vị, bên liên quan về kết quả và chỉ số tài chính trong quản trị nội dung dữ liệu. Nhà trường có hệ thống cơ sở dữ liệu để thực hiện quản	- Lãnh đạo Trường - PKT&ĐBCL - Phòng, ban của Trường - HSV, ĐTN - Người sử dụng lao động - Người học		

		lý, các đơn vị có trách nhiệm thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và chỉ số thị trường đào tạo NCKH			

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
Tiêu chuẩn 25	***5***
Tiêu chí 25.1	5/7
Tiêu chí 25.2	5/7

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CSGD

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	**Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược**		
I.1	***Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa***	***5,00***	
1.	1.1	5/7	
2.	1.2	5/7	
3.	1.3	5/7	
4.	1.4	5/7	
5.	1.5	5/7	
I.2	***Tiêu chuẩn 2. Quản trị***	***5,00***	
6.	2.1	5/7	
7.	2.2	5/7	
8.	2.3	5/7	
9.	2.4	5/7	
I.3	***Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý***	***5,00***	
10.	3.1	5/7	
11.	3.2	5/7	
12.	3.3	5/7	
13.	3.4	5/7	
I.4	***Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược***	***5,00***	
14.	4.1	5/7	
15.	4.2	5/7	
16.	4.3	5/7	
17.	4.4	5/7	
I.5	***Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng***	***5,00***	
18.	5.1	5/7	
19.	5.2	5/7	
20.	5.3	5/7	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
21.	5.4	5/7	
I.6	***Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực***	***5,86***	
22.	6.1	6/7	
23.	6.2	6/7	
24.	6.3	6/7	
25.	6.4	6/7	
26.	6.5	6/7	
27.	6.6	5/7	
28.	6.7	6/7	
I.7	***Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất***	***4,80***	
29.	7.1	5	
30.	7.2	5	
31.	7.3	5	
32.	7.4	5	
33.	7.5	4	
I.8	***Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại***	***4,50***	
34.	8.1	5	
35.	8.2	4	
36.	8.3	5	
37.	8.4	4	
II	**Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống**		
II.9	***Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong***	***5,00***	
38.	9.1	5/7	
39.	9.2	5/7	
40.	9.3	5/7	
41.	9.4	5/7	
42.	9.5	5/7	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
43.	9.6	5/7	
II.10	***Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài***	***5.25***	
44.	10.1	5/7	
45.	10.2	6/7	
46.	10.3	6/7	
47.	10.4	6/7	
II.11	***Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong***	***5,00***	
48.	11.1	5/7	
49.	11.2	5/7	
50.	11.3	5/7	
51.	11.4	5/7	
II.12	***Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng***	***4,00***	
52.	12.1	4/7	
53.	12.2	4/7	
54.	12.3	4/7	
55.	12.4	4/7	
56.	12.5	4/7	
III	**Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng**		
III.13	***Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học***	***5,00***	
57.	13.1	5/7	
58.	13.2	5/7	
59.	13.3	5/7	
60.	13.4	5/7	
61.	13.5	5/7	
III.14	***Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học***	***5,00***	
62.	14.1	5/7	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
63.	14.2	5/7	
64.	14.3	5/7	
65.	14.4	5/7	
66.	14.5	5/7	
III.15	***Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập***	***5,00***	
67.	15.1	5/7	
68.	15.2	5/7	
69.	15.3	5/7	
70.	15.4	5/7	
71.	15.5	5/7	
III.16	***Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học***	***5,00***	
72.	16.1	5/7	
73.	16.2	5/7	
74.	16.3	5/7	
75.	16.4	5/7	
III.17	***Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học***	**4,50**	
76.	17.1	5/7	
77.	17.2	5/7	
78.	17.3	4/7	
79.	17.4	4/7	
III.18	***Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH***	***4,25***	
80.	18.1	5/7	
81.	18.2	4/7	
82.	18.3	4/7	
83.	18.4	4/7	
III.19	***Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ***	***4,50***	
84.	19.1	5	
85.	19.2	5	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
86.	19.3	4	
87.	19.4	4	
III.20	***Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH***	***5,00***	
88.	20.1	5/7	
89.	20.2	5/7	
90.	20.3	5/7	
91.	20.4	5/7	
III.21	***Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng***	**5**	
92.	21.1	5/7	
93.	21.2	5/7	
94.	21.3	5/7	
95.	21.4	5/7	
IV	**Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động**		
IV.22	***Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo***	***5,00***	
96.	22.1	5/7	
97.	22.2	5/7	
98.	22.3	5/7	
99.	22.4	5/7	
IV.23	***Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH***	***4,33***	
100.	23.1	5/7	
101.	23.2	5/7	
102.	23.3	4/7	
103.	23.4	4/7	
104.	23.5	4/7	
105.	23.6	4/7	
IV.24	***Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng***	***5,00***	
106.	24.1	5/7	
107.	24.2	5/7	
108.	24.3	5/7	

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
109.	24.4	5/7	
IV.25	***Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường***	***5,00***	
110.	25.1	5/7	
111.	25.2	5/7	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: **6** điểm (tiêu chí: 6.1; 6.2; 6.3; 6.4; 6.5; 6.7; 10.2; 10.3; 10.4).

- Tiêu chí có điểm thấp nhất: **4** điểm (tiêu chí: 7.5; 8.2; 8.4; 12.1; 12.2; 12.3; 12.4; 12.5; 17.3; 17.4; 18.2; 18.3; 18.4; 19.3; 19.4; 23.3; 23.4; 23.5; 23.6).

- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%)

- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100%).

- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm: 0/25 (0%).

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng 9 năm 2022

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS. TS. Nguyễn Đức Trung

PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các tổ chuyên trách công tác Tự đánh giá cơ sở giáo dục

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 650/QĐ-ĐHNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc kiện toàn Ban chỉ đạo, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 174/2003/QĐ-TTg ngày 20/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-NHNN ngày 20/8/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-NHNN ngày 11/7/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý công chức, viên chức và người lao động thuộc Ngân hàng Nhà nước và Quyết định số 2341/QĐ-NHNN ngày 28/11/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế phân cấp quản lý công chức, viên chức và người lao động thuộc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-ĐHNH ngày 01/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 19/TTr-ĐHNH-KTĐBCL ngày 01/4/2022 của Phòng KT&ĐBCL về việc kiện toàn Ban chỉ đạo, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Kiện toàn nhân sự kiện toàn Ban chỉ đạo, Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm các ông (bà) có tên trong danh sách đính kèm.

Điều 2. Các thành viên có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo các nội dung được phân công và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- P.TC-KT;
- Lưu: VP, P. KT&ĐBCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Đức Trung

DANH SÁCH THÀNH VIÊN

(Ban hành kèm theo quyết định số 650 /QĐ-ĐHNH ngày 07 / 4 /2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh)

1. Ban chỉ đạo:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Đoàn Thanh Hà	Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng trường
2.	Ông Nguyễn Đức Trung	Phó Hiệu trưởng phụ trách

2. Hội đồng tự đánh giá

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Ông Nguyễn Đức Trung	Phó Hiệu trưởng phụ trách	Chủ tịch
2.	Bà Hạ Thị Thiều Dao	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3.	Ông Nguyễn Trần Phúc	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
4.	Bà Hoàng Thị Thanh Hằng	Trưởng phòng P. Đào tạo	Thành viên
5.	Ông Trần Mai Ước	Chánh Văn phòng	Thành viên
6.	Ông Hồ Trần Hùng	Trưởng phòng P. TCCB	Thành viên
7.	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng phòng P. TC-KT	Thành viên
8.	Ông Nguyễn Trung Trí	Trưởng phòng P. QTTS	Thành viên
9.	Ông Phạm Thanh An	Trưởng phòng P. QLCNTT	Thành viên
10.	Bà Lâm Thị Kim Liên	Trưởng phòng P. CTSV	Thành viên
11.	Bà Lương Thị Thu Thủy	Phó Viện trưởng phụ trách V. ĐTQT	Thành viên
12.	Ông Nguyễn Văn Sáu	Giám đốc Trung tâm HTSV	Thành viên
13.	Ông Trần Vĩnh Nguyên	Giám đốc Thư viện	Thành viên
14.	Ông Nguyễn Anh Vũ	Trưởng phòng P. TVTS&PTTH	Thành viên
15.	Ông Nguyễn Thế Bình	Viện trưởng Viện NCKH& CNNH	Thành viên
16.	Ông Đặng Đình Tân	Trưởng khoa K. Kế toán – Kiểm toán	Thành viên
17.	Ông Lê Văn Hải	Trưởng khoa K. Tài chính	Thành viên
18.	Ông Lê Ngọc Thắng	Chánh VP Đảng – Đoàn thể	Thành viên
19.	Ông Nguyễn Minh Nhật	Giảng viên khoa Ngân hàng, Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên
20.	Ông Nguyễn Minh Hiếu	Chủ tịch Hội sinh viên	Thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
21.	Ông Ông Văn Năm	Phó Trưởng phòng, Phụ trách P. KT&ĐBCL	Thư ký

3. Ban thư ký Hội đồng tự đánh giá

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1.	Ông Ông Văn Năm	Phó Trưởng phòng, Phụ trách P. KT&ĐBCL	Trưởng ban
2.	Bà Huỳnh Đỗ Bảo Châu	Phó Trưởng phòng P. KT&ĐBCL	Thành viên
3.	Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Phó Trưởng phòng P. KT&ĐBCL	Thành viên
4.	Ông Nguyễn Quốc Toàn	Trưởng bộ môn K. LLCT	Thành viên
5.	Bà Tô Thị Phương Lan	CV Phòng KT&ĐBCL	Thành viên
6.	Ông Phạm Hà Trung	CV Phòng KT&ĐBCL	Thành viên
7.	Ông Nguyễn Phạm Thanh Long	CV Phòng KT&ĐBCL	Thành viên
8.	Ông Võ Văn Dòn	CV Phòng KT&ĐBCL	Thành viên

4. Các tổ công tác chuyên trách Hội đồng tự đánh giá

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
Tổ 1: **Tiêu chuẩn 1:** Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa **Tiêu chuẩn 2**: Quản trị **Tiêu chuẩn 3**: Lãnh đạo và quản lý **Tiêu chuẩn 4:** Quản trị chiến lược **Tiêu chuẩn 5:** Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng **Số tiêu chí: 21**	Ông Nguyễn Đức Trung	Phó Hiệu trưởng phụ trách	Tổ trưởng
	Ông Trần Mai Ước	Chánh Văn phòng	Thành viên
	Ông Nguyễn Anh Vũ	Trưởng phòng P. TVTS&PTTH	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Thích	Phó Viện trưởng V. NCKH&CNNH	Thành viên
	Ông Lê Ngọc Thắng	Chánh VP Đảng – Đoàn thể	Thành viên
	Ông Nguyễn Thế Bính	Viện trưởng V. NCKH&CNNH	Thư ký

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
Tổ 2: **Tiêu chuẩn 6:** Quản lý nguồn nhân lực **Tiêu chuẩn 7:** Quản lý tài chính và cơ sở vật chất **Tiêu chuẩn 25:** Kết quả tài chính và thị trường **Số tiêu chí: 14**	Ông Nguyễn Trần Phúc	Phó Hiệu trưởng	Tổ trưởng
	Ông Hồ Trần Hùng	Trưởng phòng P. TCCB	Thành viên
	Ông Nguyễn Trung Trí	Trưởng phòng P. QTTS	Thành viên
	Ông Trần Vĩnh Nguyên	Giám đốc Thư viện	Thành viên
	Ông Phạm Thanh An	Trưởng phòng P. QLCNTT	Thành viên
	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng phòng P. TC-KT	Thư ký
Tổ 3: **Tiêu chuẩn 8**: Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại **Tiêu chuẩn 18**: Quản lý nghiên cứu khoa học **Tiêu chuẩn 19**: Quản lý tài sản trí tuệ **Tiêu chuẩn 20**: Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học **Tiêu chuẩn 23**: Kết quả nghiên cứu khoa học **Số tiêu chí: 22**	Ông Nguyễn Đức Trung	Phó Hiệu trưởng phụ trách	Tổ trưởng
	Ông Nguyễn Văn Thích	Phó Viện trưởng V. NCKH&CNNH	Thành viên
	Bà Lương Thị Thu Thủy	Phó Viện trưởng, Phụ trách Viện ĐTQT	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Thu Hiền	CV. Viện NCKH&CNNH	Thành viên
	Bà Nguyễn Vũ Hoàng Ý	CV. Viện NCKH&CNNH	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Trưởng phòng QLKH và xuất bản thuộc Viện NCKH	Thư ký
Tổ 4: **Tiêu chuẩn 9**: Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong **Tiêu chuẩn 10**: Tự đánh giá và đánh giá ngoài **Tiêu chuẩn 11**: Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	Ông Ông Văn Năm	Phó Trưởng phòng, Phụ trách P. KT&ĐBCL	Tổ trưởng
	Bà Huỳnh Đỗ Bảo Châu	Phó Trưởng phòng P. KT&ĐBCL	Thành viên
	Bà Tô Thị Phương Lan	CV Phòng KT&ĐBCL	Thành viên
	Ông Phạm Hà Trung	CV Phòng KT&ĐBCL	Thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
Tiêu chuẩn 12: Nâng cao chất lượng **Tiêu chuẩn 16**: Đánh giá người học **Số tiêu chí: 23**	Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Phó Trưởng phòng P. KT&ĐBCL	Thư ký
Tổ 5: **Tiêu chuẩn 13:** Tuyển sinh và nhập học **Tiêu chuẩn 14:** Thiết kế và rà soát chương trình dạy học **Tiêu chuẩn 15**: Giảng dạy và học tập **Tiêu chuẩn 22:** Kết quả đào tạo **Số tiêu chí: 19**	Bà Hoàng Thị Thanh Hằng	Trưởng phòng P. Đào tạo	Tổ trưởng
	Ông Lê Đình Hạc	Trưởng khoa K. Sau Đại học	Thành viên
	Ông Đặng Đình Tân	Trưởng khoa K. Kế toán – Kiểm toán	Thành viên
	Ông Lê Văn Hải	Trưởng khoa K. Tài chính	Thành viên
	Ông Nguyễn Trung Hiếu	Phó Trưởng khoa K. Ngân hàng	Thành viên
	Bà Nguyễn Thị Huỳnh Uyên	Phó trưởng phòng P. Đào tạo	Thư ký
Tổ 6: **Tiêu chuẩn 17**: Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học **Tiêu chuẩn 21**: Kết nối và phục vụ cộng đồng **Tiêu chuẩn 24**: Kết quả phục vụ cộng đồng **Số tiêu chí: 12**	Bà Hạ Thị Thiều Dao	Phó Hiệu trưởng	Tổ trưởng
	Bà Ngô Thị Xuân	Phó trưởng P. TVTS&PTTH	Thành viên
	Bà Lâm Thị Kim Liên	Trưởng phòng P. CTSV	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Sáu	Giám đốc TT. HTSV	Thành viên
	Bà Hoàng Thị Tuyền	Phó Trưởng phòng P. CTSV	Thư ký

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG
TP. HỒ CHÍ MINH

Số: 1254/QĐ-ĐHNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay thế thành viên Hội đồng tự đánh giá và Tổ chuyên trách công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 174/2003/QĐ-TTg ngày 20/8/2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1650/QĐ-NHNN ngày 20/8/2018 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-NHNN ngày 11/7/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy chế phân cấp quản lý công chức, viên chức và người lao động thuộc Ngân hàng Nhà nước và Quyết định số 2341/QĐ-NHNN ngày 28/11/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế phân cấp quản lý công chức, viên chức và người lao động thuộc Ngân hàng Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-ĐHNH ngày 01/3/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh;

Xét Tờ trình số 30/TTr-ĐHNH-KTĐBCL ngày 06/6/2022 của Phòng KT&ĐBCL về việc thay thế thành viên Hội đồng Tự đánh giá và Tổ chuyên trách công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay thế thành viên Hội đồng Tự đánh giá và Tổ chuyên trách công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã được ban hành kèm theo quyết định số 650/QĐ-ĐHNH ngày 07/4/2022, gồm các ông (bà) có tên trong danh sách đính kèm.

Điều 2. Các thành viên có tên tại Điều 1 có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ theo các nội dung được phân công.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Phòng Tổ chức cán bộ, Trưởng Phòng Tài chính – Kế toán, Trưởng phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng và các cá nhân có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- P.TC-KT;
- Lưu: VP, P. KT&ĐBCL.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Đức Trung

DANH SÁCH THÀNH VIÊN

(Ban hành kèm theo quyết định số 1254 /QĐ-ĐHNH ngày 02 /6 /2022 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh)

STT	Thành viên cũ	Thành viên mới	Nhiệm vụ
1	Bà Lâm Thị Kim Liên	Ông Đoàn Võ Việt – Trưởng phòng Công tác sinh viên	Thành viên Hội đồng tự đánh giá; Thành viên tổ chuyên trách 6.
2	Ông Nguyễn Minh Hiếu	Bà Vũ Hà Vân Anh - Chủ tịch Hội sinh viên	Thành viên Hội đồng tự đánh giá.

Phụ lục 2: Kế hoạch tự đánh giá Cơ sở giáo dục

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Số: 823/KH-ĐHNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2021

KẾ HOẠCH TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (CSGD) chu kỳ 2.

2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động của CSGD trong giai đoạn 2017 – 2021 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành.

3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT và các tài liệu hướng dẫn: Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018, Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng.

4. Hội đồng tự đánh giá

4.1. Thành phần Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các tổ công tác chuyên trách

Hội đồng tự đánh giá CSGD, Ban thư ký và các tổ công tác chuyên trách được thành lập theo Quyết định số 1633/QĐ-ĐHNH, ngày 13 tháng 9 năm 2021 của Hiệu trưởng.

4.2. Phân công nhiệm vụ

4.2.1. Phân công nhiệm vụ hội đồng tự đánh giá

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Phân công nhiệm vụ cụ thể
1.	Ông Bùi Hữu Toàn	Hiệu trưởng	Chủ tịch	- Chỉ đạo chung, phê duyệt các văn bản chỉ đạo thực hiện các công việc liên quan đến đánh giá CSGD; - Quyết định các vấn đề về nhân sự, tổ chức và cơ chế chính sách; - Triệu tập và điều hành các phiên họp của Hội đồng tự đánh giá; - Chỉ đạo quá trình thu thập thông tin, minh chứng, xử lý,

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Phân công nhiệm vụ cụ thể
				phân tích và viết báo cáo tự đánh giá. - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai tự đánh giá.
2.	Ông Đoàn Thanh Hà	Chủ tịch Hội đồng trường	Phó Chủ tịch	Chỉ đạo chung về đường lối, phương pháp thực hiện hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài CSGD.
3.	Ông Nguyễn Đức Trung	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	- Theo chức trách, nhiệm vụ được giao, giúp cho Chủ tịch HĐ TĐG trong việc chỉ đạo công tác đảm bảo chất lượng các hoạt động NCKH và đào tạo. - Khi được Chủ tịch HĐ TĐG ủy quyền, có nhiệm vụ điều hành HĐ TĐG và chịu trách nhiệm về công việc được ủy quyền.
4.	Bà Hạ Thị Thiều Dao	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	- Theo chức trách, nhiệm vụ được giao, giúp cho Chủ tịch HĐ TĐG trong việc chỉ đạo công tác đảm bảo chất lượng nói chung và các hoạt động khảo thí, công nghệ thông tin, hỗ trợ sinh viên. - Khi được Chủ tịch HĐ TĐG ủy quyền, có nhiệm vụ điều hành HĐ TĐG và chịu trách nhiệm về công việc được ủy quyền.
5.	Ông Nguyễn Trần Phúc	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	- Theo chức trách, nhiệm vụ được giao, giúp cho Chủ tịch HĐ TĐG trong công tác tài chính và công tác trang bị cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hoạt động đánh giá CSGD. - Khi được Chủ tịch HĐ TĐG ủy quyền, có nhiệm vụ điều hành HĐ TĐG và chịu trách nhiệm về công việc được ủy quyền.
6.	Bà Hoàng Thị Thanh Hằng	Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên	- Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, hỗ trợ Ban thư ký và các tổ chuyên trách thực hiện tự đánh giá tiêu

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Phân công nhiệm vụ cụ thể
				chuẩn/tiêu chí có liên quan đến xây dựng, cải tiến và nâng cao chất lượng các CTĐT, hoạt động đào tạo; - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu.
7.	Ông Trần Mai Ước	Chánh Văn phòng	Thành viên	- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức quản lý triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng các hoạt động: Công tác hành chính, tổng hợp, công tác pháp chế, công tác an ninh trật tự, môi trường, công tác lễ tân, phục vụ hậu cần trong hoạt động tự đánh giá và đánh giá ngoài CSGD. - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu.
8.	Ông Hồ Trần Hùng	Trưởng phòng TCCB	Thành viên	- Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, hỗ trợ Ban thư ký và các tổ chuyên trách thực hiện tự đánh giá tiêu chuẩn/tiêu chí liên quan đến quản lý nguồn nhân lực. - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu
9.	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Trưởng phòng TC-KT	Thành viên	- Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, chịu trách nhiệm tham mưu về công tác tài chính cho hoạt động đánh giá CSGD cũng như các tiêu chuẩn/tiêu chí liên quan đến quản lý tài chính. - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Phân công nhiệm vụ cụ thể
10.	Ông Nguyễn Trung Trí	Trưởng phòng QTTS	Thành viên	- Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, hỗ trợ Ban thư ký và các tổ chuyên trách thực hiện tự đánh giá tiêu chuẩn/tiêu chí về: Cơ sở vật chất và trang thiết bị. - Phối hợp với các đơn vị có liên quan trong công tác trang bị cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đánh giá CSGD. - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu.
11.	Ông Phạm Thanh An	Trưởng phòng QLCNTT	Thành viên	- Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, hỗ trợ Ban thư ký và các tổ chuyên trách thực hiện tự đánh giá tiêu chuẩn/tiêu chí về: Hệ thống công nghệ thông tin. - Phối hợp, hỗ trợ các đơn vị trong công việc có liên quan đến hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác đánh giá CSGD. - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu.
12.	Bà Lâm Thị Kim Liên	Trưởng phòng CTSV	Thành viên	- Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, hỗ trợ Ban thư ký và các tổ chuyên trách thực hiện tự đánh giá tiêu chuẩn/tiêu chí liên quan đến hỗ trợ người học. - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu.
13.	Ông Trần Việt Dũng	Viện trưởng V. ĐTQT	Thành viên	- Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, hỗ trợ Ban thư ký và các tổ chuyên trách thực hiện tự đánh giá tiêu chuẩn/tiêu chí liên quan đến mạng lưới và quan hệ đối ngoại.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Phân công nhiệm vụ cụ thể
				- Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu.
14.	Ông Nguyễn Văn Sáu	Giám đốc Trung tâm HTSV	Thành viên	- Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, hỗ trợ Ban thư ký và các tổ chuyên trách thực hiện tự đánh giá tiêu chuẩn/tiêu chí liên quan đến hỗ trợ người học, kết nối, phục vụ cộng đồng, cựu sinh viên và nhà tuyển dụng. - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu.
15.	Ông Trần Vĩnh Nguyên	Giám đốc Thư viện	Thành viên	- Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, hỗ trợ Ban thư ký và các tổ chuyên trách thực hiện tự đánh giá tiêu chuẩn/tiêu chí liên quan đến Thư viện. - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu.
16.	Ông Nguyễn Anh Vũ	Trưởng phòng TVTS&PTTH	Thành viên	- Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, phối hợp, hỗ trợ các đơn vị trong công việc có liên quan đến truyền thông, tư vấn tuyển sinh và tổ chức sự kiện - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu.
17.	Ông Nguyễn Thế Bính	Viện trưởng V. NCKH& CNNH	Thành viên	- Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, hỗ trợ Ban thư ký và các tổ chuyên trách thực hiện tự đánh giá tiêu chuẩn/tiêu chí liên quan đến hoạt động NCKH. - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Phân công nhiệm vụ cụ thể
18.	Bà Ngô Thị Xuân	PTP. Phòng TVTS&PTTH - Bí thư Đoàn Thanh niên	Thành viên	- Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, hỗ trợ Ban thư ký và các tổ chuyên trách thực hiện tự đánh giá tiêu chuẩn/tiêu chí về hỗ trợ người học liên quan đến các hoạt động Đoàn, Hội - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến Đoàn, Hội khi có yêu cầu.
19.	Ông Đặng Đình Tân	Trưởng khoa K. Kế toán – Kiểm toán	Thành viên	- Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, hỗ trợ Ban thư ký và các tổ chuyên trách thực hiện tự đánh giá tiêu chuẩn/tiêu chí liên quan đến hoạt động đào tạo, hỗ trợ người học tại khoa. - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu.
20.	Ông Lê Văn Hải	Trưởng khoa K. Tài chính	Thành viên	- Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, hỗ trợ Ban thư ký và các tổ chuyên trách thực hiện tự đánh giá tiêu chuẩn/tiêu chí liên quan đến hoạt động đào tạo, hỗ trợ người học tại khoa. - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu.
21.	Ông Lê Ngọc Thắng	CVP Đảng – Đoàn thể	Thành viên	- Theo chức năng và nhiệm vụ được giao, hỗ trợ Ban thư ký và các tổ chuyên trách thực hiện tự đánh giá tiêu chuẩn/tiêu chí liên quan đến Hội đồng trường, Đảng, Đoàn thể - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu.
22.	Ông Nguyễn Minh Hiếu	Chủ tịch Hội sinh viên	Thành viên	- Chịu trách nhiệm hỗ trợ công tác tự đánh giá các tiêu chuẩn về hỗ trợ người học có

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Phân công nhiệm vụ cụ thể
				liên quan đến hoạt động Hội sinh viên. - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến Hội sinh viênkhi có yêu cầu.
23.	Ông Ông Văn Năm	P.Trưởng phòng KT&ĐBCL	Thư ký	- Trưởng ban thư ký của Hội đồng Tự đánh giá; - Tham mưu lãnh đạo Trường thành lập Hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký và các tổ chuyên trách, cách thức tổ chức, phối hợp với các đơn vị trong toàn trường thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến đánh giá CSGD; - Hỗ trợ Hội đồng TĐG xây dựng kế hoạch tự đánh giá CSGD. - Chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ công tác đánh giá CSGD và có những đề xuất nhằm đảm bảo tiến độ tự đánh giá. - Chịu trách nhiệm hỗ trợ các tổ chuyên trách viết báo cáo tự đánh giá về nghiệp vụ tự đánh giá CSGD (bao gồm việc đề xuất chuyên gia tư vấn nếu khoa có nhu cầu); - Chịu trách nhiệm hỗ trợ cung cấp minh chứng có liên quan đến đơn vị mình phụ trách khi có yêu cầu.

4.2.2. Phân công nhiệm vụ Ban thư ký

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Phân công nhiệm vụ cụ thể
1.	Ông Ông Văn Năm	P.Trưởng phòng, Phụ trách P. KT&ĐBCL	Trưởng ban	- Chịu trách nhiệm theo dõi, hỗ trợ các tổ chuyên trách trong quá trình viết báo cáo tự đánh giá. - Phân công nhiệm vụ đối với các thành viên Ban thư ký; - Truyền đạt chủ trương của Hội đồng TĐG đến các thành viên trong ban thư ký.

8

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Phân công nhiệm vụ cụ thể
2.	Bà Huỳnh Đỗ Bảo Châu	P.Trưởng phòng KT&ĐBCL	Thành viên	- Liên lạc, hỗ trợ các thành viên của các tổ chuyên trách viết báo cáo tự đánh giá về nghiệp vụ tự đánh giá, hướng dẫn thực hiện công tác tự đánh giá. - Báo cáo tiến độ triển khai và những khó khăn phát sinh trong quá trình thực hiện đánh giá CSGD cho Hội đồng TĐG thông qua Trưởng ban thư ký. - Tổng hợp, rà soát thông tin, minh chứng, báo cáo Tự đánh giá. - Thực hiện Phần I: Hồ sơ về CSGD và Phụ lục 8: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD. - Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Trưởng ban thư ký.
3.	Bà Nguyễn Thị Thu Hường	CV Phòng KT&ĐBCL	Thành viên	
4.	Bà Tô Thị Phương Lan	CV Phòng KT&ĐBCL	Thành viên	
5.	Ông Phạm Hà Trung	CV Phòng KT&ĐBCL	Thành viên	
6.	Ông Võ Văn Dòn	CV Phòng KT&ĐBCL	Thành viên	
7.	Ông Nguyễn Phạm Thanh Long	CV Phòng KT&ĐBCL	Thành viên	
8.	Ông Nguyễn Quốc Toàn	GV Khoa Lý luận chính trị	Thành viên	

4.2.3 Phân công nhiệm vụ các nhóm chuyên trách

TT	Tiêu chuẩn	Tổ chuyên trách chịu trách nhiệm	Nhiệm vụ cụ thể
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5	Tổ 1: 1. Ông Bùi Hữu Toàn (Tổ trưởng) 2. Ông Nguyễn Đức Trung 3. Ông Trần Mai Ước 4. Ông Nguyễn Anh Vũ 5. Ông Lê Ngọc Thắng 6. Ông Nguyễn Thế Bính (Thư ký)	• Tổ trưởng tổ chuyên trách: - Chủ trì, điều phối tất cả các hoạt động tự đánh giá đối với các tiêu chuẩn được phân công phụ trách. - Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên trong tổ chuyên

TT	Tiêu chuẩn	Tổ chuyên trách chịu trách nhiệm	Nhiệm vụ cụ thể
2	Tiêu chuẩn 6, 7, 25	Tổ 2: 1. Ông Nguyễn Trần Phúc 2. Ông Phạm Thanh An 3. Ông Hồ Trần Hùng 4. Ông Nguyễn Trung Trí 5. Ông Trần Vĩnh Nguyên 6. Ông Nguyễn Mạnh Hùng (Thư ký)	trách. - Chỉ đạo quá trình thu thập thông tin, minh chứng. - Tổ chức phân tích, xử lý, mã hóa thông tin minh chứng và viết báo cáo tự đánh giá đối với các tiêu chuẩn được phân công. - Tổ chức tổng hợp, rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện báo cáo đối với các tiêu chuẩn được phân công. - Chịu trách nhiệm chính đối với các tiêu chuẩn được giao phụ trách; phối hợp các thành viên trong nhóm triển khai công việc đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, lộ trình. • Thành viên tổ chuyên trách: - Thực hiện các nhiệm vụ do tổ trưởng phân công. - Xác định các minh chứng cần thu thập và lập danh mục minh chứng căn cứ câu hỏi chuẩn đoán đối với từng tiêu chuẩn/tiêu chí được phân công. - Thực hiện chỉnh sửa theo góp ý, biên tập hoàn thiện theo yêu cầu.
3	Tiêu chuẩn 8, 18, 19, 20, 23	Tổ 3: 1. Ông Nguyễn Đức Trung (Tổ trưởng) 2. Ông Nguyễn Văn Thích 3. Ông Trần Việt Dũng 4. Bà Nguyễn Thị Thu Hiền 5. Bà Nguyễn Vũ Hoàng Ý (Thư ký)	
4	Tiêu chuẩn 9, 10, 11, 12, 16	Tổ 4: 1. Ông Ông Văn Năm (Tổ trưởng) 2. Bà Huỳnh Đỗ Bảo Châu 3. Bà Tô Thị Phương Lan 4. Ông Phạm Hà Trung 5. Bà Nguyễn Thị Thu Hường (Thư ký)	
5	Tiêu chuẩn 13, 14, 15, 22	Tổ 5: 1. Bà Hoàng Thị Thanh Hằng (Tổ trưởng) 2. Ông Lê Đình Hạc 3. Ông Đặng Đình Tân 4. Ông Lê Văn Hải 5. Bà Nguyễn Thị Huỳnh Uyên (Thư ký)	

TT	Tiêu chuẩn	Tổ chuyên trách chịu trách nhiệm	Nhiệm vụ cụ thể
6	Tiêu chuẩn 17, 21, 24	Tổ 6: 1. Bà Hạ Thị Thiều Dao (Tổ trưởng) 2. Bà Ngô Thị Xuân 3. Bà Lâm Thị Kim Liên 4. Ông Nguyễn Văn Sáu 5. Bà Hoàng Thị Tuyền (Thư ký)	

5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

5.1. Nguồn nhân lực:

- Các thành viên Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký và các tổ chuyên trách;

- Ngoài ra, toàn bộ lãnh đạo các đơn vị, cán bộ nhân viên, Giảng viên Nhà trường tham gia trong quá trình trích lục, xử lý, cung cấp thông tin minh chứng phục vụ quá trình viết báo cáo tự đánh giá cũng như tham gia đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo tự đánh giá, quán triệt nội dung báo cáo tự đánh giá và các hoạt động khác có liên quan.

5.2. Cơ sở vật chất:

Sử dụng tối đa cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có của Nhà trường trong công tác tự đánh giá cơ sở giáo dục. Trường hợp cần mua sắm, trang bị trang thiết bị cần thiết cho công tác tự đánh giá, các tổ chuyên trách, các đơn vị đề xuất qua đơn vị chuyên môn trình Hiệu trưởng phê duyệt.

5.3. Tài chính:

Kinh phí cho hoạt động tự đánh giá căn cứ theo kế hoạch tài chính hoạt động đánh giá cơ sở giáo dục được Hiệu trưởng phê duyệt.

6. Thời gian biểu

Thời gian thực hiện tự đánh giá theo lịch trình dự kiến sau:

Thời gian	Các hoạt động
Tháng 9 -11/2021	1. Họp Ban lãnh đạo trường để thảo luận mục đích, phạm vi, thời gian biểu và xác định các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CSGD. 2. Hiệu trưởng ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá CSGD. 3. Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá. 4. Dự thảo kế hoạch tự đánh giá CSGD. 5. Tập huấn về quy trình TĐG và bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT.

11

Thời gian	Các hoạt động
	6. Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học và các bên liên quan. 7. Họp Hội đồng tự đánh giá CSGD để thông qua: 8. Kế hoạch tự đánh giá CSGD; 9. Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá (dựa trên cơ sở tài liệu hướng dẫn của Bộ GDĐT và điều kiện cụ thể của trường). 10. Hiệu trưởng ban hành kế hoạch tự đánh giá. 11. Công bố kế hoạch tự đánh giá, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách giúp việc cho Hội đồng.
Tháng 10 - 11/2021	1. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng. 2. Phân loại và mã hoá các thông tin và minh chứng thu được. 3. Nghiên cứu sự đáp ứng của minh chứng đối với các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí đánh giá.
Tháng 12/2021-02/2022	1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết). 2. Trưởng các nhóm chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết). 3. Hội đồng TĐG CSGD: • Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo; • Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo TĐG; • Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được; • Xác định các thông tin cần thu thập bổ sung; • Thư ký Hội đồng tập hợp các báo cáo tiêu chuẩn thành dự thảo báo cáo tự đánh giá CSGD.
Tháng 3 - 4/2022	1. Hội đồng tự đánh giá CSGD: • Xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa. • Thảo luận về dự thảo báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý. 2. Công bố bản dự thảo báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý) tới toàn bộ các đơn vị và các bên liên quan. 3. Cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học,… đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo tự đánh giá. 4. Tổng hợp các ý kiến góp ý và điều chỉnh báo cáo tự đánh giá.
Tháng 5 - 6/2022	1. Đánh giá nội bộ/ Thẩm định báo cáo tự đánh giá 2. Hội đồng tự đánh giá CSGD: • Họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến góp ý và khuyến nghị.

Thời gian	Các hoạt động
	• Đề xuất những cải tiến về đảm bảo chất lượng. • Thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối. • Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá CSGD ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá. 3. Trình Hiệu trưởng phê duyệt báo cáo tự đánh giá và kết quả tự đánh giá. 4. Gửi báo cáo tự đánh giá cho Ngân hàng Nhà nước và Bộ Giáo dục và Đào tạo để báo cáo. 5. Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện trong nội bộ nhà trường. 6. Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các thông tin, minh chứng theo quy định.
Tháng 7 -9/2022	1. Thực hiện việc cải tiến chất lượng theo các kế hoạch hành động. 2. Cập nhật lại báo cáo tự đánh giá (nếu cần) trước khi thực hiện đánh giá ngoài với tổ chức KĐCLGD.

***Nơi nhận*:**
- Hội đồng tự đánh giá;
- Ngân hàng Nhà nước (để b/c);
- Các đơn vị;
- Lưu: VP, P. KT&ĐBCL.

HIỆU TRƯỞNG

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bùi Hữu Toàn

Phụ lục 3: Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD

CƠ SỞ DỮ LIỆU
KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC
Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2021

I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

   Tiếng Việt: Trường Đại học Ngân hang Thành phố Hồ Chí Minh

   Tiếng Anh: Ho Chi Minh University of Banking

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

   Tiếng Việt: ĐHNH

   Tiếng Anh: HUB

3. Tên trước đây (nếu có): Học viện Ngân hàng – Phân viện TP.HCM
4. Cơ quan/Bộ chủ quản: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
5. Địa chỉ: 36 Tôn Thất Đạm, phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
6. Thông tin liên hệ: Điện thoại (028) 38 291901 Số fax (028)38 212584

   E-mail: dhnhtphcm@buh.edu.vn Website: hub.edu.vn
7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 1976
8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I:
   - 1976 bắt đầu đào tạo hệ Đại học Chuyên tu và hệ Đại học Tại chức.
   - 1980 bắt đầu đào tạo hệ Đại học Chính quy.
9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khoá I: Năm 1984
10. Loại hình cơ sở giáo dục:

    Công lập ☒ Bán công ☐ Dân lập ☐ Tư thục ☐

    Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....
11. Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	☒	☐
Không chính quy	☒	☐
Từ xa	☐	☒
Liên kết đào tạo với nước ngoài	☒	☐
Liên kết đào tạo trong nước	☐	☒

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình)……

12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của CSGD (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng)

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
1. Giám đốc/ Hiệu trưởng				
Hội đồng trường	Đoàn Thanh Hà	PGS., TS., Chủ tịch Hội đồng trường	0937.150.968	hadt@buh.edu.vn
Ban Giám hiệu	Nguyễn Đức Trung	PGS., TS., Phó Hiệu trưởng phụ trách	0983.381.599	trungnd@buh.edu.vn
2. Phó Giám đốc/ Phó Hiệu trưởng				
Ban Giám hiệu	Hạ Thị Thiều Dao	PGS., TS., Phó Hiệu trưởng	0913.111.49	daohtt@buh.edu.vn
Ban Giám hiệu	Nguyễn Trần Phúc	TS., Phó Hiệu trưởng	0946.528.391	phucnt@buh.edu.vn
3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn,…				
Đảng ủy	Đoàn Thanh Hà	PGS., TS., Bí thư Đảng ủy	0937.150.968	hadt@buh.edu.vn
Công Đoàn	Hạ Thị Thiều Dao	PGS., TS., Chủ tịch Công Đoàn	0913.111.49	daohtt@buh.edu.vn
Đoàn Thanh niên	Nguyễn Minh Nhật	TS., Bí thư Đoàn trường	0987.362.226	nhatnm@buh.edu.vn
4. Các phòng, ban chức năng				
Văn phòng	Trần Mai Ước	PGS., TS., Chánh Văn phòng	0948.888.070	
Văn phòng Đảng – Đoàn thể	Lê Ngọc Thắng	ThS., Chánh Văn phòng	0918.563.807	
Phòng Tổ chức Cán bộ	Hồ Trần Hùng	TS., Trưởng phòng	0983.868.972	
Phòng Đào tạo	Hoàng Thị Thanh Hằng	PGS., TS., Trưởng phòng	0933.535455	
Phòng Thanh tra	Lâm Thị Kim Liên	TS., Trưởng phòng	0917.566.908	
Phòng Tài chính – Kế toán	Nguyễn Mạnh Hùng	ThS., Trưởng phòng	0982.761.284	
Phòng Quản trị Tài sản	Nguyễn Trung Trí	ThS., Trưởng phòng	0908.180.861	
Phòng Quản lý Công nghệ thông tin	Phạm Thanh An	ThS., Trưởng phòng	0915.132.159	

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Phòng Tư vấn tuyển sinh và Phát triển thương hiệu	Nguyễn Anh Vũ	ThS., Trưởng phòng	0907.449.806	
Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng	Ông Văn Năm	TS., Phó trưởng phòng phụ trách	0918.557.846	
Phòng Công tác Sinh viên	Đoàn Võ Việt	ThS., Trưởng phòng	0909.677.792	
Thư viện	Trần Vĩnh Nguyên	ThS., Giám đốc	0983.533.350	
5. Các trung tâm/ viện trực thuộc				
Trung tâm Đào tạo Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng	Nguyễn Văn Nhật	ThS., Giám đốc	0946.947.718	
Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học	Nguyễn Thị Ngọc Nga	TS., Giám đốc	0779.867.988	
Trung tâm Hỗ trợ sinh viên	Nguyễn Văn Sáu	ThS., Giám đốc	0908.175.346	
Viện Đào tạo Quốc tế	Lương Thị Thu Thủy	ThS., Phó Giám đốc phụ trách	0918.738.362	
Viện Nghiên cứu khoa học và Công nghệ Ngân hàng	Nguyễn Thế Bính	TS., Viện trưởng	0989.959.497	
6. Các khoa/viện đào tạo, tổ				
Khoa Sau Đại học	Lê Đình Hạc	TS., Trưởng khoa	0919.150.280	
Khoa Ngân hàng	Phan Diên Vỹ	PGS., TS., Trưởng khoa	0908.244.999	
Khoa Tài chính	Lê Văn Hải	TS., Trưởng khoa	0942.688.699	
Khoa Quản trị kinh doanh	Nguyễn Văn Tiến	TS., Trưởng khoa	0908.298.298	
Khoa Kế toán – Kiểm toán	Đặng Đình Tân	TS., Trưởng khoa	0903.321.819	
Khoa Hệ thống thông tin quản lý	Nguyễn Văn Thi	ThS., Phó Trưởng khoa phụ trách	0903.357.503	
Khoa Ngoại ngữ	Nguyễn Ngọc Phương Dung	ThS., Phó Trưởng khoa phụ trách	0937.703.364	
Khoa Kinh tế	Hà Văn Dũng	PGS., TS., Phó	0983.355.	

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
Quốc tế		Trưởng khoa phụ trách	446	
Khoa Luật kinh tế	Võ Song Toàn	ThS., Phó Trưởng khoa phụ trách	0983.088.099	
Khoa Lý luận chính trị	Cung Thị Tuyết Mai	TS., Trưởng Khoa	0907.406.153	
Bộ môn Toán kinh tế	Nguyễn Minh Hải	TS., Chủ nhiệm bộ môn	0916.132.429	
Bộ môn Giáo dục thể chất	Dương Văn Phương	ThS., Chủ nhiệm bộ môn	0932.088.188	

13. Các khoa/viện đào tạo của CSGD

Khoa/viện đào tạo	Đại học		Sau đại học		Khác (ghi rõ)	
	Số CTĐT	Số sinh viên	Số CTĐT	Số người học	Số CTĐT	Số người học
Viện Đào tạo Quốc tế	2	598	2	108		
Khoa Sau Đại học			5	768		
Khoa Ngân hàng	3	1387				
Khoa Tài chính	3	1451				
Khoa Quản trị kinh doanh	4	1346				
Khoa Kế toán – Kiểm toán	2	1119				
Khoa Hệ thống thông tin quản lý	2	853				
Khoa Ngoại ngữ	2	1044				
Khoa Kinh tế Quốc tế	3	1137				
Khoa Luật kinh tế	1	672				

14. Danh sách đơn vị trực thuộc (bao gồm các trung tâm nghiên cứu, chi nhánh/cơ sở của các đơn vị)

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
1	Viện Đào tạo quốc tế	2003	Quản trị,giám sát hoạt động, quản lý điều hành về công tác xây dựng, quản lý, tổ chức đào tạo các chương trình liên kết đào tạo quốc tế bằng tiếng nước ngoài; quản lý, tổ chức các hoạt động hợp tác quốc tế, các dự án có yếu tố nước ngoài	0	11
2	Viện Nghiên cứu khoa học và công nghệ ngân hàng	2003	Công tác quản lý và phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học	2	15

II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên

CSGD cần có cơ sở dữ liệu về cán bộ, giảng viên[1], nhân viên của mình, bao gồm cả cơ hữu và hợp đồng ngắn hạn. Từ cơ sở dữ liệu lấy ra các thông tin dưới đây (Thống kê mỗi loại gồm 5 bảng tương ứng với 5 năm của giai đoạn đánh giá):

15. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên

15.1. Năm 2017

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	289	23,9	75	21.9
Nghiên cứu viên	0	0	0	0
Tổng	**289**	**23,9**	**75**	**21.9**

15.2. Năm 2018

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	277	28,2	69	36.2
Nghiên cứu viên	0	0	0	0
Tổng	**277**	**28,2**	**69**	**36.2**

15.3. Năm 2019

	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng/ thỉnh giảng

[1] Việc xác định giảng viên cơ hữu và thỉnh giảng áp dụng theo các quy định hiện hành.

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	280	31,8	85	32.9
Nghiên cứu viên	2	0	0	0
Tổng	**282**	**31,6**	**85**	**32.9**

15.4. Năm 2020

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	290	36,2	83	32.5
Nghiên cứu viên	2	50	0	0
Tổng	**292**	**36,3**	**83**	**32.5**

15.5. Năm 2021

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	296	43,9	50	43.2
Nghiên cứu viên	2	0	0	0
Tổng	**298**	**43,6**	**50**	**43.2**

16. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên

16.1. Năm 2017

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	64	0	64
Nhân viên	113	0	113
Tổng cộng	**177**	**0**	**177**

16.2. Năm 2018

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	68	0	68
Nhân viên	99	0	99
Tổng cộng	**167**	**0**	**167**

16.3. Năm 2019

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	82	0	82
Nhân viên	81	0	81
Tổng cộng	**163**	**0**	**163**

16.4. Năm 2020

Phân cấp cán bộ, nhân viên	Số lượng

(Nêu cụ thể)	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	80	0	80
Nhân viên	86	0	86
Tổng cộng	**166**	**0**	**166**

16.5. Năm 2021

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	92	0	92
Nhân viên	70	0	70
Tổng cộng	**162**	**0**	**162**

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính:

17.1. Năm 2017

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	**Cán bộ cơ hữu** *Trong đó:*	230	236	466
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	230	236	466
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	0	0	0
II	**Các cán bộ khác** Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	0	0	0
	Tổng cộng	**230**	**236**	**466**

17.2. Năm 2018

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	**Cán bộ cơ hữu** *Trong đó:*	221	223	444
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	195	209	404
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	26	14	40
II	**Các cán bộ khác** Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	0	0	0
	Tổng cộng	**221**	**223**	**444**

17.3. Năm 2019

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	**Cán bộ cơ hữu** *Trong đó:*	219	224	443
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý	193	210	403

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
	theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)			
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	26	14	40
II	**Các cán bộ khác** Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	0	0	0
	Tổng cộng	**219**	**224**	**443**

17.4. Năm 2020

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	**Cán bộ cơ hữu** *Trong đó:*	222	234	456
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	197	226	423
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	25	8	33
II	**Các cán bộ khác** Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	0	0	0
	Tổng cộng	**222**	**234**	**456**

17.5. Năm 2021

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	**Cán bộ cơ hữu** *Trong đó:*	224	234	458
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	199	226	425
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	25	8	33
II	**Các cán bộ khác** Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	0	0	0
	Tổng cộng	**224**	**234**	**458**

18. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

18.1. Năm 2017

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số

1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	12	0	3	0	0	15
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	57	0	6	12	5	80
5	Thạc sĩ	212	0	25	47	11	295
6	Đại học	8	0	3	0	0	11
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	**289**	**0**	**37**	**59**	**16**	**401**

Tổng số giảng viên cơ hữu[2]:289 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 62%

18.2. Năm 2018

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	14	0	5	0	0	19
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	64	0	8	15	8	95
5	Thạc sĩ	193	0	21	36	10	260
6	Đại học	6	0	2	0	0	8
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	**277**	**0**	**36**	**51**	**18**	**382**

Tổng số giảng viên cơ hữu[3]:277 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu:62,4%

18.3. Năm 2019

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số

[2] Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

[3] Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	16	0	6	0	0	22
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	73	0	10	21	7	111
5	Thạc sĩ	188	0	19	46	11	264
6	Đại học	3	0	1	0	0	4
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	**280**	**0**	**36**	**67**	**18**	**401**

Tổng số giảng viên cơ hữu[4]:280 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu:63,2%

18.4. Năm 2020

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	16	0	7	0	0	23
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	89	0	7	19	8	123
5	Thạc sĩ	185	0	21	47	9	262
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	**290**	**0**	**35**	**66**	**17**	**408**

Tổng số giảng viên cơ hữu[5]:290 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu:48,2%.

18.5. Năm 2021

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số

[4] Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

[5] Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	16	0	6	1	0	23
3	Tiến sĩ khoa học	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	114	0	14	14	8	150
5	Thạc sĩ	166	0	21	20	8	215
6	Đại học	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	**296**	**0**	**41**	**35**	**16**	**388**

Tổng số giảng viên cơ hữu[6]: 296 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu:64,6%

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người):

19.1. Năm 2017

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	12	4.1	7	5	0	2	4	5	1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	57	19.7	38	19	0	31	16	10	0
5	Thạc sĩ	212	73.4	88	124	39	123	36	14	0
6	Đại học	8	2.8	6	2	0	1	2	5	0
7	Cao đẳng	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	**289**	**100**	**0**	**0**	**39**	**157**	**58**	**34**	**1**

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 38,2 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 69/289 (23,9%)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 212/289 (73,4%).

19.2. Năm 2018

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0

[6] Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định hiện hành.

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
2	Phó Giáo sư	14	5	9	5	0	4	4	4	2
3	Tiến sĩ khoa học	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	64	23.1	40	24	0	33	22	9	0
5	Thạc sĩ	193	69.7	79	114	20	124	39	10	0
6	Đại học	6	2.2	5	1	1	1	2	2	0
7	Cao đẳng	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	**277**	**100**	**124**	**144**	**21**	**162**	**67**	**25**	**2**

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu:38,6 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 78/277 (28,2%)

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 193/277 (69,7%).

19.3. Năm 2019

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	16	5,7	11	5		2	6	6	2
3	Tiến sĩ khoa học	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	73	26,0	42	31		31	30	12	0
5	Thạc sĩ	188	67,1	78	110	4	125	48	11	0
6	Đại học	3	1,1	3		0	1	1	1	0
7	Cao đẳng	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	**280**	**100**	**134**	**146**	**4**	**159**	**85**	**30**	**2**

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 40 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 31,7%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 67,1%.

19.4. Năm 2020

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	16	5,5	0	0	0	2	6	6	2
3	Tiến sĩ khoa học	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	89	30,7	50	39	0	38	37	14	0
5	Thạc sĩ	185	63,8	77	108	3	114	57	11	0
6	Đại học	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	**290**	**100**	**127**	**147**	**3**	**154**	**100**	**31**	**0**

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 36,2%.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 63,8%

19.5. Năm 2021

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
2	Phó Giáo sư	16	5,5	11	5	0	2	6	6	2
3	Tiến sĩ khoa học	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
4	Tiến sĩ	114	28,5	61	53	0	58	41	15	0
5	Thạc sĩ	166	56,0	70	96	6	100	53	7	0
6	Đại học	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
7	Cao đẳng	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
8	Trung cấp	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
9	Trình độ khác	0	0.0	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	**296**	**100**	**143**	**153**	**6**	**160**	**100**	**28**	**2**

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 40 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 43,9%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 56,1%.

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

20.1. Năm 2017

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	10%	95%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	20%	5%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	20%	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	20%	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	30%	0
	Tổng	100%	100%

20.2. Năm 2018

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	20%	95%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	20%	5%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	20%	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	20%	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	10%	0
	Tổng	100%	100%

20.3. Năm 2019

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	20%	95%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	30%	5%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	20%	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	20%	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	10%	0
	Tổng	100%	100%

20.4. Năm 2020

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	20%	95%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	40%	5%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	20%	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	20%	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0	0
	Tổng	100%	100%

20.5. Năm 2021

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	30%	95%
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	40%	5%
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	20%	0
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	10%	0
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0-20% thời gian của công việc)	0%	0
	Tổng	100%	100%

III. Người học

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

21. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ chính quy**:

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Nghiên cứu sinh							
2017	0	0	0	0		0	0
2018	13	11	1.18	11		83.4	0
2019	10	10	1.00	10		68.1	0
2020	12	12	1.00	12		78.68	0

Đối tượng, thời gian (năm)	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
2021	24	22	1.09	22		80.4	0
2. Học viên cao học							
2017	426	229	1.86	228		13.35	0
2018	236	193	1.22	189		14.59	0
2019	404	393	1.03	378		14.92	7
2020	287	255	1.13	252		14.10	0
2021	394	327	1.20	321		16.03	0
3. Đại học							
2017	15554	2797	5.87	2611	17.25 – 23.25	21	
2018	23014	2720	9.21	2526	18 – 20.6	19.34	
2019	27221	3233	9.07	3080	15.56 – 22.8	21.05	
2020	30809	4689	9.48	3377	22.3 – 25.54	24.33	
2021	38219	4860	11.65	3195	25.25 – 26.46	25.82	
4. Cao đẳng							
2017							
2018							
2019							
2020							
2021							
5. Trung cấp							
2017							
2018							
2019							
2020							
2021							
6. Khác							
2017							
2018							
2019							
2020							
2021							

Số lượng người học hệ chính quy đang học tập tại CSGD: 14.023.

22. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ không chính quy**:

Năm	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
1. Đại học							
2017	435	320		259			0
2018	333	333		249			0
2019	275	226		188			0
2020	70	70		50			0
2021	180	174		131			0
2. Cao đẳng							
2017							
2018							
2019							
2020							
2021							
3. Trung cấp							
2017							
2018							
2019							
2020							
2021							
4. Khác							
2017							
2018							
2019							
2020							
2021							

23. Ký túc xá cho sinh viên:

Các tiêu chí	2017	2018	2019	2020	2021
1. Tổng diện tích phòng ở (m^2)	27740	27740	27740	27740	27740
2. Số lượng sinh viên	9886	10495	10634	12189	13255
3. Số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá	1200	1400	1300	1300	1200
4. Số lượng sinh viên được ở ký túc xá	2200	2178	2194	2194	2199
5. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m^2/người	12,6	12,7	12,6	12,6	12,6

24. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học:

	2017	2018	2019	2020	2021
Số lượng (người)	60	62	168	49	71
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	0,6%	0,6%	1,6%	0,4%	0,5%

25. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ	10	16	11	13	15
2. Học viên tốt nghiệp cao học	269	428	283	546	103
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:	2308	1986	3245	1810	1867
Hệ chính quy	1520	1615	2858	1721	1689
Hệ không chính quy	518	371	387	89	178
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	106	0	0	0	0
Hệ không chính quy	0	0	0	0	0
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy					
Hệ không chính quy					
6. Khác…					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	2018	2019	2020	2021
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	1520	1615	2858	1721	1689
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	1520/2611 = 58.2%	1615/2526 =63.9%	2858/3080 =92.9%	1721/3377 = 50.9%	1689/3195 = 52.9
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1a. Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những **kiến thức** cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	8,9%	7,3%	9,8%	7,1%	13,6%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**
3.1b. Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những **kỹ năng** cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	5,9%	5,4%	7,1%	5,2%	10,6%
3.2a. Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* **kiến thức** cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	79,2%	80,6%	79,3%	82,0%	85,9%
3.2b. Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* **kỹ năng** cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	74,5%	76,8%	77,3%	86,3%	88,8%
3.3a. Tỷ lệ sinh viên trả lời *KHÔNG* học được những **kiến thức** cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	11,9%	4,8%	7,1%	7,8%	0%
3.3b. Tỷ lệ sinh viên trả lời *KHÔNG* học được những **kỹ năng** cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp	19,6%	10,2%	9,8%	5,1%	0%
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp	78,3%	75,3%	70,3%	71,9%	85,67%

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2017	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)		23,1%	28,5%	28,1%	14,33%
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)	26,3%	0,3%	0,8%	1,56%	1,7%
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm	6-10	6-10	5-15	5-15	5-15
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)		9,33%	13,8%	10,42%	4,44%
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)		74,7%	69,0%	75,0%	91,1%
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)		16,0%	17,2%	14,6%	4,4%

Ghi chú:

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.

- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tự tạo được việc làm.

- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.

- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	20...	**20...**	**20...**	**20...**	**20...**
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)					
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)					

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	20...	**20...**	**20...**	**20...**	**20...**
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời *KHÔNG* học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp					
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)					
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)					
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm					
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2017	**2018**	**2019**	**2020**	**2021**	**Tổng số**
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	1	0	0	1

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
2	Đề tài cấp Bộ*	6	1	4	5	3	19
3	Đề tài cấp trường	24	16	13	13	23	89
	Tổng cộng	**30**	**17**	**18**	**18**	**26**	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ trên cán bộ cơ hữu năm 2021: 0,057=26/458

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của CSGD trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/ người)
1	**2017**	650	0,45	1,39
2	**2018**	700	0,28	1,58
3	**2019**	800	0,26	1,81
4	**2020**	1000	0,35	2,19
5	**2021**	1100	0,34	2,40

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	1	19	168	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	9	
Trên 6 đề tài	0	0	2	
Tổng số cán bộ tham gia	1	19	179	

* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Sách chuyên khảo	1	3	3	5	5	17
2	Sách giáo trình	5	2	0	2	3	12
3	Sách tham khảo	12	12	10	21	22	77
4	Sách hướng dẫn	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	**18**	**17**	**13**	**28**	**30**	**106**

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu năm 2021: 0,066 = 30/458

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	17	12	77	0

Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
Tổng số cán bộ tham gia	**17**	**12**	**29**	**0**

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:	39	62	76	90	139	406
	Danh mục ISI	6	8	32	54	58	158
	Danh mục Scopus	5	4	14	19	22	64
	Khác	14	21	30	29	64	158
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	149	177	181	255	316	1078
3	Tạp chí / tập san của cấp trường	0	0	0	0	0	0
	Tổng cộng	213	272	333	447	599	**1864**

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu năm 2021: 1,145 = 524,5/458

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	82	143	0
Từ 6 đến 10 bài báo	11	53	0
Từ 11 đến 15 bài báo	3	22	0
Trên 15 bài báo	0	10	0
Tổng số cán bộ tham gia	96	228	0

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		2017	2018	2019	2020	2021	Tổng số
1	Hội thảo quốc tế	31	55	86	40	80	292
2	Hội thảo trong nước	103	232	132	139	129	735
3	Hội thảo của trường	49	63	78	70	81	341
	Tổng cộng	183	350	296	249	290	

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu năm 2021: 0,633 = 290/458

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo của trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	120	51	117
Từ 6 đến 10 báo cáo	5	17	2
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	2	1
Trên 15 báo cáo	0	1	0
Tổng số cán bộ tham gia	125	71	120

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường)

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2017	
2018	
2019	
2020	
2021	

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	420	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
Tổng số sinh viên tham gia	0	0	420	

***** Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2. Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2017	2018	2019	2020	2021
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	15	11	4	9	6
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	0	0

V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

39. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m^2)	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	**96.000**	**96.000**		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường Trong đó	**47.253**	**47.253**		
2.1	*Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu*	38.179	38.179		
2.2	*Thư viện, trung tâm học liệu*	6.666	6.666		
2.3	*Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập*	2.408	2.408		

40. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo… sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách	Bản sách
Khối ngành I		
Khối ngành II		
Khối ngành III	36.195	277.407
Khối ngành IV	10.053	78.483
Khối ngành V		
Khối ngành VI		
Khối ngành VII		
Các môn chung		
Tổng	**46.248**	**355.890**

41. Tổng số thiết bị chính của trường:

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Phòng LAB 201 – 39 HN	1	Máy chiếu 01 bộ Máy tính 62 bộ Headphone 62 bộ Webcam 62 bộ Camera 04 bộ Hệ thống âm thanh 01 bộ Bảng từ, bàn ghế GV, SV Máy lạnh 04 bộ	Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	112	112		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
2	Phòng LAB 202–39 HN	1	Máy chiếu 01 bộ Máy tính 48 bộ Headphone 48 bộ Webcam 48 bộ Camera 04 bộ Hệ thống âm thanh 01 bộ Bảng từ, bàn ghế GV, SV Máy lạnh 03 bộ	Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	65	65		
3	Phòng LAB 203-39 HN	1	Máy chiếu 01 bộ Máy tính 18 bộ Headphone 18 bộ Webcam 18 bộ Camera 01 bộ Hệ thống âm thanh 01 bộ Bảng từ, bàn ghế GV, SV Máy lạnh 01 bộ	Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	30	30		
4	Phòng LAB 503–39 HN	1	Máy chiếu 01 bộ Máy tính 40 bộ Headphone 40 bộ Webcam 40 bộ Camera 04 bộ Hệ thống âm thanh 01 bộ Bảng từ, bàn ghế GV, SV Máy lạnh 03 bộ	Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	65	65		
5	Phòng LAB 201-GĐC	1	Máy chiếu 01 bộ Máy tính 60 bộ Headphone 60 bộ Webcam 60 bộ Camera 04 bộ Hệ thống âm thanh 01 bộ Bảng từ, bàn ghế GV, SV Máy lạnh 02 bộ	Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	110	110		
6	Phòng LAB 203-GĐC	1	Máy chiếu 01 bộ Máy tính 45 bộ	Sinh viên, học viên các hệ đào	100	100		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Headphone 45 bộ Webcam 45 bộ Camera 04 bộ Hệ thống âm thanh 01 bộ Bảng từ, bàn ghế GV, SV Máy lạnh 03 bộ	tạo của Trường				
7	Phòng LAB 204-GĐC	1	Máy chiếu 01 bộ Máy tính 45 bộ Headphone 45 bộ Webcam 45 bộ Camera 04 bộ Hệ thống âm thanh 01 bộ Bảng từ, bàn ghế GV, SV Máy lạnh 02 bộ	Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	100	100		
8	Phòng LAB 205-GĐC	1	Máy chiếu 01 bộ Máy tính 60 bộ Headphone 60 bộ Webcam 60 bộ Camera 04 bộ Hệ thống âm thanh 01 bộ Bảng từ, bàn ghế GV, SV Máy lạnh 02 bộ	Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	110	110		
9	Phòng LAB 206-GĐC	1	Máy chiếu 01 bộ Máy tính 40 bộ Headphone 40 bộ Webcam 40 bộ Camera 04 bộ Hệ thống âm thanh 01 bộ Bảng từ, bàn ghế GV, SV Máy lạnh 02 bộ	Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	100	100		
10	Phòng máy tính GĐC Trang thiết bị mỗi phòng	5	Máy chiếu 01 bộ /phòng Máy tính từ 40-60 bộ /phòng	Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	520	520		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
			Hệ thống âm thanh 01 bộ/phòng Bảng từ, bàn ghế GV, SV/ phòng Máy lạnh 02 bộ/ phòng					
11	Phòng máy tính thực hành nghiệp vụ NHTM	1	Máy chiếu 01 bộ Máy tính 20 bộ Hệ thống âm thanh 01 bộ Bảng từ, bàn ghế GV, SV Máy lạnh 03 bộ	Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	76	76		
12	Phòng thực hành (CLB khởi nghiệp)	1	Máy chiếu 01 bộ Máy tính 02 bộ Máy in 01 Bàn ghế làm việc 03 bộ Máy lạnh 03 bộ Bán ghế hội thảo 20 bộ	Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	140	140		
13	Nhà thi đấu đa năng	1	Khán đài, thiết bị giảng dạy TDTT Bóng rổ 01 bộ, cầu lông 03 bộ, bóng bàn 05 bộ	Sinh viên đại học chính quy	1.444	1.444		
14	Hội trường lớn 900 chỗ	1	Màn hình LED 03 bộ Hệ thống âm thanh 02 bộ Hệ thống máy lạnh trung tâm 01 bộ Ghế hội trường 900 cái	Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	2.167	2.167		
15	Hội trường 100 chỗ	1	Máy chiếu 03 bộ Hệ thống âm thanh 01 bộ Máy lạnh trung tâm 10 bộ Bàn, ghế hội trường 100 bộ	Cán bộ, Giảng viên, viên chức và Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	180	180		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
16	Phòng họp 20 chỗ	2	Máy chiếu 01 bộ Hệ thống hội nghị truyền hình 01 bộ Hệ thống âm thanh 01 bộ Máy lạnh trung tâm 2 bộ Bàn, ghế hội nghị 20 bộ	Cán bộ, Giảng viên, viên chức và Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	120	120		
17	Phòng bảo vệ Luận án	1	Máy chiếu 01 bộ Màn hình 75 inch 01 bộ Hệ thống âm thanh 01 bộ Máy lạnh trung tâm 2 bộ Bàn, ghế hội nghị 16 bộ	Cán bộ, Giảng viên, viên chức và Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	43	43		
18	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	4	Máy chiếu, bàn ghế GV, sinh viên, hệ thống âm thanh, máy lạnh	Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	2.000	2.000		
19	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	97	Máy chiếu, bàn ghế GV, sinh viên, hệ thống âm thanh, máy lạnh	Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	26.670	26.670		
20	Số phòng học dưới 50 chỗ	37	Máy chiếu, bàn ghế GV, sinh viên, hệ thống âm thanh, máy lạnh	Sinh viên, học viên các hệ đào tạo của Trường	4.139	4.139		
	Tổng	**160**			**38.291**	**38.291**		

42. Tổng kinh phí từ các nguồn thu của trường trong 5 năm gần đây:

- Năm 2017: 156.322 trđ
- Năm 2018: 244.446 trđ
- Năm 2019: 312.430 trđ
- Năm 2020: 280.830 trđ
- Năm 2021: 321.301 trđ

43. Tổng thu học phí (chỉ tính hệ chính quy) trong 5 năm gần đây:

- Năm 2017: 118 tỷ đồng

- Năm 2018: 132 tỷ đồng
- Năm 2019: 184 tỷ đồng
- Năm 2020: 162 tỷ đồng
- Năm 2021: 214 tỷ đồng

44. Tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

- Năm 2017: 2.352 trđ
- Năm 2018: 2.580 trđ
- Năm 2019: 2.200 trđ
- Năm 2020: 1.202 trđ
- Năm 2021: 2.160 trđ

45. Tổng thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng

- Năm 2017: 650trđ
- Năm 2018: 700trđ
- Năm 2019: 800trđ
- Năm 2020: 1000trđ
- Năm 2021: 1100trđ

46. Tổng chi cho hoạt động đào tạo

- Năm 2017: 76.987 tỷ đồng
- Năm 2018: 76.671 tỷ đồng
- Năm 2019: 86.562 tỷ đồng
- Năm 2020: 91.545 tỷ đồng
- Năm 2021: 82.300 tỷ đồng

47. Tổng chi cho phát triển đội ngũ

- Năm 2017: 1.089 tỷ đồng
- Năm 2018: 1.143 tỷ đồng
- Năm 2019: 954 tỷ đồng
- Năm 2020: 1.085 tỷ đồng
- Năm 2021: 974 tỷ đồng

48. Tổng chi cho hoạt động kết nối doanh nghiệp, tư vấn và hỗ trợ việc làm

- Năm 2017: 2.158 tỷ đồng
- Năm 2018: 3.722 tỷ đồng
- Năm 2019: 3.540 tỷ đồng
- Năm 2020: 6.593 tỷ đồng
- Năm 2021: 8.487 tỷ đồng

VI. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

TT	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài		Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo TĐG lần 1	Năm cập nhật báo cáo TĐG	Tên tổ chức đánh giá	Tháng /năm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá của Hội đồng KĐCL GD	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị đến
1	Cơ sở giáo dục	VBHN số 06/VBHN-BGDĐT	2009	2014, 2017	VNU-CEA	8/2017	85,25%	16/12/2017	15/12/2022
2	Chương trình đào tạo Tài chính	AUN-QA	2019	2019	AUN-QA	2019	Đạt	25/5/2019	24/5/2024
3	Chương trình đào tạo Ngân hàng	AUN-QA	2019	2019	AUN-QA	2019	Đạt	25/5/2019	24/5/2024
4	Chương trình đào tạo Cử nhân Kế toán	AUN-QA	2022	2022	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	24/4/2027
5	Chương trình đào tạo Cử nhân Kinh tế Quốc tế	AUN-QA	2022	2022	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	24/4/2027
6	Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh	AUN-QA	2022	2022	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	24/4/2027
7	Chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng	AUN-QA	2022	2022	AUN-QA	2022	Đạt	25/4/2022	24/4/2027

VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 296

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 64,6%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 43,9%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 56,1%

2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 13255

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 31,3 = 13834/442

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 52,9%

3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những **kiến thức** cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 13,6

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những **kỹ năng** cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 10,6

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* **kiến thức** cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 85,9

Tỷ lệ sinh viên trả lời *chỉ học được một phần* **kỹ năng** cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 88,8

4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả sinh viên chưa có việc làm học tập nâng cao (%): 85,7

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 14,3

Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số sinh viên có việc làm (%): 1,7

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 5-15

5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 4,44.

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 91,11

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 0,057= 26/458

Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 2,4 triệu VNĐ/người

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 0,065 = 30/458

Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: 1,307 = 599/458

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 0,633 = 290/458

7. Cơ sở vật chất (*số liệu năm cuối kỳ đánh giá*):

Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy: 3,5 = 47253/13255

Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên sinh viên chính quy: 0,167 = 2216/13255

8. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

❖ Cấp cơ sở giáo dục:

- Thời gian đánh giá: 8/2017
- Tổ chức đánh giá: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc gia TP. HCM.
- Hiệu lực giấy chứng nhận: 15/12/2022.

❖ Cấp chương trình đào tạo: 6 chương trình đào tạo

STT	Tên CTĐT	Tổ chức kiểm định	Thời gian đánh giá	Hiệu lực của giấy chứng nhận
1	Chương trình đào tạo Tài chính	AUN-QA	4/2019	24/5/2024
2	Chương trình đào tạo Ngân hàng	AUN-QA	4/2019	24/5/2024
3	Chương trình đào tạo Cử nhân Kế toán	AUN-QA	3/2022	24/4/2027
4	Chương trình đào tạo Cử nhân Kinh tế Quốc tế	AUN-QA	3/2022	24/4/2027
5	Chương trình đào tạo Cử nhân Quản trị kinh doanh	AUN-QA	3/2022	24/4/2027
6	Chương trình đào tạo Thạc sĩ Tài chính – Ngân hàng	AUN-QA	3/2022	24/4/2027